

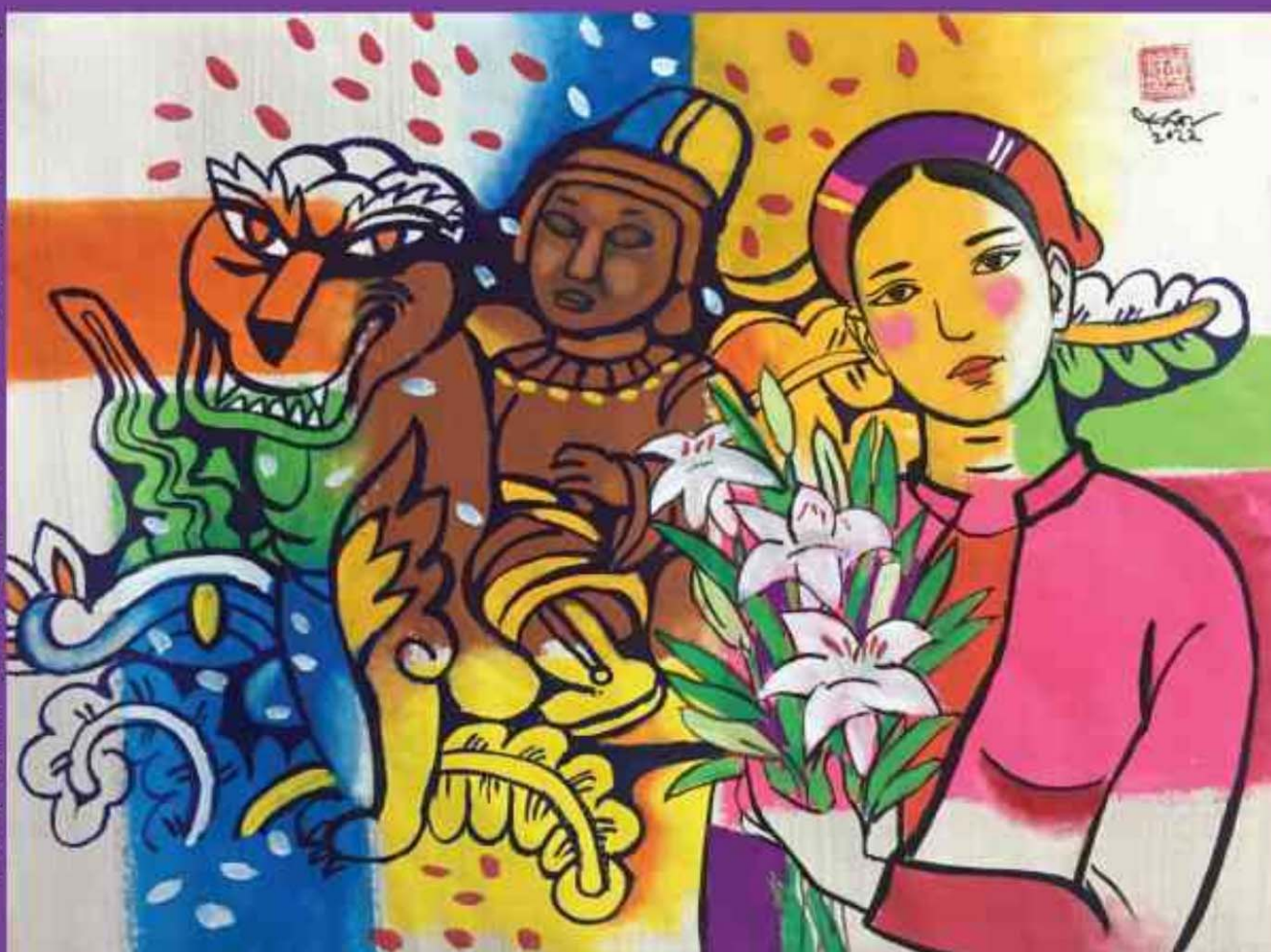
Tạp chí

SÔNG LAM

HỘI LIÊN HIỆP VĂN HỌC NGHỆ THUẬT NGHỆ AN

Số 22 (tháng 4/2022)

TẠP CHÍ SÔNG LAM - SỐ 22 (THÁNG 04 / 2022)





Núi Hồng sông Lam (sơn dầu) - TẠ TÂM



Vũ điệu vùng cao (phù điêu gỗ) - BÁ SIÊU



Chân dung nghệ sỹ (sơn dầu) - TRỌNG HIỆP



Đón mẹ về (sơn dầu)
HOÀNG MINH PHƯƠNG



Sắc xuân (tranh độc bản) - ĐÌNH TRUYỀN



Tiếng gọi rừng chiều (sơn dầu) - HẢI THỌ



QUẢNG TRƯỜNG HỒ CHÍ MINH VÀ TƯỢNG ĐÀI BÁC HỒ

Công trình sống mãi giữa lòng dân

NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG^[1]

Gần 20 năm xây dựng và phát triển, được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và của tỉnh; sự giúp đỡ của các cấp, các ngành cùng với sự nỗ lực phấn đấu của các thế hệ lãnh đạo, cán bộ, viên chức và người lao động, Quảng trường Hồ Chí Minh và Tượng đài Bác Hồ ngày càng được chỉnh trang, gìn giữ và phát huy các giá trị Di sản Văn hóa Hồ Chí Minh. Gần 20 năm - một chặng đường không phải quá dài đối với một công trình lịch sử danh nhân nhưng đủ để khẳng định Quảng trường Hồ Chí Minh và Tượng đài Bác Hồ không chỉ là nơi sinh hoạt văn hóa của nhân dân thành phố Vinh nói riêng, tỉnh Nghệ An nói chung mà còn là không gian tôn nghiêm, thiêng liêng, góp phần bồi đắp, hun đúc lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc, những phẩm chất tốt đẹp của con người Việt Nam noi theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Công trình gắn với đời sống và sinh hoạt văn hóa tỉnh nhà

Quảng trường Hồ Chí Minh và Tượng đài Bác Hồ là một công trình văn hóa - chính trị mang tầm cỡ quốc gia, là một tác phẩm có giá trị tư tưởng và nghệ thuật, thể hiện tình cảm thiêng liêng và lòng biết ơn vô hạn của Đảng bộ, Nhân dân Nghệ An nói riêng và Nhân dân cả nước nói chung đối với lãnh tụ - Hồ Chí Minh. Cùng với gần 700 di tích, công trình, địa điểm lưu niệm về Chủ tịch Hồ Chí Minh trên mọi miền Tổ quốc, Quảng trường Hồ Chí Minh

1. Trưởng BQL Quảng trường Hồ Chí Minh và Tượng đài Bác Hồ

và Tượng đài Bác Hồ là nơi tuyên truyền, giữ gìn và phát huy giá trị tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; là địa điểm trang trọng, lý tưởng, là nơi hội tụ trái tim và tình cảm của đồng bào, đồng chí trong cả nước và là nơi diễn ra những sự kiện chính trị lớn, những buổi biểu diễn nghệ thuật đặc sắc, nơi tổ chức các buổi sinh hoạt chính trị, dâng hoa, báo công tưởng niệm với tấm lòng thành kính của nhân dân cũng như các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các bộ, ban ngành Trung ương và bạn bè quốc tế khi hành hương về thăm quê Bác.

Đi qua thời gian, Ngoài ý nghĩa to lớn về văn hóa, chính trị, Quảng trường Hồ Chí Minh và Tượng đài Bác Hồ đã trở thành một phần thiết yếu, tự nhiên, không thể tách rời đối với cuộc sống của nhân dân tỉnh Nghệ An nói chung và thành phố Vinh nói riêng. Quảng trường là địa danh tôn nghiêm, được các trường học, cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh chọn làm điểm đến tổ chức tham quan học tập kết hợp với sinh hoạt chính trị, là nơi cử hành các lễ nghi quan trọng của tổ chức như lễ kết nạp Đảng, kết nạp Đoàn, kết nạp Đội. Đây không chỉ là điểm đến linh thiêng, tôn nghiêm mà còn là điểm đến vô cùng gần gũi, mang lại hạnh phúc cho người dân. Vào mỗi buổi sáng, buổi chiều, buổi tối, người dân thành phố Vinh lại đến Quảng trường để sinh hoạt thể dục thể thao, vui chơi, giải trí. Mỗi dịp đến với Quảng trường, du khách và nhân dân được hoà mình vào trong không gian văn hóa đặc sắc, thấm đẫm các giá trị văn hoá của vùng quê xứ Nghệ và cũng là dịp để hiểu hơn về một thành phố Vinh phát triển hiện đại, tươi mới và đầy sức sống.

Hiện nay, hình ảnh Quảng trường Hồ Chí Minh và Tượng đài Bác Hồ xuất hiện nhiều trong các video quảng bá, khám phá xứ Nghệ; trên các phương tiện thông tin đại chúng, các trang mạng xã hội. Khi gõ cụm từ này tìm kiếm trên Google, chúng ta sẽ có khoảng 9.130.000 kết quả (0,57 giây). Điều đó chứng tỏ sức lan tỏa của công trình này trên phạm vi cả nước và dường như bất cứ ai ghé thăm xứ Nghệ đều muốn dừng chân nơi đây.

Những đóng góp thầm lặng trong gìn giữ, phát huy giá trị công trình

Trải qua gần 20 năm phát huy giá trị công trình, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Sở Văn hóa và Thể thao Nghệ An, Ban Quản lý Quảng trường Hồ Chí Minh đã hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ chính trị mà Đảng, Nhà nước và Nhân dân giao phó. Đến Quảng trường Hồ Chí Minh và Tượng đài Bác Hồ, du khách sẽ được đắm mình trong cảnh quan, trong khuôn viên trang nghiêm, môi trường luôn xanh - sạch - đẹp. Có thể nói rằng, mỗi hạng mục, mỗi cảnh vật, mỗi loài cây, mỗi thảm cỏ, mỗi loài hoa ở nơi đây đều mang những ý nghĩa, thông điệp cao đẹp, sâu xa gắn với những bài học quý báu của Chủ tịch Hồ Chí Minh về tình yêu thiên nhiên, thương yêu con người; cách ứng xử với thiên nhiên, bảo vệ và nâng cao chất lượng môi trường sống.

Ban Quản lý Quảng trường Hồ Chí Minh và Tượng đài Bác Hồ được thành lập với chức năng quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị của công trình; tổ chức và phục vụ các sự kiện chính trị, văn hóa, xã hội; tổ chức các hoạt động dịch vụ có thu theo quy định của pháp luật. Bên cạnh việc đảm nhận các công tác chuyên môn, Ban quản lý công trình còn phải đảm nhận nhiệm vụ trùng tu, duy tu, sửa chữa bảo đảm các hạng mục công trình lâu bền, gìn giữ cảnh quan, vệ sinh môi trường; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan để bảo vệ an toàn các hạng mục công trình, giữ gìn an ninh trật tự; quản lý việc trồng và chăm sóc bồn hoa, thảm cỏ, cây xanh trong khuôn viên...

Nhận thức đầy đủ về giá trị đặc biệt và nhiệm vụ chính trị của mình, tập thể ban lãnh đạo luôn đổi mới trong quản lý, chỉ đạo điều hành; cán bộ, viên chức và người lao động không quản ngại khó khăn, vất vả, tận tụy với công việc, giữ gìn và phát huy giá trị công trình qua các hoạt động chính trị - văn hóa - xã hội. Không kể ngày thứ Bảy, Chủ nhật, càng vào dịp cuối tuần hay các ngày lễ tết lại càng cần đầy đủ, nghiêm chỉnh về quân số, tác phong, vững vàng trong chuyên môn để thực hiện các nhiệm vụ chính trị được giao. Mỗi năm Quảng trường Hồ Chí Minh và Tượng đài Bác Hồ đón tiếp và phục vụ 3,6 triệu lượt khách tham quan trong và ngoài nước, trong đó, hướng dẫn, thuyết minh, dâng hoa tưởng niệm và đón tiếp khách tham quan cho 1.099 đoàn/ 24.800 lượt người. Những con số nêu trên đã khẳng định: Quảng trường Hồ Chí Minh và Tượng đài Bác Hồ trở thành điểm hẹn thân thiết, nơi hành hương của đồng bào, đồng chí cả nước, của bạn bè quốc tế mỗi khi về với Nghệ An - Quê hương Chủ tịch Hồ Chí Minh.

(Xem tiếp trang 31)

Sông Lam

Số 22 (Tháng 04 / 2022)

- Tổng biên tập:
PHẠM THÙY VINH
- Phó tổng Biên tập:
ĐÀO THỊ THUY HOA
- Thư ký tòa soạn:
ĐÀM QUỲNH NGỌC

• Tòa soạn:
Số 6, Đào Tấn, TP. Vinh, Nghệ An
ĐT: (0238) 3.833.261 / 3.599.018
Email: tapchisonglam@gmail.com
Website: tapchisonglam.vn
Tài khoản: 3713.0.1068208.00000
Kho bạc Nhà nước tỉnh Nghệ An

Giấy phép hoạt động báo chí số:
149/GP-BTTTT ngày 22/3/2022.
In tại Công ty CP In Nghệ An - 216
Trần Phú, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An

Mã số đặt mua Tạp chí

Sông Lam

qua bưu điện: B 18.2

Giá: 30.000 đ

MỤC LỤC

- **THỜI LỰN**
BÙI ĐỨC THỌ: Nghĩ cạnh ngày vui.....5
- **NHÂN VẬT VÀ ĐỐI THOẠI**
NGUYỄN QUANG THIẾU: Vì sao chúng ta viết?.....9
- **SUY NGẪM - Ý KIẾN**
THÁI QUYNH: Vẻ đẹp của những mảnh vỡ13
- **KÝ**
THÙY VINH - BÙI HẢO: Một Cửa Lò thăm thăm (tr.16) • VI HỢI: Quê tôi miền thổ cẩm (tr.22)
- **TRUYỆN NGẮN**
HỒ ANH THÁI: Mỗi người rẽ về một lối (tr.27) • HỒ NGỌC QUANG: Mỵ tôi (tr.32)
• NHẬT THÀNH: Nhà hàng xóm sau lưng (tr.44) • ĐÌNH THANH QUANG: Bài đôi (tr.53) • NGUYỄN THỊ THU HUỆ: Ngoài vùng phủ sóng (tr.61) • NGUYỄN MAI ANH: Truyện kể Ước Trai (tr.65)
- **THƠ - NHẠC**
THẠCH QUỲ: Đông Hối - Bài thơ tình yêu (tr.70) • NGUYỄN HÙNG VỸ: Mẹ (tr.70)
• CAO XUÂN THUỖNG: Dấu lặng (tr.71) • LAM HẢ: Cuối Giêng (tr.71) • TRƯỞNG PHƯỢNG: Tiểu khúc những ngày buồn như bụi mịn - Đôi khi như là gió (tr.72) • NGUYỄN THỊ HẰNG: Miền ký ức (tr.73) • NGUYỄN VĂN SONG: Nhớ Tết (tr.73) • PHÚC HOÀNG: Đêm nghiêng (tr.74) • PHƯƠNG VIỆT: Đôi khi (tr.74) • NGUYỄN QUANG HƯNG: Gọi vào phố cũ - Nhòa thật (tr.75) • PHẠM HỒ THU: Thiên đa nguyên (tr.76) • TRẦN KHOA VÂN: Cỏ trảm tích - Trò chơi (tr.78) • VƯƠNG LONG: Ở đây chiều lẻ (tr.79) • TRẦN NHẬT MINH: Sài Gòn - Mờ (tr.80) • TRƯỞNG THIẾU HUYỀN: Ngữ pháp xanh - Báo động (tr.81) • HỒ KHẢI HOÀN: Một nửa (tr.81) • VÕ NGỌC SƠN: Phút hoàng hôn (tr.82) • VŨ TRỌNG THÁI: Tháng Tư (tr.82) • NGUYỄN HÙNG - ĐẶNG TRUNG: Chiều nghiêng Cửa Lò (tr.83) • NGUYỄN KHẮC AN - NGÔ THỰC KHUYẾN: Đầy với một cung đường (tr.84)
- **TẠP VĂN**
HỒ THỊ NGỌC HOÀI: Lăn theo nắng gió.....85
- **ĐẤT NGHỆ - NGƯỜI NGHỆ**
ĐÀO TAM TÍNH: Cầu đá Quan Thành, Yên Thành qua Thạch kiều Rộc gia truyền ca...89
- **CÁC EM VIẾT - VIẾT CHO CÁC EM**
NGUYỄN TRỌNG TUẤT: Mây (tr.95) • LÊ HOÀNG: Nói chuyện cỏ (tr.95)
- **KÝ SỰ NHÂN VẬT**
ĐẶNG THIẾN SƠN: Nhạc sỹ Hồng Đăng - một đời tài hoa96
- **ĐỌC VÀ NGẪM**
HỮU BẰNG SƠN: Thấy bói xem voi99
- **NGHIÊN CỨU PHÊ BÌNH**
PHONG LÊ: Hoài Thanh trước 1945: Con đường đi đến Thi nhân Việt Nam (tr.100)
• NGUYỄN THỊ QUỲNH PHƯƠNG: Phát triển văn học cho thiếu nhi: một vài suy ngẫm (tr.110)
- **TÁC PHẨM MỚI**
VŨ TOÀN: Cuốn tự truyện đầu tiên về ảo mộng cần sa ở xứ người.....113

■ **NHÀ VĂN & TÁC PHẨM**

MAI NAM THẮNG: Tháng Tư, hoa loa kèn... 117

■ **CỬA LÒ - ĐIỂM ĐẾN**

TRÌNH VÂN: Về Nghi Thủy (tr.120) • LÂM THY: Linh thiêng đền Làng Hiếu (tr.126)
• ĐÀO THÚY HOA: Mắt ngọc làng chài (tr.130) • LÊ NHUNG: Ấn tượng về một làng chài (tr.134) • TRẦN HỮU VINH: Những giọt thơm màu hổ phách (tr.139)

■ **VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI**

THÚY HẠNH (dịch): Thơ Âu Dương Giang Hà 144

■ **MỸ THUẬT: TẠ TÂM, HỒ THIẾT TRINH, PHAN TẮT LÀNH, TRẦN MINH CHÂU, HOÀNG HẢI THỌ, HỮU TUẤN, ĐÌNH TRUYỀN, ĐẬU QUANG TOÀN, HOÀNG MINH PHƯƠNG, BÀ SIẾU, TRỌNG HIỆP**

■ **ẢNH: HỒ CHIẾN, XUÂN THỦY, BÙI HÀO, NGUYỄN MAI, HÀ AN, HỒ NHẬT THANH, HỒ ĐÌNH CHIẾN, DUY SƠN, PHAN TẮT LÀNH, TRỌNG SÁCH, CAO ĐÔNG, VÕ KHÁNH, HẢI VƯƠNG.**

■ **BÌA 1: NGÔ XUÂN KHÔI: Tháng Tư • BÌA 3: NGUYỄN ĐẠO, NHẬT THANH, DUY SƠN, QUỐC ĐÀN, TUẤN ANH • BÌA 4: QUANG DŨNG, NHẬT THANH, THANH YÊN, HỒ CHIẾN, DUY SƠN, TRỌNG SÁCH.**

Thư Sông Lam

Một ngày qua phố, chợt nhiên thấy giạt mình vì hàng ngàn mắt lá, mới hôm qua còn đang lấm tấm xanh trên thân cành thì hôm nay đã nhún nhảy reo vui với nắng non và gió mát. Thế là đã qua ngày mưa dầm rét nước để tháng Tư đến với bao rạng rỡ, tinh khôi.

Mùa Xuân đã lướt qua, để những thanh âm đầu tiên của mùa Hạ vang lên nhắc nhở chúng ta về thời gian. Là tiếng của dòng sông chững như náo nức, tiếng ve đi lạc dưới vòm cây ban mai, tiếng của những đóa loa kèn mở cánh... Và dòng người đổ ra từ những ngã đường giờ tan tằm nhắc rằng chúng ta đã trở về với nhịp sống “bình thường mới”. Chẳng phải, chỉ mới ít tháng trước đây thôi, chúng ta đã mơ về cái nhịp “bình thường mới” này đó sao?

Có những giá trị chúng ta đã nhận ra sau cả quãng dài vô tình quên lãng, vô tình đánh mất. Có những giá trị chúng ta nhận ra sau mất mát, sai lầm. Và có những giá trị chúng ta nhận ra sau bao nhiêu máu xương và nước mắt... Tháng Tư cũng nhắc chúng ta về giá trị của Độc lập và Thống nhất mà dân tộc chúng ta đã giành được sau bao năm tháng chia cắt đau thương.

Tạp chí Sông Lam số đặc biệt dành cho tháng Tư mong mọi sẽ đem lại cho bạn đọc những cảm nhận về thời gian, về lịch sử và cả những ngày “bình thường” đã trở lại trong dòng chảy bất tận của cuộc sống chúng ta.

BBT TẠP CHÍ SÔNG LAM

Nghĩ cạnh ngày vui

BÙI ĐỨC THỌ

Chặt Buôn Mê Thuật, rụng cả Tây Nguyên/ Quét Huế - Thừa Thiên, đổ nhào Đà Nẵng/ Và Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên... / Và Phan Thiết, Phan Rang, Đà Lạt, Nha Trang... Ôi, buổi trưa nay, tuyết trần nắng đẹp/ Bác Hồ ơi! Toàn thắng về ta/ Chúng con đến, xanh ngời ánh thép/ Thành phố tên Người lộng lẫy cờ hoa...

Đó là khí thế ngút trời “trúc chẻ tro bay” trong chiến dịch Hồ Chí Minh mùa Xuân năm 1975, là tiếng reo vui của cả dân tộc trong ngày toàn thắng trưa 30-4 năm ấy, được nhà thơ Tố Hữu ghi lại trong bài thơ *Toàn thắng về ta* công bố chỉ sau đó 1 ngày. Bao nhiêu tháng năm trường kỳ kháng chiến gian khổ, bao nhiêu máu xương đồng chí, đồng bào để có ngày hôm nay. Đất nước từ đây sạch bóng quân thù, non sông thu về một mối, Bắc - Nam liền một dải... Thắng giặc Mỹ xâm lược là đánh thắng một đế quốc giàu mạnh bậc nhất thế giới, thì còn có thể lực nào ngăn cản Việt Nam “hóa rồng, hóa hổ”? Như đoạn kết bài thơ trên đây: *Chúng con sẽ gấp trăm lần mạnh/ Đứng gác biển trời tươi mát màu lam...*

Hóa ra không hẳn thế! Và chẳng phải đợi đến hôm nay nhìn lại, mà chỉ hơn một năm sau đó, chính nhà thơ Tố Hữu đã phải điềm tĩnh viết trong bài thơ “Một khúc ca Xuân”: *Chớ say sưa, nhiều việc phải làm!*

1. Vâng, quả là quá nhiều việc phải làm! Bởi sau đại thắng mùa Xuân năm 1975, là giai đoạn đất nước chồng chất khó khăn, thách thức: hậu quả nặng nề và toàn diện sau mấy chục năm chiến tranh; cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc ở hai đầu đất nước; cuộc chiến đấu giúp nước bạn thoát họa diệt chủng; sự bao vây cấm vận của các thế lực thù địch... Và đặc biệt là những yếu kém, ấu trĩ, rập khuôn trong tư duy kinh tế và quản lý xã hội, mà đỉnh điểm là những hệ lụy trong việc

xử lý mối quan hệ giá - lương - tiền những năm đầu thập niên 80 của thế kỷ XX, khiến đất nước như lên cơn sốt với “tốc độ phi mã” của lạm phát, trượt giá... cùng những tiêu cực xã hội và sự li tán lòng người...

Đúng lúc ấy, như một sự “bùng nổ” tất yếu, công cuộc Đổi mới do Đảng ta phát động, với khẩu trương “Những việc cần làm ngay!” và tinh thần “Hãy tự cứu mình trước khi trời cứu” đã được toàn dân háo hức đón nhận. Tuy nhiên, quá trình đổi mới tư duy để đổi mới cơ chế quản lý kinh tế và quản lý xã hội là một cuộc chiến đấu không kém phần gay go quyết liệt. Bởi đó trước hết là cuộc chiến đấu để vượt qua chính mình, để tấn công vào những định kiến già cỗi trong ý thức và tiềm thức của dân tộc mấy chục năm chiến tranh và hậu chiến tranh.

Và công cuộc Đổi mới đã đạt được những kết quả hết sức to lớn. Tuy nhiên, bên cạnh đó, công cuộc đổi mới đất nước hơn ba chục năm qua vẫn còn không ít những tồn tại, hạn chế. Đặc biệt, 4 nguy cơ mà Đảng ta đã nhận thức và chỉ ra từ những năm cuối của thế kỷ trước, đến nay vẫn tồn tại, có mặt diễn biến phức tạp hơn; như nguy cơ “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch với những thủ đoạn mới, cùng những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” của một bộ phận cán bộ, đảng viên. Cuộc đấu tranh phòng và chống “quốc nạn” tham nhũng cùng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng mặc dù đã được tiến hành hết sức quyết liệt, nghiêm minh và đã thu được những kết quả đáng ghi nhận, bước đầu củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước, nhưng vẫn còn vô cùng gian nan phức tạp.

2. Quá trình vận động cách mạng cũng như một dòng sông, nó luôn chảy, luôn phải tiến lên phía trước và luôn phải vượt qua mọi thác ghềnh trở ngại. Trước khi có đại dịch Covid-19, mặc dù phải đương đầu với không ít khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu... và những tác động bất lợi của môi trường xã hội; cùng đó là những diễn biến phức tạp của tình hình quốc tế và khu vực... nhưng đất nước ta vẫn tiếp tục ổn định và phát triển. Tình hình kinh tế - xã hội tiếp tục đạt những kết quả khá toàn diện. Đời sống của nhân dân trên mọi miền đất nước đều chuyển biến rõ nét. Quốc phòng - an ninh được giữ vững. Thế và lực của nước ta không ngừng được củng cố và nâng cao. Năm 2019, các tổ chức tài chính uy tín quốc tế xếp Việt Nam đứng thứ 8 trong số các nền kinh tế tốt nhất thế giới để đầu tư làm ăn...

“Đất nước ta chưa bao giờ có được tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay!”. Đó là điều không chỉ chúng ta tự hào nhìn nhận, mà còn là sự thật được bạn bè quốc tế công nhận. Năm 2015, Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) đã công bố báo cáo cho biết: Từ năm 2006, Việt Nam đã hoàn thành “Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ về xóa nghèo”, về đích trước gần 10 năm so với thời hạn của UNDP đề ra. Đặc biệt, qua đại dịch COVID-19, càng thể hiện rõ bản lĩnh kiên cường và tinh thần đoàn kết của dân tộc Việt Nam. Vượt qua buổi đầu “chống dịch như chống giặc” kiểu “chiến tranh nhân dân” vì còn thiếu thốn kỹ thuật và kinh nghiệm, Đảng và Nhà nước ta đã sớm chuyển hướng chỉ đạo

theo phương châm “5K + Vaccine”, quyết liệt triển khai chiến lược vaccine với quyết tâm “đi sau về trước”, trở thành 1 trong 6 nước có độ bao phủ vaccine cao nhất thế giới. Mới đây tại Hà Nội, trong buổi làm việc với Thủ tướng Phạm Minh Chính, các ông Takeshi Kasai (Giám đốc khu vực Tây Thái Bình Dương của Tổ chức WHO) và ông Kidong Park (Trưởng đại diện WHO tại Việt Nam) đã đánh giá rất cao những kết quả trên đây của Việt Nam.

Mặc dù dịch bệnh vẫn diễn biến khó lường với các biến thể mới có tốc độ lây lan rất nhanh, nhưng với độ bao phủ vaccine cao, nước ta vẫn bình tĩnh chuyển phương châm chống dịch sang “thích ứng an toàn”, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả; đồng thời tập trung tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, tạo điều kiện phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong quý 4-2021 đạt trên 5%, góp phần đưa GDP cả năm đạt 2,58%, cao hơn năm 2020. Với kim ngạch xuất nhập khẩu gần 670 tỷ USD, Việt Nam đang thuộc nhóm 20 nước có quy mô thương mại lớn nhất thế giới. Trong bản Cập nhật kinh tế vĩ mô Việt Nam tháng 2-2022, Ngân hàng Thế giới (WB) nhận định: Tăng trưởng xuất - nhập khẩu là gam màu sáng nhất trong bức tranh kinh tế Việt Nam năm 2021. Bước sang năm 2022, nền kinh tế này có nhiều tín hiệu tích cực. Chỉ số sản xuất công nghiệp tiếp tục tăng; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng so với cùng kỳ năm trước lần đầu tiên ghi nhận tăng trưởng dương kể từ khi đại dịch bắt đầu... Nhiều tổ chức quốc tế uy tín cũng đều đánh giá Việt Nam có khả năng phục hồi trở lại cao ở mức 6% đến 6,5% vào năm 2022 trong bối cảnh mà dịch bệnh được kiểm soát, tỷ lệ tiêm chủng được phủ rộng và biến chủng mới Omicron không gây ra nhiều thiệt hại đối với nền kinh tế...

3. Đặc biệt là vừa lãnh đạo chống dịch thành công, vừa triển khai các giải pháp thích ứng linh hoạt để khôi phục nền kinh tế tăng trưởng hiệu quả, Đảng ta vừa tiếp tục đẩy mạnh công cuộc xây dựng chính đồn Đảng, quyết liệt đấu tranh chống tham nhũng và suy thoái về đạo đức, tư tưởng, lối sống. “Lò lửa” chống giặc nội xâm vẫn rừng rực cháy, không có vùng cấm, không có ngoại lệ... Cùng với việc tiếp tục kêu gọi sự nêu gương, trước hết là nêu gương nói và nêu gương làm của cán bộ và đảng viên, nhất là cán bộ chủ trì và cán bộ cấp cao; Bộ Chính trị cũng ban hành Nghị quyết về khuyến khích và bảo vệ những cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Những ngày đầu năm 2022, Đảng, Nhà nước và các ngành chức năng đã có những biện pháp nghiêm khắc và cứng rắn đối với các hành vi tham nhũng, trục lợi, nâng khống giá vật tư xét nghiệm dịch bệnh, lũng đoạn thị trường đất đai và thị trường chứng khoán... Những chủ trương cụ thể, rõ việc, rõ người, sát cuộc sống... cùng những biện pháp xử lý kiên quyết, nghiêm minh như thế càng khiến các tầng lớp nhân dân thêm phần khởi, tin tưởng đối với Đảng, Nhà nước và chế độ.

Cùng với cuộc đấu tranh chống giặc “nội xâm”, toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta vẫn luôn luôn nâng cao cảnh giác với mọi âm mưu kích động, chống phá sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Ngày nay không còn là thời đại làm mưa làm gió của chủ nghĩa phát xít và chủ nghĩa thực dân, nhưng những biểu hiện

THỜI LUẬN

của chủ nghĩa cực đoan và tư tưởng bá quyền vẫn tồn tại ở nơi này nơi khác; châm ngòi cho những cuộc tranh chấp, xung đột; tiến hành những cuộc chiến tranh truyền thống và phi truyền thống ở những mức độ khác nhau. Và một nước Việt Nam độc lập, thống nhất, hòa bình, đang từng ngày phát triển... vẫn đang là mục tiêu chống phá của các âm mưu và thủ đoạn ấy.

Là một đất nước đã phải trải qua biết bao cuộc kháng chiến trường kỳ gian khổ để giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc, nhân dân Việt Nam hiểu rõ hơn ai hết sự khốc liệt của chiến tranh. Trong tâm trí của nhiều thế hệ người Việt còn in đậm hình ảnh những cuộc tàn cư chạy giặc lếch thếch, nháo nhác; những trận địch càn xóm làng dậy tiếng la hét hoảng loạn, rừng rực lửa cháy, nhà đổ; những trận mưa bom B52 rải thảm khiến trong chớp mắt làng mạc, phố xá, trường học, bệnh viện tan hoang... Những thảm cảnh đó đã lùi xa nhiều chục năm, nhưng di chứng của nó thì vẫn còn nhức nhối trong đời sống vật chất lẫn tinh thần của nhiều số phận, nhiều gia đình, nhiều thế hệ trên đất nước này, thống thiết nhắc nhở mỗi người về giá trị vô bờ bến của cuộc sống hòa bình hiện nay. Hạnh phúc nào hơn được sinh sống và làm ăn trên một đất nước yên ổn, hơn thế nữa là một đất nước yên ổn và đang từng bước đổi mới, phát triển như đất nước của chúng ta hiện nay?

“Việt Nam là bạn của tất cả các nước trên thế giới”. Đó là đường lối ngoại giao nhất quán trong công cuộc Đổi mới, hội nhập và phát triển đất nước của Đảng và Nhà nước ta. Truyền thống yêu chuộng hòa bình kết hợp với tư tưởng “Dĩ bất biến, ứng vạn biến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh dưới sự lãnh đạo của Đảng đã giúp đất nước ta vượt qua muôn trùng khó khăn thử thách do bao vây cấm vận, từng bước xây dựng kinh tế - xã hội; giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, trở thành một nhân tố ổn định trong khu vực và là thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế. Đó là thành quả vô giá mà toàn thể nhân dân Việt Nam quyết giữ gìn và phát huy.



Một hiền triết La Mã nói rằng: “Tất cả lịch sử là lịch sử đương đại”. Tức là, những giá trị của quá khứ luôn luôn song hành với thời đại chúng ta; như là cơm ăn, nước uống và tinh thần thời đại chúng ta đang sống. Theo đó, có thể nói những thành tựu toàn diện trên các lĩnh vực mà dân tộc ta đạt được trong sự nghiệp Đổi mới đất nước và hội nhập quốc tế mấy chục năm qua, nhất là những kết quả nổi bật trong công cuộc “chống dịch như chống giặc” mới đây, chính là những minh chứng sinh động của chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam trong kháng chiến cứu nước trước đây, đang được tiếp nối phát huy trong môi trường và điều kiện mới của cuộc sống hôm nay. Hiểu như thế để tin yêu hơn và trách nhiệm hơn trong việc giữ gìn, giáo dục và phát huy những giá trị lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước - những giá trị được đánh đổi bằng biết bao xương máu của lớp lớp đồng chí, đồng bào...



Nhà thơ Nguyễn Quang Thiều

Vì sao chúng ta viết?

■ Đảm nhận vai trò Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam nhiệm kỳ 2020-2025, nhà thơ Nguyễn Quang Thiều đã có một năm đầu tiên tất bật với các đổi mới cũng như xây dựng mục tiêu hướng đến sự phát triển lâu dài của Hội Nhà văn. Mặc dù khởi đầu nhiệm kỳ bằng một năm vướng nhiều khó khăn do đại dịch Covid - 19, nhưng từ các hoạt động sôi nổi cũng như các kế hoạch sắp tới, có thể thấy một nhiệm kỳ đầy thách thức cho vị tân Chủ tịch. Tạp chí Sông Lam đã có buổi trò chuyện đặc biệt với nhà thơ Nguyễn Quang Thiều về những dự định, mong mỏi về giá trị văn chương đối với cuộc sống, đặc biệt có những chia sẻ của nhà thơ về mảng đề tài chiến tranh - một đề tài nhận được rất nhiều quan tâm từ trước tới nay.

Kỳ vọng, khát vọng và những mối lo ngại

Thưa nhà văn Nguyễn Quang Thiều, với vị trí Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam, ông đánh giá một năm qua hoạt động của Hội đã đáp ứng được kỳ vọng của ông chưa và những điều còn tiếc vì chưa thực hiện được?

Những kế hoạch quan trọng của Hội Nhà văn không chỉ cho một nhiệm kỳ mà cho một tương lai lâu dài đã bắt đầu được triển khai trong một năm qua và có những dấu hiệu đáng mừng như chiến lược văn học thiếu nhi, giải thưởng Tác

giải trẻ, giải thưởng hàng năm và kết nạp hội viên. Một năm với tình hình Covid vô cùng phức tạp mà Hội Nhà văn vẫn vẫn khởi sự được những việc như vậy là một niềm vui. Chỉ tiếc một điều là giải thưởng *Tác giả trẻ* lần đầu tiên chưa được trọn vẹn bởi một tác phẩm liên quan đến vấn đề bản quyền vẫn còn đang được các cơ quan có trách nhiệm xem xét.

Văn học trẻ đã có những khởi sắc trong năm vừa rồi nhưng vẫn còn nhiều lo ngại cho sự phát triển đường dài, Hội Nhà văn Việt Nam có những định hướng, kế hoạch gì để các tác giả trẻ có thêm cơ hội phát triển hơn?

Chúng ta nói đến lo ngại thì chúng ta phải xác định được nỗi lo ngại ấy là gì. Trong cách nhìn cá nhân tôi, nỗi lo ngại ấy chính là sự dần thân và một thái độ nghiêm túc trong mục đích sáng tác. Bởi thế mà khẩu hiệu của Hội nghị những người viết văn trẻ toàn quốc lần thứ 10 sẽ tổ chức vào tháng 6/2022 tại Đà Nẵng là một câu hỏi: “*Vì sao chúng ta viết?*”. Thực tế, câu hỏi này không phải chỉ đối với những nhà văn trẻ mà đối với mọi nhà văn. Nhưng những nhà văn trẻ cần trả lời câu hỏi này hơn ai hết để đi trên chặng đường sáng tác dài lâu của mình. Hội Nhà văn Việt Nam phải hướng nhà văn trẻ đến câu trả lời tương đơn giản nhưng vô cùng quan trọng đó. Tôi cho đó là điều quan trọng nhất đối với mọi nhà văn khi cầm bút. Ngoài ra việc lập ra giải thưởng *Tác giả trẻ* là một hình thức phát hiện, cổ vũ những nhà văn trẻ. Lần đầu tiên Hội Nhà văn lập ra giải thưởng này và sẽ đầu tư nhiều cách cho những nhà văn trẻ tài năng như: đào tạo, trợ cấp sáng tác và in tác phẩm. Năm 2021 Hội đã in tác phẩm cho một nhà văn, năm 2022 dự kiến sẽ in một số tác phẩm của nhà văn trẻ. Về đào tạo, chúng tôi đã giới thiệu một nhà văn trẻ cho chương trình viết văn Iowa. Đã có những nhà văn tham dự chương trình này và đoạt giải Nobel văn học.

Vừa rồi làng Văn xôn xao chuyện khi lần đầu tiên Việt Nam nhận được thư mời tham gia đề cử cho giải Nobel, với vị trí Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam, nếu được chọn lựa đề cử thì ông sẽ đề cử nhà văn nào? Vì sao?

Cá nhân tôi chưa đề cử nhà văn nào bởi trong cách nhìn của tôi chưa có nhà văn Việt Nam nào đang sống hội đủ những yếu tố cần thiết cho một nhà văn tham dự giải Nobel văn học. Nhưng có thể có những nhà văn Việt Nam được đề cử bởi các cá nhân nhà văn, giáo sư văn chương... nước ngoài mà Viện Thụy Điển tín nhiệm.

Câu chuyện giải thưởng Nobel luôn là một câu chuyện mang tính hấp lực với các nhà văn, theo ông các nhà văn muốn vươn tầm thế giới thì cần những yếu tố nào?

Trong cách nhìn của tôi, những nhà văn đó phải hội tụ được những điều cơ bản: mang tới một giọng nói riêng biệt đặc sắc, tạo ra một hệ thống ngôn ngữ đặc trưng, có tư tưởng mới và có tính phổ cập mang tính quốc tế.

Câu chuyện giải thưởng luôn mang nhiều ý kiến đa chiều khi công bố ra dư luận. Với những giải thưởng của Hội Nhà văn Việt Nam đã trao năm qua, ông thấy có xứng đáng không? Và vì sao?

Năm 2021, năm đầu tiên của nhiệm kỳ mới đã có những thành công trong việc trao các giải thưởng: giải thưởng *Hội Nhà văn* và giải thưởng *Tác giả trẻ*. Thành công thứ nhất bởi các tác phẩm được trao giải đã tạo được sự đồng thuận khá cao giữa những người sáng tác, phê bình và công chúng bạn đọc. Điều thứ hai là họ mang đến những giọng nói riêng biệt. Điều thứ ba là tác phẩm được giải có tính tư tưởng.

“Sẽ có một vương quốc sách văn học”

Văn chương vài năm trở lại đây bị ảnh hưởng khá nhiều trước các hình thức giải trí khác nhau trên nhiều phương tiện, theo ông để văn chương thật sự lan tỏa và có được công chúng của riêng mình, các nhà văn cần làm gì? Và Hội Nhà văn Việt Nam cần làm gì?

Câu trả lời này đã được các nhà văn trên toàn thế giới trả lời hay nói cách khác là tiếp tục đi tìm câu trả lời. Có thời, người Việt Nam phải xếp hàng, thậm chí phải có giấy giới thiệu của cơ quan mới mua được một cuốn sách. Nhưng giờ đây, sách văn học phong phú, đa dạng hơn trước kia cả ngàn lần và ở đâu người đọc cũng có thể mua được những tác phẩm văn học mà họ muốn đọc. Chính vì vậy, để có một tác phẩm văn học được bạn đọc săn đón đòi hỏi chất lượng rất cao. Nếu nhà văn không viết với tất cả sự sáng tạo mới mẻ nhất, với lương tâm lớn lao nhất và với sự mê đắm nhất của mình thì không thể có tác phẩm bạn đọc quan tâm. Bên cạnh đó, Hội Nhà văn cần phát hiện ra những tác phẩm văn chương sáng giá và định danh một cách chính xác những tác phẩm đó. Nếu sự định danh của Hội Nhà văn sai thì bạn đọc càng ngày càng xa lánh.

Chúng ta đều thấy tác động rõ rệt của mạng xã hội đến đời sống người dân, văn chương mạng từ đó cũng hình thành một dòng riêng biệt, một số tác giả từ đó cũng định danh. Nhưng con đường “mạng” vẫn là con đường mới, đầy rủi ro, và thiếu kiểm soát với các tác giả viết. Vậy theo ông, Hội Nhà văn Việt Nam có những kế hoạch gì để văn chương hay các tác giả thoát khỏi chiếc áo “mạng” để được nhìn nhận bằng cái nhìn chính thống và chuyên nghiệp?

Trước hết tôi thấy, càng ngày càng nhiều hơn các nhà văn nhận ra con đường “mạng” là con đường chứa trong nó sự “bất trắc” cho một nền văn học thực sự. Nhiều năm trước, khi thế giới mạng xuất hiện đã có không ít người cảnh báo cái chết của những tác phẩm văn chương in. Lúc đó, tôi đã nói đó là một sự hiểu lầm và cũng là sự sai lầm. Thực tế ngay ở những nước “đề” ra công nghệ này thì sách in vẫn là con đường chính thống. Sách in không chỉ chứa đựng nội dung tác phẩm mà là một ấn phẩm có tính tổng hợp và đầy tính nghi lễ của văn hóa đọc. Hội Nhà văn chuẩn bị khởi công một không gian cho sách và nhà văn. Chắc chắn không gian đó sẽ trở thành một “vương quốc sách văn học”, nơi những cuốn sách in qua từng thời đại của sách được trú ngụ ở đó, nơi các nhà văn sẽ gặp gỡ đồng nghiệp và bạn đọc, nơi nhà văn và bạn đọc đến đó và chìm trong một thế giới sách và những cảm xúc về sách. Hơn nữa, việc in sách sẽ giúp nhà văn “chậm” lại để cảm nhận tác phẩm của mình ở nhiều nghĩa trước khi quyết định cho tác phẩm ra đời. Nhà xuất bản Hội Nhà văn cũng vừa lập ra một phòng mà

trước đó chưa hề có. Đó là phòng Sáng tạo và truyền bá sản phẩm. Đó là sách. Chúng tôi muốn tạo ra những cuốn sách đẹp, trang trọng và chứa đựng một tinh thần văn hóa cho sách.

Không gian mới của văn học viết về chiến tranh

Văn học chiến tranh cũng luôn là mảng đề tài rất nhiều nhà văn viết và ngay cả tác giả trẻ cũng hào hứng. Nhưng làm sao để có được tác phẩm hay chạm đến không chỉ giới văn chương mà ngay cả độc giả cũng bị chinh phục?

Từ năm 1990, *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh đã nhận giải thưởng Hội Nhà văn và cho thấy một không gian mới của văn học viết về chiến tranh. Càng lùi xa chiến tranh thì văn học viết về chiến tranh càng đến gần bản chất của nó. Cách nhìn chiến tranh càng ngày càng được mở rộng biên độ không chỉ đối với các nhà văn mà cả các nhà sử học và chính khách. Điều đó sẽ tạo ra cơ hội và điều kiện cho những sáng tác về chiến tranh trong thời bình.

Công chúng vẫn luôn đánh giá tác phẩm lớn, nhà văn lớn hầu như đều xuất phát từ thời chiến tranh, theo ông vì sao?

Không hẳn là như vậy. Ở Việt Nam, cuộc chiến tranh quá lớn và dư âm của nó vẫn còn nhiều trong đời sống. Và cùng trong thời đó, số lượng tác phẩm văn học được in rất hạn chế và không có bất cứ lĩnh vực giải trí nào đủ sức vượt qua nó. Chính vậy mà người ta đọc sách về chiến tranh nhiều và nó ám ảnh họ không dễ thoát ra được. Sau này, chúng ta có những tác phẩm hay nhưng sự đón nhận văn học đã thay đổi. Hơn nữa, nền xuất phát của những tác phẩm văn học bây giờ cao hơn trước kia, nhưng lại có không ít những tác phẩm như vậy cùng xuất hiện. Đó cũng là một lý do làm cho người đọc mang cảm giác sự nổi trội của các tác phẩm văn học bây giờ không có được như ngày xưa.

Chiến tranh hay hòa bình với người cầm bút theo ông cái nhìn của chúng ta như thế nào để không ảnh hưởng đến sự sáng tạo của mình?

Nếu chúng ta đặt vấn đề số phận con người lên tất cả thì chiến tranh hay hòa bình chỉ là một không gian mà những số phận tồn tại và vươn lên trú ngụ trong đó mà thôi. Đề tài không làm ra giá trị của một tác phẩm văn học mà là sự khác biệt, tính tư tưởng và những khám phá mới mẻ. Cũng với lý do đó, nhiều nhà văn ở các quốc gia trên thế giới vẫn viết về chiến tranh rất hay cho dù họ sống trong một quốc gia không có chiến tranh nhiều thế kỷ nay. Chiến tranh là một hoàn cảnh và hòa bình cũng là một hoàn cảnh, và trong bất cứ hoàn cảnh nào con người đều phải đối mặt với những thách thức khủng khiếp và phải trả lời về giá trị sống.

P.V (thực hiện)

Vẻ đẹp của những mảnh vỡ

THÁI QUỲNH

Một mùa Thu cách đây khoảng gần hai chục năm, tôi về chơi nhà người bạn ở Thanh Thủy, Phú Thọ, nơi có dòng sông Đà lấp lánh gợn sóng bên cạnh những ruộng ngô và những con đường đất đỏ. Hoàng hôn bữa ấy, tôi cùng bạn đi dọc bờ sông Đà để chụp ảnh và tìm những “di sản” còn sót lại từ những vật dụng cũ đã bị chôn vùi dưới lớp đất bồi phù sa. Một người bạn ở Hà Nội chuyên sưu tập đồ cổ và đồ giả cổ; chúng tôi phát hiện ra ở bờ sông Đà này có nhiều bát, đĩa, bình vôi cũ nên tìm chúng để mang về cho anh. Và mặc dù không hy vọng những đồ vật cũ và chẳng bao giờ có thể lành lặn trở lại ấy có chút hữu ích đối với người bạn ở Hà Nội, chúng tôi vẫn say sưa tìm.

Chúng tôi bới được khá nhiều những bát đĩa cũ vỡ. Chúng hiện ra dưới lớp đất, mang cái vẻ lặng thầm như bấy lâu nay vẫn thế, im ắng nằm đó bên cạnh bốn mùa đầy vơi sông Đà. Có những mảnh cũ kĩ mà đẹp lạ lùng. Chúng có đường vân in màu thời gian và đẹp bởi lẽ gì đó mà chính tôi cũng không hiểu được. Vì chẳng cái nào may mắn còn nguyên lành, nên khi gom tất cả cho vào thùng để mang về Hà Nội, tôi đùa, ghi bên ngoài dòng chữ: “Những mảnh vỡ”. Vâng, từng cái một chúng chẳng là gì cả, không phải đĩa, không phải bát, không phải bình vôi... Chúng chỉ là những mảnh vỡ.

Nhưng không phải dưới bất cứ ý nghĩa nào, mảnh vỡ hay nỗi buồn, sự đau khổ, tuyệt vọng, sự xấu xí, cái ác... cũng đáng vứt bỏ. Đối với nghệ thuật, tất cả những

gì tồn tại trong cuộc sống đều cần phải được phơi bày, hơn thế, còn phải được điểm tô để nâng nó lên thành biểu tượng của hiện thực, và nói như cách diễn đạt của Milan Kundera trong cuốn phê bình tiểu luận *Những di chúc bị phản bội* nổi tiếng của ông: phải hiểu và diễn tả được “vẻ đẹp” của chúng. Ông cho rằng cảnh đẫm máu, sự dã man, cái ác có vẻ đẹp của nó mà những kẻ lăm lăm kiếm tìm trong tác phẩm nghệ thuật một thái độ chính trị, triết học, tôn giáo... không bao giờ có thể hình dung được. Ông cũng cho rằng, để hiểu biết đến tận cùng một hiện tượng nào đó ta phải hiểu được vẻ đẹp của nó, rằng thấy được vẻ đẹp của cảnh đẫm máu ta mới thấy nó thật ghê rợn. Milan Kundera gọi đó là “vẻ đẹp gây tai tiếng của cái ác”.

Văn học nghệ thuật, ở góc độ nào đó, có thể ca tụng sự đau khổ của con người hay coi nó như một yếu tố mỹ học. Khi nào chúng ta còn cần văn học như một niềm an ủi thì lúc đó những đớn đau, trống rỗng, những tuyệt vọng, cô đơn, những mảnh vỡ, những điều không hoàn hảo vẫn còn có ý nghĩa.

Không hiểu sao trong cuốn *Tản mạn nghiệp văn*, nhà phê bình văn học Đinh Quang Tồn lại cho rằng văn chương chân thực phải thể hiện cả hai mặt tình cảm vui và buồn, “thiên về mặt nào cũng đều bất cập”. Tôi không biết ý anh muốn nói “văn chương chân thực” là để phân biệt với loại văn chương nào, cũng không hiểu ý anh muốn nói tới yêu cầu thể hiện vui và buồn trong mỗi một tác phẩm hay trong văn chương nói chung, nhưng dấu Đinh Quang Tồn có ý định nói theo cách nào thì tôi thấy cũng không ổn. Đành rằng vui và buồn là hai mảng của hiện thực, đành rằng văn chương phải phản ánh cuộc sống, nhưng không phải vì thế mà trong một bài thơ, thi sĩ phải viết cả về niềm vui và nỗi buồn. Cũng chẳng có nền văn học nào hay quan niệm văn học nào lại có thái độ cực đoan đến nỗi chỉ viết về vui hoặc buồn. Điều quan trọng là vui đúng chỗ và buồn đúng chỗ. Quan trọng hơn nữa là cái vui cái buồn ấy được gắn với một ý nghĩa nào đó để có thể trở thành một giá trị nghệ thuật.

Xônya được chàng trai quỳ sụp dưới chân. Raxkônnikốp - nhân vật chàng trai của Dostoievski - đã trả lời khi cô hỏi tại sao làm vậy với một cô gái điếm: “Không phải tôi cúi lạy em, tôi cúi lạy trước nỗi thống khổ của loài người”. Sự giết chóc, tội lỗi, cái chết, cách làm tiền rẻ rúng... chất đầy trong *Tội ác và hình phạt*, nhưng Dostoievski muốn gửi gắm không phải bản thân những điều ấy. Ông phơi bày tội ác để qua vẻ đẹp của nó, người ta thấy nó ẩn chứa không chỉ khả năng trở nên ghê rợn của con người mà còn là nỗi đau khổ của họ, những bi kịch vô lý không giải thích được trong tâm trí và hành xử của họ. Raxkônnikốp không quỳ lạy cô gái điếm, anh ta quỳ lạy nỗi thống khổ của loài người mà cô gái điếm là biểu tượng, nỗi thống khổ được dồn tụ cao độ ở cô, ở chính việc làm điếm của cô mà chỉ có kẻ giết người như anh ta mới thấu hiểu được. Điều mà Dostoievski muốn thể hiện không phải bản thân tội ác mà là những khả năng của nó trong việc biến thế giới thành nơi chứa đựng đau thương và bi kịch. Stefan Zweig đã viết về Dostoievski như sau: “Người sáng tạo ra Karamazôv, ra người sinh viên trong *Tuổi thanh niên*, ra Xtavrôghin trong *Những người quý ám*, ra Xvidrigailôv trong

Tội ác và hình phạt, ra những kẻ cuồng nhiệt về xác thịt, những kẻ đắm say khoái lạc, những bậc thầy từng trải của sự trụy lạc, người đó am hiểu những hình thức hèn hạ nhất của sự dâm ô vì đã trải nghiệm chúng; bởi vì phải có một tình yêu trí tuệ đối với sự trụy lạc mới có thể làm cho các nhân vật của mình sống động một hiện thực tàn nhẫn đến như vậy⁽¹⁾.

Nhưng đau thương và bi kịch trong tác phẩm của Dostoevski thường không mang dáng vẻ của những đau thương và bi kịch thông thường. Ông cường điệu nó bằng các nhân vật bất thường của mình song bên cạnh đó lại khoắc cho sự đau khổ trong tâm hồn nhân vật hoặc một lòng say mê hoặc một khoái lạc không cưỡng lại được. Sự trừng phạt được khắc họa song hành với tội ác, nhưng nó không phải là nỗi ăn năn. Nó chỉ là nỗi đau khổ không kiểm soát được của con người, nỗi đau khổ bao trùm lên cả tội ác, nỗi đau khổ không phải từ tội ác sinh ra mà chính nó dẫn dắt tội ác, nỗi đau khổ to lớn đã biến tội ác gần như thành vô nghĩa lý. Tiếp cận với tác phẩm của Dostoevski là tiếp cận với một thế giới của đau khổ. Đó là nỗi đau khổ đủ lộng lẫy để người ta có thể quỳ lạy như trước bất cứ một vẻ đẹp lớn lao nào.

Trong suốt chục năm qua, tôi vẫn giữ lại cho mình một chiếc đĩa tìm thấy trong buổi hoàng hôn bên sông Đà ấy. Tất nhiên đó gần như chỉ là một nửa chiếc đĩa, nửa còn lại có thể vẫn nằm sâu dưới mấy lớp đất bồi. Những đồ vật cũ kĩ ngày ấy được bạn tôi - người chuyên sưu tập đồ cổ và đồ giả cổ - vô cùng nâng niu, bởi với anh, chúng là kỷ vật của thời gian, của lịch sử. Nhưng còn với tôi? Bấy lâu nay tôi vẫn không ngừng tự hỏi sao mảnh vỡ ấy lại có ý nghĩa với mình đến vậy; mỗi khi nhìn ngắm nó tôi không khỏi nhớ tới vùng đất ấy và những tháng ngày ấy. Nhiều khi nỗi nhớ khiến tôi bật khóc...

1. Stefan Zweig, *Ba bậc thầy Đôxtôiévski, Banlăc, Dickenx* (Nxb. Giáo dục, 1996), tr.42.



Một thị xã du lịch hiện đại thêm mỗi ngày - Ảnh: HỒ CHIẾN

Một Cửa Lò thăm thăm

THÙY VINH - BÙI HÀO

Ngày xưa, ngày xưa...

Tôi chợt nhận ra mình thật ngỡ ngàng khi cố đi tìm dấu tích của những con đường xưa cũ chạy dưới tán phi lao từ chợ Mai Trang tới bãi tắm Cửa Lò. Ừ nhỉ, mới ngỡ chỉ cách đây một quãng thời gian ngắn ngủi, vậy mà đã vèo trôi hơn 20 năm. Hơn 20 năm, kể từ lần đầu tiên tôi chạm mặt xứ Nghệ, cũng là chạm mặt với bãi biển “đẹp nhất miền Trung” - như lời giới thiệu của người trai xứ Nghệ tôi yêu. Tôi biết, với anh, hay bất cứ ai ở xứ này, cũng vì yêu quê, thương quê đến cháy lòng mà luôn thấy biển quê mình là đẹp nhất, tôm cá quê mình là ngon nhất, và, thậm chí, mỗi lần đi đâu xa lại quay quắt nhớ mùi vị nước mắm ở nơi này. Những giọt nước mắm là tinh chất của biển, có vị nắng, vị gió, vị mồ hôi rịn từ đôi bàn tay người đàn bà mộc mạc mỗi tinh sương cùng chồng gỡ lưới, những đêm giông xách cây đèn bão chạy ngược hướng mưa quất, tim nức nở hàng ngàn tiếng gọi lẫn tiếng nguyện cầu mong người đàn ông của mình bình an trở về từ khơi xa

thăm thăm... Và cùng với nắng, gió, với thức quà từ biển, tiếng nguyện cầu mong mỏi, còn có cả niềm biết ơn... Biết ơn trời đất, biết ơn thần biển, biết ơn sự chở che thiêng liêng của cá Ông. Tất cả quỵen quánh dưới đôi bàn tay trĩu nặng tần tảo và yêu thương, qua thêm những vòng tuần hoàn mưa - nắng - thời gian, ủ men trong lòng đất, lòng chum để một ngày kia từng giọt sóng sánh vàng trên mâm cơm ấm khói.

Con đường mà tôi tìm đã thuộc về chuyện kể “ngày xưa ngày xưa” rồi, như cách nói của cô con gái tôi vẫn thường cười trước sự ngỡ ngàng của mẹ. Ừ, có lẽ nào là ngày xưa ngày xưa?

Ngày xưa ngày xưa có một làng chài nghèo với những lò nấu muối được đắp cao rực ánh lửa hồng trong đêm như những ngọn hải đăng cho tàu thuyền biết đường vào lạch sông Cấm, để rồi cái tên Cửa Lò mang ý nghĩa là cửa lò muối như một cách lý giải.

Ngày xưa ngày xưa có vị Thái úy Quận công rộng tấm lòng trung nghĩa, thương dân “mang gươm đi mở cõi” đã dồn hết bao nhiêu công sức để xây dựng một vùng Cửa Xá từ hoang sơ trở thành sầm uất, truyền dạy cho dân nghề nông, nghề ngư, thêm cả nghề đóng tàu thuyền để có một làng Vạn Lộc mang khát vọng ấm no, trù phú.

Ngày xưa ngày xưa, trong chuyến công du thăm đất Nghệ, vị vua cuối cùng của vương triều nhà Nguyễn đã ghé Tòa sứ Cửa Lò nghỉ ngơi, tĩnh dưỡng để rồi, người ta truyền tụng với nhau rằng loài cóc biển rực rỡ và bền bỉ trong nắng gió khốc liệt kia có công lao của ông mang về tặng lại cho bãi biển điệp trùng cát và sóng trắng này.

Và cũng thành ngày xưa ngày xưa, những con đường ngoằn ngoèo dưới tán cây, lác đác những khách sạn ẩn hiện điều hui mùa lạnh, làng chài nghèo với những chuyến đi rừng tinh mơ, những trắng cát lô xô thuyền thúng úp, những người cào ghê ban mai, những đứa trẻ quần áo tả tơi ngạc nhiên nhìn theo đám du khách giỡn nước...? Vậy mà giờ đây bày biện trước mắt chúng ta là những con lộ thênh thang nối Vinh, nối đường Quốc lộ 1A, nối Nghi Xuân (Hà Tĩnh) với Cửa Lò. Là quảng trường và sân golf, những khách sạn, nhà hàng ken dày chạy cả ra mép biển. Là những địa điểm check in kéo hàng ngàn bước chân du khách rộn rã với sóng, với hoa. Là những chuyến xe điện dọc ngang phố xá, những chuyến tàu và rồi sẽ là cáp treo nối đất liền với đảo Mắt, đảo Ngư. Là những làng nghề tấp nập với máy móc hiện đại, những phiên chợ náo nhiệt mà tại đây những sản vật từ biển sẽ đi tới muôn phương...

Tưởng chừng như tất cả đã là một Cửa Lò khác, một Cửa Lò ồn ã, phồn hoa, một Cửa Lò đã “rũ cát” mà lớn dậy, đã lãng quên những ánh lửa chài, đã không còn những tấm lưng trần bạc nắng. Nhưng, hóa ra tất cả vẫn còn đây, dù nắng mưa và bao thăng trầm dời đổi. Vẫn còn đó dấu tích kẻ đá dù đã tróc lở ở Vạn Lộc từ thời Thái úy Quận công Nguyễn Sư Hồi xây dựng tuyến phòng thủ ven biển để



Một thủ tục hành lễ trong lễ hội đền Mai Bàng - Ảnh: XUÂN THỦY

không chỉ có tác dụng chắn sóng mà còn là bức tường thành giúp cho sự phối hợp giữa thủy binh và bộ binh được tốt hơn mỗi khi có giặc xâm phạm. Vẫn còn đó và được nhân lên màu vóc biển cháy rực trên cát trắng. Vẫn còn đó, giữa đám đông ồn ào du khách tới ngắm bình minh Cửa Lò, bóng người đàn bà cần mẫn cào nghêu như vẽ trên cát biển những khuôn nhạc như không cần biết đến những xa hoa chỉ cách mình vài bước chân. Vẫn còn nguyên tấm lòng mộc mạc, sự nồng hậu chân tình của người quê biển vừa kịp rời tay lưới, tay thuyền đã làm quen với thương trường, với du lịch. Họ tình nguyện hiến đất, tình nguyện nhường nhà để thị xã mở rộng những con đường và bảo quản tốt hơn những di tích. Và giữa trăm ngàn chum sành, vại sứ được người làng nghề nước mắm phát triển hôm nay, vẫn có những cái chum, cái vại có niên đại trăm năm, có từ đời cha ông tới hôm nay, được con cháu giữ lại xem là vật gia bảo, như lời nhắc mình mãi mãi giữ nghề, mãi mãi không bao giờ được lãng quên quá khứ...

Khát vọng hôm nay

"Anh sẽ đưa em về bãi biển đẹp nhất miền Trung" - câu nói năm xưa ấy đã luôn trở lại với tâm trí tôi. Từ ngày tôi nghĩ mình là một vị khách cho tới bây giờ tôi là một phần của nơi đây, thuộc về mảnh đất này. Tôi đã luôn tìm về phía biển, mỗi khi buồn vui, và tìm về cả 4 mùa, chứ không còn như một vị khách tò mò chỉ để thỏa mãn một kỳ nghỉ hè ngắn ngủi. Tôi biết, để có thể xứng đáng là một bãi biển đẹp của miền Trung, thì không chỉ biển xanh, cát trắng, khách sạn, quảng trường, nơi check in... đẹp đẽ. Mà Cửa Lò cần làm nhiều hơn, mong mỏi nhiều hơn nữa. Khi chúng tôi tới đây, nói về những mong muốn về môi trường cho du

lịch Cửa Lò, thì gặp ngay sự trăn trở của lãnh đạo thị xã. Chẳng hạn như vấn đề rác thải. Trên các tuyến đường vẫn còn nhiều bãi rác. Dọc bờ biển rác vẫn đọng lại rất nhiều. Có nhiều nguồn rác khác nhau từ rác thải sinh hoạt, rác thải do các hoạt động dịch vụ du lịch đến rác sản xuất. Bí thư Thị ủy Cửa Lò Phạm Thị Hồng Toàn, chia sẻ “Chắc chắn thị xã sẽ làm mạnh mẽ, quyết liệt trong việc xử lý vấn đề rác thải để thực sự tạo ra một môi trường xanh, sạch, đẹp cho Cửa Lò”. Hay vấn đề quy hoạch một đô thị chín chu cũng đang được chú trọng: sửa sang, củng cố những đoạn đê chắn sóng ven biển, vốn được xây dựng nhiều năm trước, đã bị bào mòn qua thời gian và những trận mưa bão. Những cung đường chính cũng như các đường ngõ ngách ở các khu vực trung tâm đều được sửa chữa, nâng cấp cho đẹp hơn, rộng hơn. Nhiều đoạn vỉa hè được thay thế bằng các loại gạch mới. Quảng trường Bình Minh cũng được chỉnh sửa, tái tạo và xây dựng thêm một số hạng mục. Chính quyền cũng động viên, khuyến khích người dân và các doanh nghiệp trên địa bàn tham gia đóng góp để chỉnh trang đô thị. Việc xã hội hóa công tác xây dựng, sửa sang phố thị được đẩy mạnh. Các ki ốt, các khách sạn, nhà hàng đều được động viên thay đổi gạch ốp, sơn lại hay đầu tư các đèn đường, trang trí thêm các khu phố, các tuyến đường sao cho bắt mắt hơn, hấp dẫn hơn.

Cùng với việc đầu tư cơ sở vật chất làm thay đổi bộ mặt bên ngoài của đô thị thì việc xây dựng lối sống văn minh đô thị, xây dựng chính quyền điện tử cũng được coi trọng. Nhiều năm nay, việc xây dựng lối sống văn minh đô thị luôn được quan tâm, nhưng kết quả vẫn còn nhiều hạn chế. Ở nhiều nơi, những nét văn hóa đô thị chưa được hình thành một cách rõ nét. Các dịch vụ phục vụ du khách vẫn mạnh ai nấy làm, chưa được vận hành theo một trật tự nhất định dù đã có những quy định được đưa ra. Một ví dụ điển hình là các ki ốt sát cạnh nhau ở bờ biển vẫn tồn tại những “quán hát ngoài trời” với tần suất âm nhạc rất lớn đáp ứng nhu cầu hát của một số du khách ở một số quán nhưng lại ảnh hưởng đến các du khách khác ở quán khác khi họ muốn vừa ăn uống vừa trò chuyện hay đơn giản là một yên tĩnh một lúc để ngắm biển. Những quy định về văn minh đô thị có đề cập đến ô nhiễm tiếng ồn nhưng những vấn đề này chưa được quản lý chặt chẽ và nhiều khi còn gây ra những tranh cãi không chỉ của du khách mà còn của các chủ quán với nhau.

Tôi đã từng hỏi nhiều bạn bè, người quen của tôi vì sao họ lại chọn đến Cửa Lò để nghỉ ngơi. Câu trả lời nhận được na ná giống nhau là đến để tắm biển vì biển đẹp, đến để ăn hải sản vì ngon và tươi, giá cả cũng phù hợp. Và rồi khi rời Cửa Lò, cái gì sẽ đọng lại trong tâm trí của họ? Có lẽ cũng là biển và những thức ăn? Người ta đã dành thời gian và tiền của đến đây rồi rời đi mà tâm trí chỉ đọng lại một vài điều như vậy thì có lẽ chưa xứng đáng lắm! Có lẽ cần phải làm sao để có nhiều hơn vậy. Đó là cảm thức về một nền văn hóa biển, một thứ mà khi đã đi vào tâm trí con người thì nó sẽ còn mãi và trở thành lời mời gọi luôn thúc giục họ quay lại tiếp và lại nữa. Vậy, cảm thức văn hóa biển ở Cửa Lò là những gì để có thể đi vào tâm trí du khách?

Trong những lần trao đổi gần đây với lãnh đạo thị xã Cửa Lò, cũng như tự mình đi tìm hiểu, trải nghiệm các điểm du lịch, các tuyến du lịch, chúng tôi nhận ra rằng, văn hóa biển Cửa Lò vô cùng đa dạng. Đa dạng hơn cả sự hình dung của những nhà nghiên cứu văn hóa trước đó. Và càng ngày, những nét văn hóa đa dạng đó càng hiện thị rõ hơn khi được đặt vào môi trường phát triển du lịch. Nhưng bạn chọn làm một khách du lịch như thế nào? Một du khách hời hợt, đến để check in rồi về, hay một người thực sự muốn khám phá, muốn tận hưởng, muốn mình được giàu có thêm những cảm xúc trong hành trình cuộc đời? Vậy, bạn hãy đi dọc bờ biển, hãy ngắm nhìn mặt biển xa khơi nhưng cũng đừng quên ngắm cả bãi biển ngay dưới chân mình. Cả chiều dọc bờ biển dài chục cây số vậy, nhưng lại có một bãi Ngọc được gọi tên. Vì sao lại là bãi Ngọc nhỉ? Vì sao nó lại được gọi tên riêng giữa cả dải cát dài? Hãy đi dọc các trục đường chính và ngắm nghía những tuyến phố phù hoa, nhưng cũng đừng quên tự chất vấn những tên đường. Bởi mỗi con đường, mỗi con phố đều có một tên gọi với những sự tích, những câu chuyện lịch sử và văn hóa. Đi chợ Hôm mua sắm, rồi đến chợ điện tử rong chơi, nhưng cũng trò chuyện để biết thêm về nó, những chứng tích của lịch sử kinh tế vùng biển này. Mỗi đoạn đường, mỗi ngôi nhà hay đơn giản là một chiếc thuyền ở nơi đây cũng luôn gắn với những câu chuyện đẹp, luôn chờ người khám phá. Và khi tìm ra rồi, nó lại sống mãi trong chính mỗi du khách.

Hãy đến với các di tích lịch sử để hiểu về văn hóa nơi này. Từ đền thờ Thái sư Cương Quốc công Nguyễn Xí ở phía bắc thị xã đến đền Vạn Lộc ở Nghi Tân thờ Thái úy Quận Công Nguyễn Sư Hồi để được nghe những câu chuyện về hai cha con, hai danh nhân lịch sử lớn của dân tộc và chiêm ngưỡng những nét kiến trúc kỳ diệu của những ngôi đền được xây dựng từ thời Lê. Rồi đến đền Mai Bảng ngay giữa phường Nghi Thủy nghe các sự tích về danh nhân Chiêu Trưng Vương Lê Khôi, một công thần giúp Lê Lợi đại phá quân Minh, cùng với những câu chuyện về bà Nguyễn Thị Bích Châu - một quý phi đoan hậu được suy tôn là nữ thần biển. Hay về với đền Làng Hiếu ở phường Nghi Hải, nơi thờ đức Thánh Mẫu, thần Cao Sơn Cao Cốc, Sát Hải Đại vương Hoàng Tá Thốn... Và đây còn là đền thờ độc đáo nhất khi có một khu thờ gần 100 ngôi mộ cá Ông. Đền thờ các vị thần là một trong những điểm đến quan trọng của du lịch Cửa Lò. Các đền đều có kiến trúc độc đáo hấp dẫn du khách. Không chỉ vậy, gắn với nó là những sự tích, những câu chuyện liên quan đến lịch sử, văn hóa của vùng biển này. Bên cạnh đó là rất nhiều di tích lịch sử khác, gắn với các nhân vật lịch sử của các thời đại khác nhau. Những di tích lịch sử văn hóa là những kho tư liệu kể chuyện ngàn năm cho du khách khi đến với nơi đây.

Hãy đi vào các làng, các phố để nghe người dân kể chuyện về cuộc đời, về những thân phận của những con người đã gắn với biển từ hàng chục thế hệ đã đi qua. Đó là chuyện về những dòng họ đầu tiên đến đây khai phá vùng biển và lập làng ở Nghi Thủy mà hiện nay còn nhiều nhà thờ và gia phả được lưu giữ lại. Quá trình khai phá vùng biển vô cùng khó khăn, cần sự đoàn kết và chia sẻ nên quan hệ họ hàng trở thành một điểm nhấn bởi tính liên kết chặt chẽ của nó. Vì vậy mà

lịch sử dòng họ cũng là một phần vô cùng quan trọng của lịch sử địa phương. Đó là khám phá những chiếc giếng làng đặc biệt và nghe những người già kể về một cuộc chiến gian nan khác: công cuộc tìm kiếm nguồn nước ngọt ở ngay gần bờ biển từ các thế hệ cha ông trước đây đến nay. Vì sự gian truân quá lớn mà nước giếng trở nên thiêng liêng với các gia đình trong làng và họ thường lấy nước để thờ cúng hay phục vụ các nghi lễ thiết yếu cũng như để giặt các đồ dùng quan trọng trong nghề biển.

Hãy đi vào làng để hiểu người trong làng hiện nay sinh sống bằng nghề gì và như thế nào. Nếu như ở bãi biển, du khách chỉ thấy các ki ốt với những người chủ từ nhiều nơi khác đến. Họ không phải là chủ nhân của văn hóa biển Cửa Lò. Phải chịu khó vào trong làng, nơi đó, những người chủ thật sự của Cửa Lò đang sinh sống bằng những nghề truyền thống vốn là kế sinh nhai từ bao thế hệ cha ông để lại. Đó là làng nghề sản xuất nước mắm, làng nghề sản xuất ruốc, làng nghề sản xuất mắm tôm hay nghề đánh bắt và chế biến cá thủ công. Sẽ có nhiều mùi lạ và không dễ chịu với nhiều người. Nhưng đừng sợ mà dừng lại. Đó mà mùi vị của biển. Với người dân nơi đây, mùi nước mắm, mùi mắm tôm, mùi ruốc hay là mùi tanh của cá là mùi biển, mùi cuộc sống, là mùi đặc trưng của chính mình. Đảm bảo khi quen và thích nó rồi, bạn sẽ nghiện nó thay vì khó chịu. Những người dân nơi đây mến khách. Bạn không nhất thiết phải mua, dù lạ hay quen, bạn vẫn được nghe họ chia sẻ những câu chuyện cuộc sống của chính họ. Nếu bạn muốn trải nghiệm một vài công đoạn, người dân sẵn sàng hướng dẫn. Nếu bạn muốn tự nướng những miếng cá để mang về hay để thưởng thức tại chỗ, người dân cũng rất hoan nghênh. Hãy lắng nghe họ kể. Tin rằng khi nghe về chuyện đời của họ, bạn sẽ thay đổi và có nhiều cảm xúc khác khi cầm chai nước mắm hay chấm một mẫu thức ăn vào bát mắm, bát ruốc.

Và còn rất nhiều thứ mà chúng ta “hãy” tiếp. Nhưng không thể nào hết được bởi Cửa Lò đa dạng và sâu sắc lắm. Vậy nên, “hãy” cuối cùng đó là hãy dành cho mình một khoảng thời gian để cho chuyến đi du lịch của mình có nhiều giá trị hơn bên cạnh ăn và nghỉ. Đến Cửa Lò thì tắm biển và ăn hải sản là điều đương nhiên. Nhưng để một chuyến du lịch có giá trị thì cần phải nhận được thêm nhiều thứ từ nơi mình đến. Đó là khám phá con người và văn hóa nơi đây. Khi người ta đến một cách hời hợt thì sự trở lại không quá quan trọng. Nhưng khi họ đến rồi biết và hiểu về Cửa Lò, thì tình cảm sẽ lớn dần và trở thành một động lực thôi thúc người ta quay lại. Bởi tình yêu, dù dành cho thiên nhiên hay văn hóa, nếu xuất phát từ hiểu biết thì sẽ vô cùng lớn mạnh. Và một Cửa Lò đa thanh, đa sắc để được nhiều người yêu mến, là mục đích của ngành Du lịch cũng như của con người nơi đây.



Ảnh: SÁCH NGUYỄN

Quê tôi miền thổ cẩm

VI HỢI

Trời trở lạnh, mưa tí tách chạm đất, những con gió lạnh lùa từng đợt qua nếp nhà sàn đã cũ. Ngồi bên bếp lửa nghe tuổi thơ ùa về trong những truyện cổ tích mẹ kể. Âm vị của quê ngọt ngào và trong trẻo, thềm nghe tiếng thoi đưa lách cách bên khung cửi ngày xưa mẹ dệt chăn cho các chị đi lấy chồng. Hình ảnh những đêm mẹ và các chị ngồi quay sợi vẫn còn nguyên vẹn trong kí ức. Thềm nghe câu hát “ư là ơ” hằng ngày mẹ ru, thềm những tiếng vọng của câu lăm, điệu xúoi giữa mệnh mang núi rừng...

Dù ngược hay xuôi theo quốc lộ 7, cách trung tâm thị trấn Thạch Giám độ 2 cây số, chỉ cần rẽ qua cầu treo bản Lau là đến với quê tôi bản Mác. Gọi là cầu bản Lau nhưng lại được xây dựng trên đất của bản Mác. Ấy là do khi khảo sát lập dự án đầu tư xây dựng ban đầu là tại địa điểm bản Lau, về sau điểm ấy không phù hợp, thế là huyện chuyển cầu lên địa điểm bản Mác, nhưng cái tên dự án thì không thay đổi, vì thế cái cầu treo ấy vẫn cứ lấy tên là cầu bản Lau. Quê tôi, gắn liền với truyền thuyết về tạo Pha Nha Xay đánh giặc. Trong một trận chiến không cân sức, ông bị giặc Xá chém đầu sắp lìa khỏi cổ, máu chảy lai láng. Ông chạy vào rừng sâu để thoát khỏi vòng vây kẻ thù. Một ông tiên hiện lên và bảo ông cứ đi

về phía đông, khi nào gặp được mười một cô tiên nữ trước khi mặt trời mọc thì sẽ được cứu sống. Ông chạy đến cửa khe Mác, dưới chân núi Pù Đẳng thì phía đông trời đã ứng hồng, ông ngã gục xuống lòng suối. Phía sau lũ giặc ào ào xông tới. Mười một tiên nữ vội vùi xác ông xuống đất và hóa thành mười một hòn đá để vùi lấp không cho giặc lấy xác ông đi. Về sau, ngay cửa khe Mác có một tảng đá to mọc lên, dưới chân tảng đá ấy là mười một hòn đá nhỏ, dân gian gọi tảng đá ấy là hòn Pha Nha Xay. Dân bản lập đền thờ ông ngay trên mỏm đồi đối diện với hòn Pha Nha Xay và đặt tên là Xấn Đên⁽¹⁾. Nơi đây cảnh đẹp hữu tình, “Quai Xốp Cháo, xáo bản Mác”⁽²⁾ đó là quê hương của những cô gái đẹp. Về với bản Mác đắm mình với những giai điệu mượt mà của tiếng suối, nhuôn và tiếng quạnh loong rộn rã. Về nơi nức tiếng nhất vùng về rượu nếp nương men lá và thổ cẩm.

Bản Mác quê tôi, đời sống kinh tế, xã hội vẫn còn nhiều khó khăn, bởi đất đai không được màu mỡ. Trong bản chủ yếu là người Thái, nhưng sau năm 1975 có vài hộ dân tộc Kinh về đây kẻ buôn bán, người đánh bắt cá sông và định cư lại. Sinh sống lâu năm họ đã quen với phong tục tập quán và cách sinh hoạt của người Thái, từ thân thiện rồi coi nhau như anh em một nhà.

Bản Mác gần một trăm hộ thì đã có trên chín mươi hộ là người Thái. Những mái nhà sàn, hướng dựa lưng vào đồi núi, mặt nhìn ra sông, suối. Họ là cư dân lâu đời nhất sinh sống trên mảnh đất vùng cao này và vẫn còn những nét văn hóa bản địa đặc sắc, thể hiện văn hóa, lịch sử tộc người. Đối với các dân tộc thiểu số khác ở huyện Tương Dương cũng như ở vùng khác, thì những bộ trang phục rực rỡ chính là thứ làm nên bản sắc đặc trưng của từng dân tộc đó. Tuy nhiên, đối với người Thái quê tôi thứ làm nên bản sắc văn hóa của họ lại đến từ những tấm thổ cẩm đầy màu sắc hòa lẫn những tâm tư tình cảm của người tạo ra nó. Thổ cẩm của người Thái bản Mác là sự sáng tạo phong phú và đa dạng của những nghệ nhân không chuyên qua nhiều thế hệ, mang dấu ấn của sự phát triển tri thức dân gian của dân tộc Thái để đáp ứng những nhu cầu của cuộc sống ngày một đa dạng, phong phú về cả văn hóa tinh thần và văn hóa vật chất.

“Ài ơi đến với noọng mà xem nương bông trắng muốt Pu Đẳng, như những áng mây bên bậc thang, cửa sổ”. Câu ca ấy cứ da diết mời gọi bạn bè du khách về đây ngắm nhìn thiên nhiên hùng vĩ và những cô gái Thái dịu dàng bên khung cửa. Nghề dệt có nguồn gốc từ câu chuyện cổ tích mà nàng tiên ban tặng hạt giống quý, đến hôm nay quê hương bản Mác ấm no, hạnh phúc. Hạt giống đã ban cho đồng bào ấm áp lúc Đông sang, cho sắc sỡ muôn sắc hoa mỗi độ Xuân về.

Mẹ tôi là người dệt thổ cẩm giỏi nhất vùng, khách hàng của bà có thể từ nhiều huyện khác, thậm chí là từ bên Lào sang. Mẹ tôi bảo, trước đây năm nào cũng vậy, cứ mỗi độ Tết đến Xuân về, người Thái ở bản Mác đều tổ chức lễ hội thổ cẩm để tạ ơn đất trời, tạ ơn tổ tiên đã sinh ra nghề trồng bông, trồng dâu, nuôi tằm dệt vải - một cái nghề độc nhất vô nhị của vùng rừng núi, và cùng nhau kể lại cội nguồn về cái nghề này với những câu chuyện mang chất huyền thoại. Bây giờ, lễ hội thổ cẩm hầu như không ai còn tổ chức nữa.

Ngày xưa người dân nơi đây chưa có nghề trồng bông dệt vải, trang phục hàng ngày được khâu từ vỏ cây pần, cây nhạp đập mềm phơi khô hoặc dùng đồ của người trung châu (miền xuôi). Người già kể rằng: Cứ mỗi vụ giáp hạt tháng Ba, hay những ngày dứt bữa tháng Tám lại có một bà ăn xin xuất hiện ở bản. Bà người gầy gò, ăn mặc rách rưới lại không có nhà để về. Dù trong những ngày khó khăn nhất nhưng người dân trong bản vẫn luôn đùm bọc, sẻ chia với bà bát cơm, manh áo để vượt qua những ngày rét tháng Ba tê cứng chân tay. Một hôm bà đang định đi qua cầu thì bị ngã xuống suối, nhờ có người dân trong bản nên bà được cứu sống. Bà lão được đưa vào ngôi nhà gần đấy, sưởi ấm và hong áo quần. Vợ chồng chủ nhà dọn cơm mời bà ăn rồi mời bà ngủ lại qua đêm. Sáng ra cả nhà hoảng hốt không thấy bà lão đâu. Người vợ vào xem chỗ bà già nằm thấy một cái túi vải. Người chồng mở ra xem. Trong túi có những hạt nho nhỏ, màu đen. Họ đem túi hạt ấy gieo ra nương. Không lâu sau đó đám hạt đã nảy mầm. Tháng Năm cây ra hoa trắng muốt, rồi làm quả. Tháng Tám quả khô vỏ tách ra những nuốm sợi mỏng tang trắng muốt, mới hay là cây bông. Thế là có bao nhiêu hạt, mùa ấy họ đem trồng hết. Năm sau chia hạt cho hàng xóm. Qua ba, bốn năm cả bản biết trồng bông, năm sáu năm thì cả vùng trồng. Bây giờ, người ta mới chỉ biết dùng bông làm chăn, làm đệm mà thôi.

Vài năm sau, vào ngày hội đầu năm, có bốn thiếu nữ rủ nhau đi hội. Lúc lội qua con suối nhìn thấy đàn cá mát đang chen nhau bơi ngược dòng, họ lội theo để bắt. Họ ngược dòng suối đuổi theo mãi. Đàn cá biến mất, thấy trong hang phát ra những vàng sáng, các cô gái đã rủ nhau vào đó. Ở đây các cô gái gặp lại bà lão ăn xin đang ngồi quay xa xe chỉ và được bà lão truyền lại nghề dệt vải. Bây giờ mọi người trong bản mới biết bà lão ăn xin chính là bà tiên. Từ đó nghề dệt vải được truyền từ đời này qua đời khác và còn lưu truyền đến ngày hôm nay.

Phong tục nơi đây quy ước con gái khi về nhà chồng phải có đủ ít nhất 12 tấm chăn bông thổ cẩm và 4 tấm chăn đơn cùng với 1 đôi nệm bông lau, 12 cái gối. Người dân nơi đây quan niệm, con gái biết trồng bông dệt vải mới là người siêng năng, đảm đang, biết lo toan gia đình. Trước đây ở trong bản, hầu như nhà nào cũng có khung cửi, đó là vật dụng không thể thiếu trong cuộc sống hàng ngày của người phụ nữ Thái quê tôi. Ban ngày họ lao động trên nương rẫy, đêm đến lại miệt mài bên khung cửi để dệt nên những sản phẩm phục vụ cho cuộc sống gia đình. Chính vì vậy, ngay từ khi còn nhỏ, những cô thiếu nữ người Thái ở bản Mác đã phải theo mẹ, theo bà lên nương trồng bông lấy về dệt vải hay ra bờ sông trồng dâu, hái lá đem về nuôi tằm lấy tơ. Để làm ra được một tấm vải thổ cẩm thì phải trải qua rất nhiều công đoạn. Dệt được một tấm thổ cẩm không phải chỉ mất một, hai ngày ngồi bên khung dệt, mà còn phải trải qua khoảng thời gian dài, thậm chí kéo dài cả năm, từ đốt dọn nương, trồng bông, nhặt bông nở, đem phơi, xoắn, cán, bật, xe sợi, làm cuộn, hồ sợi, quay thành búp... Đồng bào gieo hạt cây bông vào mùa Xuân, cùng với các loại cây trồng khác ở trên nương, đến tháng Tư, tháng Năm, cây ra hoa trắng muốt và bắt đầu sai quả. Đến tháng Bảy tháng Tám thì quả bắt đầu khô vỏ và tách ra những sợi bông trắng tinh. Người ta lấy

những hạt bông về phơi khô rồi cán hạt ra, tách sợi bông với hạt ra để riêng. Khi đã có bông rồi, không lẫn các vật khác thì người ta đem đi bật cho bông tơi và lẫn đều nhau, vì như thế bông mới kéo thành sợi được. Sau đó, người đem bông đi giã nhẹ dưới nước để cho chắc sợi. Khi bông đã được kéo sợi rồi thì người ta đem đi nấu với gạo trong khoảng một đêm để các sợi vải chắc, cứng và bóng sợi. Tiếp đến họ sẽ đem đi phơi khô và vò hết các hạt bụi, sạn lẫn trong vải ra. Những sợi vải được quay thành những cuộn nhỏ để sau này lấy sợi ra cho dễ. Để dệt thành vải, người ta phải đo những sợi vải đó, tùy thuộc vào mục đích và sản phẩm như: chăn, màn, địu... Người ta thường lấy 4 chân cột nhà làm thước đo, cứ mỗi vòng vải quanh cột thì dệt được một mảnh thổ cẩm, khi nào đo xong thì họ mới đặt vào khung cửi để dệt. Việc dệt vải là công việc bắt buộc của con gái, đàn ông không được phép ngồi vào khung cửi đấy.

Để dệt thành những tấm thổ cẩm đẹp, nhiều màu sắc, người ta thường phải nhuộm màu cho vải từ các loài hoa hay vỏ cây trong tự nhiên, nhưng chủ đạo vẫn là màu chàm. Hoa văn, họa tiết trên các tấm thổ cẩm cũng rất độc đáo, nó là những hình ảnh cách điệu từ các loại hoa thân thuộc trong đời sống như hoa cà, hoa bưởi, hoa rừng hay cách điệu những con chim, thú... Màu sắc hoa văn rực rỡ, sự phối hợp các màu nguyên sắc có độ tương phản khá mạnh. Không có nguyên tắc về hoa văn của thổ cẩm người Thái ở bản Mác. Mỗi tấm mỗi khác, là do người dệt nghĩ ra, xấu đẹp phụ thuộc vào sáng tạo của mỗi người. Nhìn hoa văn biết sự tinh tế của người con gái, biết tâm tư tình cảm của cô gái đó, biết khi dệt mặt chăn cô có nghĩ tới ai không, mơ về chuyện gì không. Đó chính là điều làm nên sự quyến rũ của những đường hoa văn thổ cẩm nơi đây, hút hồn nhiều du khách và gợi nhớ thương trong lòng những người con xa xứ. Có thể nói, trên từng khung dệt, với tình yêu bản làng, dân tộc, tình yêu lao động và sự đam mê sáng tạo, những thiếu nữ Thái đã thổi hồn vào từng tấm thổ cẩm màu xanh của cây rừng, màu đỏ của hoa rừng, màu vàng rực rỡ của ánh nắng mặt trời, màu nâu của mảnh đất, của quê hương. Màu sắc và hoa văn thể hiện trên tấm thổ cẩm là tinh hoa, là biểu tượng đặc trưng của mỗi dân tộc, mỗi địa phương, vì vậy thổ cẩm của mỗi vùng đều có sự khác biệt, không hòa lẫn vào nhau, kể cả của các bản người Thái với nhau cũng có sự khác biệt. Bố cục của một tấm thổ cẩm khá đơn giản: Có hai loại hoa văn cơ bản là hoa văn nền và hoa văn nổi. Hoa văn nền gồm đường viền khung, đường nền xen giữa các ô hoa văn có màu sắc.

Mặc dù, hầu hết người Thái ở huyện Tương Dương đều biết trồng bông dệt vải, nhưng nổi tiếng nhất là thổ cẩm của người Thái ở bản Mác quê tôi - nơi được coi là cái nôi của nghề dệt thổ cẩm nơi đây. Chị Lương Thị Lan - một nghệ nhân dệt vải ở bản Mác khẳng định: "Hoa văn trên thổ cẩm bản Mác không giống bất cứ hoa văn của dân tộc nào, thổ cẩm bản Mác mặc vừa mềm, vừa ấm, nhưng rất thoáng, khác hẳn với thổ cẩm của một số dân tộc khác". Chính vì thế mà những câu chuyện trồng bông dệt vải của vùng đất này đã được khắc họa trong biết bao truyền thuyết, ca ngợi sức sáng tạo và đức tính cần cù của bà con nơi đây. Ngày nay, trên những ngọn núi không còn là "những nương bông trắng đất Pu Đàng"

nữa, mà thay vào đó là những màu xanh của rừng trồng, của ngô, sắn. Nghề trồng bông dệt vải không còn phổ biến như xưa nữa, bây giờ vải vóc, quần áo đều được người dân mua từ chợ về, chỉ khi nào cưới xin thì người ta mới dệt một, hai tấm chăn để theo tục lệ mà thôi, nhưng mà chất liệu cũng không còn là bông nữa mà là những sợi len ngoài chợ. Mặc dù vậy vẫn có một dòng chảy ngầm với thổ cẩm bản Mác nói riêng và của cả Tương Dương nói chung khiến du khách không thể không lưu luyến mỗi khi đặt chân tới đây. Được biết, trong thời gian tới Chi hội Phụ nữ bản Mác sẽ lập dự án vay vốn để khôi phục nghề trồng bông dệt vải truyền thống.

Mặc dù nghề trồng bông dệt vải không còn phổ biến nhưng đâu đó trong bức tranh sinh hoạt hằng ngày của đồng bào Thái ở bản Mác hay bất cứ bản, làng Thái nào đó của Tương Dương vẫn thấy thấp thoáng màu hoa vẫn còn lưu lại trong mỗi vòng thổ cẩm địu trên lưng bao người mẹ, người bà nhọc nhằn qua năm tháng. Mỗi mùa Đông đến, khi những đợt gió lùa qua khe cửa, tôi lại mơ về cái bếp vuông đỏ lửa trên sàn, những tấm chăn thổ cẩm ấm áp mẹ dệt năm xưa, trong tiếng vọng của câu xuôi, câu lăm và tiếng pí, tiếng khèn giữa trùng điệp núi rừng...

1. Xấn tiếng Thái nghĩa là dây dỗi.

2. Trâu ở bản Xốp Cháo (ở Mường Kom) rất to mập, gái bản Mác rất xinh đẹp.



Minh họa: PHAN TẤT LÀNH

Mỗi người rẽ về một lối

HỒ ANH THÁI

Thông thường một tác giả rất hiếm khi kể lại câu chuyện mình đã viết. Cái phần tinh chất của nó là ngôn ngữ văn phong làm sao có thể kể được, kể lại tác phẩm tức là làm hại nó.

Dù sao, để người đọc hiểu được câu chuyện có thật mà tôi sẽ nói ở phần sau, thì tôi vẫn cần phải kể lại một chút nội dung truyện ngắn *Cuộc săn đuổi*.

Câu chuyện trong ấy xảy ra từ đầu thập kỷ 1970. Một anh chàng mười lăm tuổi, mùa Hè về chơi ở một tỉnh nhỏ. Ở đây cậu ta làm quen với một cậu bạn cùng lứa nhưng lớn trước tuổi. Cậu bạn tên là Biên, con nhà thợ may, mười sáu tuổi đã bóng bẩy chải chuốt. Biên thích cái áo của anh bạn mới, cái áo sơ mi đuôi tôm

đang một lúc ấy, Biên thức qua đêm để tự cắt may cho mình một chiếc áo giống hết. Ngày hôm sau Biên diện chiếc áo đuôi tôm, chiếc quần ống tuýp, tức là loại quần ống bó, rủ cậu bạn lượn lờ trên đường phố trước nhà một cô bạn cùng lớp. Cô bạn ấy quả thật là xinh đẹp. Hai anh chàng cứ lượn qua lượn lại mong người đẹp một lần đưa mắt nhìn ra. Cứ trong cảm xúc mới lớn như vậy, họ lang thang qua những đường phố tỉnh lẻ êm đềm.

Không may cho họ, hôm ấy không hề êm đềm. Người ta bắt ngờ mở một trận truy bắt đám thanh niên mà người ta cho là càn quấy, ăn mặc lố lăng bắt chước bọn tư bản phương Tây đòi trụ. Áo đuôi tôm, quần ống tuýp, đầu dít vịt, bắt hết, bắt sạch, bắt tiệt. Đầu dít vịt là thế nào? Kiểu tóc của bọn con trai học theo một những ban nhạc Âu - Mỹ đang thịnh, tóc để dài, ở chỗ gáy tóc dài vuốt cong lên bị mặt sát là trông như cái dít vịt.

Hai anh chàng mới lớn của chúng ta, cảm xúc lãng mạn về một cô bạn xinh đẹp còn đang vẩn vương thì thành linh bị đuổi bắt. Bị cuốn theo đám thanh niên rầm rập xô nhau chạy trên đường. Từng tốp, từng nhóm chạy ngang chạy dọc, chạy cắt đường, chạy chéo cánh sẻ. Hai chú nhóc chạy vào nấp trong đài liệt sĩ, bị lộ, lại phải trèo lên tháp nước của thành phố. Từ trên ấy, nơi các chiến sĩ cách mạng từng treo cờ ủng hộ Việt Minh chống Pháp, Biên đóng vai trò của một hướng dẫn viên du lịch, giới thiệu cho anh bạn về thành phố quê hương Biên. Bắc, Nam, Đông, Tây, cả thành phố đều trong tầm nhìn từ trên cái tháp nước lịch sử.

Rốt cuộc, chỉ vì sơ suất nhỏ mà hai người bạn bị chộp bắt trong một căn nhà đổ nát chưa kịp xây lại sau một trận bom Mỹ. Họ bị giải về trụ sở tiểu khu. Ở đấy, hàng chục thanh niên đã bị bắt gom lại, đang bị chờ đờ và công an xử lý. Đầu dít vịt bị vài nhát kéo cắt cho sát gáy, nham nhở như thế chỉ còn cách ra hiệu cắt tóc mà cắt tọc. Quần ống tuýp bị rạch từ dưới gấu lên đến đầu gối, cũng chỉ vài nhát kéo. Có đứa bị kéo cắt cả vào chân.

Đầu tóc rũ rượi, áo quần tơi tả tan nát, hai anh chàng mới lớn tất nhiên không dám đi về nhà trong dáng vẻ ấy, đường về lại phải đi qua trước cửa nhà cô bạn gái kia. Thành phố đã lên đèn, đèn hình như lại còn sáng hơn mọi ngày. Hai chú phải đi vòng ra phía sau khu phố, qua những khu nhà bị bom đổ nát và tối om. Rồi hai chú bước thụt xuống một cái hố bom khô, cứ nằm đấy ngửa mặt nhìn lên những cành hoa phượng chỉ còn thoi thóp cuối mùa Hè.

Truyện viết đến đây, tôi tưởng tượng thêm cái kết:

“Sau mấy ngày cuối kỳ nghỉ hè ấy, tôi trở về Hà Nội, bước vào năm học mới. Từ bấy đến nay, tôi đã tốt nghiệp đại học ở nước ngoài, ở lại chuyển tiếp làm nghiên cứu sinh, sau đó lập gia đình và có một con trai.

Tất cả những việc đó, Biên đều không đạt được. Biên tốt nghiệp phổ thông, nhưng phần lý lịch của ông bố không sáng sủa lắm, và lại Biên không có được những nhận xét tốt của khu phố. Mãi đến gần đây tôi mới gặp lại Biên, khi tôi có dịp ghé thăm ông chú. Biên kể cho tôi nghe về hai chuyến vượt biển, nhưng

không thành. Lần thứ nhất, thuyền bị bão đánh dạt vào bờ, hóa ra là bờ biển của ta. Trên người mang bộ quần áo công nhân, Biên lặn vào giữa toản thợ mỏ đi làm sớm. Lần thứ hai, anh ta ôm được một mảnh ván sau khi thuyền bị chìm, bập bềnh trên biển một ngày thì được tàu hải quân vớt lên. Biên bị giam giữ cải tạo mấy lần. Giờ đây sống bằng đôi ba nghề độ nhật. Tài sản đã tiêu tán hết vào những chuyến đi.

Tôi lặng ngời nghe chuyện Biên. Mãi đến khi vang lên tiếng con gái cười khúc khích và gọi bạn, tôi mới giật mình nhìn ra. Tôi đâu quen cô gái nào ở đây, mà lại trẻ thế? Chẳng qua tôi giật mình vì bất chợt nhớ đến giọng cười và câu nói thuở nào: “Tớ thì có ai mà chờ?” Đây là tiếng cười khúc khích và câu nói của cô bạn xinh đẹp cùng học với Biên mười mấy năm trước.

Vậy mà chính Biên lại vẫn ngồi yên, không giật mình, không quay lại, không đưa mắt nhìn ra, thậm chí không một chút xao động trong ánh mắt. Vẻ mặt hoàn toàn bất động và không có dấu hiệu sực nhớ. Đến lúc đó, tôi mới thực sự tin rằng Biên đã mất nhiều trong cuộc tháo chạy ráo riết từ bấy đến nay”.



Biên là nhân vật có thật. Tôi chỉ đổi tên anh hơi khác đi một tí. Ngoài đời, chúng tôi lạc nhau đúng bốn mươi năm, tưởng không bao giờ gặp lại. Khi truyện ngắn trên in ra, tôi nghĩ chắc chẳng bao giờ Biên đọc được. Biên không thể biết mà đọc. Tôi đã tưởng tượng ra cái kết gặp lại Biên như ở trên, thực ra thì không phải. Chuyện Biên vượt biển bị bắt, tôi tình cờ nghe được từ một người khác.

Khoảng năm 1983, trên một chuyến tàu Thống Nhất từ Hà Nội vào Sài Gòn, tôi ngồi cạnh một anh, vốn là công nhân nhà máy dệt, nhưng nhà máy giải tán, anh vào Nam tìm đường làm ăn. Hỏi chuyện một lúc thì hóa ra anh là người hàng phố của Biên. Đời nó lang bạt lắm, anh kể. Nó vượt biên hai lần đều bị bắt lại, bị đi tù, rồi bây giờ phiêu bạt làm ăn khắp nơi.

Mười năm sau khi đất nước thống nhất, người vượt biển ra đi rất nhiều. Nghe kể thế, tôi cảm thấy chắc là Biên còn đi nữa, nếu không đi thì một cái lai lịch như thế, ở lại mưu sinh cũng thật gian nan. Tôi cảm thấy con đường của chúng tôi sẽ không bao giờ gặp nhau.

Đến năm 1988 tôi mới ngồi viết lại chuyện của Biên thành truyện ngắn *Cuộc săn đuổi*, nhưng mãi đến năm 1995 mới in lần đầu trên báo. Trong truyện, tôi tưởng tượng thêm rằng tôi đã gặp lại Biên. Truyện in ra, tôi thở phào như đã trút được gánh nặng. Gánh nặng về Biên. Chúng tôi sẽ không còn gặp lại, nhưng lòng tôi đã vơi nhẹ, ký ức về một người bạn cũ đã có thể xếp lại.

Năm 2015, trước một chuyến đi lâu ra nước ngoài công tác, tôi có trở lại cái thành phố nhỏ ấy. Ban đêm, tôi lang thang qua đài liệt sĩ và cái quảng trường bị săn đuổi ngày xưa. Qua hai hiệu sách ngay trên đường phố chính là nơi ưa thích ngày xưa của chúng tôi. Không một gợn nghĩ tìm đến nhà Biên. Tôi mặc nhiên coi là anh bạn hai lần vượt biển như vậy thì giờ cũng lặn lội mưu sinh tận những nơi nào

rồi. Buổi tối hôm ấy, tôi tìm đến nhà một người quen cũ, cũng phải hỏi han mãi vì người ấy đã chuyển sang đường phố bên cạnh. Gặp được người quen. Chuyện trò một lát, người bạn bảo: Biên nó đang ở đây đây.

Điện thoại. Nửa tiếng sau thì Biên đến. Chúng tôi gần như không nhận ra nhau. Đúng bốn mươi năm rồi. Từ lúc mười lăm tuổi mà bây giờ đã năm lăm. Biên nhớ tôi ngày xưa trắng bóc tóc xoăn bồng bênh, giờ không có. Tôi nhớ Biên lớn trước tuổi, chải chuốt phong nhã, giờ cũng không có. Nước da sạm đi, thuần một vẻ doanh nhân bậc trung, kiểu người bị công việc làm ăn cuốn đi. Chỉ còn lại nụ cười trắng lóa đào hoa là của ngày xưa.

Biên kể sau hai lần bỏ chạy mà thất bại, bị bắt lại, Biên lao vào làm ăn. Những chuyến xe tải từ Bắc vào Nam. Lập được công ty, thì bị bạn làm ăn lừa, mất trắng. Lại những đêm triền miên sau tay lái từ Nam ra Bắc. Gây dựng lại từ đầu. Bây giờ Biên có một nhà máy ở Thái Bình, một công xưởng ở Hà Nam và cả trong Nha Trang. Sản phẩm đã xuất được sang Mỹ và một số thị trường khác. Nhớ lại những năm từ tay trắng đi lên. Lặn lội Bắc Nam, đầu tắt mặt tối. Đêm đêm trên từng cây số. Năm 1988, có lần Biên dừng xe trước một hiệu sách ở Nghệ An và mua được quyển *Người và xe chạy dưới ánh trăng*. Lúc ấy mới biết bạn mình viết tiểu thuyết. Đêm xuống, nửa nằm nửa ngồi trên ghế xe, giờ sách ra đọc. Rồi mấy năm sau Biên lại mua được quyển sách có truyện *Cuộc săn đuổi*, đem về đưa cho đứa con nhỏ: Đọc đi con, bạn bố viết về bố đấy.

Bốn mươi năm, gặp lại một buổi không đủ hàn huyên. Biên hẹn tôi một hôm khác ra Hải Phòng. Tôi từ Hà Nội xuống. Biên lái xe từ một công xưởng ở Nam Định sang. Từ Hải Phòng, Biên đưa tôi sang Hạ Long, ghé vào nhà mấy người họ hàng. Bạn đấy, đúng bốn mươi năm mới gặp lại. Biên nói với họ.

Chiều tối trở về Hải Phòng, chúng tôi đi dạo qua những đường phố. Qua quảng trường nhà hát lớn thành phố. Qua mấy cái quán hoa mái ngói cong cong đặc trưng Hải Phòng, khiến tôi nhớ Hà Nội ngày trước cũng có mấy cái quán hoa mái ngói tương tự bên hồ Gươm, rồi người ta nghĩ thế nào mà phá đi mất. Đi dạo quanh hồ Tam Bạc. Một lát, chúng tôi dừng lại bên hồ. Bên kia đường là một tòa nhà màu vàng, bức tường cao cũng màu vàng. Một cái cổng vòm cuốn hẹp, trước cổng có bốn gác hình lục lăng, một kiểu kiến trúc thời Pháp.

Chúng tôi cứ đứng chỗ ấy mà nói chuyện một lúc. Rồi tôi lại nhìn tòa nhà màu vàng bên kia đường mà hỏi, nhà gì thế nhỉ. Biên bảo trại giam Trần Phú đấy. Tôi đoán người Hải Phòng nói với nhau trại giam Trần Phú thì cũng như người Hà Nội nhắc đến Hỏa Lò, Hỏa Lò đấy. Biên kể bên trong ấy có cái cây này cây nọ, rồi ở phía bên phải kia là phòng nọ phòng ấy. Tôi nghe tai nọ ra tai kia mà không để ý lắm. Cho đến một lúc sau, bất chợt giật mình tự hỏi. Gì vậy? Đây là nhà tù mà, sao lại biết rõ cây này cây nọ, biết cả vị trí phòng giam?

Hóa ra nãy giờ mình vô tình. Còn Biên thì hẳn hoi chủ ý dẫn tôi đến đây. Biên bị bắt vài lần khi dạt vào bãi biển, rồi bị giam vào đây vài lần. Chung trại giam

với mấy ca sĩ nổi danh cũng là diện vượt biên không thành. Việc Biên đi tù, dạo trước tôi viết vào truyện là do nghe anh bạn cùng phố của Biên kể lại. Bây giờ, Biên muốn dẫn tôi đến đây để tự mình kể lại những truân chuyên của mình. Kể trực tiếp.

Biên hẹn tôi ngày nào đó gặp nhau ở Nam Định và Nha Trang, hai nơi Biên sống đồng thời có cơ sở sản xuất. Một lần chúng tôi hẹn nhau ngồi uống bia bên hồ Vỹ Xuyên, Nam Định. Cuối Thu, gió từ hồ thổi vào lành lạnh. Lại thêm bia lạnh. Tôi chủ quan bước ra khỏi ô tô chỉ mặc một chiếc sơ mi, trong khi Biên và hai họa sĩ Kim Duẩn và Đặng Hồng Quân đều có áo khoác. Bia lạnh, gió lạnh, mọi người nhìn tôi cười giấu một ông già muốn tỏ vẻ thanh niên. Biên chạy ra xe mình, mang vào một chiếc áo vét và một chiếc mũ phớt. Áo choàng lên người tôi, mũ đội lên đầu. Giờ thì yên tâm, gió kệt gió.

Chiếc mũ phớt màu boóc đô, Biên bảo tôi mang về Hà Nội làm kỷ niệm. Đây là lần gặp cuối cùng. Thời kỳ dịch Covid-19 căng nhất, Biên đi. Ung thư vòm họng.

Đường đời chúng tôi không song hành. Biên và tôi như hai người đạp hai chiếc xe thơ thần bốn phương tám hướng, mấy chục năm mới chạm nhau một cái, rồi lại đường ai nấy đi.

Quảng trường... (Xem tiếp trang 2)

Ghi nhận thành tích đã đạt được, Ban quản lý Quảng trường Hồ Chí Minh và Tượng đài Bác Hồ đã được nhận nhiều bằng khen, giấy khen của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, Ủy ban Nhân dân tỉnh cùng với nhiều phần thưởng cao quý khác như: thành tích xuất sắc tham gia tổ chức thành công Lễ hội Làng Sen toàn quốc năm 2010; thành tích xuất sắc trong công tác chỉ đạo và tổ chức Lễ hội Làng Sen toàn quốc năm 2015 tại tỉnh Nghệ An; thành tích xuất sắc trong xây dựng và tổ chức hoạt động văn hóa và thể thao tại địa phương năm 2019; thành tích xuất sắc trong xây dựng và tổ chức hoạt động di sản văn hóa tại địa phương năm 2021...

Hình ảnh Bác Hồ uy nghiêm, vĩ đại mà giản dị, thân thương giữa lòng Thành phố Đỏ từ lâu đã trở thành biểu tượng sống của Đảng bộ và Nhân dân Nghệ An và lưu dấu trong trái tim người dân cả nước. Với những giá trị lịch sử, văn hóa, đạo đức, thẩm mỹ của công trình, Quảng trường Hồ Chí Minh và Tượng đài Bác Hồ đã, đang và sẽ mãi mãi là công trình văn hóa - chính trị quốc gia tiêu biểu của đất nước và con người Việt Nam. Sự nghiệp, tư tưởng, đạo đức, phong cách và hình ảnh của Chủ tịch Hồ Chí Minh sẽ trường tồn trong tâm trí mỗi người dân Việt Nam nói riêng và nhân loại nói chung.



Minh họa: ĐÌNH TRUYỀN

Mự tôi

HỒ NGỌC QUANG

Tôi được phân công làm trưởng đoàn nhà văn tỉnh Nghệ An đi thực tế vùng Tây Bắc. Kinh phí eo hẹp nên chuyện ăn nghỉ trưởng đoàn phải tính toán rất chi li, chặt chẽ. Theo kinh nghiệm của anh bạn trẻ đã đi nhiều vùng này thì chúng tôi nên nghỉ ngơi ở các homestay. Ở đây cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp mà giá chỉ bằng một phần ba nhà nghỉ, hoặc khách sạn. Hơn nữa, cái ăn lại rẻ, những thứ đặc sản như xôi bảy màu, lợn đen nướng, măng đắng chấm chéo chỉ ngang một suất cơm bụi dưới xuôi.

Điểm đầu tiên đoàn dừng chân là homestay Suối Mơ trên cao nguyên Xuyên Mộc, nơi được coi là “Đà Lạt của Tây Bắc”. Chúng tôi ở đối diện suối ánh bạc long lanh dưới ánh mặt trời. Các phòng ngủ ở đây được lát sàn gỗ, trong phòng đầy đủ tiện nghi. Mỗi dãy có từ năm đến bảy giường, đa phần anh em thấy thoải mái.

Niềm vui đang rực cháy trong lòng nhưng tôi vẫn phải sang Ủy ban huyện lữ mình có thất thổ gì với phong tục địa phương.

Trời vừa tang tảng sáng, sương mù đang như khói um, còn quá sớm nên Ủy ban vẫn chưa ai đến làm việc. Đứng đợi một lúc thấy có người xách cặp lên tầng hai, tôi vội chạy theo và trình bày lý do, người đó bảo:

- Mời anh vào phòng tôi uống nước đã.

Tôi ngược lên cánh cửa thấy biển “Chủ tịch Nông Văn Đợi”. Ôi thì ra là Chủ tịch huyện! Thấy anh chân tình, giản dị, tôi trình giấy tờ, nói chương trình của đoàn. Anh ân cần nhìn tôi:

- Quê nhà văn Hồ Sỹ Quân ở Làng Quỳnh, Quỳnh Lưu à? Mấy khi các nhà văn ở Nghệ An ra đây giúp tuyên truyền, quảng bá cho huyện rẻo cao hẻo lánh này, văn phòng sẽ bố trí các anh chị phòng khách vip, ăn ở xe cộ, người hướng dẫn. Bây giờ giờ tôi có cuộc họp bên Huyện ủy, hẹn anh ngày mai ta sẽ hàn huyên với nhau.

Chúng tôi đành theo sự sắp xếp của văn phòng. Cô gái Thái tên Luyện, áo cốm, váy đen và chiếc khăn piêu thật xinh là người đưa chúng tôi đi.

- “Thưa các bác, các anh chị”, Luyện nói, “từ hôm nay em được lệnh của Chủ tịch huyện đưa đoàn Nghệ An đi thực tế vùng Tây Bắc. Em xin giới thiệu qua các điểm du lịch quê em, trên đường đi em sẽ giới thiệu thêm trang phục, phong tục tập quán của đồng bào các dân tộc sinh sống ở đây”.

Nghe Luyện diễn thuyết, tôi cứ nghĩ mông lung, không biết sao Chủ tịch Đợi lại quan tâm đến chúng tôi quá mức như thế này và tại sao sáng nay lại cứ xem đi xem lại chứng minh nhân dân của tôi? Anh, quê quán, ngày tháng năm sinh có gì lạ ư? Khi Luyện đang nghĩ giải lao, tôi đứng lên hỏi:

- Chủ tịch huyện ta quê ở đâu em?

- Dạ Chủ tịch Nông Văn Đợi là người dân tộc Tày ở bản Coon, cách trung tâm huyện hai mươi km. Anh ấy là kĩ sư, giỏi lắm, được mọi người rất yêu thương và kính trọng, sắp tới sẽ sang làm Bí thư Huyện ủy đấy anh ạ.

Trưa đoàn trở về huyện đã thấy vợ chồng Chủ tịch chờ sẵn. Anh chào hỏi từng người và chiều hôm đó anh mời đoàn về bản Coon xem sinh hoạt văn hóa, liên hoan ẩm thực theo phong tục người Tày.

Đúng là nơi đây còn lưu giữ nguyên vẹn bản sắc văn hóa truyền thống từ phong tục, tập quán, lễ hội, trang phục, nhạc cụ, các điệu dân ca, dân vũ như lễ hội, múa sạp, múa xòe, hát then, nhạc cụ pí cạp, pí sên, khèn môi đến các món đặc sản như gà mọ, cá suối nướng úp, nộm da trâu, thịt trâu gác bếp, thắng cố, các loại rau rừng, măng rừng, canh bon, rêu suối,... cái gì cũng lạ cái gì cũng mới. Rồi Đợi kéo cả đoàn lên xe về nhà anh.

Ngồi trên xe, anh tâm sự: Bố mẹ tôi đều là người dân tộc Tày ở bản này, bố mất sớm khi mẹ mới 24 tuổi, mẹ ở vậy nuôi con. Bà là cán bộ ngành Y, hiện nay vẫn

đang bốc thuốc chữa bệnh cho dân bản. Đã bao lần chúng tôi mời cụ xuống thị trấn nhưng cụ không chịu, cụ còn tuyên bố không bao giờ đi khỏi bản Coon này.

Xuống một con dốc dài khúc khuỷu, hoang vu, xe đi chậm lại. Phía sau thung lũng nhấp nhô khoảng 20 đến 30 nhà sàn lợp lá cọ xinh xắn, quây quần, dựa lưng vào sườn núi trùng điệp. Xe dừng lại ở ngôi nhà sàn to rộng đầu bản, anh Đợi nói to:

- Mẹ ơi nhà ta có khách quý đến chơi này.

Trong nhà có bốn năm người đang nói chuyện, nghe tiếng anh Đợi, một cụ bà rất phúc hậu mặc bộ quần áo đen, da trắng, tóc bạc dài bồng bênh như mây, nhanh nhẹn xuống cầu thang:

- Chào các anh, mời các anh lên nhà, tôi đang dở tay bốc thuốc cho bà con trong bản.

Tôi đỡ lời bà:

- Thưa bác, chúng cháu ở Nghệ An ra công tác ngoài này, là người quen của anh Đợi, muốn được đến thăm nhà và chúc sức khỏe bác ạ.

Bà cụ hơi ngạc nhiên, chăm chú nhìn tôi rồi cụ tiếp tục đến bốc thuốc cho mấy người đang ngồi chờ. Anh Đợi lên, lấy quả bầu đựng rượu ở góc nhà rót ra các bát, mời mẹ và mời chúng tôi:

- Khách quý đã lên nhà thì phải uống rượu. Đây là phong tục của chúng tôi, mong các bác cạn chén, mời mẹ và các mẹ cùng cạn chén với khách quý ạ!

Nói rồi anh uống hết bát, chúng tôi nhấp môi mãi rồi cũng hết. Ngồi nói chuyện một lúc, tôi đưa túi quà đến bên cụ nói:

- Thưa bác, hôm nay chúng cháu đến thăm sức khỏe của bác không có gì, đoàn nhà văn chỉ có sách, xin tặng bác mấy cuốn viết về Nghệ An, bó hương trầm cũng của quê hương và hoa quả ạ.

Cụ cảm ơn, đỡ lấy gói quà, lấy chiếc phong bì ra và nói:

- Tôi xin nhận quà nhưng phong bì thì gửi lại.

Nói rồi cụ ngồi im, chăm chú nhìn chúng tôi từng người một như tìm kiếm điều gì. Trời về khuya, chúng tôi xin phép ra về, cụ tiễn ra đến hết cầu thang rồi vào nhà ngay, thật khó hiểu.

Mấy ngày sau, Chủ tịch Nông Văn Đợi gọi tôi:

- Anh đang ở đâu đấy, tối nay anh về bản em được không? Mẹ em rất muốn gặp anh, chỉ mình anh thôi, năm giờ chiều nay em đến đón anh nhé!

Gặp vợ chồng anh đến đón, tôi hỏi có việc gì không anh, anh bảo:

- Vợ chồng em cũng hồi hộp lắm không biết đã xảy ra chuyện gì, chỉ thấy mẹ điện thoại khẩn khoản bảo em cố gắng mời anh về cho mẹ gặp và ăn với mẹ bữa cơm. Em thấy lạ, chưa bao giờ mẹ em như thế này, nên rất lo.

Anh cho xe đi rất nhanh, về đến đầu bản Coon đã thấy cụ đứng đợi sẵn, vẫn quần áo đen dân tộc, giày vải, khăn đội đầu, nhanh nhẹn như con gái. Mọi người xuống xe chào cụ, cụ đến gần nói nhỏ với vợ anh Đợi:

- Hai vợ chồng về làm thịt gà để đãi khách quý nhé, gà mẹ đã nhốt sẵn dưới chân cầu thang, mẹ cùng anh Quân đi chơi nói chuyện, tí về ăn cơm.

Nói rồi cụ chỉ cho tôi đi về phía con suối đang chảy róc rách, bảo ngồi xuống hòn đá to phẳng bên bờ, cụ ngồi đối diện nhìn tôi trù mẫm nói:

- Mấy ngày nay tôi đã đọc xong mấy cuốn sách của nhà văn tặng, hay quá, giá trị lắm, nhất là hai cuốn “Làng tôi làng Quỳnh” và “Chuyện của làng”. Nó gợi cho tôi những kỷ niệm tuổi thơ; những năm tháng tươi đẹp của tuổi trẻ, của làng quê cuộn cuộn như nước lũ tràn về đã biến tôi thành một con người khác, không ăn, không ngủ được suốt mấy ngày nay. Nhà văn, câu chuyện “Chuyện nhà chú tôi” anh đã kể thật bao nhiêu phần trăm?

- Dạ chuyện thật trăm phần trăm của chú ruột cháu đấy, cụ thấy sao ạ?

Cụ im lặng, một dòng nước mắt lăn dài trên khuôn mặt trắng trẻo phúc hậu, tôi chột dạ, càng không hiểu sao nữa.

Tôi vẫn nhớ như in bài ký về người chú đặc biệt của mình. Chú tôi là bộ đội ở chiến trường miền Nam, có một người vợ rất xinh đẹp, đẹp như hoa hậu của làng và là y sỹ, Trạm trưởng Trạm Y tế xã. Cưới nhau đã lâu chú vợ vẫn chưa có con. Vì tình hình khẩn cấp, năm 1973, cấp trên điều chú đi học ngành Hạt nhân nguyên tử ở Liên Xô, trước khi đi cũng không về nhà được. Trong thời gian này, vợ lại có con. Vì không chịu được búa rìu dư luận và sự thờ ơ, lạnh nhạt, thậm chí xúc phạm của chú qua những lá thư nên khi con được hai tuổi, vợ đưa con đi biệt xứ. Chú về nước, tập trung nghiên cứu chuyên môn, một thời gian dài không về quê và cũng không lấy vợ khác.

Ngày bố tôi ốm nặng chú tranh thủ về chăm sóc, thỉnh thoảng tạt qua ngôi nhà của vợ chồng chú trước đây. Tình cờ trong rương gỗ đựng toàn bộ thư từ và đồ kỷ niệm của vợ chồng, chú thấy gói nhỏ bọc ni-lông rất cẩn thận, trong đó có ảnh hai mẹ con. Cu con trai hai tuổi giống chú như đúc, từ đôi mắt tròn xếch, miệng rộng đến cái bốt nhỏ ở thái dương. Ở dưới là mấy dòng viết vội: “Em nghe lời anh, hy sinh cho anh tất cả, để bây giờ mẹ con em sống còn khổ hơn chết! Mẹ con em đi đây, vĩnh biệt anh! Vĩnh biệt ngôi làng thân yêu!”

Chú vội vàng gấp mảnh giấy và chiếc ảnh bỏ vào túi áo trên cái cúc cẩn thận, chạy sang dựng bố tôi dậy nói lắp bắp vội vàng:

- Anh! Anh! Hồi đó, cả nhà ta và cả cái làng này nói vợ em ngoại tình, chữa hoang, anh và dân làng có trông thấy hay bắt được lần nào không?

Bố tôi rất ngạc nhiên trước sự gay gắt vô lý của chú, mặc dầu rất mệt nhưng cũng cố ngồi dậy trả lời:

- Thực ra bắt được mự Thảo trai trên gái dưới thì không và việc hôm nay đi với người này mai đi với người khác ở nơi bóng tối như người ta đồn đại, cũng chưa ai bắt gặp, tất cả chỉ là dư luận. Nhưng hai điều sau đây thì mự không cãi vào đâu được. Một là vào đêm tháng 9 năm 1972, cái đêm mà bom Mỹ bỏ trúng đám cưới làm chết hơn 50 người chú nhớ không? Khi pháo sáng rải khắp cả vùng này, đêm mà sáng hơn ban ngày, vào lúc hai giờ sáng nhiều người trong làng thấy có một thanh niên vội vàng lao từ trong nhà mự Thảo ra, vừa đi vừa chạy; thằng chất Bện chạy theo thì nghe nói người đó lên phía đường quan, vậy là người làng khác. Thứ hai là đứa con trai ra đời sau đó, mự còn già mồm nói con của vợ chồng tôi, lúc đó chú đang ở chiến trường Quảng Trị, mấy đứa đàn bà trong xóm lấy ngày sinh của thằng bé trừ đi chín tháng mười ngày đúng ngày bom bỏ vào đám cưới làng bên, cái đêm pháo sáng rực trời, là cái đêm thằng mất dạy đó chạy trong nhà chú ra lúc 2 giờ sáng. Đó là ngày 30 tháng 9 năm 1972, ngày giỗ làng bên. Chú nói chồng đi bộ đội vợ ở nhà chữa hoang, lại ngoan cố không khai ra, bị khai trừ ra khỏi Đảng. Mọi người biên thư khuyên chú bỏ con đàn bà lẳng lơ, bỉ ổi đó là đúng hay sai?

Chú tôi rên lên một tiếng:

- Anh giết em rồi, cả cái làng này giết vợ chồng em rồi.

Chú ôm mặt khóc hu hu như một đứa trẻ trước sự ngạc nhiên của bố tôi và tất cả mọi người, không ai hiểu đầu đuôi tai nheo ra sao cả. Một tháng sau thì bố tôi mất mang theo cả nỗi băn khoăn, trăn trở của một người anh sang thế giới bên kia.

Chú ra đơn vị xin về hưu trước tuổi với hàm thượng tá, phó tiến sỹ, rồi sửa lại ngôi nhà cũ sau bao năm bỏ hoang để sống một mình và lên kế hoạch hành trình đi tìm vợ con.

Hai năm lặn lội ra vào ở đất phương Nam, bao nhiêu chuyện ly kỳ, nguy hiểm rình rập, hy vọng, thất vọng, và sự sống chết cách nhau gang tấc được tôi đặc tả trong bài ký rất chân thật công phu và kỳ thú. Chú đi hết các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ, không chỗ nào là không đặt chân đến, đi cho rạc cả người, đen thui như cò hương. Mỗi lần về tiếp tế là chú gầy thêm một tý, cuối cùng còn da bọc xương, cả làng cả họ ai cũng thương và khuyên chú ở nhà dưỡng sức, nhưng chú quyết đi một chuyến ra vùng Tây Bắc, Đông Bắc một tháng, rồi hai tháng cũng vô vọng. Chú về sống trong nỗi cô đơn chán chường, khi nào cũng như người mộng du, tâm thần, vừa đi vừa cười, tay bắt chuồn chuồn, miệng luôn lầm bầm: "Tha cho anh, tha cho anh". Trẻ con trong làng đều gọi chú là ông Tiến sỹ tha-cho-anh. Ba mươi Tết năm đó chú chết, đầu gục trên bàn, tay còn cầm chặt bức ảnh và mấy dòng vĩnh biệt của mự Thảo...

Có lẽ không thể kiềm chế lâu hơn được nữa, bà đứng dậy tay run run, đặt lên vai tôi nói lấp bắp, tiếng làng Quỳnh đặc sệt:

- Cháu ơi, mự đây, mự Thảo vợ chú Kiềm của cháu đây, mự định quên hết quê hương bản quán, họ hàng, không bao giờ về ngôi làng thân yêu với những con người bội bạc ấy nữa. Nhưng khi đọc truyện của cháu, mự quyết định gặp cháu,

nói ra tất cả sự thực mà mẹ đã chôn chặt trong lòng suốt 50 năm qua, và mẹ sẽ về tạ lỗi với tiên tổ...

Qua lời kể chấp vá, lộn xộn ngắt quãng của mẹ Thảo, xâu chuỗi lại tôi hiểu được một cuộc đời đầy uẩn tắc, ngập tràn thương đau của gia đình chú mẹ.

Năm 1968, làng Quỳnh có hai đoàn viên thanh niên trai tài gái sắc là Hồ Sỹ Kiêm và Hoàng Phương Thảo học một lớp, ở cùng một xóm. Họ yêu nhau tha thiết và được cả hai gia đình, chi đoàn thanh niên, bạn bè cùng trang lứa vun vào, cổ vũ. Tốt nghiệp phổ thông, có giấy báo đi đại học nước ngoài nhưng Kiêm lại xung phong đi bộ đội, Thảo đi học trung cấp y Nghệ An.

Trước khi lên đường, địa phương và gia đình tổ chức lễ cưới cho đôi uyên ương này. Vì gia đình đông người nên bố mẹ hai bên làm cho đôi vợ chồng son ngôi nhà lim ba gian xinh xắn ngay cạnh nhà bố mẹ chồng. Cưới nhau được mấy tháng, anh Kiêm lên đường vào mặt trận Bình Trị Thiên khói lửa. Cô thôn nữ Hoàng Phương Thảo sau hai năm học xong y sỹ về làm Trạm trưởng y tế xã.

Tất cả thời gian cô dành cho chuyên môn và các hoạt động xã hội. Đêm khuya, dù mưa lạnh đến đâu, khi có bệnh nhân cô đều xách túi cứu thương, cầm đèn bão ra đi. Khi rồi việc, cô ra đồng cùng chi đoàn thanh niên làm bèo hoa dâu, ủ thóc giống, làm phân xanh, hầu như cô không có thời gian nghỉ để xua đi nỗi nhớ chồng ngoài mặt trận. Cô được bầu là thanh niên ba sẵn sàng, rồi chiến sỹ thi đua, được đi báo cáo điển hình ở huyện, ở tỉnh, và vinh dự được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam khi mới tuổi đôi mươi..

Vợ chồng xa nhau được bốn năm, mỗi năm được ba bốn lá thư, trong thư anh tả nỗi nhớ vợ còn cào, da diết, nhớ mái nụ hôn và hơi ấm tuần trăng mật... Ban ngày làm công tác chuyên môn rồi hoạt động xã hội giúp cô nguôi ngoai sự nhớ nhung, nhưng ban đêm, ở một mình, nỗi nhớ thương, thèm muốn da diết quá! Nhiều đêm tưởng chừng không vượt qua được, xay hết lúa, giã hết gạo rồi cô lại bỏ trấu vào xay đến một hai giờ sáng cho quên đi. Nếu như anh Kiêm đi để lại cho cô một đứa con chắc không khổ sở như thế này...

Thế rồi sự mong mỏi, hy sinh đã được đền đáp. Tháng 8 năm 1972, trong trận đánh nhau ác liệt ở Thành cổ Quảng Trị ta đã bắt được tên đại tá cố vấn Mỹ, bốn chiến sỹ được lệnh khẩn cấp giải tên cố vấn ra Hà Nội bằng xe com-măng-ca ngụy trang rất kín, ngày đi, đêm đi, tuyệt đối không được nghỉ. Ngoài lí do tên đại tá cần phải có mặt tại Bộ Quốc phòng càng sớm càng tốt để ta khai thác tài liệu gì đó, rất quan trọng cho trận đánh sắp tới, còn có việc chú được cử đi học khẩn cấp ở Liên Xô.

Thế nhưng, qua khỏi phà Bến Thủy, mấy anh em cùng đi biết hoàn cảnh chú Kiêm, ở chiến trường đã bốn năm, sắp sửa đi Liên Xô thêm bốn năm nữa, lại biết từ thị trấn Cầu Giát trên đường quốc lộ 1A về làng Quỳnh chỉ vài cây số, nên chiếu cố cho anh tạt qua nhà một tý gặp vợ, may ra có con nối dõi. Vấn đề là phải

giữ bí mật, lộ ra sẽ bị đồn ra bả. Tóm lại, cả đi lẫn về trong vòng hai tiếng đồng hồ. Anh Kiềm thề như đinh đóng cột. Anh xuống xe là chạy bộ một mạch đến nhà.

Kiềm về nhà trong cảnh vắng lặng, trời tối thui như mực. Thì ra vợ đang giã gạo, ở gian nhà ngang. Anh thấy vợ ngồi trầm ngâm bên bóng đèn Hoa Kỳ sáng như hạt đỗ. Anh sờ tay vào cối gạo thấy trấu đã thành cám, anh hiểu rồi... Anh ôm chầm lấy vợ, nước mắt chảy dài. Bao nhiêu yêu thương, nhớ nhung của đôi vợ chồng trẻ quyện vào nhau. Họ chỉ kêu lên được hai từ anh..., em... và tan ra trong nhau, trong niềm hạnh phúc mê mê.

Bỗng tiếng máy bay gào thét, tiếng đùng đoàng lệt đệt, pháo sáng rực trời, ban đêm mà trời còn sáng hơn ban ngày, vợ chồng trẻ đang sung sướng hạnh phúc bên nhau, bỗng hàng loạt tiếng bom nổ như thăm sát cả vùng này. Kiềm bừng tỉnh:

- Thôi chết rồi em ơi, bọn anh đang áp tải một tên cổ vấn Mỹ, xe và đồng đội anh đang ở trên đường quốc lộ, lộ rồi, nguy rồi. Em nhớ không để lộ ra đêm nay anh về đây đâu nhé, nếu đơn vị biết được là bốn đồng đội và anh phải ra tòa án binh đấy, có khi phải tử hình cũng nên.

Nói rồi anh ôm vợ hôn tới tấp lần cuối và phóng ra cửa, bắt chấp nguy hiểm phi thăng ra đường, may mà xe, người và tên đại tá cổ vấn Mỹ vẫn an toàn.

Chiều tối hôm sau các anh đã có mặt ở Hà Nội, bàn giao nguyên vẹn tên đại tá cổ vấn cho Trung ương, và anh khẩn trương chuẩn bị lên đường sang Liên Xô học tập.

Nhưng tai họa lại ập đến ngôi nhà nhỏ của anh ở làng Quỳnh. Sáng hôm sau, làng Quỳnh đất trời như có bão lớn, xôn xao bàn tán hai sự kiện xảy ra. Một là máy bay Mỹ đã bỏ bom trúng vào đám cưới làm chết gần năm mươi người ở làng bên. Hai là thần tượng của làng, cô y sỹ Trạm trưởng, chiến sỹ thi đua, người vợ chiến sỹ đảm đang Hoàng Phương Thảo đã lén lút đưa trai vào “ngủ lang” trong nhà. Cái chứng cứ của chuyện tày trời sau là nhờ pháo sáng, đến con kiến cũng thấy, nên nhiều người nhận ra bóng một anh chàng cao to vượt qua cửa phụ ra cánh đồng, chạy theo đường lớn. Người thì đoán anh này ở trên huyện, thường về làng chỉ đạo xã làm thủy lợi, có người lại quả quyết nói ông này là bác sỹ bệnh viện huyện, còn đám thanh niên thì phán như đinh đóng cột rằng tay này ở Huyện đoàn, vì nó cao trên mét bảy. Chỉ trong một ngày mà tiếng đồn thổi đã bay khắp xã, Thảo không dám ra đường, bố mẹ hai bên không dám đến nhà ai.

Bao đêm, Thảo trần trọc không ngủ được, mặc dầu anh Kiềm đã sang Liên Xô, thường xuyên gửi thư về động viên vợ hãy cố gắng lên, chồng hiểu tấm lòng và sự thủy chung hy sinh của vợ là được, mọi chuyện nói sẽ qua nhanh thôi mà. “Quan trọng là em giữ được bí mật, đó là sinh mạng chính trị của anh và đồng đội. Anh còn nghi ngờ hôm đó thằng cổ vấn Mỹ đã phát tín hiệu nên máy bay rải pháo sáng cả vùng để tìm kiếm người của nó, may mà người và xe của anh vẫn an toàn. Đúng là nguy hiểm thật! Vì mình, vì tình yêu, anh đã bắt chấp tất cả, bây giờ có chết em cũng phải bảo vệ anh đến cùng”.

Đến tháng thứ ba thì bụng Thảo đã lùm lùm, cô ngập tràn hạnh phúc mà chỉ biết chia sẻ với chồng. Anh Kiềm cũng mừng lắm, khuyên cô giữ gìn sức khỏe, cố gắng bồi dưỡng để mẹ tròn con vuông. Nhưng búa rìu dư luận bắt đầu bổ vào cô, khốc liệt và tàn nhẫn. Đầu tiên là gia đình nhà anh Kiềm từ mặt con dâu, mặc dầu anh Kiềm đã viết thư về động viên nói gần nói xa là cháu của ông bà, có điều không ai tin cả. Thảo nói nhỏ anh Kiềm có về tạt qua thì ông lung loạn lên:

- Mày đừng bốc lửa bỏ tay người. Nếu con tao về chả nhẽ nó không thăm người sinh thành ra nó. Mày còn già mồm thì ông viết thư hỏi thủ trưởng đơn vị nó. Trăm bó đuốc cũng bắt được con ếch. Tao gửi trăm lá thư theo hòm thư đó thế nào thủ trưởng nó cũng bắt được. Thế là rõ trắng rõ đen ngay thôi mà. Làm đi, à nào chả già mồm.

Nghe bố chồng dọa thế, Thảo đành ôm nỗi oan trái trong lòng, im như thóc.

Đứa con trai kháu khỉnh ra đời, lại những đòn trời giáng mạnh vào cuộc đời non trẻ cô đơn của cô. Đầu tiên là những kẻ hiếu kỳ đến xem mặt thằng bé, người thì bảo giống cán bộ này, người thì bảo giống lãnh đạo kia, có cô ế chồng trong trạm xá thì chắc chắn giống ông bác sỹ, phó giám đốc bệnh viện như tặc... Mặc, Thảo vẫn thấy hạnh phúc tràn đầy, suốt ngày bên con và viết thư cho chồng, anh Kiềm cũng thư về tới tập động viên vợ cố vượt qua, và đặt tên con là Đợi, Hồ Sỹ Đợi. Ý anh đây là sự mong đợi và có ý đợi ngày giải oan, đợi ngày đoàn tụ, đợi ngày nói ra hoàn toàn sự thật và đợi ngày vợ chồng ngập tràn hạnh phúc, thế nhưng chưa biết đợi đến bao giờ.

Chi bộ họp kiểm điểm, bắt cô phải khai ra bố đứa trẻ là ai để kỷ luật luôn thằng cha mất dạy vi phạm chính sách hậu phương quân đội, dám tăng tịu với vợ bộ đội. Là đảng viên thì không thể chứa hoang được.

Cô chỉ nói được một câu:

- Đảng hãy tin ở tôi, nó là con của chồng tôi.

Đảng viên trong chi bộ ai tin cô được, ông Bí thư chi bộ còn đồng dặc:

- Nếu cô nói con của chồng cô thì cô hãy cho chi bộ biết chồng cô về ngày tháng năm nào, để chi bộ gửi công văn vào đơn vị hỏi cụ thể xem đơn vị có cho anh Kiềm về quê ngày đó không?

Nghe nói đến điều tra ngày về của chồng, cô sợ anh Kiềm bị tước quân tịch nên không dám nói gì thêm. Sau một buổi đấu tố, xỉ vả, răn đe, giáo dục, cảm hóa, cuối cùng cô bị chi bộ quyết nghị khai trừ ra khỏi Đảng vì tội hủ hóa và ngoan cố không khai ra bố thằng bé, làm mất danh dự của tổ chức.

Trong những ngày này Thảo buồn chán lắm, không muốn tiếp xúc, không muốn ra đường, mẹ con ru rú trong nhà. Cô chỉ tập trung vào chuyên môn, ngày ra trạm xá làm việc hết mình, thời gian còn lại tập trung nghiên cứu tài liệu và đi học thêm trên tinh về chuyên môn thuốc Nam, thuốc Bắc, kê đơn bốc thuốc ở nhà để kiếm thêm tiền nuôi con. Kiến thức về y học cổ truyền kết hợp với Tây y

của cô được phát huy và có hiệu quả thực sự, nhiều ca bệnh nan y được cô giải quyết bằng thuốc Nam. Tiếng lành đồn xa, không những bệnh nhân trong xã mà bệnh nhân ngoài xã cũng đến rất đông.

Với lời xì xầm của thiên hạ thì Thảo đã lì đòn, nhưng với bố mẹ chồng thì Thảo thấy sợ và khó vượt qua sự khinh thường, ghẻ lạnh. Hai bố mẹ chồng đã quyết bỏ đứa con dâu lẳng lơ và chọn cô Lành xóm trên để kế thế. Cô Lành béo như khúc giò nạc. Tóc dài đến khoeo chân. Ngũ ầy thì vượng phu ích tử. Cô ta lại dễ tính, đồng ý cưới ngay, không cần chú rể ở nhà. Chả là cô sợ đợt tuyển dân công hỏa tuyến, xe ghé đấy, chờ đi ngay.

Chính lúc này vì ghen ăn tức ở, dư luận lại bùng lên nói xấu cô, nào là không biết ăn năn hối lỗi, không chịu tu dưỡng đạo đức, tự kiêu tự phụ sống một mình không cần quan tâm đến ai. Thư của gia đình nhà chồng tới tấp gửi sang cho anh Kiềm kể tội Thảo, nào là người đàn bà lẳng lơ, sống bất chấp dư luận không coi ai ra gì, mấy năm nay không thêm sang nhà chồng, giỗ chạp cũng bất cần, đứa con trai càng lớn càng giống cái ông trên huyện, nào là lấy lý do chữa bệnh, đi đêm đi hôm, người vô, người ra trong nhà tấp nập, bây giờ nhiều tiền lắm, áo quần lượt là, béo trắng đẹp ra, mắt khi nào cũng lúng liếng, và đề nghị anh nên có thái độ dứt khoát với con “dâm phụ” này.

Anh Kiềm bắt đầu dao động, mấy lá thư đầu gửi về còn nói xa nói gần lo lắng khuyên bảo, sau thấy mấy bố mẹ, mụ o và mấy cô bạn biên thư sang kể cụ thể về Thảo, anh bắt đầu ghen và nặng lời với vợ.

Thảo cũng không vừa vì cô đã mất tất cả vì chồng, hy sinh cho chồng để hứng lấy búa rìu dư luận. Cả làng nói xấu cô, xa lánh cô, cô chịu được; gia đình nhà chồng ruồng bỏ, cô chịu được; tổ chức kỷ luật khai trừ khỏi Đảng, cô cũng chịu được. Nhưng chồng nặng lời, nghi ngờ, xúc phạm là không thể chấp nhận được. Những bức thư sau anh viết cho cô bắt đầu dao động, nghi ngờ: “Anh biết em đã hy sinh cho anh rất nhiều, nhưng không phải hy sinh đó mà giờ đây em muốn làm gì cũng được. Anh nghe gia đình và bạn bè biên thư sang kể nhiều chuyện quá, họ nói thằng Đợi giống người nào trên huyện và đang lo em sẽ có đứa con thứ hai, em cố giữ gìn đừng để xảy ra chuyện gì nữa...”

Tiếp những thư sau vẫn giọng điệu như thế. Ngay thằng cu Đợi anh cũng nghi ngờ thì không có gì để nói nữa. Niềm tin cuối cùng như chiếc phao cứu sinh để cô làm điểm tựa, bầu vịu, hy vọng, vượt qua mọi gian truân khổ đau bây giờ đang mục nát, trôi dạt khỏi mẹ con cô. Như giọt nước tràn ly, Thảo không chịu được nữa, quyết bỏ nhà, bỏ làng ra đi không bao giờ quay về, không liên quan, vương vấn gì đến quê hương, bản quán, họ tộc.

Cô chuẩn bị đầy đủ giấy tờ như lý lịch cán bộ, bằng tốt nghiệp y sỹ, chứng minh nhân dân, giấy đăng ký kết hôn, một cơ sở thuốc Tây, thuốc Nam cùng các dụng cụ như nhiệt kế, máy đo huyết áp và lương thực thực phẩm, quần áo tư trang bỏ vào ba lô quân đội.

Chờ đến khuya mẹ con bỗng bế nhau đi thẳng lên ga Cầu Giát, chui vào một toa goong chở hàng, nghĩ bụng nếu tàu đi ra thì đi ra nếu đi vô thì đi vô, phó mặc cho số trời định đoạt, đi đâu cũng được, miễn là đi khỏi cái làng Quỳnh này.

Sau hai đêm, một ngày, nằm lẫn lóc, Thảo ôm con ngồi khóc không một tý chớp mắt. Tàu dừng lại rất lâu, mẹ con đành ôm nhau xuống đường nhìn lên thấy chữ "Ga Văn Điển". À là tàu ra Bắc, sắp tới Hà Nội. Thảo không vào ga Hàng Cỏ mà quyết đi lên tỉnh nào đó vùng Tây Bắc xa xôi và ít người. Đang chần chừ thì có xe hồng thập tự của quân đội đi qua. Thảo vẫy tay, trình bày mẹ con đi thăm bố là bộ đội đang đóng quân ở Tây Bắc, các anh mời lên xe ngay. Sau một ngày lác lác, xe đến cao nguyên Xuyên Mộc, xe phải rẽ vào đơn vị Sư 316, mẹ con Thảo đành xuống ngã ba dọc đường. Giữa núi rừng trùng điệp hoang vu đó, mẹ con Thảo không biết vào nhà ai xin ngủ nhờ, định đến cái quán nước dọc đường quây bao tải ngủ qua đêm.

Đang nghĩ vẩn vơ không biết đi, về đâu thì bỗng thấy phía trước một chiếc xe ngựa đi đến, trên xe là một thiếu phụ, mặc quần áo dân tộc thiểu số, người cao to. Xe ngựa dừng lại trước quán sửa dây cương, kiểm tra bánh xe và làm những gì lịch kịch chừng tiếng đồng hồ, Thảo mon men đến làm quen thiếu phụ. Chị ta nói tiếng Kinh đờ đờ:

- Hai mẹ con mày đi đâu đây?

Tự nhiên không suy nghĩ, Thảo nói ngay:

- Đi tìm đơn vị chồng, anh ấy đang ốm nằm trạm xá nhưng ra đây tờ giấy ghi địa chỉ không thấy nữa, rứa là lạc đường.

Người đàn bà nhìn Thảo một lúc từ đầu xuống chân, rồi lại hỏi:

- Mày có giấy tờ gì không?

- Có ạ.

Nói rồi Thảo mở ba lô, lần lượt giở ra ống nghe, máy đo huyết áp, thuốc thang. Người đàn bà cầm từng loại giấy tờ đọc chậm kỹ rồi hỏi thêm:

- Mày là bác sỹ chữa bệnh à?

Thảo gật đầu.

- Giàng ơi, giàng giúp con rồi!, chị ta kêu to khiến Thảo thấy lạ.

Thì ra chị ta đang tìm thầy thuốc chữa bệnh cho đứa con ở nhà. Chị đỡ mẹ con Thảo lên xe rồi giục gã xà ích ra roi thúc ngựa phi nước đại về nhà.

Ngồi trên xe, chị giới thiệu:

- Tà là Tòng Thị Thuận, người Tày, trưởng bản Coon. Chồng ta mất đã hai năm rồi cũng vì sốt rét. Hiện bản ta đang bị con ma dịch tả, con ma sốt rét hấn hoành hành. Cả bản có hai nhăm nóc nhà mà có đến mười người chết rồi à.

Thảo hỏi, sao không đi bệnh viện điều trị ạ?

Chị Thuận đáp:

- Giàng ơi! Từ bản ta đến huyện xa lắm. Cả xã rộng, con ngựa đi một ngày mới chân mà không có thầy thuốc cầm bản đầu đuôi. Hôm nay ta đi mời thầy lang bản Côi mà ông ta đi vắng. Mày biết làm thuốc thì mẹ con ở hẳn bản ta làm anh em đi.

Tối đó, mẹ con Thảo ở nhà chị Thuận chữa trị cho đứa con trai chừng mười tuổi bị bệnh tả, người cứ nhều nhèo như con mèo hen. Thảo tiêm thuốc rồi ra vườn lấy đọt ổi, đọt sim cho uống. Sau đó, Thảo hướng dẫn cho ăn cháo loãng và bù mất nước. Ba ngày sau thì thằng bé ngồi dậy, đòi ăn cơm.

Thảo cũng đi đến những nhà xung quanh khám chữa bệnh cho bà con. Người này đồn người kia, cái sân nhà chị Thuận lúc nào cũng người tới xem bệnh đông nghին nghịt. Người ta trả tiền Thảo không lấy, nhưng chị Thuận lấy hộ. Chị nói người ta cần phải phòng thân, mày đã có nhà trú mưa đâu. Có ngày chị đưa Thảo vài chục ngàn đồng. Còn gà, vịt ngan ngỗng nhốt đầy chuồng. Khoai từ, khoai vạc chất thành đống.

Vì công việc, vì niềm tin và tình cảm của bà con trong bản, Thảo đã lấy lại niềm vui thực sự, nhưng nhiều lúc nghĩ về những chuyện cũ ở quê chị lại quặn buồn. Nhiều hôm, chị Thuận bắt gặp Thảo ôm con khóc thút thít cả đêm, chị Thuận đã lựa thời cơ tâm sự, tìm hiểu xem nỗi lòng của Thảo có gì uẩn khúc.

Vì xem chị Thuận là người tin tưởng nhất, Thảo đã kể tất cả. Chị Thuận ôm lấy Thảo nói trong nước mắt:

- Tao không ngờ một người đàn bà xinh đẹp, giỏi giang, sống đầy tình người như mày mà khổ. Thôi thì hy sinh cho chồng thế cũng được. Mày là người phụ nữ mà tao ít thấy. Từ nay mày là em gái của tao. Tao cũng ở tít từ bản Sùng Phiêu dạt về đây. Dân ở đây tốt lắm. Đất lành chim đậu mà. Tao sẽ vận động bản cho gỗ, cho tre làm nhà sàn rồi trả công cho họ bằng chữa bệnh cho dân bản. Thằng Đợi nhà mày trông khá khinh ngoan ngoan đấy, nó sẽ học giỏi cho mà xem. Sắp tới đi học, tao làm giấy khai sinh cho nó là họ Nông, có được không?

Nói rồi tháng sau, chị đưa về cho mẹ con Thảo cuốn sổ hộ khẩu có tên thằng bé là Nông Văn Đợi, cha là Nông Văn Kiềm, mẹ Tòng Thị Thảo, tất cả đều dân tộc Tày, nguyên quán bản Coon, xã Mường La.

Chị Thuận giới thiệu với mọi người Thảo là người nhà của chị ở bản Sùng Phiêu về, lại thấy Thảo nhiệt tình, có trách nhiệm với mọi người, chữa bệnh giỏi nên chẳng những người trong bản Coon quý mến mà xã Mường La cũng coi Thảo như người thân. Thảo thực sự sống yên vui, quyết tâm cho con học đến nơi đến chốn. Đó là điều mong muốn duy nhất của Thảo.

Già làng, cùng trưởng bản Tòng Thị Thuận bàn với dân bản làm cho mẹ con Thảo một ngôi nhà sàn vừa để ở, vừa làm cơ sở khám chữa bệnh cho bản. Ngôi nhà sàn có diện tích lớn, sử dụng tám cột gỗ chính và mười sáu cột quân và được bố trí thành nhiều gian. Hầu hết các gian có một chức năng riêng. Phòng thuốc nam, phòng thuốc tây, gian có giường để bệnh nhân nặng nằm điều trị. Được phân chia khu vực nhưng không có vách che chắn, nhà sàn của mẹ con Thảo là một không gian mở, kể cả là phòng ngủ.

Công việc của Thảo từ đó là khám chữa bệnh, kết hợp hướng dẫn một số người đam mê nghề thuốc cách tìm và pha chế thuốc Nam chữa các bệnh thông thường như cảm cúm, sốt rét, kiết lỵ, v.v... Tiếng lành đồn xa qua mấy chục dãy núi, mấy trăm con suối, bệnh nhân các dân tộc sinh sống trên vùng Tây Bắc không ngại đường xa, đèo cao, kéo nhau về bản Coon để Thảo chữa các bệnh nan y như xơ gan cổ trướng, xương khớp và đặc biệt là vô sinh, hiếm muộn.

Đúng như lời chị Thuận tiên đoán, ở trường dân tộc nội trú của tỉnh, Nông Văn Đợi học rất giỏi. Tư duy của thằng bé vượt trội so với những học trò khác trong vùng, cấp một, cấp hai, cấp ba Đợi đều đứng đầu. Trong nhà, bốn bức vách gian ngoài dán kín giấy khen, bằng khen. Hết cấp ba, Đợi được tuyển thẳng vào Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội.

Tốt nghiệp loại ưu, nhiều nơi nhận, nhưng Đợi vẫn xin về vùng quê heo hút này công tác để gần mẹ. Về huyện chưa ấm chỗ, Đợi được bầu vào Hội đồng Nhân dân huyện, rồi giữ chức Phó chủ tịch, ai cũng khen người họ Nông bản Coon giỏi giang.

Đến lúc này Thảo lại nảy sinh tâm lý muốn về quê hương để chứng tỏ với mọi người, nhất là những người không tử tế với cô. Khổ nỗi anh Đợi bây giờ lại mang họ Nông. Bố Nông Văn Kiềm thì còn chẳng ai biết, chứ con trai Thảo đứng đầu huyện, về quê người ta đón tiếp tất phải chưng giấy tờ tùy thân ra. Mà bây giờ thú thật chuyện khai gian lý lịch thì chẳng những con không được ở trong Hội đồng Nhân dân huyện nữa mà còn bị kỷ luật vì khai man hồ sơ để lọt vào thành phần dân tộc thiểu số là cái chắc.

Tất cả làm Thảo khổ sở và tủi thân thêm. Trước đây, vì sự nghiệp chồng mà Thảo hy sinh thầm lặng, chịu bao tiếng xấu, khổ đau uất hận và cuối cùng phải tha phương cầu thực, nay lại vì con mà chịu hy sinh thầm lặng lần thứ hai. Thật là như lá số tử vi thầy từng phán từ nhỏ "Số này là vàng nằm trong cát". Đến lúc cao sang cũng không được phô với mọi người.

Tôi chỉ biết im lặng, trong lòng nặng trĩu nỗi buồn. Thì ra hai mẹ con mà chú tôi tìm bao năm nay đang ở trước mặt tôi, bằng xương bằng thịt, chịu bao oan trái cay đắng, tủi nhục, nhưng cũng đầy vinh quang.

Tôi về quê được một thời gian, thấp hương báo cáo với chú Kiềm và bố tôi chuyện của mự Thảo, em Đợi và đang suy nghĩ tiếp theo sẽ nên như thế nào. Mự đã hơn 70 rồi, thời gian của mự không còn nhiều nữa, suy nghĩ đó thường trực trong tôi từ lúc chia tay mự và chú Đợi.

Đúng Ba mươi Tết năm đó, tôi và cả nhà đang chuẩn bị đón giao thừa bỗng nghe điện thoại của chú Đợi thông báo:

- Mẹ em mất rồi anh ạ. Trước khi đi, mẹ đã kể với em tất cả và dặn từ nay trở đi mọi chuyện trong gia đình và xã hội nên hỏi ý kiến của anh. Đúng như linh tính của em lần đầu tiên gặp anh ở ủy ban huyện, thân giao cách cảm đã mách bảo em. Anh là anh của em.

Lòng tôi như mối tơ vò, không biết xử lý thế nào cho trọn vẹn.



Minh họa: HỮU TUẤN

Nhà hàng xóm sau lưng

NHẬT THÀNH

Con bé Na nhô cái đầu lên khỏi bờ tường, chỉ nhìn thấy hai bím tóc cột cao vắt vẻo và đôi mắt đen lay láy. Nó gọi thật nhỏ:

- Bà ơi!

Bà Tâm đang tèm dờ miếng trầu, ngoảnh ra, cười bằng mắt:

- “Ừ, đợi bà chút”, bà cũng nói nhỏ như sợ ai nghe thấy. BẮc chiếc ghế vào sát bờ tường, bà lại thăm thì dận như bao lần trước, “Cẩn thận nghe chưa”.

- Cháu biết rồi!

Con bé cũng thăm thì, nhưng vừa dứt tiếng “rời” thì nó đã tót xuống đất. Nó đưa bọc giấy trước mặt bà, giọng ra vẻ người lớn:

- Khoai nướng đây. Nhưng để cháu cầm vào nhà cho, hãy còn nóng lắm, bà mà cầm lỡ bỏng thì khốn!

Bà Tâm cốc yêu vào trán nó:

- Cha tổ con, da con non mới bỏng, da bà già rồi, cầm than còn được nói gì cầm củ khoai!

“Đôi bạn” cùng tuổi Quý Ty nhưng cách nhau “lục thập hoa giáp” thân thiết với nhau lắm. Chẳng thế mà bạn tám tuổi đã bày mưu cho bạn sáu mươi tám tuổi cách vào nhà bằng việc leo tường:

- Phía ngoài cháu bắc cái ghế, phía trong bà cũng đặt cái ghế, thế là ô kê!

Sở dĩ phải bày mưu là vì lần đầu tiên thấy nó chơi thơ thẩn một mình ngoài ngõ, bà mở cổng bảo con bé vào chơi cho vui thì tối đó con trai gọi điện về:

- Tuyệt đối không cho ai vào nhà mẹ nhé. Con bé ấy lại càng không cho. Mẹ có biết nó là ai không? Nó là con gái của nhà hàng xóm sau lưng đó.

À thì ra kẻ mách lẻo là cái camera kia. Ai vào ra cổng nhà, dù ban ngày hay ban đêm, con mắt nó đều soi thấy hết. Đã thế, con trai ở cách xa hơn trăm cây số mà chỉ nhìn vào điện thoại là thấy nhà như ngay trước mặt! Tài đến thế là cùng!

Biết không thể giấu con, bà thở dài:

- Được rồi, mẹ rút kinh nghiệm.

Khi quyết định chuyển công tác, vợ chồng thằng Thiêm về quê rước bà lên trông nhà. Trước khi đi, chúng dọn đi dọn lại:

- Hàng ngày mẹ cứ chốt cổng và khóa cẩn thận, cần gì chúng con gọi họ ship, mẹ chẳng cần đi ra mất công, nhé.

Bà vừa nhai trầu bồm bẻm vừa đáp thông thả:

- Mẹ mới sáu tám tuổi thôi, chân tay còn khỏe, đầu óc còn minh mẫn, đâu cần “phục vụ tận giường” như thế!

Con dâu bảo:

- Đang thời kỳ dịch dã, không đi ra ngoài càng tốt mà mẹ. Hơn nữa, hàng xóm ở đây chẳng ra gì đâu. Dân góp mà. Mẹ đừng mở cổng kéo họ lại vào nhà chơi, rách việc! Nhất là phải cảnh giác với nhà hàng xóm phía sau lưng.

- Thôi, mẹ biết rồi! Mẹ giờ làm tù nhân trong ngôi nhà của vợ chồng con, đúng không?

Thiêm xách chiếc va ly ra xe, quay lại cười:

- Sao mẹ cứ nghĩ nặng nề thế? Nếu buồn thì mẹ cứ mở ti vi ra mà xem. Khi nào buồn ngủ thì ngủ, không cần tắt, để nó nói cho vui cửa vui nhà.

- “Thôi, hai đứa yên tâm mà đi, đừng lo”, bà Tâm vừa nói vừa vút cái bã trầu vào bô, lấy ngón trỏ và ngón cái vuốt hai bên mép, vệt trầu đỏ sẫm ngón tay, “muốn mẹ vui thì sinh con đi, thằng Thiêm gần bốn mươi rồi đấy”.

Thiêm hắt hàm về phía vợ đang khom người chui vào xe, chiếc váy ngắn bó sát thân hình tròn lẳn, để lộ đôi chân dài trắng muốt nuốt nà:

- Cô ấy không chịu thì con tự sinh được chắc?

Con dâu vừa thất dây an toàn vừa cười:

- Mấy năm nữa trả hết nợ mua nhà, góp được tiền tí chúng con sinh cho mẹ một đoàn cháu luôn! Anh Thiêm gần bốn mươi nhưng con mới hai sáu tuổi, lo gì ạ! Xe chuyển bánh, bà Tâm thở dài bước vào nhà. Ngôi nhà im ắng, lạnh lùng.

Bọn trẻ bây giờ lạ thế, đứa nào cũng lo chuyện làm ăn, kiếm tiền. Việc lập gia đình, sinh con đẻ cái, chúng chẳng bận tâm. Đấy, con Thảo thì lao vào bán hàng online. Nó thuê hẳn một gian hàng, rồi suốt ngày “lai chim” trên điện thoại. Vốn kiến thức học được trong bốn năm đại học sư phạm Ngữ văn giờ chỉ dùng để quảng cáo, chào mời, thu hút khách hàng. Thoắt cái, mới bán online mấy tháng, nó thuê cả một đội ngũ đi ship. Gần thì đưa trực tiếp, xa thì gửi bưu điện. Quần áo cứ nhập về, bán đi như nước ào ạt chảy không ngừng không nghỉ. Khi bà nhắc đến chuyện đi xin việc, nó cười giòn tan:

- Chạy vào biên chế giáo viên phải nộp cho họ ba trăm triệu, lương mỗi tháng chưa đầy bốn triệu bạc, lại còn trừ ngược trừ xuôi, ba trăm triệu kia lại còn tiền lãi, mẹ tính xem con phải còng lưng làm nuôi họ bao nhiêu năm? Trong lúc đó, với ba trăm triệu làm vốn, con nhập hàng bán quần áo online, trừ tất tần tật, một tuần thu nhập bằng cả tháng lương giáo viên mới ra trường ấy chứ!

Bà Tâm giảng giải cho con:

- Biết là bây giờ con kiếm được tiền, nhưng sau này, về lâu về dài, có được mãi thế không? Còn vào biên chế nhà nước, lương ba cọc ba đồng đấy, nhưng được cái ổn định con ạ. Nếu không, người đời đâu có dại mà quẳng ra một đồng tiền để xin vào biên chế hả con?

Thảo ôm lấy cổ mẹ:

- Mẹ đừng lo. Thế hệ của chúng con, ai năng động, tháo vát thường thích ra ngoài bươn chải. Bọn con không còn quan niệm theo kiểu “ăn đói nằm co hơn ăn no vác nặng” như thời của bố mẹ nữa đâu!

Rồi Thảo nói tiếp:

- Mà mẹ không thấy chị Thơm, chị Tình, chị Như con nhà bác Hoài đó sao? Đi dạy hàng chục năm rồi, muốn mua cái xe vài chục triệu cũng cầm lương ngân hàng, muốn sửa cái bếp cũng cầm lương ngân hàng, thậm chí mua cái bình nước lọc dăm triệu cũng vay chỗ nợ mượn chỗ kia. Vậy mẹ bảo ổn định là ổn định ngày ba bữa cơm, đúng không?

Bà Tâm thở dài:

- Thì đành là vậy, nhưng sau này có lương hưu, chẳng phải lo nghĩ gì.

Thảo đứng dậy, lại cầm túi xách:

- Mẹ cứ lo! Giờ con kiếm tiền, gửi vào ngân hàng vài tí. Sau già lấy lãi ăn dần chắc cao gấp đôi lương hưu mẹ bây giờ. Thôi, con phải ra quán đây.

Đấy, nhà còn hai mẹ con, lúc nào cũng mỗi người một quan điểm. Nó bảo, mẹ lạc hậu, mẹ lỗi thời, mẹ là công dân thời bao cấp... Con với chả cái! Nghĩ, rồi bà lại chặc lưỡi: "Thôi kệ. Bố nó thiệt phận sớm, may mắn hai đứa con cứ thể ăn học và không phá phách gì là tốt rồi. Đời cua cua máy, đời cáy cáy đào. Mình đâu lo cho chúng được mãi!". Giờ lên đây trông nhà cho anh nó, bà lại vẫn vợ nghĩ và lo. Gần Tết rồi, chẳng biết dịch dã thế này ở quê nó có bán chắc gì được không. Nghe bảo đây rợ chẳng ngang, chẳng dọc khắp xóm. Trên này, loa phát thanh công cộng cứ ra rả: "Đại dịch Covid -19 đang diễn biến vô cùng phức tạp..." "Cứ đà phức tạp mãi thế này thì thiên hạ cũng phải đơn giản hóa đi mà làm ăn sinh sống chứ, chẳng lẽ..."

- Bà! Bà nghĩ gì mà thần mặt ra thế?

Bé Na ngược đôi mắt tròn xoe nhìn lên mặt bà. Bà Tâm cười:

- À, bà nghĩ chẳng biết bây giờ củ khoai to thế thì bà có ăn hết không đây?

- Hết quá đi chứ! Cháu còn ăn hết một lúc những ba củ cơ!

- "Ba củ to bằng ngón tay chứ gì?". Bà Tâm cười trừ.

Na thật thà:

- Mẹ cháu dạy, đã cho ai là phải cho miếng ngon, còn miếng không ngon thì mình ăn. Thế nên cháu chỉ ăn củ nhỏ thôi, còn củ to thì cho bà.

- Vậy bây giờ hai bà cháu mình ăn chung nhé.

- Không, cháu ăn no rồi. Hôm qua cháu về mách mẹ, bà bị táo bón. Mẹ bảo con nướng khoai đem sang cho bà. Sẵn bếp mẹ vừa nấu rượu, cháu xin mẹ nướng luôn mấy củ. Hi hi... - Na cười hồn nhiên.

- "Cha bố cô!" bà Tâm dí ngón tay vào giữa cái trán trắng xanh của nó, "Cái gì cũng về mách mẹ sao?"

Câu chửi yêu của bà vô tình nhắc tiếng "bố" làm mắt con bé chùng xuống:

- Cũng sắp Tết rồi, chẳng biết bố cháu trong đó có được ăn Tết không bà nhỉ?

- Có chứ! Các trại giam bây giờ cũng đang hoành lắm. Những tù nhân đã bước sang giai đoạn lao động cải tạo thì vẫn sống vui vẻ, có ti vi, có sân bóng, có phòng đọc báo... Ngày Tết cũng gói bánh chưng, cũng làm các món cổ truyền rồi tổ chức đón giao thừa nữa.

Bà Tâm nói những điều mà bà chỉ nghe chứ chưa có dịp tận mắt chứng kiến. Nhưng nghe cách khẳng định chắc chắn ấy của bà, bé Na vui vẻ trở lại:

- Thôi, giờ để cháu lau bàn và đánh cốc chén cho bà nhé, uống thuốc Bắc nhanh hẳn cốc lắm.

Nhìn con bé hoạt bát, nhanh nhẹn và đáng yêu như thế, bà Tâm thấy vừa vui, vừa buồn. Vui vì mẹ con nó bây giờ đã bình tĩnh sống, dù vẫn chịu sự kỳ thị của những người xung quanh; buồn vì tuổi thơ của nó đã phải nếm chịu vị đắng của cuộc đời quá sớm. Bố đi tù, đâu phải chỉ một mình bố nó là tội phạm, mà cả ba mẹ con nhà nó cũng phải “đi cú đầu, về cú cổ” chẳng khác gì mình phạm tội. Chuyện bố nó đi tù thì bà đã nghe thằng Thiêm kể rồi. Đại khái, anh ta trước đây vốn cũng hiền lành, thật thà. Chẳng biết mấy năm theo hội đi đào vàng trên Quỳnh Châu có được phen nào, chỉ nào mang về cho vợ con không, nhưng anh ta dính vào hai cái nghiện chết người: đánh bạc và ma túy. Bao nhiêu lần bị công an thị trấn bắt, phạt, tạm giam, rồi lại thả ra. Thả ra lại phạm tội, lại bắt. Vợ khóc hết nước mắt rồi. Nhưng như người ta bảo, nghiện hai thứ đó chỉ có thay máu và tẩy não đi may ra cai được. Mà không thể thay máu, tẩy não nên hàng xóm phải chịu trận. Từ mất con gà, con vịt đến cái máy bơm nước, cái quạt điện. Sau vụ anh ta cắt khóa cổng, ăn cắp xe máy dựng trong sân của nhà hàng xóm thì đi tù hẳn, nghe đâu sáu năm thì phải. Ừ thì, việc vào tù đối với anh ta chẳng có gì là ghê gớm, nhưng tội là tội ba mẹ con ở nhà. Người lớn bảo “gần mực thì đen, gần đèn thì rạng”, chơi với con nhà đó chẳng biết đen hay không nhưng mang tiếng lắm, biết chưa? Thế là hai đứa trẻ, một học lớp tám, một học lớp hai, bị bạn bè xa lánh. Mà chúng cũng biết thân biết phận nên chẳng dám đến chơi cùng lũ bạn. Thằng anh thì gần như ngồi lý trong nhà, còn con em nhiều hôm thấy bọn trẻ chơi trò “thả đĩa ba ba” cứ đứng nhìn với ánh mắt thèm thuồng không giấu diếm. Từ hôm được bà Tâm gọi vào nhà chơi, con bé vui lắm. Và bà cũng vui nữa, vì có bạn để nói chuyện. Con bé cũng thật dễ thương.

- Bà ơi, ấm đựng nước thuốc này cũng cáu bẩn lắm rồi bà ạ. Để cháu làm sạch luôn nhé.

Bé Na nghiêng miệng ấm cho bà Tâm xem, đáy ấm vàng sậm một lớp do nước thuốc lâu ngày đóng lại.

- Cháu làm sao để sạch được?

- Bà yên tâm đi, cháu giỏi lắm đấy. Hi hi...

Vừa cười, Na vừa lấy chiếc khẩu trang bỏ vào ấm. Với một ít nước, nó đun sôi. Lạ thay, chiếc khẩu trang y tế vàng xuộm còn đáy ấm đã sáng lên.

- Cháu giỏi thật! Mẹ dạy cách làm à?

- Không, cháu xem trên mạng đấy bà. Từ hôm có chiếc điện thoại thông minh của ông già Noel tặng hai anh em để học trực tuyến, thỉnh thoảng cháu xin anh vào xem mấy mẹo vặt, hay lắm.

- Nhưng hôm nào cũng sang chơi và giúp bà thế này, mẹ có mắng không?

Na chạy đến ôm bà, thủ thỉ:

- Bà ơi, mẹ cháu bảo, con người ta kiếp này chịu nhiều đau khổ vì kiếp trước phạm lỗi lầm, nhưng nếu làm được nhiều việc tốt, giúp được nhiều người thì kiếp sau sẽ sung sướng. Cháu cũng muốn làm nhiều việc tốt, nên bà cứ để cháu giúp bà nhé!

- Khổ, cháu mới tám tuổi thôi, sao cứ như bà cụ tám mươi vậy hả?

Na như không để ý đến câu nói của bà Tâm, úp đầu vào ngực bà:

- Cháu không quan tâm kiếp sau của cháu thế nào, nhưng cháu muốn giúp được nhiều việc cho người khác, mong sao trừ bớt tội lỗi cho bố cháu...

Bà Tâm vỗ vỗ vào lưng đứa cháu bé bỏng, nói như với một người lớn:

- Mọi lỗi lầm rồi sẽ được xóa sạch nếu con người ta biết quay đầu về phía ánh sáng, cháu ạ.

Bỗng điện thoại nổi nhạc cắt ngang câu chuyện của hai bà cháu. Bà Tâm bật zalo:

- "Mẹ!". Thảo gọi giọng nũng nịu.

- Hôm nay không "lai chim" sao mà gọi cho mẹ giờ này?

- "Ôi, bà cũng biết "lai chim" à? Xịn thế!" Bé Na nói xen vào.

- Ơ, có bé con nhà nào đến chơi với mẹ vậy?

- À, bé Na, con nhà hàng xóm phía sau lưng nhà anh con.

Thảo chứng lại một giây rồi nghiêm giọng lại:

- Con nhà hàng xóm phía sau lưng? Sao mẹ cho nó vào nhà?

Bé Na tái mặt, lí nhí chào bà rồi phóng ra bờ tường, nhảy phốc lên ghế, lên tường và ra ngoài nhanh như một con sóc. Bà Tâm bực mình, tắt phụp điện thoại. Mấy hồi chuông nữa. Mặc kệ nó. Bà uống cốc nước thuốc rồi đi nằm.

Thảo có mặt chỉ sau hơn ba tiếng đồng hồ. Vừa dựng xe, tắt máy, nhìn thấy mẹ, cô vừa cười khẩu trang vừa la lên inh ỏi:

- Mẹ làm sao vậy? Con mới hỏi thế mà đã tắt điện thoại là sao? Con nói thế không đúng à? Anh chị con đã dặn mẹ rồi còn gì? Sao mẹ chỉ vì một con bé hàng xóm mà giận con? Mẹ thật quá đáng!

Bà Tâm điên tiết, định mắng cho con gái một trận. Nhưng nhìn thấy nó nước mắt lưng tròng, tóc tai rối tinh rối mù, mặt mũi phờ phạc vì chạy xe máy đường dài, bà hạ giọng:

- Thôi, vào nhà đi, có gì mà con làm như cháy nhà vậy?

- Lại không hơn cháy nhà ấy. Vừa gọi chưa kịp nói gì là mẹ tắt điện thoại, gọi lại cũng không trả lời. Đáng lẽ mẹ phải hỏi xem con gọi có việc gì đã chứ?

Bà Tâm cười dần hòa:

- Được rồi, vậy có việc gì mà phóng xe cả hàng trăm cây số lên đây vậy con dờ hơi?

Thảo cũng cười giả lả:

TRUYỆN NGẮN

- Dạ, thì lâu ngày con gái lên ngủ với mẹ để sờ ti mẹ chứ sao. Mà có gì ăn tối chưa mẹ, để con đi mua?

- Ôi trời, con dâu nó gọi họ ship thức ăn cho mẹ đầy trong tủ ấy. Thích ăn gì thì nấu cái ấy. Để mẹ tắm cơm.

Thảo lấy lược chải lại mớ tóc uốn búp đã bị gió xoa tơi tả như đồng rơm vàng ươm trên đầu. Bà Tâm vừa tắm cơm, vừa hỏi:

- Dạo này hàng hóa có chạy không? Dịch dã dưới quê bùng phát như vậy có ảnh hưởng gì không?

- Dạ, bọn con phải đóng cửa mất mười bốn ngày vì có F0 vào mua hàng. Giờ bán lại rồi nhưng ế lắm mẹ. Số hàng tồn đọng nhiều vì không ship được. Mà giờ lại phải bán quần áo Tết, quần áo mùa Đông đành dồn vào kho. Vốn đọng lại nhiều quá mẹ ạ. Con đang định lên mượn tạm của mẹ mấy chục, ra Tết con trả.

Bà Tâm thở dài:

- Đấy, làm ăn ngoài nó phập phù thế đấy, không như công chức nhà nước...

Thảo vừa xịt dầu dưỡng vừa bóp bóp mấy lọn tóc để nó vào nếp, xẵng giọng:

- Mẹ lại thế rồi. Tóm lại là mẹ cho con mượn năm chục mọi hôm, nhé?

- Mẹ còn cả thầy bốn mươi hai triệu thôi.

- O, vậy tám triệu mẹ tiêu gì rồi? Mà chắc mẹ cho ai vay chứ lên đây anh chị bao cấp hết, mẹ có đi chợ đâu mà tiêu tiền, nhỉ?

- Mẹ tiêu... à, ừ, mẹ cho họ vay tạm.

- Lên đây mẹ quen ai mà cho họ vay?

- "Cái con này, mày hỏi cung mẹ đấy à?". Bà Tâm bỗng nổi khùng.

Thảo ngớ người, nhìn mẹ trân trân rồi giọng cô trở nên hốt hoảng:

- Mẹ! Mẹ nói thật đi, mẹ bị mất tiền, đúng không?

- Mất đâu mà mất! Vớ vẩn!

- Thế tám triệu kia mẹ cho ai vay?

Bà Tâm xẵng:

- Tiền mẹ, cho ai vay là quyền của mẹ, sao con cứ tra hỏi thế?

Nói rồi bà lảng chuyện bằng cách vào bếp, mở tủ lạnh lấy mấy thứ thức ăn trong ngăn đá ra. Thấy thái độ của mẹ, Thảo đâm ra nghi ngờ. Mẹ cô từ trước tới nay chẳng giấu cô điều gì, sao hôm nay lại thế? Cô đi đi lại lại trong phòng khách, nghĩ ngợi. "Đúng rồi, chắc chắn là mẹ mất tiền! Còn ai vào đây nữa. Được, nếu mẹ ngại thì mình sẽ nói, nói cho ra nhẽ." Cô trở giọng bình thường, bảo bà Tâm:

- Mẹ ở nhà, con đi ra đây chút.

Thảo ra khỏi cổng, khóa lại cẩn thận và bước thật nhanh.

Thấy Thảo xuất hiện trước cửa, bé Na ngạc nhiên rồi hốt hoảng, sợ hãi. Bé tái mặt, ấp úng:

- Cháu... cháu... chào cô.

- “Ừ, mẹ mày đâu?” Thảo lấy giọng đe nẹt.

Bé Na bỗng òa lên khóc:

- Cô ơi... mong cô tha cho cháu! Cháu sai rồi! Cháu xin lỗi cô!

“A, không ngờ con bé này nhận tội nhanh thế.” Thảo nghĩ. Cô lớn tiếng:

- Biết sai là tốt! Vậy mày để tiền ở đâu? Đưa ra đây!

Mẹ bé Na từ sau nhà đi vào, tay còn cầm cả que quấy cám lợn đang dính bột ngô vàng khươm.

- Gì vậy con? Ơ, cô là ai? Có việc gì mà sai đúng với con bé vậy?

- Việc gì à? Chị hỏi con bé nhà chị ấy.

Mẹ bé Na nhìn con đang co rúm lại trong góc tường, quát:

- Con làm gì cô ấy? Nói!

Na khóc òa lên rồi nức nở:

- Con... con... trèo tường... vào nhà bà Tâm... vào nhà bà Tâm...

Thằng anh nãy giờ vẫn ngồi im trong phòng theo dõi câu chuyện. Nó thủng thẳng đưa chiếc điện thoại OPPO còn mới ra:

- Có phải em lấy tiền của người ta mua điện thoại cho anh học online rồi vờ bảo của ông già Noel tặng, đúng không?

Bé Na tròn mắt:

- Không phải! Ông già Noel tặng thật mà! Em làm gì lấy tiền của ai?

Người mẹ chợt hiểu ra: “A, mày hư! Hư thật rồi! Tao đánh cho mày mất cái thói ăn cắp ăn trộm!” Chiếc que quấy cám được dịp in lần lên lưng bé. Người mẹ đánh xong ôm mặt khóc gào như có người chết. “Trời ơi là trời! Tôi gây tội gây tình gì mà trời hành tôi khổ thế này, trời ơi? Hết chồng rồi đến con! Tôi sống làm gì nữa trời ơi! Thằng trời đánh kia, sao thấy em làm đại mà không nói với mẹ? Sao lừa mẹ là mượn điện thoại của bạn, hả? Trời ơi là trời!”

Hàng xóm nghe tiếng gào khóc thì rầm rập chạy đến. Bà Tâm chạy ra chạy vào, không tìm thấy chìa khóa cổng. Tiếng lao nhao bên hàng xóm làm bà nóng ruột chẳng hiểu có chuyện gì. Hoảng quá, bà đánh liều bưng ghế ra bờ tường làm theo bé Na để trèo ra. Ích mãi bà cũng đặt chân được xuống đường.

“Rõ là cha nào con nấy! Cha ăn trộm thì con ăn cắp!”. “Con nhà tông không giống lông cũng giống cánh mà”. Hàng xóm mỗi người một câu, bà Tâm nghe chẳng hiểu đầu cua tai nheo gì. Vào nhà bé Na thấy con gái mình đang sùng sộ ở đó.

- Có chuyện gì mà con sang đây hả Thảo?

Thảo chộp cái điện thoại trong tay thằng anh, giơ lên:

- Đây, tám triệu của mẹ đây.
- Thì sao? Con định sang đòi lại chắc?
- “Hóa ra mẹ biết nó ăn cắp mà vẫn im lặng?”, Thảo tròn mắt ngạc nhiên.
- “Ai ăn cắp?” Đến lượt bà Tâm tròn mắt.
- Con bé này ăn cắp tiền của mẹ rồi mua điện thoại cho anh nó học online, lừa là của ông già Noel tặng đấy.

Bà Tâm chợt hiểu ra. Bà lấy điện thoại bấm gọi. “Cháu đến đây bà nhờ chút”. Hai phút, anh thanh niên ship hàng quen thuộc của bà Tâm đến.

- Con nói cho bà về chiếc điện thoại này với.

Anh thanh niên ship hàng cười thật tươi, chỉ vào bà Tâm:

- Đây là “ông già Noel” mà cháu biết. “Ông” đã nhờ cháu mua chiếc điện thoại này tặng cho hai anh em để học trực tuyến trong mùa dịch này đấy.

Mọi người “ồ” lên một lượt. Thảo chống chế:

- Sao lúc nãy con bé nhận là đã trèo tường vào nhà?

Bà Tâm giải thích cái việc trèo tường của bé Na cho con gái hiểu rồi quay ra nói với mọi người bằng cái giọng như ngày nào bà còn đứng trên bục giảng:

- Các ông các bà, các cô các chú ạ, dịch đã lan tràn, diễn biến phức tạp, nhiều khu dân cư bị cách ly, bị phong tỏa. Nhưng điều đó vẫn không đáng sợ bằng việc trong lòng mỗi người chúng ta có sợi dây vô hình cách ly nhau. Sự cách ly ấy làm hao tổn tinh thần con người ta ghê gớm lắm, nhất là bọn trẻ con, chúng rất nhạy cảm nên dễ tổn thương.

Mọi người im lặng. Bỗng ông Ba cất giọng oang oang:

- Đúng vậy bà con ạ. Thôi, cô vi, cô vít gì mặc kệ nó ngoài kia, giao thừa này ngộ ta đang an toàn nên vẫn đốt lửa, phá cỗ giao thừa ngay đường này nhé. Mẹ con nhà Phấn cũng không được vắng mặt đâu đấy.

Mẹ bé Na đang xoa dầu vào vết lằn đỏ tấy trên lưng con, khe khẽ đáp:

- Vâng ạ.



Minh họa: HOÀNG HẢI THO

Bãi đôi

ĐINH THANH QUANG

Cuối làng Đông Thuận có bãi còi chạy dọc bờ sông. Còi mọc tự nhiên theo phù sa bồi đắp qua năm tháng. Một số sinh vật nước lợ đến cư trú, sinh sôi nảy nở. Nhiều nhất là cáy. Chúng thường kéo cả đàn xuống mép nước kiếm mồi, hễ có động là chạy rào rào về những hang hốc đào sâu dưới gốc còi. Vào tiết nông nhàn, dân trong xã kéo ra bắt về làm nước mắm. Loại này chấm rau lang tuyệt hảo. Tuy chúng sống trong hang, trong bùn nhưng thịt lành, không sợ phong hàn tê thấp, ho hen như một số loài khác. Với người dân quê chất chiu từng đồng tiền bát gạo thì nó như là lộc của trời. Bởi vậy dân gian có câu: “Ăn thịt bò thì lo ngay ngáy, ăn mắm cáy thì ngáy o o”. Thịnh thoảng có một số người ở đâu đến dùng giậm đón lông bắt được hàng thùng. Họ

đi rồi, trên bãi vẫn còn một đứa bé đứng ngẩn ngơ nhìn theo. Đó là thằng cu Chài, con nuôi ông Đực lái đò ngang. Bên hông tòng teng cái hom giỏ, tay lúc nào cũng cầm chiếc cần câu, da đen cháy, đôi chân gầy guộc nhưng lội nước lội bùn nhanh như diệp. Thằng bé là “thỏ công” ở đây. Hầu như ngày nào cũng thấy nó xuất hiện trên bãi cỏ mướt, câu, đơm, tát. Được cá lớn nó lấy sợi chạch đay đã xe sẵn xâu vào mang, con bé thì bỏ vào giỏ lẫn với cua cáy mang về cho ông Đực đưa sang chợ Đình bán mua gạo hoặc những thứ cần cho sinh hoạt hàng ngày.

Buổi chiều hôm ấy, hoàng hôn buông, nước triều lên tràn vào bãi vẫn không thấy Cu Chài về, ông Đực nóng ruột đi ra đi vào ngôi đền nát trên bến sông, đầu bãi cỏ ông chài thêm gian, thưng che tu bổ lại vừa làm chỗ trú thân vừa hương khói cho đỡ hoang vắng lạnh lẽo.

Chài rất ham việc nhưng không mấy khi về muộn, bất thường này làm ông lo lắng. Ông buông tầm rèm nửa xuống rồi lập cập đi vào bãi. Vốn ít nói lại hơi ngượng tai, ông không buồn cất tiếng gọi mà chỉ để ý quan sát, phán đoán việc gì xảy ra với thằng bé. Phía cuối bãi, cỏ lác, những bụi cỏ sát mép nước rồi nhàu, có chỗ rạp xuống. Có ai vừa đánh giậm qua? Chả nhẽ thằng Chài? Nhưng nó lấy đâu ra giậm? Bỗng, ông tròn mắt kinh ngạc: Sau những vạt cỏ tốt bên bờ con lạch chạy vào trong đê, cu Chài đang mê mải khua lủ cáy vào giậm. Nó luôn mong ước có cái giậm, ai giúp nó thực hiện điều mong ước đó? Ông Đực đến gần, Chài vẫn không hay biết. Ông lên tiếng:

- Con ơi! Về đi, trời sắp tối rồi! Con kiếm được giậm ở đâu vậy?

- Người ta vớt con nhặt được. Hồng nhiều quá cáy lọt ra hết.

Chài gơ cái giậm lên, cán giậm cao vượt đầu nó, khung bị bẹp gãy, nó đã lấy que bần chống lên rồi vá vúi bằng những sợi cỏ khô. Tuy giậm hỏng nhưng bắt được cáy nhiều hơn hẳn ngày thường. Cái hom giỏ đầy ứ. Ông Đực cầm cái giậm ngắm, lặng đi, đôi mắt già bắt giắc ứa ra hai giọt lệ...



Và vội bát cơm, buông bát xuống không kịp uống nước, Chài chạy ra cây đa đổ cạnh đền lấy cái giậm gác trên cây xuống xem xét. Nó định vào lấy dao, lạt ra sửa lại giậm thì ông Đực ngăn:

- Cái giậm hỏng, người ta vớt đi chữa lại cũng chẳng được mấy hồi con ạ! Trời sắp tối rồi, con vào chuẩn bị dầu đèn tối nay học cho thuộc đoạn “Vi chính dĩ đức”. Rồi bố sẽ sắm cho cái mới.

- Dạo này chẳng có ai thuê bố chèo đò, lấy đâu ra tiền mà mua?

- Cứ yên tâm. Nhất định con sẽ có giậm mới!

Giậm mới! Ôi! Mong ước bấy lâu nay! Nhưng bố kiếm đâu ra tiền? Chẳng nhẽ bố lại nhận chớ thuê hàng lậu, cái việc bố đã nguyên không bao giờ lặp lại? Bản khoản thế nhưng biết tính bố không thích cật vấn, Chài lẳng lặng vào thắp đèn kéo cái tráp trên gác xuống đặt lên giường làm bàn, mở tráp lấy vở, bút ra hí hoáy viết,

đọc: *Vì chính dĩ đức, thí như bắc thần, cư kỳ sở nhi chúng tinh cũng chi...* (Làm chính sự phải có đức, ví như chòm sao bắc đẩu, ở vị trí cố định mà các ngôi sao khác vây quanh).

Ông Đức đến bên giường, cúi xuống chăm chú theo dõi từng nét chữ của Chài: “Mày lại viết sai chữ “đức” rồi, để cho khỏi quên hãy ghi nhớ câu này *Chim chích mà đậu cành tre/ Thập trên tứ dưới nhất đề chữ tâm*”. Ông cầm lấy bút vừa viết vừa phân tích từng nét cho Chài hiểu, nhớ.

Quốc ngữ chẳng được mấy chữ, không có điều kiện cho Chài đến trường học lên lớp trên, thương nó thất học, có chút chữ Hán ông truyền lại cho nó mong sau này có ích với con. Tuân thủ nguyên tắc “Tiên học lễ, hậu học văn”, qua từng bài, từng lời giáo huấn của các bậc tiền nhân, ông giáo dục nó kỷ cương đạo đức, phép tắc lễ nghĩa. Chài thông minh, sáng dạ, tiếp thu nhanh, hiềm nỗi chuyển sang kinh tế thị trường, hợp tác xã giao cho người thầu dùng thuyền gấn máy đưa khách, ông chỉ nhật được ít khách lỡ đồ hoặc đi sớm về muộn. Cuộc sống khó khăn, Chài phải bươn bả nơi bãi sông, lạch nước kiếm cơm, không có thời gian học cho ra học. Nó đang tuổi ăn tuổi ngủ, suốt ngày lặn lội ngoài bãi, đêm ngồi bên đèn cú ngáp ngắn ngáp dài.

Thằng Chài tắt đèn đi ngủ lâu rồi, ông Đức vẫn trần trọc không nhắm được mắt. Nằm bên cạnh nghe tiếng nó thở, nói mớ, ông bồi hồi nhớ lại những tháng ngày vất vả nuôi nó lớn khôn. Mười hai năm trước, ông phát hiện thấy cái bọc trên bè chuối dạt vào bãi. Người mẹ đã không vớt nó đi, gói trong tấm áo cũ buộc ni - lông bên ngoài đặt lên bè thả trôi, phó mặc cho số phận may rủi. Nhưng nó đã không gặp may, vị cứu tinh của nó là người lái đò độc thân đến cái nhà không có mà ở, phải trú trong ngôi đền nát. Ông nhin ăn, nhin mặc để dành tiền chăm sóc nó, bế nó đi xin sữa khắp làng. Có người thấy ông cơ hàn vậy khuyên đem bỏ ngoài chợ ắt có người rước nhưng ông lắc đầu. Ông thương nó bởi chính ông cũng là cánh bè trôi dạt vào làng Đông Thuận. Bố ông, một thầy đồ góa vợ mang theo con đến vùng này dạy học, bốc thuốc, chẳng may bị tai biến bất ngờ, chỉ kịp đưa mắt nhìn chồng sách trên bàn, dặn con: “Chữ thánh hiền quý lắm, con hãy giữ gìn những cuốn sách của cha, cố mà học tiếp...”. Những nhà dân chài xóm nghèo bên sông thương nó bơ vơ, không cửa không nhà, không cha không mẹ đã luân phiên cho đứa trẻ nương nhờ. Cái tên Chài ông Đức đặt cho thằng bé chính là để ghi nhớ ơn cư mang đó...

Thương thì hứa vậy, thực ra ông chưa nghĩ ra cách nào để có tiền kiếm giậm cho con. Trời không đãi đằng kẻ khó, ở nơi nào nơi nao người ta xây nhà cao cửa rộng, của cải thừa mứa không biết, còn nơi đầu bãi cuối sông này toàn thấy dạt vào những thứ quý tha cha trừ: Bèo bọt, rác rưởi, xác súc vật, thậm chí có cả xác người... Phải chi dạt vào cho ông hòm vàng? Đã có lần ông bị dân buôn lậu lừa chở hàng cho họ, suýt bị tóm, ông thề sẽ không bao giờ lặp lại sai lầm đó nữa, vậy mà bây giờ nếu bọn họ lại đến gạ có thể ông sẽ gật.

Lách chách! Lách chách! Tiếng gì như tiếng cá gáy vật dẽ sau vách đèn? Ông Đực nín thở cố nghe. Ồ! Lại mày, con “mãng xà vương”! Mày đang săn chuột hay có điều chi khó ở vật mình vật mảy chẳng? Đó là con rắn hổ, sống bên ông hàng chục năm nay. Nó cũng là một sinh linh bất hạnh dạt vào bãi bồi trên một đám củi rêu. Con lú cuốn nó theo. Nó phải vật lộn với sóng gió để thoát nạn, dạt vào bờ không còn sức bò đi nữa. Ông nhặt về bỏ vào cái hang dưới gốc đa, hang sâu hun hút xuyên vào tận đền. Nào ngờ nó là con rắn quý. Nó “trả nghĩa” cho ông bằng bắt chuột, ngăn lú chồn, cáo mò vào chuồng gà, chuồng vịt. Có lần ông thấy nó nằm khoanh tròn quanh ổ trứng gà suốt cả đêm, sáng ra thấy xác một con chuột to nằm chết bên cạnh chuồng. Điều đáng quý là nó gần gũi với ông như một người bạn thân, xoa dịu nỗi cô đơn phiền muộn bởi vết thương lòng do cuộc tình ngắn ngủi để lại.

Trong một đêm mưa gió, ông nghe có tiếng gọi dò bên kia sông. “Thương người như thể thương thân”, ông không thể nhắm mắt làm ngơ. Treo cái đèn bão đầu mũi thuyền, ông ráng sức chèo sang. Người gọi dò là một cô gái bị điên đi lang thang. Mưa kéo dài cả tuần, cô ta ở lại với ông lúc đó mới ngoài ba mươi. Còn bé, cha chưa kịp truyền nghề cho, nhưng ông thường lấy sách thuốc của cha để lại tự mò mẫm chữa bệnh giúp những nhà dân chài nghèo, trong đó có bài thuốc hay chữa thần kinh, bệnh dại. Nào ngờ, như có thần y phù trì, cô ta khỏi bệnh. Không ngờ cô nàng là bông hoa đậm đà hương sắc bị cỏ dại, gió bụi che phủ. Ý thức được mình đẹp, cô chài chuốt làm duyên. Anh chàng lái đò nghèo cố sức thổ lộ tình yêu say đắm nhưng mối hận tình của Trương Chi đã phục hiện vào chàng. Nàng ỡm ờ lảng tránh rồi biến khỏi ngôi đền nát, đi theo một gã lái buôn giàu có. Gần nửa đời sống cô độc, chống chèo vượt qua hoàn cảnh éo le, những cám dỗ vật chất tầm thường, ngỡ hạnh phúc đã cầm trong tay, nào ngờ... Lòng chàng tan nát, thể sẽ không bao giờ chữa cho một người điên nào nữa. Kẻ duy nhất chứng kiến nỗi đau của chàng là con rắn hổ, đêm đêm nó cứ quấn quanh nhà, phát ra những âm thanh êm ái như tiếng chuông. Nó an ủi chàng đấy! Chắc nó cũng có nỗi niềm tương tự. Trước lúc dạt vào bãi bồi, nó đã phải chia tay người bạn tình đang độ yêu đương nồng thắm? Nghe những tín hiệu lạ nó phát ra, chàng thấy lòng dịu đi. Có lẽ vì thế mà chàng đã quyết định cất giấu những di vật quý báu của ông đồ trong ngách hang của nó.

Con rắn nhắc ông nhớ đến những di vật. Ông nhẹ nhàng nhóm dậy, lấy bật lửa châm đèn, lách rèm đi ra gốc đa đổ. Ông cúi xuống miệng hang, đưa tay run run vạch chùm rễ um tùm kéo trong ngách ra bọc ni lông, mở bọc lấy ra be rượu cổ. Ông soi nó vào đèn. Cái be rượu bằng sứ Giang Tây ghi rõ niên hiệu Gia Tĩnh, triều Minh. Ông đồ là người mê Truyện Kiều, tìm mua được thứ đồ cổ có hơi hướng tác phẩm bất hủ đó. Nước mắt ông bắt giác trào ra. Trong bọc còn có những cái ly nhỏ, sách chữ nho, nghiên mực, bút lông, tiền đồng cổ - những đồng tiền ông đồ dùng để cạo gió, giác huyết cho người bệnh - có niên đại hàng mấy trăm năm. Những di vật nhắc ông nhớ đến người sưu tầm đồ cổ ở thị trấn bên kia sông. Một lần chờ đồ nghe người ta kháo nhau ông lái đò biết chữ nho, anh ta ở lại nhờ ông dịch nghĩa bài thơ chữ Hán in trên cái bình cổ. Từ đó, thỉnh thoảng anh lại đến nhờ, trở thành người quen.

Nhưng chưa một lần ông nói với anh về những di vật ông đồ để lại. Bây giờ, thì phải bắt hiểu với cha rồi... “Cha ơi! Con đã hứa với thằng Chài sắm giậm cho nó nhưng không biết lấy đâu ra tiền. Cha cho con bớt thứ gì đó giúp nó có cái giậm kiếm cơm hàng ngày cha nhé!” Ông lấy mấy thứ ra so đo. Chỉ có cái be rượu là thật sự đáng giá, có thể bán được nhiều tiền. À! Còn những đồng tiền này? Có lần chú Việt (người sưu tầm đồ cổ) chẳng đã đưa đồng tiền cổ cho mình xem, bảo nó tuy bé nhỏ nhưng giá trị không nhỏ chút nào. Tiền càng cổ càng có giá. “Đồng tiền này em phải mua bạc triệu đấy bác ạ!” Hay rồi, trong mấy đồng tiền của cha để lại có cái cùng niên đại với đồng tiền chú ấy, mình sẽ điện nhờ chú giúp.

Mờ sáng, ông dậy rửa mặt, nấu cơm. Ăn cơm sáng xong, cu Chài vác cái giậm vá víu xuống bãi. Ông Đục lên bua điện xã điện thoại gặp anh Việt, nói rõ mọi chuyện, nhờ anh giúp. Anh là người trọng nghĩa, trước đây mỗi lần đến nhờ ông, anh đều có quà lúc cần đường, khi hộp sữa, gói cam, có khi biếu ông cả chiếc áo ấm. Lần này, anh bảo: “Nhờ bác nhiều mà bác chẳng đòi hỏi gì, cái giậm đáng là bao. Túng nên phải tính, di vật phụ thân để lại bác chẳng muốn bán đi phải không? Bác khỏi lo, em sẽ tìm mua giậm tặng cháu”.



Có cái giậm mới, thằng Chài vô cùng phấn khởi. Số cáy kiếm được hàng ngày tăng lên gấp bội. Cái hom giỏ được thay bằng cái oi lớn. Đời sống hai bố con được cải thiện phần nào. Nhưng mùa Đông năm ấy thật khắc nghiệt, giá rét như cắt da cắt thịt khiến lũ cáy chui sâu vào hang. Người đi đồ đêm cũng vắng hẵn. Nguy cơ thiếu đói uy hiếp bố con ông Đục từng ngày. Đêm nằm nghe bố ho khan, thở dài, bụng Chài cứ thấp thỏm không yên, trần trọc suy tính cách tháo gỡ. Nó kiếm đâu được tay lưới rách lấy chỉ mạng vá lại đưa vào trong đồng thả. Phương ngôn có câu “Mùa Hè cá sông, mùa Đông cá đồng”, lũ rô, diếc, trôi, trắm mình nằn nẫn, bụng đầy trứng rồi đầm hồ theo các con lạch dạo trên những thửa ruộng nước xâm xấp. Nước đọng, rong rêu và các sinh vật phù du phát triển mạnh hấp dẫn chúng, chúng chủ quan dễ mắc lưới. Song, với tấm lưới rách cùn cốn kia thì làm được gì. Chài lại chỉ biết đứng ngẩn nhìn người ta trôi thuyền tôn, thả lưới vương. Ước gì mình cũng có chiếc thuyền tôn và tấm lưới dài như họ, mình sẽ kiếm được nhiều cá để bố khỏi lo lắng phải thức dậy cả đêm nhặt những khách lỡ đồ thuyền máy nhả ra. Đó chỉ là mơ ước hão huyền bởi nhà nó bây giờ kiếm đủ miếng ăn hàng ngày đã khó, lấy tiền đâu mà mua sắm! Ông Đục hiểu lòng con nhưng chẳng biết làm gì hơn ngoài những tiếng thở dài, ho khan.

Thế rồi, cơn sốt săn tìm các đặc sản tràn về làng Đông Thuận. Giá một cân ba ba 100 ngàn, rái cá 200 ngàn, rắn lớn 300 trăm ngàn. Có người rủ Chài đi săn lũng. Thấy đây là cơ hội có thể thực hiện được mong ước, Chài vội về thưa chuyện với ông Đục, ông lắc đầu đọc câu châm ngôn khuyên con: “Nhân tham tài nhi tử, điều tham thực nhi vong, con ạ! Chui vào chỗ hang hùm miệng rắn tính mạng khó chu toàn. Chịu khó vài tháng nữa ra Giềng ẩm nắng, cáy đẻ nhiều, ta cố dành dụm sẽ mua được thuyền và lưới...”

Nói thì nói vậy nhưng đêm về nghe Chài nói mớ, mơ tưởng đến thuyền đến lưới, ông lại day dứt, bùi ngùi. Một đêm trăng sáng, không ngủ được, ông ra đứng thờ thần ngoài sân, trông thấy trên thân cây đa đổ có vật gì đó ngoằng ngoẵng, lấp la lấp lánh, cuộn cuộn chuyển động theo thân cây. Một thoáng bàng hoàng rồi ông bình tĩnh trở lại. Đã có những tin đồn rùng rợn về cây đa này. Chẳng hạn có người chặt cành đa về làm củi thì lửa bốc cháy cả bếp, có kẻ vừa chạm dao vào thân cây dao văng cả vào chân, có đôi trai gái ân ái với nhau bên gốc đa về bị tâm thần cả hai... Người ta đồn cây đa có ma, có một con “mãng xà vương” có thể hóa thành gái đẹp tóc dài như suối, da trắng như tuyết, đàn ông nào bị nó quyến rũ không ốm chết cũng xanh xao gầy mòn... Vì thế, mặc dù nó bị bão xô ngã xuống mà không ai dám động đến dù một chiếc lá. Chỉ có ông Đực là người hiểu rõ sự thực ẩn sau những huyền thoại kỳ đó. Con “mãng xà vương” chính là con rắn hổ ông cứu thoát dưới sông. Nó đang cuộn cuộn trước mắt ông kia.

Con “mãng xà vương” mình bằng cổ tay, dài hơn sải, men theo cây đa đến gần gốc thì nghênh đầu lên, phóng đôi mắt long lanh dôi về phía ông Đực. Đuôi nó ve vẩy như muốn nói với ông điều gì đó. Dường như nó chờ ông đến với nó. Nhưng thấy ông vẫn lặng lẽ đứng yên, nó chui xuống hang, đáng diệu nặng nề chậm chạp khác hẳn ngày thường.

Ông Đực lập cập bước vào đền, ngả mình xuống cái đệm rơm cạnh thangka Chài. Ông đưa tay sờ lên đầu nó, nghe được từng nhịp tim, hơi thở thân thiết của nó. Trời đã run rủi gần bó số phận của nó với ông. Nó là đứa bé có nghĩa có tình, siêng năng chịu khó, đam mê công việc. Thật không phụ công ông chăm sóc, dạy dỗ. Tội nghiệp! Ông nghèo nên nó phải khổ, chỉ có cái mơ ước nhỏ nhoi như vậy mà cũng phải chịu bất lực...

Chợt, giác quan thứ sáu báo cho ông có điều gì khác thường đang diễn ra ngay dưới lòng đất ngôi đền ông ở. Con rắn! Con “mãng xà vương”! Lê nào nó cũng đang thao thức dằn vặt như ông? Nó là loài vật bị con người xua đuổi, xa lánh mặc dù nó luôn chủ động tránh người. Thấy nó xuất hiện, bất luận lành hay độc đều bị người ta phang cho gãy xương, bẹp đầu. Có người còn cuồng tín cho rằng: Giết một con xà xóa ba ngàn tội. Vậy mà đối với ông nó là chỗ bạn bè, hơn cả bạn bè. Sống cạnh ông mấy chục năm nay không những không làm hại gì mà còn như một vệ sĩ bảo vệ ông, đồng cảm với ông nỗi éo le cô quạnh. Dường như lúc ông có điều gì buồn lo, khó ngủ đều thấy nó phát tín hiệu thông cảm, an ủi. Ông thường xuyên chuyện trò với nó theo cách của mình. Mùa lụt, nước sông dâng cao, nó lên nằm cùng ông trên chạn, trườn qua người ông. Có nó, lũ rắn rết, chuột bọ tản đi hết. Nó là “vua” của chúng nhưng là bạn của ông, quen hơi bén tiếng với bố con ông nên những lúc thấy nó đi vắng ông buồn, ông nhớ. Tuy không phải là người cuồng tín nhưng ông cảm như nó ngầm giúp đỡ, phù trợ cho bố con ông. Nó không phải là con rắn thường. Hàng chục năm lái đò không bao giờ ông gặp nạn. Đứa con nuôi ở với ông tuy bữa đói bữa no, không phổng phao như con người ta song chưa bao giờ tổn một viên thuốc, lại rất có hiếu với ông.

Thằng Chài trở mình làm ông Đực đứt dòng hồi ức. Nó lại nói mớ: “Hồng rồi! Chỉ tại cái lưới rách. Chà! Con trôi to quá!” Ông thở dài, kéo chần lên cho nó, miệng lẩm bầm: “Con ơi! Bố sẽ kiếm được thuyền tôn và lưới dài cho con. Nhất định bố sẽ kiếm được...”



... Ông Đực vội vã tìm cái bẫy sập. Ông bắt một con chuột làm mồi đem ra đặt dưới cửa hang. Tay run lấy bẫy. Ông giương bẫy lên và bước đi thật nhanh. Nhưng đôi chân như bị níu xuống đất. “Đồ vô ơn bội nghĩa, lừa thầy phản bạn” - Tiếng nói vô hình vang lên bên tai. Quay lại xem ai phát ra lời đó thì thấy con rắn đã bị sập bẫy, hai mắt nó nhìn ông đờ đẫn vô hồn. Ông run lập cập nâng cửa bẫy cho nó thoát ra nhưng nó cứ nằm yên, giương mắt nhìn ông trách móc. Dường như nó muốn nói: “Ông muốn bán rẻ bạn bè như gã Lý Thông kia thì cứ việc. Tôi không chạy đi đâu mà lo”. Ông hốt hoảng định bỏ chạy thì có tiếng xe máy rồ ga tiến lại gốc đa, giọng đàn ông ồm ồm cất lên: “Tôi đánh quả: Một triệu, một triệu rưỡi, hai triệu, ba triệu...”. Trời ơi! Số tiền lớn quá, nằm mơ cũng không thấy được. Có số tiền này chẳng những ông sắm được thuyền và lưới cho thằng Chài mà còn có thể may cho nó bộ quần áo mới mặc Tết. Người đàn ông dúi vào tay ông xấp tiền, gã lấy nắm thuốc Lào cho vào miệng con rắn. Nó lịm đi. Gã cuộn tròn con rắn lại, xắm nắm định bỏ bao tải cột vào xe. Ông Đực để rơi xấp tiền, níu áo gã kêu lên: “Không! Không! Anh thả nó ra! Tôi không bán, tôi không...” Tiếng kêu nghẹn trong cuống họng, ông nghẹt thở dẫy dụa... “Bố! Bố!” Thằng Chài thức dậy thấy ông ú ớ vật vờ, cổ lay cho ông tỉnh. Ông Đực mở choàng mắt. Trời ơi! Té ra mình đang nằm mơ. Một cơn ác mộng!

Trời lạnh mà trán ông toát mồ hôi. Chưa khi nào ông mơ giấc mơ tai quái như vậy. Giấc mơ có gì tương liên với thực tại? Ông nhớ lại cuộc gặp con rắn hồi đêm, nom nó có điều gì khác biệt. Sao nó cứ nghếch cổ về phía ông như muốn gọi ông đến với nó? Ông đã vô tình không để ý đến cái tín hiệu kỳ lạ nó phát ra trong đêm. Chắc chắn có chuyện gì rồi.

Trời cũng vừa sáng. Ông lật đật bước ra gốc đa, nhận thấy những chùm rễ rối nhàu. Đất sạt tã tơi. Có những vết máu dính trên miệng hang. Ông lo lắng tập trung thị lực nhìn xuống rồi kêu lên: Trời ơi! Dưới miệng hang, cạnh cái ngách giấu bọc ni-lông, con rắn nằm bất động, gác đầu lên bọc. Nó đã chết, mình nhuộm máu. Ông đau đớn, hốt hải gọi Chài ra. Hai bố con kéo con rắn lên. Trên mình nó có ba vết thương do đạn bắn, máu vẫn còn rỉ chảy.

Trên bãi cỏ cách đền không xa nổi lên một cái cồn nhỏ mọc đầy cây tròi, dưa đại. Ông Đực lẳng lặng lấy xẻng ra đào cái huyệt ở đấy đặt con rắn xuống. Mặt ông nom đau đớn tuyệt vọng như đang phải chôn cất một người thân vừa từ già cõi đời. Ông bảo Chài vào lấy thẻ hương ra đốt cắm lên mộ. Hai bố con cùng chấp tay khấn vái hồi lâu...



Trời mỗi ngày một rét đậm. Những cơn ho triền miên kéo dài hành hạ ông Đức. Đêm không ngủ, ông ra đứng bên mộ con rấn, miệng lẩm bẩm những điều gì chỉ ông biết. Cuối mùa Đông thì ông không rời cái ổ rơm được nữa. Ông gọi Chài đến bảo: “Con ra hang rấn lấy cái bọc vào đây cho bố”. Chài gạt rế đa cúi xuống hang nâng bọc lên lễ mễ ôm vào đặt xuống cạnh ông. Ông mở tấm ni lông, căn dặn Chài giữ gìn những di vật của ông đồ. Sau đó, lấy ra cái bọc vuông vẫn được buộc cẩn thận, mở ra. Một chồng sách chữ nhỏ. Trong đó có sách y học, dược học ghi chép các thuật chữa bệnh cổ truyền, dân gian, các bài thuốc quý. Vừa nâng từng quyển lên ông vừa bảo Chài, giọng run run:

“Đây là tài sản quý ông con để lại, nhà mình đột nát chẳng biết để vào đâu cho an lòng, hàng chục năm nay bố giấu trong hang nhờ con rấn giữ hộ. Còn nơi nào không an toàn hơn nữa! Nay mai bố không được ở với con, con cứ lấy sách này mà học tiếp. Rồi sẽ thành người có ích...”. Cơn ho cắt ngang lời ông. Chài đỡ ông nằm xuống chiếu, xuống bếp mang thuốc lên cho ông. Thuốc là những lá cây, rế cỏ ông hướng dẫn nó hái về sắc.

Những ngày sau, ông cố ngồi dậy mở từng trang hướng dẫn Chài các bài thuốc gia truyền, bài thuốc dân gian trong đó có bài chữa bệnh điên mà sau mỗi hạn tình kia ông thể đào sâu, chôn chặt. Truyền xong bài thuốc đó thì ông quy hẩn.

Ông Chủ tịch mặt trận cùng chị Hội trưởng Hội Chữ thập đỏ xã đến thăm, trao ông cái phong bì quà tình thương cứu trợ gia đình hoàn cảnh khó khăn, hoạn nạn. Ông bảo họ: “Con tôi ao ước có cái thuyền tôn, tay lưới vược, tôi không dậy được nữa, nhờ các ông các bà đưa số tiền này mua cho nó giùm tôi, tôi có chết cũng an lòng”. Ông Mặt trận đặt tay vào vai ông: “Ông cứ giữ lấy thêm vào mà thuốc thang. Xã ta cũng có người gò thuyền tôn. Chúng tôi sẽ đặt làm cho cháu”.

Nhưng ông Đức không thấy được điều mình mong đợi. Một tuần sau ông từ già cõi trần. Theo nguyện vọng của ông, bà con táng thi thể của ông ở cái cồn nhỏ bên cạnh mộ con rấn.



Năm tháng trôi đi, bãi cỏi ngày càng được phù sa bồi đắp, chỗ ông nằm càng cao rộng thêm. Thương hải vi tang điền, bãi cỏi hoang biến thành nương dâu, ruộng lạc. Mộ của ông vẫn còn đấy, bên cạnh là mộ con rấn. Cả hai đã được xây lăng, một lớn một bé. Tường bao quanh lăng, trước vòm cửa tạc ba chữ Hán ĐỨC LƯU QUANG - đức sáng lưu truyền muôn đời. Người thiết kế, tổ chức xây là anh Chài. Sau khi bố nuôi qua đời, được bà con, một số nhà hảo tâm cư mang, giúp đỡ, anh trở lại trường, học lên cao. Bây giờ đã là một thầy thuốc đông y trẻ tuổi đầy triển vọng làm việc ở Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh. Đất cát cứ bồi cho bãi cao mãi lên. Xung quanh mộ ông Đức, mộ con “Mãng xà vương” mọc thêm những ngôi mộ mới nhưng người ta vẫn gọi tên bãi là Bãi Đồi.



Minh họa: TẠ TÂM

Ngoài vùng phủ sóng

NGUYỄN THỊ THU HUỆ

Bồn tiếng trong phòng chờ sân bay quốc tế cả trăm khách ra vào, có một người chúi vào cuốn sách dày, còn lại là chăm chú với các loại điện thoại, nói chuyện hay lướt mạng, soi Facebook.

Loanh quanh thế nào, người đọc sách lại ngồi cạnh cô suốt chuyến bay dài. Khi máy bay nhấc lên khỏi đường băng, tất cả vẫn nấn ná cố thêm những tin nhắn, lời hẹn, nhắc giờ đón, anh vẫn im lìm với cuốn sách.

Đến lúc ăn thì chúng tôi nói chuyện.

- "Anh là Việt kiều về quê ăn Tết?". Cười nhẹ, lắc đầu:

- Về quê dịp Tết thì đúng, Việt kiều thì không.

- Quê anh ở đâu?

- Hải Hậu. Cô tới Hải Hậu bao giờ chưa?

- Ôi thế à, tôi cũng người Hải Thịnh đây, sao trùng lặp đến thế. Tôi cũng về Hải Thịnh ăn Tết.

Anh dừng dở miếng dưa vàng đã đưa lên miệng, và gọi cô phục vụ mang đi. Rõ ràng là do tác động của sự phấn khích nhận ra người cùng quê ở một bầu trời xa lắc châu Âu có gì đó giống tiểu thuyết hay phim ảnh. Gần một ngày trôi qua với tiếng động cơ máy bay, những bữa ăn thơm nóng vừa đủ, cuối cùng cũng tiếp đất Hà Nội. Nháo nhào các loại chuông điện thoại, những câu nói quá khích thành to tướng vô duyên.

- Để anh gọi taxi. Anh vẫn đi như vậy hàng năm.

- Không sao, em rất vui vì anh đi cùng về quê. Anh gọi báo ở nhà, chắc 2 tiếng về đến nhà, giờ đường cao tốc đi nhanh lắm.

- Anh không dùng điện thoại. Anh không cần báo tin cho ai là anh về.

- “Ơ... Anh nói mẹ anh đang ở Hải Thịnh mà...”, gật nhẹ, nhìn ra xa, im lặng.

Sau một chuyến bay dài từ Thụy Điển về, hết tiếng động cơ máy bay và trời đêm ẩm ướt hơi mùa Xuân, cô rất muốn ngủ nhưng cố hỏi thêm một câu:

- Điện thoại là vật thiết thân, sao anh không dùng? Vậy (khua tay khó diễn tả) anh làm việc, giao tiếp kiểu gì? Nhắn tin trên Facebook? Hay mail?

Anh cười, lắc đầu:

- Anh làm ở Bộ, ngoài ra tư vấn thêm về luật. Công việc phát triển. Những thứ em hỏi, hết giờ làm việc anh bỏ lại văn phòng, có sao đâu!

Cô tỉnh ngủ hẳn. Hơi biển mặn mùi tanh của cá lần tiếng sóng ầm ào đón hai người.

- Để em đưa anh về trước.

Anh nhìn sâu vào mắt cô, gật.

- Đến rồi.

Anh nói đột ngột khiến lái xe phanh gấp, lốp miết trên đường nhựa mới trải. Đầu xô đập nhẹ vào ghế phía trước. Anh mở cửa lao nhanh ra ngoài, giống những đứa trẻ lao vào vòng tay mẹ mỗi khi tan trường. Trước mặt họ là một khu đất rộng, có tường bao ba phía, không có cổng vào nhưng có đường. Trong ánh sáng đêm cuối năm, đứng hơi lâu, sẽ nhận ra lối nhỏ dẫn vào bên trong. Như quên mất sự tồn tại của cô, anh lao vào bên trong, háo hức sống động, hoàn toàn khác vẻ lãnh đạm hai ngày qua cô thấy. Cách anh đi trong bóng tối chứng tỏ quen đường, thuộc lối. Gần cuối sân, anh dừng lại, và ngồi xuống.

Đây là một ngôi mộ. Không tô sơn, không lát đá hoa cương. Nhìn kỹ, mộ lảng xi măng xanh bóng. Cô chột rét. Ngoài đường, bên kia là biển sóng vỗ oàm oạp như có người đang giũ quần áo. Gió lộng từng cơn mang theo mùi biển nặng hơi muối. Anh ngồi im, lấy tay chùi chùi lên tấm bia nhỏ, những dòng chữ nhỏ, ngón tay thuôn dài di di.

...

Để quyết định đưa người yêu về ra mắt mẹ, anh phải chuẩn bị trước vài tháng. Tính đủ các cách không cách gì hơn là mượn nhà ông bác giả làm nhà mình vì yêu con gái thành phố, lại xinh đẹp, tự nhiên khó thốt ra câu nhà anh rất nghèo, dù anh là học sinh giỏi của tỉnh.

Hôm ấy là 28 Tết, anh đưa nàng về chào mẹ trong ngôi nhà mượn. Mẹ tần ngần:

- Sớm muộn cũng là vợ con, lúc đấy mẹ ăn nói ra sao với nhà người ta?

- Con cần cô ấy yêu con trước. Yêu rồi tính tiếp mẹ ạ.

Và mẹ lơ ngơ trong ngôi nhà mượn tạm mấy tiếng đón cô gái chốn thị thành, nhà buôn bán kiêu mùa nào thức đấy, buôn gì cũng được miễn lãi.

Một cú giả vờ thành công. Tết năm sau, anh về một mình, nàng nói chỉ cần điện thoại, cho em gửi lời thăm mẹ anh nhé.

Về với mẹ một đêm. Mẹ sung sướng bỏ cả dép chạy chân đất, lấy mực nhà ông Tản vừa về, rồi con cá song biển nhà cô Thu biểu nấu cháo bồi dưỡng cho con. Anh về, mẹ hỏi và nói liên tục như sợ không nhanh anh lại đi biển cả năm:

- Mẹ tính lần này sửa nhà bằng đá, không cần trát. Mẹ tính nhận thêm đồng muối, ai cũng cần muối...

Chỉ có mẹ độc thoại. Tự hỏi, tự trả lời. Anh lúc đấy khư khư cái điện thoại. Em lạ gì ngày đấy, sóng chập chờn, pin hết nhanh cứ phải sạc liên tục. Anh ngồi thu lu góc phòng, từ chiều đến đêm dí mắt vào đợi nàng gọi. Mực hấp hết nóng thành tanh. Mẹ quần ống cao ống thấp rét run mỗi khi ngồi xuống bên mâm cơm con không hề động đũa vì mãi ôm điện thoại nhắn tin.

- Anh làm gì đấy?

- Anh đang nhớ em. Em làm gì đấy?

- Em cũng rất nhớ anh.

- Em ăn gì trưa nay?

- Em ăn bún đậu mắm tôm. Mắm tôm pha ngon hơn hôm trước do vắt quá quắt.

- Ngon quá, anh thèm quá!

- Hôm nào anh lên đi ăn mắm tôm vắt quắt.

- Em nhớ anh không?

- Em ghét anh để em cô đơn. Tết người ta đi với nhau em toàn ở một mình.

- Nhưng mẹ ở một mình, không về Tết không được. Sang năm anh hứa anh ở Hà Nội với em.

- Anh...

- Em...

Và rầm! Anh giật mình đặt điện thoại vẫn đang nháy xanh những dòng tin mới, nhìn ra. Chiếc nồi to đổ ra đất, trắng một góc là dòng cháo đặc. Anh chạy ra, đập luôn phải con cá văng ra từ nồi cháo. Cạnh đấy là mẹ. Bất động. Khi bế mẹ lên, quần mẹ xắn cao ngang đầu gối, áo len mỏng vụn lại dưới cánh tay da nhão như tách khỏi xương. Cả người mẹ dính cháo nóng. Hôm đó, đài báo 12 độ...

...

Đến bây giờ, anh vẫn không hiểu tại sao mẹ ngã và ra đi luôn như vậy. Mẹ có thể nấu ăn suốt một ngày, dầm trong mưa lạnh, chạy chân đất khắp góc làng mua cá, mua mực, mua cả chai rượu mơ của quán karaoke. Mẹ có thể bê cái nồi gang nặng, cháo đầy ngậm nguyên con cá song. Có nghĩa là mẹ khoẻ chứ. Tất nhiên là mẹ bị đau tim lâu rồi. Tất nhiên là mẹ bị huyết áp và hay đau đầu. Nhưng không thể ngã một cái mà biến mất luôn lời nói ánh mắt nụ cười như thể không liên quan đến thân xác con đang bế trên tay chạy như rồ đại ra trạm xá, gào thét kêu ai cứu mẹ cháu với! Mới vài phút trước, mắt thì đọc tin, tai anh vẫn nghe mẹ khen rượu mơ ngậm đặc, chống đau bụng tốt lắm con ạ, sao bây giờ mẹ im lìm trong khi anh lại rất có nhu cầu trả lời những câu mẹ hỏi và hỏi mẹ những chuyện chỉ có mẹ trả lời.

Đêm đó, anh ngồi bên mẹ. Đắp chăn mong mẹ ấm lại. Thả hai gấu quần lụa kéo mãi cũng đến được mắt cá chân. Ôm càng chặt, mẹ càng tuột di. Rồi cũng phải để mẹ nằm lại trạm xá xã. Anh về. Cạnh mâm cơm có mực hấp, chai rượu mơ là cái khăn rách góc chắc vướng cổ khi quàng mẹ bỏ ra.

Góc phòng, liên tục tiếng báo tin nhắn. Anh làm cái gì mà không nhắn lại. Anh lại gặp ai à? Người yêu cũ à? Biết ngay mà, nếu không có con nào sao lại bỏ em Tết ở một mình. Chỉ có em là yêu anh nhất. Tít tít tít tít...

Anh quyết định phá căn nhà sắp đổ, xây nhà mộ cho mẹ đúng nơi mẹ nằm cạnh nồi cháo cá. Không có cổng để làng xóm tiện vào chơi thăm mẹ. Cô người yêu gửi tin nhắn cuối cùng trước khi lấy cậu bán hàng đa cấp mở hẳn công ty riêng tặng thay lời cầu hôn.

Tại sao anh nói dối là nhà anh 3 tầng mặt phố, mẹ anh bán vải? Mẹ anh làm muối, nhà anh 1 tầng. Anh là thằng nhà quê lừa đảo!

Hai người ngồi mãi trên bậc xi măng của ngôi mộ. Ngón tay của anh như trắng hớn, di di trên tấm ảnh mờ, và những dòng chữ nhỏ. Hình như điện thoại của cô rung. Sau 2 lần rung sẽ là chuông. Cô cuống cuống thò tay vào túi, bấm nhanh nút tắt nguồn.



Minh họa: MINH CHÂU

Truyện kể Ưc Trai

NGUYỄN MAI ANH

Phút cuối cùng, quân tử lại thấy trước mắt hiện ra Côn Sơn.
Chẳng phải tháng năm làm quân sư bên Bình Định Vương Lê Lợi mà thấy mình sống thỏa thuê theo ý nguyện, hay giấc nam kha trong lúc mộng sâu nhất nghe tiếng thủ thi bên tai rằng vinh hoa phú quý ở mệnh kẻ khác là mơ đấy, ở mệnh nhân tài như ta sẽ tồn tại đến đời đời. Chẳng phải

giai nhân kẻ cận sớm tối, là tri kỷ hiểu thấu lòng nhau, dẫu vào một khắc tưởng trông như đồng sàng dị mộng. Phút cuối cùng, quân tử muốn nhắm mắt và hãy tạm quên đi lý tưởng nhân nghĩa, trái tim luôn nặng gánh nghiệp nước nhà, mà càng sống lâu cái hư vô càng đuổi sát chân người bước. Người chỉ thấy trước mặt hiện ra Côn Sơn, người chỉ muốn trước mặt hiện ra Côn Sơn.

Nhưng tam tộc người đang than khóc, bức tranh Côn Sơn nơi suối trong và rừng trúc, cũng lặng lẽ rỉ ra giọt máu đào.

*"Về đi sao chẳng sớm toan,
Nửa đời vương bụi trần hoàn làm chi?"*



Năm người năm tuổi, người theo ông ngoại đặt chân đến vùng đất ấy trong một chiều mưa phùn rơi trắng trời. Qua màn mưa nhìn núi non như có khói phủ, như mây trắng giờ đây lại bỗng bành theo gót hài giữa ao bùn ngập lặn. Ưc Trai không giống những đứa trẻ khác, bởi năm tháng thứ đã tôi luyện lên người là chí khí của bậc hiền nhân. Trần Nguyên Đán mang theo nghiệp lớn dần thân vào chốn quan trường, lòng luôn đau đáu mệnh sông nước và kiếp đời của nhân dân. Ông thông minh đức độ, lại nghiên cứu sâu vào Thiên Tượng, vốn hiểu rõ chuyện đời là vô thường, có những việc chẳng theo được ý nguyện. Bất lực trước cảnh xã tắc loạn lạc và cảnh nhà Trần suy vong, cuối cùng ông quay trở về Côn Sơn ở ẩn. Nỗi thống khổ của ông về sau như ứng luôn vào số kiếp của đứa cháu thơ dại ông dắt tay bước đi giữa rừng trúc. Thuở đầu ngày thơ người hướng về ông với lòng tôn kính ngưỡng mộ, người biết ông là bậc hiền tài, người chăm chỉ hiếu học theo bước chân ông. Song cũng có đôi lần người nhìn ông và thấy ông đau đến lạ. Người ông đã già ngồi châm trà trên bàn đá nơi khoáng sản, tiếng suối từ xa róc rách chảy lại, ông ngâm một bài thơ cổ về cảnh thiên nhiên không gợn chút bụi trần. Nhưng thứ chiếu trong mắt người mà đứa trẻ mơ hồ cảm nhận được lại chẳng phải sắc xanh của rừng trúc, mà là điều gì như bụi phủ trên tảng đá vệ đường.

Ưc Trai lớn lên, có điều gì mà người chẳng thông tường, văn chương chữ nghĩa, binh thư thao lược.

Lên sáu, chịu tang mẹ. Mười tuổi, người ngồi đúng tại vị trí năm xưa ông đã ngồi, nhắm mắt lắng tai nghe tiếng suối. Hai mươi tuổi, bước vào chốn quan triều mà mỗi bước chân đi lại thấy tim mình như hun trong lửa. Bởi giờ đây người đã thấy được phần nào khung cảnh trong mắt ông. Người biết ông ngắm rừng trúc mỗi ngày như cái cách ông ngẩng nhìn bầu trời chốn kinh thành. Người biết ông nhìn xác của động vật hoang dã chết trong rừng mà lặng lẽ đem chôn dưới đất sâu như ông luôn nghe thấy tiếng than khóc của nhân dân. Người biết ông dồn tất cả tinh túy trong vốn tri thức và lễ nghĩa làm người vào việc dạy bảo cháu ngoại như cách ông đã tận tụy dồn sức trong từng bức sớ dâng vua. Hai mươi tuổi, người thề bằng máu rằng mình sẽ không làm trái với lý tưởng nhân nghĩa. Ưc Trai vẫn luôn sống và nhớ về ông, thế rồi Côn Sơn năm ấy từ lúc nào trở

thành ẩn ức chôn sâu trong tiềm thức. Song, khởi đầu người ta đã ở điểm ấy, cả đời người dẫu có đi rồi lại về với điểm ấy, người cũng chẳng thể chỉ lánh ở đó cả một đời. Họa hoằn chờ bãi bể hóa nương dâu, chừng nào bãi bể mới hóa nương dâu? Nghìn năm sau Đại Việt liệu đã quốc thái dân an? Chẳng chờ được nghìn năm, dù trong tâm trạng chán chường với thời cuộc, Ưc Trai vẫn dặn lòng gắng sức cống hiến cho đương thời, nếu lúc nhắm mắt xuôi tay tâm đã được như ý nguyện, người cũng đành lòng.

Để rồi một ngày mù quan cõi xuống, trông theo cha bị giải đi đến Trung Hoa, phía sau lưng là đất nước lầm than. Hiểu rằng mình mang mệnh tài, lòng đau đớn lại không bút lực nào kể xiết.

Mười năm phiêu dạt, Ưc Trai trách trong tâm như đã đi trốn, để rồi thấy trốn mà như đang đi. Bốn bề chẳng biết về đâu, người tìm đến nơi núi lạ. Người ở đó thay tên đổi họ, ăn mặc và sống như một lãng khách đã quy về ở ẩn. Đêm dài đầu tiên trong căn nhà quạnh vắng, nghe tiếng chim rừng và tiếng suối xa, thấy bóng trúc trong nỗi tiêu điều cứ xì xào mãi câu chuyện trong gió. Người viết hiệu của mình là Ưc Trai bằng máu trên giấy. Hai mươi bảy năm đã là một phần đời dài qua đi, nhưng phần đời trong lịch sử liệu có thấm là bao? Trong ánh đèn dầu chập choạng, người nhìn trân trân vào cái bóng treo trên vách tường.

Dưới chân núi, người ta truyền tai nhau nơi này có một vị khách lạ, trông như thần tiên thoát tục. Trong vẻ bần cùng khốn khổ mà đôi mắt vẫn tinh anh sáng rõ.

Còn đau đầu lòng người chỉ là việc của một mình người phải trông thấy mà thôi.

Rồi một ngày người lại theo thuyền sang sông. Làn sương mờ ảo quấn quanh nơi chân những triền đá dốc cao. Hoa thơm cỏ lạ vùi trong sương còn con thuyền nhỏ như đắm mình trong nước. Người lãng khách úp mũ rơm lên mặt và dần thiếp ngủ. Rất lâu trôi qua, người thức dậy mà cảm thấy hơi cồn cào đói. Nhưng một khắc chênh vênh thoát cơn mộng làm người bất chợt chẳng nhận thức được mình đang ở đâu. Người lái đò đã quen với cái nhìn ngơ ngác của những vị khách khi rời khỏi giấc ngủ giữa miền sông nước. Ông cười và hỏi, quan khách có còn nhớ đây là triều đại nào?

Triều đại nào? Ưc Trai nghe rồi bất giác thấy mắt mình mờ đi vì làn nước.

Về sau, khi người và nàng gặp nhau, nàng bảo rằng trong lòng người luôn có một cuộc binh biến. Nhưng hiểm nổi đâu mới là phe thiện và phe ác? Ranh giới ấy được quyết định bằng chấp niệm nào sâu hơn thì sẽ là thiện và thắng, hay người sẽ trao quyền quyết định cho lịch sử. Rồi người đời sau sẽ không ngừng định nghĩa về ta. Nhưng Ưc Trai thật sự có lẽ cũng đã tan vào núi non sông nước. Ưc Trai thật sự liệu có muốn lắng tai nghe xem thế sự về sau định nghĩa sao về mình? Người đã đi qua thương hải tang điền, thay rượu bằng trà, làm quan rồi ở ẩn, phiêu bạt mười năm rồi theo bước tướng khởi nghĩa, trông theo tướng thành quân vương và rồi quân vương lại đứng trên cao nhìn người đầy nghi kỵ. Từ Bình Định Vương Lê Lợi cho đến vua Lê Thái Tổ. Nơi rừng núi hiểm ác, vị vua

ấy có thể để người đứng phía sau lưng mà không một phút chần chừ đắn đo, nên người đã ngỡ tưởng chí hướng của người nằm ở sự tinh anh quật cường ấy. Nhưng, nơi vương triều, phía sau lưng vua chỉ có thể là ngai vàng, và vua nghĩ trước mắt chỉ có giang sơn, mà trăm nghìn điều tiếng bên tai lại làm sự tinh anh giữa núi rừng năm xưa trở nên mờ mịt. Người có hiểu vua không? Người hiểu thế nào được bậc đế vương. Đế vương có hiểu người không? Khi họ gặp nhau lần cuối, đế vương bảo rằng trong lòng người có giống tổ. Rằng người có thể vì sự bất mãn trước thời cuộc mà làm ra bất kì chuyện gì. Người chỉ ngẩng nhìn vua mà cảm giác đắng cay từ bao nhiêu năm trước khi trông theo cha bị đày đi nơi viễn xứ bất giác quay trở về, những quãng thời gian từ đó đến nay đều đổ sông đổ bể. Bởi trong sự nghi kỵ chia vào người, người trông thấy sự nghi kỵ của chính Vua Lê Thái Tổ với bản thân vua.

Thế sự đổi dời, nhân dân đã không còn cần một vị vua tay chỉ nắm chắc thanh kiếm.

Khởi nghĩa đã xong, vua không cần một vị quân thần đứng sau lưng.

Lời cuối, Úc Trai hành lễ với Vua Lê Thái Tổ và nói, vua mãi mãi là vua, thần mãi mãi chỉ làm tôi.

Chỉ biết sau cuối vào ngày hôm ấy, khi người quay lưng rời khỏi cung điện, Vua Lê Thái Tổ đã chỉ ngồi trên ngai vàng mãi đến tận lúc rạng đông. Chẳng ai biết Vua có còn nhớ cảm giác thuở ban đầu khi người dâng *Bình Ngô sách* lên mình hay không, mà dẫu thế nào, phẩy tay áo quay lưng cất bước, chuyện cũ cũng lờ lói và sụp đổ đi cả thôi. Vương triều nghìn năm sau, những cảm xúc mơ hồ trong lòng chỉ ta biết ta hay, thì một nét mực cũng chẳng lưu được lại.

*"Bui có một lòng trung lẫn hiếu,
Mài chăng khuyết, nhuộm chăng đen."*



Người gặp nàng khi sức sống thanh xuân nàng vẫn còn ở đó, người gặp nàng khi lúc bằng tuổi nàng, người lang bạt với lăm nổi đắng cay. Nàng gặp người khi người đã ở tuổi xế chiều mà trong tim vẫn cháy bùng lên lửa, nàng đọc sâu hiểu rộng nên biết rõ hơn ai rằng một triều đại liệu có mấy nhân tài như người, vì thế cũng đã định là cuộc đời người nghìn phần vang danh thì cũng từng đầy phần xót xa. Họ cảm thương nhau từ lẽ ấy. Nguyễn Thị Lộ kiêu lời, đoan trang, lễ nghĩa. Đôi lần nàng nhìn người với ánh mắt ngưỡng mộ một bậc bề trên, đôi lần nàng nhìn qua những phân tranh khốn khổ, mà người nghĩ là sao đã đến cái điểm gần đất xa trời này, lòng vẫn chẳng được yên. Nàng sẽ khê rú mi và rồi giọng sẽ dịu dàng triu mến hơn bao giờ cả, như thể đang nói với đứa trẻ thơ bị bỏ lại bơ vơ trên cõi đời. Nàng là điểm dừng chân cuối đời của bậc hiền nhân ấy, vì thế, sau cái đêm mà ánh dương ngày mới lên nhuộm đỏ Lệ Chi viên, khi họ gặp lại nhau, nàng đã quỳ rạp ngay xuống dưới chân người.

Úc Trai năm ấy sáu mươi hai tuổi. Sáu tuổi đã được ngợi khen chăm chỉ hiếu học. Sáu tuổi đứa trẻ ấy đã chịu tang mẹ. Tháng năm thơ ấu dành trọn cho Côn

Sơn, những năm về sau mỗi lần muốn ở ẩn tránh khỏi những binh biến và tranh giành quyền lực, người lại trở về Côn Sơn. Nhưng trở về Côn Sơn là để buông xuống hết chuyện cũ, hay trở về Côn Sơn để hồi sinh những năm tháng thiếu thời? Để nhớ lại hình dáng ông ngoại ngồi giữa rừng trúc, cả một đời ông đau đầu trước thời cuộc. Tấm lòng yêu nước thương dân đi cùng những day dứt giằng xé, thấu tường đầy nhưng không thể làm gì được, cố sức đẩy rồi thấy tất cả chỉ là một cơn chiêm bao. Ông đã nuôi dưỡng Ưc Trai với một lòng kỳ vọng lớn lao. Vì thế nên mỗi lần quay lại với cuộc sống đạm bạc và trong sạch, Ưc Trai nhìn từng ngọn trúc, suối trong, chim ca thánh thót mà đều thấy lòng quặn đau. Gối đá làm đất, nghe tiếng đất thấm thì. Uống nước suối trong, suối đang khóc đầy. Mệnh nước ta, mệnh sử ta. Đến ngày nào mới quốc thái dân an?

Đá phủ rêu xanh, từ thuở nào mà tóc người cũng đã bạc.

Sáu mươi hai tuổi, đời lúc vinh lúc bại. Chẳng ai sống trọn vẹn một kiếp người đến thế được như Ưc Trai. Chữ trung, chữ hiếu, chữ tình, chỉ có người mới đi tới cùng của cả ba chữ ấy.

Giai nhân bị chìm chết dưới đáy sông Hồng, hơn bốn trăm thân quyến bị xử tử.

Đến cuối đời, người đã thấy thế nào là bãi bể hóa nương dâu, rồi trăm năm nữa nương dâu sẽ lại thành bãi bể, một vòng tuần hoàn của đời người cũng chỉ như thế.

Đến tận lúc khép mắt, người mới không còn thấy thẹn với lòng.

Chỉ là quân có biết người chưa từng một khắc thẹn với quân.

Côn Sơn rừng trúc. Côn Sơn suối trong. Côn Sơn năm năm tháng tháng vỗ về ta như mẹ, như hình bóng dịu dàng đi xa lắm chẳng thấy ngày về.

Khi thân người chạm đất, hãy để người về với Côn Sơn.

1. Trích *Côn Sơn ca* thuộc *Ưc Trai thi tập* của Nguyễn Trãi.

2. Trích *Thuật hứng bài 24* thuộc *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi.

THẠCH QUỲ

Đông Hồi

Tưởng nhớ nhà trồng rừng Lê Duy Nguyên

Người thả hươu về rừng
Người tìm hươu đánh bắt
Ta thả câu thơ vào cánh rừng thăm thẳm ấy
Nửa mong người thả hươu tìm thấy
Nửa mong người đánh bắt thấy câu thơ...

Bài thơ tình yêu

Yêu em, để có em đâu
Yêu trắng trắng lặn dưới cầu trắng trôi
Tình ta hút bóng trong đời
Thì thơ ta nói vạn lời trong tim.

Mây trời, cây cỏ yêu em
Biển xa, sông vắng, xanh đêm, trắng ngày
Cái không đông chật cái đầy
Em ơi! Một trái tim này, yêu em...

NGUYỄN HÙNG VỸ

Mẹ

Mẹ không còn nữa trên đời
Ngôi nhà xưa đã vắng lời gọi con
Gập ghềnh đèo dốc núi non
Thân cò - dáng mẹ lối mòn nẻo xưa.

Những chiều trời đổ cơn mưa
Những đêm buốt giá, những trưa nắng hằm
Nuôi con bầm dạ âm thầm
Chỉ mong có bát cơm cầm trên tay.

Tuổi xuân rụng trước bao ngày?
Hắt hiu gió núi, trập trây bước chân
Mái đầu sương nhuốm mấy phần
Bữa ăn vội, bát cơm toàn rau dưa.

Chợ Sy, chợ Bồng, chợ Chùa
Chợ Ngò, chợ Hiếu bốn mùa bầm chân
Vai gầy nặng gánh gian truân
Bàn tay mẹ vẫn ân cần từng đêm.

Lá vàng cành khó giữ thêm
Một chiều cả gió, đang đêm
mẹ "về"
Bây giờ bóng núi sơn khê
Bóng cò mưa đập, đường quê chập chờn.

Con về nhà cũ chiều hôm
Mưa rơi nghẹn lối, nhớ dồn nặng vai
Từ trong sâu thẳm xa dài
Bát cơm nửa sắn, nửa khoai mẹ chờ.

CAO XUÂN THƯỜNG

Dấu lặng

Trong bản nhạc giao hưởng bạn bè của Nguyễn Trọng Tạo
 Mỗi người một nốt
 Đủ cung bậc thanh trầm, véo von, khúc chiết
 Tôi chỉ là dấu lặng đơn,
 Dấu lặng của thời gian hơn sáu mươi năm.

Rượu chưa uống đã say,
 thơ chưa viết đã nhạt...
 ấy là tôi...
 Vây mà không biết bao nhiêu lần ông rưng rưng mắt
 Trước những khúc quanh khúc gấp cuộc đời
 lúc ấy bên ông là... lặng im tôi.

Tài hoa, hào hoa và cả đào hoa
 Ngay thẳng, quyết liệt và cả sự âm áp
 Bạn bè kết giao cả nước
 Cô đơn tỉnh rượu, tàn canh
 Nửa đêm: “A lô, mày còn thức không?”

Chơi với nhau hơn sáu mươi năm
 chưa bao giờ giận nhau (dấu chỉ là hờn dỗi)
 Hết về gần đến quê là gọi:
 “Tạo về rồi, xuống nhà ngay”.

Mai là ngày giỗ đoạn tang ông
 Tôi lắng nghe hình như có tiếng gọi.
 Không ra được
 thôi đành chịu tẻ
 rót chén rượu đầy soi vào dâu bể
 Rưng rưng chạm cùng lặng im
 Thêm một lần tôi...
 ... là dấu lặng đơn.

LAM HÀ

Cuối Giêng

Hoa trên bàn đã rũ
 Rượu trong bình đã vơi
 Xuân trôi vào ngày cũ
 Tình theo mây cuối trời.

Ngồi nhâm nhi chấp nối
 Vá vúi tuổi bảy mươi
 Mới hay mình vẫn lạc
 Giữa mông lung cõi người...

THƠ

TRƯƠNG PHƯỢNG

Tiểu khúc những ngày buồn như bụi mịn

những bông hoa gục đầu vào bàn tay chán nản
gió thêu màu buồn lên tĩnh mạch con đường
mùi đông còn vương trên mắt lá dầy thì
những giọt sương lặng lẽ buông tín hiệu vô nghĩa
tẩy liệm xác thân tôi bằng hơi thở muộn phiền
người còn ủ ấm những tháng năm gầy hơn cánh mối
hoài mong một sự trở về
ngã tư thương nhớ?
trên nẻo vắng phai tàn
ngày bạc trắng bơ vơ
tôi lặng lẽ chôn tôi
như lá mục!
Lỡ hẹn
Mưa không chờ đón hồn tôi ở cuối đường
Những cánh hoa vẫn gục đầu lên tay gió
Đèn đường ngủ lâu rồi
Giun dế gọi thăm tôi!

Đôi khi là như gió

tôi ôm lấy bóng tôi
ngày mệt nhoài tối sáng
hơi thở người đã tàn như tóc rụng
mầm khát vọng chết non
đốc gió tôi xây quán đờ
xanh cỏ mồi tương lai
tôi ôm lấy bóng tôi
ngã tư đời gầy rộc
thèm một chuyến chạy ngược chiều bụi nhỏ
thấy mình lẫn nhòa trong bức tranh tĩnh vật
lựa từng nhánh bão giông
kết trái mặt trời
sực tỉnh
tay buồn hơn vệt ố trên bức tường viêm phổi.

NGUYỄN THỊ HẰNG

Miền ký ức

Biết đâu rong chơi dừng lại
 Nỗi buồn liệu có tái sinh
 Chiều nay mưa về lạnh quá
 Đàn mây dừng bước viễn trình.

Biết đâu, đâu là định mệnh
 Cõi trần yêu quá đi thôi
 Biết đâu trong làn môi lạnh
 Giữ mãi thời gian xanh chồi.

Nợ đời rưng rưng nỗi nhớ
 Mệnh mông miền ký ức xưa
 Hạnh phúc giấu trong ngực áo
 Mảnh trăng hao khuyết bốn mùa.

Tình yêu ngang trời bảy sắc
 Mới đó đã tan biến rồi
 Con tim từng quen bắt trắc
 Mất còn cũng thế mà thôi.

NGUYỄN VĂN SONG

Nhớ Tết

Mẹ ngồi đãi gạo bên sân giếng
 Mưa lất phất buông chạm tóc gầy
 Chim sẻ liệng vòng trên mái ngói
 Nếp thơm lay vệt khói rơm bay.

Cha ngồi chẻ lạt bên thềm cũ
 Năm ngón tay khô uốn sợi mềm
 Lạt mỏng buộc hương vào bánh lá
 Tuổi cha ai níu được dài thêm?

Giao thừa pháo đốt khua trừ tịch
 Dụi mắt lắng nghe đếm tiếng đùng
 Tự nhủ chắc còn dăm quả tuột
 Sớm mai lại nổ ngô vang rung.

Chị chải tóc mây soi đáy giếng
 Thấy gì mà má ứng hồng tươi
 Tôi lần túi đếm tiền mừng tuổi
 Loảng xoảng đồng xu ngổ tiếng cười.

Nay về nhà cũ vừa hay Tết
 Thềm vắng màu rêu nhuốm cả rồi
 Cha mẹ đã thành đôi lọn khói
 Chị ngồi nhổ tóc bạc cho tôi.

PHÚC HOÀNG

Đêm nghiêng

Đêm nghiêng e ấp lá bồ đề
Khe khe trở mình trong cõi mê
Bóng nguyệt sương sa cài song cửa
Trần gian soi sáng nẻo đi về.

Sen đài chú tiểu ngủ say sưa
Ánh sao rơi nhẹ xuống sân chùa
Kính cầu đêm rót lên môi Phật
Thấm đẫm từ bi tự ngàn xưa.

Chợt thức bên hiên một đóa quỳnh
Ngọc nga e ấp buổi nguyên trinh
Thoang thoang khói trầm đêm tụng niệm
Chén trà vừa cạn, cũng bình minh!

PHƯƠNG VIỆT

Đôi khi

Đôi khi phải biết đại khờ
Để liêu xiêu giữa đôi bờ thực - hư.

Đôi khi chợt thấy ưu tư
Tuổi thơ buồn tủi bơ vơ, dội về.

Đôi khi giấy rách, giữ lề
Mãi đeo đẳng với lời thề trong ta.

Đôi khi buông bỏ, cho qua
Để tâm thanh thản như là...
vô minh.

Đôi khi định vị chính mình
Tọa độ, cung bậc, hành trình
về đâu?

Đôi khi lặng lẽ cúi đầu
Cho dòng nước mắt chảy vào
bên trong.

Đôi khi lòng tự nhủ lòng
Dấu người phụ bạc, không mong phụ người.

Đôi khi bỗng cất tiếng cười
Bởi xa xót, những mảnh đời
xót xa.

Đôi khi ta thoát khỏi ta
Để quên những cái rất là...
đáng quên.

Đôi khi độc ẩm bên thềm
Nâng ly lại nhớ bạn hiền nơi xa.

Đời người tựa bóng câu qua
Đôi khi, thôi cũng chỉ là... đôi khi!

NGUYỄN QUANG HƯNG

Gọi vào phố cũ

Về trong phố cũ thay người
Đã đi khỏi phố từ hồi hoa niên
Tóc tơ thơ dại còn lên
Cửa vào hun hút cuồng điên những ngày.

Mất tôi ăm ắp hồ đầy
Chỉ luôn thiếu một hao gầy dất đi
Vào ba sáu phố thiên di
Nghe ba vạn sáu ngàn vì sao rơi
Sao nào để chỗ cho tôi
Hay khi đã mất đi rồi mới yêu
Những đường gạch vỡ lửa thiêu
Những nghề những phận ngủ theo im lìm
Hoang mang hàng phố tôi tìm
Có gì thân thuộc thì xin cất lời.

Không còn nữa những dáng người
Tự mình trong phố tôi ngồi đặt tên
Tôi là con của hoa niên
Mỗi ngày lại vẽ mình trên lối dài
Ngày kia tan hết ra ngoài
Là khi tóc gió vẫn vãi sợi xanh
Hòa trong mây trắng thiên thanh
Là khi phố biết tôi thành chính tôi.

Nhòa thật

Có gì đằng sau nước
Gì ở trong nhòa lẫn
Như đây mới là thật.

Một thật ngày thường không hé lộ
Nét căng độ phân giải đến cả cái nheo mắt
Căng mạch đỉnh đầu chụp cắt lớp
Mồn một mồn một mồn một
Như vết dao nhói đỏ nắm hành đang thái dở
Lúc ấy chính xác là giây thứ 53
của 11 giờ kém 9 phút ngày Sửu
tháng Tỵ năm con cá đuối

Giờ đây bằng khuôn ký ức xa xăm ban trưa
Vừa ăn vừa nghĩ vừa chạy vừa tin
là mình đang thư thư bách bộ ven hồ
Tiếng gọi ai đó quen quen xuyên
vào cơn say nắng
Trong thời quá vãng cách đây nửa ngày
được tái tạo ấy
Khuôn mặt anh trông thế nào
Có thể là vòng nước loang mờ
khi lá chạm xuống
Có khi như một hoạ tiết đang được vẽ
Nên cứ mọc ra tiếp

Hay nét mặt anh như nước lúc này
Rơi nhòa những gì trông thấy
Mỗi nước rơi một nhòa khác
Mơ hồ nhận ra điều gì chưa rõ ràng

Nhưng là con mắt mới.

THƠ

PHẠM HỒ THU

Thiền đa nguyên

Thiền.

Cố gắng chờ mặt trời

Em tập mãi thế ngồi kiết già

Em học được cách lặng im để nghe gió thổi

Em học được cách nín thở

Rồi bung lỏng ngực mình chờ đón hư không...

Thiền.

Duy lý. Duy mỹ. Duy tình.

Em ở đâu?

Anh ở đâu?

Bạn bè ở đâu?

Em có thể là người đàn bà hiền ngoan

Em có thể là người đàn bà bướng bỉnh...

Thiền.

Có lẽ nào ta mãi ngồi cãi nhau về Freud, về Kant, về Nietzsche

Anh hãy biết

Em có thể ngồi hàng giờ trước người đàn ông có vầng trán rộng

Tiếng đàn ghi-ta chảy

Tiếng sáo cất lên thật buồn...

Xin anh cứ tự do chờ ngày đắc pháp

Chờ ngày thành vĩ nhân hoặc trở thành tỉ phú...

Còn em chờ biến thành người đàn bà bé nhỏ

Đêm đêm cuộn tròn trong vòng tay nhân hậu người tình...

Tình yêu

Không phải là sân chơi tung tăng cho một bầy ngôn ngữ

Tình yêu tặng em gương mặt anh thắng thốt

Khiến em đỏ mặt với nụ cười mười tám tuổi

Tình yêu cho anh được là anh, em được là em.

Thiên.

Anh đừng về bên em khi vắng em vòng tay anh ôm người đàn bà khác
Anh biết đấy - rằng em sẽ khóc
Khóc suốt đời, anh không đỡ được đâu...

Thiên.

Em sẽ học cách cứng cỏi không chờ ánh nhìn anh nữa
Không quay đầu lại
Em sợ thấy anh như cánh đồng mùa Đông ngổn ngang gốc rạ
Trơ mùa.

Thiên.

Em sẽ học cách thật dịu dàng
Để khi nhìn vào mắt em anh bình tâm ngủ
Sáng mai chúng ta sẽ nói về một bông hồng đêm qua vừa nở
Nói về sự huyền diệu của ánh trăng
Và ta cùng nhau uống một ly trà còn nguyên hương, nóng hổi
Rồi chia tay, bước ra ngoài cửa
Dòng đời cùng ta nhọc nhằn...

Thiên.

Ta đứng cảm nắm tay nhau bước qua cuộc đời quá nhiều đổ vỡ.
Bước qua những họng súng tầm thường lên đạn sẵn sàng tàn sát Tình yêu
Ta dắt tay nhau tìm về Miền-địa-đàng-đầy-hoa-cỏ
Nơi em nhón bước chân không gìn giữ
Tìm anh...

Thiên.

Em có thể là luồng-ánh-sáng anh không bao giờ bắt được
Nụ hôn em bay về phía chân trời
Nhưng em biết quay về khi ánh nhìn anh thẳng thốt
Tình yêu sạch trong...

TRẦN KHOA VĂN

Cỏ trăm tích

Khi họ còn là trẻ con
mải miết chiều trôi trên thảm cỏ
chúng tôi ôm lấy bằng những gì êm ái nhất
mặt sắc, nham nhở chỉ dành cho lũ côn trùng, gặm nhấm
đám trẻ con tất nhiên biết rõ điều này.

Khi lớn lên, một trong số chúng
sẽ nói về dòng sông, những đại ngàn bát ngát
đến cánh đồng hoa và viết những vần thơ lãng mạn
hay ngồi nhâm nhi phúc điệu cuộc sống...
Chỉ có bọn nuôi bò là cần chúng tôi.

Cũng có một số ít,
khi đi vào công viên không dẫm chân lên cỏ
nhưng lũ cỏ vốn dĩ không cần chăm sóc
hãy để cỏ phủ xanh mặt đất
và dùng cuộc lật lại khi cần.

Chúng sẽ quên những trò chơi trên cỏ
Mà chơi những trò chơi với rừng, với dòng sông, với đất đai:
rừng được trồng lên, rồi đốn hạ
nắn sông, ngăn dòng thành kênh, đập
chiếm đoạt đất hiếm hay nhân tạo chúng lên.
Cả những trò nguy hiểm hơn mà chúng nhằm tưởng là vĩ đại.

Khác với đá, nuốt mình vào triệu năm trăm tích
Chúng tôi biết thắm thì và kể lại những gì đã qua,
lưu vết những dấu chân dẫm lên,
vô tình hay thô bạo,
chạy trốn hay kiếm tìm.
Khi mọi trò chơi đã hết, chỉ còn màu xanh của cỏ.

Trò chơi

Tôi chơi một trò chơi với nắng
 như ngày xưa mãi mê khám phá bầu trời
 qua những tia thời gian song song
 chiếu qua kẽ hở mái nhà rêu phong gạch ngói.

Nắng nhảy múa trên bàn tay tôi rồi biến xuống mặt đất
 mà chẳng để lại chút sưởi ấm mong manh nào.
 Tôi vội nắm bàn tay lại hòng níu giữ chút thời gian
 nhưng bằng cách nào đó nắng chui ra ngoài rồi đứng im như khiêu khích.

Tôi chịu thua mà chẳng mong thử lại lần nào nữa,
 bất chợt nắng thì thào vào trong tôi:
 “Ta với cách đây 30 năm là một;
 Cậu bé khi ấy không hề bỏ cuộc mà đã chơi với ta hàng trăm lần,
 mỗi lần lại thử nắm lấy ta bằng một cách khác nhau”.

Cà phê vẫn loay hoay lắng thêm vào chút nhạc...
 Tôi trả lời bằng suy nghĩ không qua gọt giũa của mình:
 “Bởi vì tôi đã quen và chấp nhận
 những thứ quý giá đã bao lần vượt qua kẽ tay”.

VƯƠNG LONG

Ở đây chiều lẻ

Ở đây chiều lẻ, mưa giăng tối
 Trống trênh làng quê, nhập nhoạng đèn
 Biết đâu còn nắng? Cho sang với!
 Thèm mảnh trời Xuân hửng ấm lên.

THƠ

TRẦN NHẬT MINH

Sài Gòn

Sài Gòn buộc tôi vào ngọn gió
Thổi tôi bay ngang dọc những con đường
Những con đường giấu kín vết thương.

Sài Gòn nhuộm tôi vào màu nắng
Sáng mệnh mang từng nhịp phố dài
Cây lá gọi nhau những mùa tình ái.

Nắng tràn lồng lộng
Gió lướt trên sông
Phố trong veo sạch bong hơi thở
Nơi đám đông rực lửa
Mình tôi ngồi chờ đợi hoàng hôn
Bên ly bia sánh màu của nắng
Giữa ngồn ngang bàn ghế
Và người
Tiếng chạm ly tiễn một ngày sắp tắt
Tôi giấu tôi vào những môi cười.

Bàn bên đôi trai gái vừa chớm đôi mươi
Buộc vào nhau rồi từng khoảnh khắc
Mặc chuyến xe cuối cùng nhích vào ngày mới
Mặc lao xao sông vắng đêm trôi.

Sài Gòn buộc tôi vào ngọn gió
Chở tôi qua ngày tháng năm dài
Hun hút thấm sâu lòng con hẻm cũ
Đủ ngân lên tiếng gọi ban đầu
Tôi như chiếc neo tìm bến
Sài Gòn thả vào từng nỗi nông sâu...

Mở

Mở trang sách
thoát một bóng tối
khêu ngọn đèn
thoát một u mê.

Những con chữ
đàn kiến hoang
li ti tràn giấy cũ
vết thương
của quá khứ sương mù.

Mở trong anh
một chân trời lạ
nơi có đường bay
của những cánh thật thà...

Trên vùng trời cô đơn ấy
anh bay
cùng những câu thơ
và bài hát
thên thang cời tung áo nặng nề
ngực đón gió
anh bay theo thi tứ mây trời
thanh thản vẽ một đường sinh mệnh
Tự do...

TRƯƠNG THIẾU HUYỀN

Ngữ pháp xanh

Những dáng cây dấu hỏi
trời xanh không trả lời
ép mình trong tượng gỗ
thở cây đường thời gian...

Lời gió gió hay
chữ rế bí ẩn
trật tự ngữ pháp xanh
sự sống!

Báo động

Tòa nhà gương kính
những con chim chết
đôi cánh tự do
không kịp nhận ra
bầu trời cạm bẫy.

Có cách nào báo động
cho đàn chim di cư?

HỒ KHẢI HOÀN

Một nửa

Đất bán đi một nửa
Một nửa xây nhà lầu
Người gánh thóc ngày ấy
Bây giờ đã về đâu?

Bạn gái tôi bỏ chồng
Tay bế con ẵm ngửa
Đi tìm người tình xưa...
Lâu rồi... không biết nữa?

Nhà bên người viễn xứ
Nụ cười cũng lạnh môi
Chiếc cầu tre hò hẹn
Chuyện tình... xa lắm rồi.

Đường thôn thành ngõ phố
Ngõ phố chật lối quen
Mất nai buồn... ngõ ngác
Quán trọ ai buông rèm.

Ao hồ lấp một nửa
Một nửa dựng nhà lầu
Đêm trăng... còn tắm cá
Đợi em về giăng câu?!

THƠ

VÕ NGỌC SƠN

Phút hoàng hôn

Tích tắc... tích tắc...
Thời gian đơn giản quá
Cả vũ trụ gọn gàng trong một vòng quay.

Kỳ lạ thay
Tiếng tích tắc làm nghẹt thở cậu bé
ngồi trong phòng thi
Lại làm khắc khoải người ngồi sân ga đợi bạn
Cũng chỉ tiếng tích tắc ấy thôi
Đôi lứa yêu nhau chưa chi trời đã sáng.

Thời gian của ai là bạc là vàng?
Thời gian của ai chỉ là đất là than?
Mỗi con người một gương mặt thời gian.
Albert Einstein không vô cớ nói rằng:
"Tất cả chỉ là tương đối"!

Tôi nhặt thời gian giữa muôn ngàn bối rối
Vào trang thơ lẫn lộn những buồn vui
Chút nhụy chút hương xin dâng hiến cho đời
Chỉ giữ lại nhịp tim mình tích... tắc.

Nhanh lên tí mình ơi
"Chiều chưa chi đã tắt"^(*)
Phút rục rịch cuộc đời chính là phút hoàng hôn!

^(*) Lời thơ của nhà thơ Italya: Qua si Modo

VŨ TRỌNG THÁI

Tháng Tư

Xuân dùng dằng chưa qua
Hạ chập chờn gõ cửa
Thời gian chờ nỗi nhớ
Nỗi niềm ai bằng khuâng.

Tím trời nụ hoa xoan
Giao mùa bao dự cảm
Giữa bộn bề lo toan
Nhọc nhằn cả nỗi nhớ.

Bỗng sáng nay xóm thợ
Bừng lên cánh loa kèn
Rung rinh như vậy gọi
Tháng Tư... và dịu êm.

Chiều nghiêng Cửa Lò

Thơ: **NGUYỄN HÙNG** - Nhạc: **ĐẶNG TRUNG**

Chiều Cửa Lò anh ngồi bên em, lắng
...Lò ta ngồi bên nhau ánh
nghe trong lòng đang dâng sóng. Đôi bờ vai trượt nghiêng câu
trăng soi tình ta chung bóng. Vai kề vai cùng nhau ngao
1. hát, biển vắng em biển hóa buồn tênh, (Chiều Cửa...)
2. hát, thoang thoang hương chanh, quện mái tóc mềm. Chiều quê
hương chúng mình bên nhau, đường Bình Minh vắng tiếng còi
hương chúng mình bên nhau bỗng bẽnh theo Lan Châu ẩn
1. tàu. Hòn Mất, Hòn Ngư nhòai chấn sóng, Cửa
Hội đâu rồi cánh buồm nâu? Chiều quê hiện, thuyền
ai nhẹ nhẹ duênh con sóng, trăng cũng dần nghiêng bóng đôi mình.

Đầy vơi một cung đường

Lời: NGUYỄN KHẮC AN - Nhạc: NGÔ THỰC KHUYẾN

Đau đớn, hy vọng.

Tại sao? và tại sao? Anh ra đi không một lời từ biệt. Nỗi
 Tại sao? và tại sao? Đang xuân xanh lại vội vàng từ biệt. Nỗi
 đau lặng ngắt vô thường. Cung đường ấy một đời người khép lại.
 đau ập xuống bao nhà. Xin đừng mất những chiều hè yên ả.
 Xác hoa trắng đầy vơi. Bao đón đau quên thất người ơi! Anh là
 Có hoa trắng đầy vơi, Bao nhớ thương còn mãi người ơi! Cung đường
 ai? là ai? Là một người xa lạ. Anh vì sao? vì sao? Mà ra
 quen, đường quen mà ngàn người xa lạ. Xin đừng quên, đừng quên, bình yên
 đi vội vã. Cung đường ấy, giấc mộng tuổi xuân, dệt ngàn ước mơ, nuôi bao hy
 cho mọi ngã. Cung đường ấy, khép lại nỗi đau, vạn người đến sau trao nhau hy
 vọng. Nhưng hôm nay, đất trời khép lại. Tất một đời xanh, nhớ thương khôn cùng.
 Tay trong tay, mỗi ngày thức dậy, viết lại niềm tin, giấc mơ an lành.
 Chiều nồng nàn mùa thu, người đầu không thấy về. Phiêu du ở mãi chốn xa vơi.
 Vì nhà nhà bình yên, tình yêu cho mỗi người. Trao nhau ngày mai chút hương đời.
 Lòng người còn buồn đau, cung đường khuất bóng người xưa.
 Nào hòa cùng lời ca chung niềm hạnh phúc bền lâu.
 Nhớ bước chân anh những tháng ngày trên đường.
 Mỗi bước chân đi là mỗi ngày an bình.



Minh họa: TRẦN MINH CHÂU

Lần theo nắng gió

HỒ THỊ NGỌC HOÀI

Hồi địa chỉ tính hôm nào tiện sẽ đến thăm chị nhưng liền sau đó tôi đi luôn. Đến là phải hẹn chứ? Biết vậy nhưng tôi cứ không hẹn mà đi, cứ mặc cho những thật thà, tự nhiên của mình.

Đi qua sông, rạch, qua cầu, nắng gió vùng sông nước thật phóng khoáng. Từ đường lớn rẽ vào hẻm. Lạ, đi chậm, nhìn số nhà. Hẻm Sài Gòn là thế. Nhà nhà san sát. Ngã ba. Rẽ ngã nào đây? Người đàn ông bên đường hỏi, nghe tôi nói địa chỉ rồi chỉ lối. Tôi cảm ơn và thấy cảm mến hơn con hẻm vì con người nhanh nhẩu nhiệt tình quá!

Hẻm hẹp, sâu, cảm giác đời sống chật chội, ngọt ngào nhưng chỉ là giác thôi. Có nhà để an cư là hạnh phúc, đây lại là vùng phố sầm uất lâu đời. Và ở bất cứ đâu người ta thêm khát yên ả, hết sức thu vén cho yên ả thì ở đó êm đẹp thôi.

Qua đất Thủ Thiêm, qua bến Bạch Đằng, bến Nhà Rồng, qua những cao ốc, đường sá thênh thang đến nhà cửa, lối đi chật chội, san sát đời dân thường phố thị, đúng quang tôi vừa đi qua là những gì rất Sài Gòn!

Có khúc đường lạ một lần đi thành quen. Tìm ra nhà chị cũng dễ. Tôi nép xe chùa lỏi, bấm chuông xong tranh thủ cởi áo chống nắng, mũ, kính... linh linh. Chờ một chút, hỏi thêm người hàng xóm cho chắc. Rồi lại chọn thấy ngại vì mình không hẹn mà đến.

Đón tôi, chị cho biết đang dở viết bài báo cáo. Đây, nếu hỏi trước thì tôi sẽ không đi ngày hôm nay. Nhưng thôi, chị có nhà là may mắn rồi. Thắp hương cho anh ấy, thăm hỏi chị chút rồi về.

Chị thoát chết, còn chồng chị thì không. Cả hai anh chị đều bị Covid-19 vào thời điểm dịch bệnh nóng bỏng ác liệt của thành phố. Biết bao người ra đi. Thành phố lặng đi nhiều tháng ròng rã. Chị thoát chết trở về, mất chồng, sốc nặng... Vậy mà những chịu đựng cũng gần nửa năm qua rồi.



Nhà hai tầng lầu nhỏ xinh, có nhiều sách và vật dụng, đồ đạc sắp xếp gọn gàng, ấm cúng. Lên tầng trên thắp hương xong tôi được dẫn xuống một phòng nhỏ. Giường, tủ, bàn ghế nhỏ gọn, tôi đoán chị ngồi phòng của con. Chị nói tôi gắng chờ chị chút và đưa sách cho xem. Chị quay vào máy làm tiếp, nói gắng chút nữa để kịp gửi.

Chị là nhà giáo ưu tú, là cựu giáo viên một trường chuyên nổi tiếng và là một nhà thơ có giọng, nét của riêng mình. Đến đúng lúc chị bận, tôi chỉ muốn ra về để khỏi phiền nhưng chị lại muốn giữ khách. Về thân tình, chân thành, không xa cách, khách sáo của chị khiến tôi nán lại chờ đợi.

Quay vào máy tính, lại quay trái sang tôi, chỉnh sửa văn bản chút, nói chuyện chút, quay đi quay lại, tôi lại thấy mình làm phiền, muốn chào về để chị yên tâm tập trung làm việc nhưng bỗng chị nói tôi xuống ngồi chơi nói chuyện với bác sĩ trưởng khoa sản, là bác thông gia tương lai của chị.

Cùng chị xuống tầng, có dịp nhìn rõ hơn góc nấu, góc bàn ăn nhỏ gọn, sạch sẽ. Còn chị cứ nhẹ nhàng ầm ập vẫn vút, rồi đến bác thông gia tương lai, đáng vẻ đến gương mặt cũng nhẹ nhàng, tròn mềm, cảm thấy thân gần ngay, bác ấy lại nói tiếng Nghệ nữa.

Chị trở lên lầu, “gửi” tôi cho bác thông gia tương lai với câu nói: “Chẳng hiểu sao chị có duyên với người Nghệ lắm...”, rồi bác thông gia tương lai tiếp tục cái “duyên với người Nghệ”, tôi bị cuốn vào bao điều to nhỏ thân mật xa gần. Bác thông gia tương lai hé chuyện người yêu cũ của chị là người Nghệ, là người đó, ồ ra thế, tôi có biết người đó, ồ à nghe, rồi hai bác cháu đưa chuyện, nhắc tới một người Nghệ khác nữa.

Nói chuyện con cháu, chuyện Nghệ An, Sài Gòn, nói sơ sơ bao chuyện, càng nói càng thân gần, và cái giọng về thôi cũng đã như kéo cả quê xa theo đến.

Chị phải bổ sung nội dung báo cáo, bận nhưng vẫn dừng tay tranh thủ tìm quà cho tôi, rồi muốn tôi ở lại ăn cơm trưa nữa.

Chị xong việc, bác thông gia loáng cái nấu xong bữa. Trong ngôi nhà vừa thiếu vắng đi một người đàn ông, có hai người đàn bà giỏi giang, phúc hậu đang tiếp

tục lo cho hạnh phúc của hai con trẻ. Tôi cảm nhận thêm những bồi hồi của dòng đời ở mỗi thân phận. Một chị li hôn chồng, đơn độc nuôi hai con nên người, một chị mới trải cơn sốc bệnh tình và quá bận. Tôi cảm nhận sự cố gắng, sự đảm đang và tài giỏi của hai chị, cảm nhận họ đang tựa vào nhau, thấu hiểu, êm ấm nên vững vàng. Lần đầu đến chơi nhưng tôi bị sự tự nhiên, ấm áp từ hai người đàn bà lôi cuốn, không chối từ được cái gì, thấy mình vừa mới là khách đã thành người thân thích, thành... em gái.

Và cuối cùng là ba người đàn bà ngồi bên nhau thân mật ấm cúng ăn bữa trưa. Bác thông gia tương lai của chị đoán tôi thích món trứng chiên với lá mơ lông nên bác ấy “chiều đãi”. Đúng là món tôi thích thật. Tôi kể tôi vẩy gạch ở góc đường, mua đất về đổ và trồng được một gốc, thỉnh thoảng vẫn ăn lộc lá mơ, chiên trứng lá mơ. Từ thửa quê nhà món này đã ăn thành quen vị, sau lớn biết là món tốt cho sức khỏe nên càng ham.

Cả buổi chuyện vô tư thoải mái đã kéo tôi về với những nguồn cơn ở quê nhà. Cả thứ nhỏ nhỏ như mật mía bác thông gia cũng nhắc tới, còn biết vùng quê trước đây tôi sinh sống rất nhiều mía và mật mía. Nó là thứ càng về sau này tôi càng mê, vẫn luôn cất trữ và dành dành hít ngửi nếm nếm. Mật mới hay cũ, đậm đặc hay loãng, thơm ngon đến độ nào, chừng như ngửi là tôi đã biết.

Cứ nói những chút chuyện vụn lẻ mà mê, mà khiến thời gian trôi mau. Tôi nói, thật là nhà có cô giáo và bác sĩ thì nhất, toàn là “hào hạng”, “số một”. Cũng vì vậy nên tôi đi thăm hỏi, nhẽ ra đi một chút, hay lâu thì một giờ đồng hồ thôi, thế mà chẳng ngờ là ở ăn rồi đến ngủ, dềnh dàng la cà sang chiều.



Trưa, nằm bên chị, gối kê chân đắp thơm tho, phòng máy lạnh, tay chị tay em cầm máy xem tin, nhắn tin, chốc lại nói tí chút chuyện. Sự chân tình, ấm áp thấm vào gối chăn, tơ tóc.

Chị thương chồng con mà mất ngủ triền miên, bác thông gia tương lai phải ở cạnh bên chia sẻ. Tôi cũng hiểu, nỗi đau buồn mất mát không thể nhiều lời mà nói hết.

Rồi chị dậy vì có người gọi điện. Chị giải thích chút việc cho tôi hiểu, nói tôi cứ nằm thêm.

Chỉ còn một mình tôi mở kinh Phật nghe. Cố nhưng không ngủ được, dậy xuống dưới nhà chẳng thấy chị đâu, bác thông gia tương lai hãy còn ngủ nghỉ, tôi vừa cầm lên quyển sách đọc được mấy chữ thì thấy chị từ ngoài phố về.

Túi nặng là cá thác lác nạo chị mua cho bác thông gia tương lai mai mang về Vinh làm quà, và túi quả thanh trà, chị bảo thứ quả con trai chị yêu thích. Rồi cả bác thông gia tương lai nữa cùng ngồi ăn bánh cam, ăn chuối nhà chị trồng được (trồng trên đất hoang, sát mảnh đất chị mua bên quận 2, chỗ mà lát nữa tôi đi theo chị đến đó).

Xong xuôi êm gọn, tôi chào tạm biệt bác thông gia tương lai đi cùng chị cho biết nơi mà chị ngày ngày đi đi lại lại thăm nom, người khuây nỗi buồn.

Đi không xa, từ quận 4 qua quận 1 theo đại lộ sang quận 2 cũng gần lắm (quận 2 là gọi nôm na thân quen theo tên cũ, tên mới là thành phố Thủ Đức). Loanh quanh bờ bắc bờ nam vùng sông nước Sài Gòn quen thuộc, qua “Đảo Kim Cương” rồi hai chị em dừng xe ở khu đất vắng.

Tôi được biết vì giấy tờ chưa hợp lí nên ở đây chưa ai xây nhà được. Chỉ một mảnh đất xây hàng rào gạch bao quanh với mái nhà tạm của vợ chồng chị, mấy năm qua chồng chị đi lại chăm chút cây cối, là chỗ mà trải cơn hoạn nạn dịch bệnh chị về trú tránh, chăm cây cối, khuây khỏa nỗi buồn. Và khi về lại nhà cũ quận 4, ngày ngày chị lại sang chăm bầy chó, chăm cây, thêm chút an yên.

Chị thông thả làm, nói, khi với tôi, khi với mấy thanh niên, trong đó có hai cậu người Nghệ, cũng bởi “có duyên với người Nghệ” nên chị cho mượn nhà ở, trông coi giúp chị luôn.

Có con chó đẻ, chị dặn tôi cẩn thận rồi chị luôn canh chừng nó. Một con chó què hai chân sau, lết đi rất tội vậy mà nó vẫn sống khỏe được sau khi bị đau thế. Ba con, thì hai con là chó hoang được nhà chị mang về nuôi chăm, nay có thêm một bầy chó con nữa.

Rồi mấy thanh niên kéo nhau đi, chỉ còn hai chị em. Chị vẫn từ từ làm, từ từ nói, kể, rồi lấy thức quà lúc nãy chị ghé mua trên đường đưa tôi ăn.

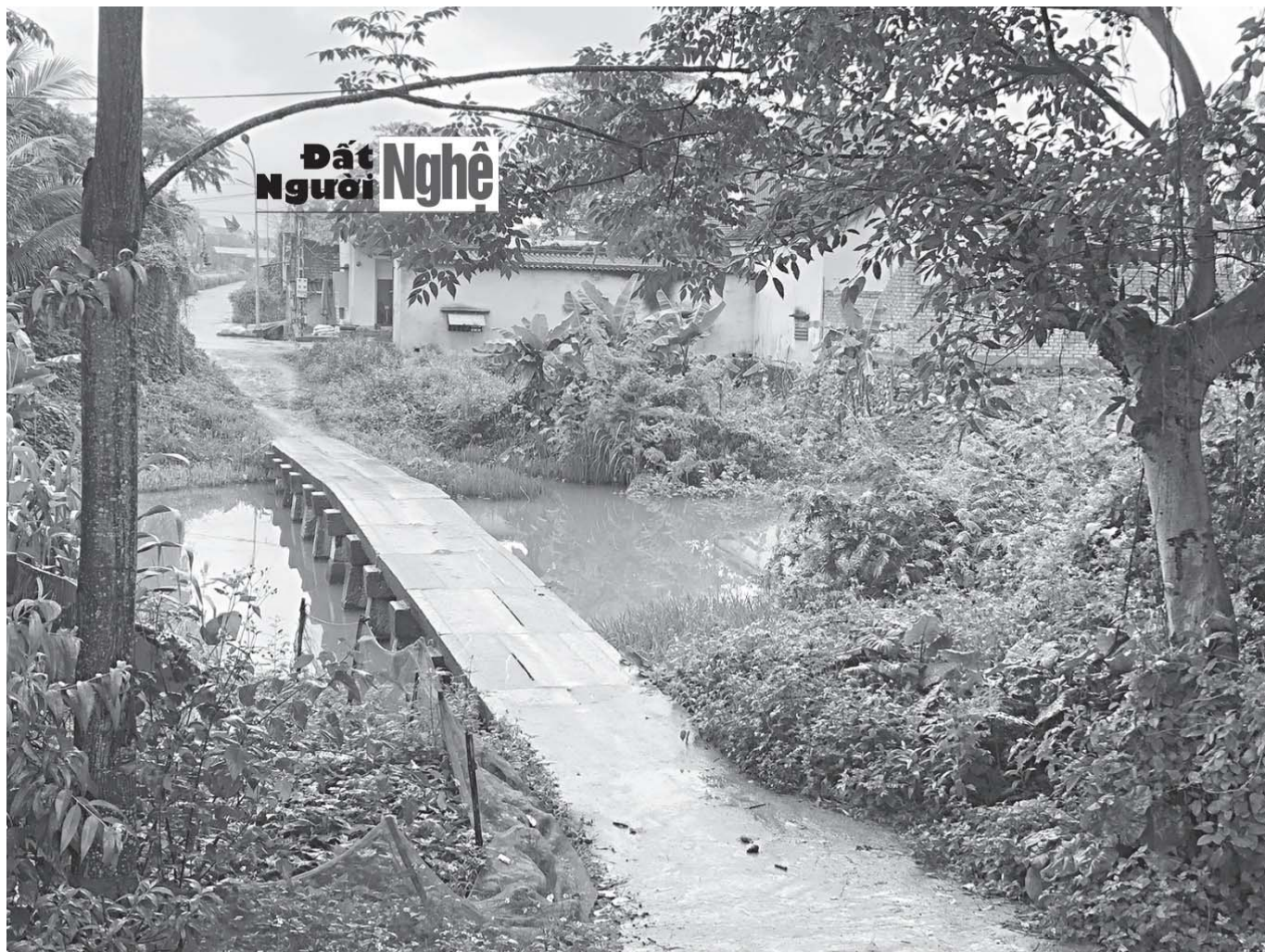
Hái rau, chộc quả cho tôi mang về, làm việc, đi lại ngồi và xen xen từng chút chuyện như mảnh đất có chút rau cải, khoai lang, cà chua, lộc húng, na, đu đủ, ớt, đinh lăng, cây cảnh...

Chị vẫn nhẹ giọng tâm tình, nhắc chút chuyện cũ, hờ, nhắc lại thôi... Ngẫm, yêu thương dễ đầy cũng dễ bị xói lở. Người đời nhìn chung ai cũng thể hiện mình, nói mình vì yêu thương, khao khát yêu thương nhưng từ đâu những hẹp hòi nông nổi lại hại người, hại luôn mình, rồi sinh những quẩn quanh buồn?

Sau chấn động vì Covid-19 chị nói chị trầm lặng thêm. Chị phải vượt qua cái cơn “chẳng thiết tha gì”. Giờ thấy vật chất, đất chỗ này nhà chỗ nọ không như ngày có vợ có chồng nữa. Những cây cỏ được chồng trồng, chăm nay như có hồn người, vẫn vút hình bóng, nâng đỡ chị.

Tôi nhớ đến tập thơ chị tặng năm trước. Tâm hồn, tinh thần hiển hiện bằng thơ, người đọc hiểu, tâm giao, tri kỉ không cũng từ đó? Khơi ra đó nhưng cũng nén lại đó. Nén là nghệ thuật. Nén điệu về tinh thần và người đọc cần nắm bắt được. Từ cõi sâu của tinh thần dẫn đến cái sâu chữ nghĩa... Thơ chị cũng thế!

Gặp gỡ, thương mến, được hiểu thêm bao điều cũng thật tự nhiên. Được thêm yêu thương, được yêu thương thêm qua những gì rất bình dị đời thường, vậy còn gì hơn?



Cầu đá Quan Thành. Ảnh: BÙI HÀO

Cầu đá Quan Thành, Yên Thành qua Thạch kiều Rộc gia truyền ca

ĐÀO TAM TỈNH

Cầu đá Quan Thành là chiếc cầu đá duy nhất còn sót lại ở trên đất Nghệ An. Cầu bắc qua bầu Rộc, còn gọi là bầu á, thuộc xóm 5, xã Trung Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. Cầu cũng là ranh giới giữa hai xã, phía bắc là xã Nam Thành, phía nam là xã Trung Thành.

Cầu dài gần 30m, rộng 1,37m. Cầu nguyên có 18 nhịp, nay còn 17 nhịp, gồm 18 trụ, mỗi trụ cách nhau 1,5m. Toàn cầu được ghép từ 40 phiến đá, mỗi nhịp được ghép từ 2 đến 3 phiến, 6 nhịp ghép 3 và 10 nhịp ghép 2; mỗi phiến dài 1,67m; phiến rộng nhất 95,5cm, phiến hẹp nhất 41,5cm. Các phiến đá được kết cấu với

ĐẤT NGHỆ - NGƯỜI NGHỆ

nhau bằng các mộng đá rất chặt chẽ, vững chãi (hàng ngày, xe công nông chở hàng vẫn đi lại được trên cầu). Cầu đã phục vụ việc đi lại cho nhân dân trong vùng rất thuận tiện.

Cầu được làm vào năm Tân Dậu - Khải Định thứ 6 (1921), do công của cụ Nguyễn Văn Thuyết. Trong bài *Thạch kiều rộc gia truyền ca* có câu:

*Vua Khải Định vào năm Tân Dậu,
Đầu vụ thu nhật thạch khởi công...*

Cầu hoàn thành vào năm Nhâm Tuất - Khải Định thứ 7 (1922):

*Đá kéo đã đủ, xin làng phải bắc
Trong một năm Nhâm Tuất lạc thành,
Khắp bốn phương nức tiếng tài danh.*

Nguyễn Văn Thuyết, thường gọi cụ Bá Thuyết, hay cụ Bá Hoan, lúc còn nhỏ ham học, nhưng vì gặp nạn lụt đói, cha mất sớm, mẹ già, em què, nên phải dờ dang việc học. Ông vốn quê ở làng Phù Lưu, nay thuộc xã Ích Hậu, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Ông tổ của ông là Nguyễn Văn Giai (1554-1628), đậu Hoàng giáp năm 1580, làm quan đến Đặc tiến Kim tử Vinh lộc đại phu, Lại bộ Thượng thư, kiêm Ngự sử đài Đô ngự sử, Vinh Lộc hầu Trụ quốc thượng trật, sau được ban Lễ Quận công. Ông Thuyết đưa mẹ và em ra ở làng Nhạn Tháp, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. Ông ở nhờ nhà ông tộc trưởng Nguyễn Văn Khương, rồi theo học thầy là nhà nho tên là Lê đang nhậm chức Huấn đạo. Ông được họ Thái chọn làm chàng rể để dạy học cho con cháu trong nhà, là bà Thái Thị Chiêu. Vì chưa có con trai, nên ông dốc tâm vào làm việc nghĩa thiện, cho xây dựng chùa trong vườn nhà mình để cầu đức Phật độ trì. Ông lại lo tu tạo nhiều đền chùa trong vùng. Vì thấy bầu Rộc rộng, cản trở việc đi lại của nhân dân trong vùng, nên ông mới nghĩ tới việc phải bắc một chiếc cầu đá cho vững bền. Năm Tân Dậu, ông đứng ra vận động nhân dân quyên góp và bỏ của nhà ra để làm cầu đá. Dân làng ai cũng đồng ý, chỉ có ông Phan Thế Du - Cai tổng và ông Cao Đình Cát - cự Lý trưởng là không đồng ý, vì cho rằng ông là người nơi khác đến ngụ cư, làm mất thể diện của mình. Ông vẫn quyết tâm làm cầu, tự vẽ bản thiết kế, rồi lên báo cáo xin quan huyện Thái Văn Chính đệ lên xin tòa Cơ mật viện chuẩn y. Bộ chuẩn cho làm và cấm các quan viên ở Kim Thành không được cản trở việc dựng cầu. Ông liền đi ra tận Thanh Hóa, vào Hà Tĩnh để lạc quyền, thuê thợ đá giỏi, huy động nhân công đục đẽo đá bắc cầu. Cầu làm xong, được quan huyện Thái Văn Chính báo lên cấp trên cho máy bay về chụp ảnh và thưởng cho ông Thuyết một trữ tiền tám vàng. Sau khi làm cầu xong ông Thuyết mới sinh được con trai, lúc đó ông đã 65 tuổi. Việc làm từ thiện của ông Thuyết đã thấu đến trời, Phật, nên về cuối đời ông được toại nguyện, sinh được con để nối dõi tông đường.

Làng cũng đã cho dựng bia đá ở bên trái, phía bắc cầu để ghi chép lại công việc bắc cầu đá, để ghi lại công ơn của ông Thuyết, ghi tên những người đóng góp tiền của xây cầu. Vì chưa đủ thời gian đọc, ghi chép văn bia, nên chúng tôi xin

được có dịp giới thiệu lại nội dung văn bia này trong một bài viết khác. Khi làm lễ khánh tán cầu đá, ông Trần Danh Trạc (Tú Trạc) có làm bài: *Thạch kiều Rộc gia truyền ca* để mừng lễ và ghi công ơn của ông Thuyết. Ca rằng:

Nay mừng! Trời thanh. Biển lặng. Vạn mở văn minh.
Trên cầu trùng kính chúc vạn niên,
Dưới trăm họ câu ca cổ vị!
Làng ta nay Kim Thành một xã, Phúc Thành biệt thôn.
Nhờ giang sơn phong thổ rạng rỡ,
Trong dân xã được bình yên Khang thái.
Mạch càn hợi uốn khúc Ròng quanh lại,
Nước canh tân dăng cánh Phượng châu về.
Tả Thần, hữu Phật uy nghiêm
Anh linh hách trạc lưu phương muôn đời.
Dòng Tượng Thủy, voi châu tắm mát
Núi Mã Sơn, ngựa rước đón đưa
Trong kho bạc rở ràng yên vững lạc,
Voi, cò sắp dăng thành bể Bắc,
Chiêng trống rền vang khắp cõi trời Nam.
Nước trong khe đưa chỉ gạo với tiền,
Mành ngoài vạn nhịp nhàn thuyền với cá.
Xem phong cảnh hữu tình, phong hóa,
Có câu rằng: đắc địa sinh nhân.
Đền Trung Linh sinh nảy đáng hiền nhân,
Khuôn Đại Khối đúc nên người tuần ngàn.
Văn đền sách đưa chen Bút Trận,
Võ tài nghề nổi tiếng lừng vang.
Kẻ công danh võng giá nghênh ngang,
Người văn lý đưa tay sừng sỏ.
Tiếng thông thả vui chơi ngoài nội,
Cửa xây về ngàn vạn tư thương.
Công đưa nhau mực thước đo lường,
Tài đàn kém tư làn du tử
Cửa tuôn về như nước như non,
Khách thương mại vui cười ngoài chợ
Lũ tiểu phu đứng đỉnh chốn non nhân
Thuyền ngư thủy vui chơi miền nước Trí.
Ơn phong thổ giang sơn chung tú khí
Năm thôn ta đều được thịnh cường.
Đến hội này phúc đáo tâm linh

Trong thôn xã được nhiều tay phú quý.
Vâng đội đức ơn trên thánh đế
Giáng thiện đàn niệm phúc tích nhân.
Người Hà Tĩnh vốn họ công thần
Ông Nho Bá vốn dân cư nhập hộ
Mấy lâu nay trọng thiên yên thổ
Ông có lòng báo đáp giang sơn
Lập ngọn đàn giảng tụng kinh văn
Chỉ khuyến giáo nhân dân hướng hóa.
Đêm ngày hương đèn giong dả
Ông một niềm chí quyết tu thân
Mở nhưng đường tích đức tu nhân
Nên cầu giá thạch kiều lại rặng
Lòng quyết chí thịnh hành phổ khuyến
Đội ơn trên rộng lượng từ bi
Tới huyện đường lệnh ấn châu phê
Đem về để ông chấp chiếu.
Ông vâng lãnh tứ phương biển cáo
Kẻ hằng tâm đa thừa thuận tình
Giá việc này cứu tế độ sinh
Nhờ lượng phúc làm ân tế độ.
Vua Khải Định vào năm Tân Dậu,
Đầu vụ thu nhật thạch khởi công
Thợ hai bên thiết thạch nhất tâm,
Việc công đức đua nhau làm rả rã.
Kiều bên nam Phó Đường làm thợ cả
Về bên bắc thủ mực Phó Xa.
Được hai bên lương giáo thuận hòa
Tài trí sảo trong tay đều đủ cả.
Trong ba tháng đủ kiều thượng hạ
Lệnh mấy ngày kéo đá cho xong
Trên kỳ anh trống đục ầm ầm
Dưới dân xã kéo về ra rả
Cứ hiệu lệnh trống tung, cờ phát
Những mấy xã sau trước rộn ràng
Giọng hò đưa khoan hội hò khoan
Cứ một nhịp reo cười đua sức.
Đá kéo đủ xin làng phải bắc,
Trong một năm Nhâm Tuất lạc thành

Khắp bốn phương nức tiếng tài danh
 Cầu Rộc Thủy lưu truyền vĩnh viễn.
 Cầu bắc được, lễ hành khánh tán,
 Pháp sư tuyên hành, trên thiện đàn giảng tụng thích kinh.
 Những mấy đêm ngày vui vẻ,
 Khách tứ phương lịch sự tới đản tiền,
 Chiêm bái nghe kinh, thực hội này là hội văn minh
 Từ nay được âm siêu dương khánh.
 Khách thích thú vui tình đầu cảnh
 Có kẻ sáo, người điều, có kẻ gà, người chuyen
 Kẻ đàn, người sáo, kẻ đọc, người đàn
 Thú vui thú vang lừng trời đất,
 Vui thật vui náo nức đồng tây.
 Trên túc nhạ giáng bách phúc lai,
 Dưới trăm họ thừa ân phú chí
 Nay về sau vận mở thái bình!
 Dân yên hiền hậu, đình đa tài vượng,
 Binh khỏe dân giàu, trong hoàng trù ngũ phúc kiêm thu.
 Chữ kính chúc tam vẹn đủ, nước Rộc thủy nổi
 Cầu thượng thọ, chốn Đường Nghiêu vui vẻ tháng ngày,
 Núi Thung Sơn dẫn mạch trường sinh
 Chùa Phúc Tự hữu tình non nước.
 Nay về sau sẵn đường công đức
 Lợi kiến Phúc Thành, nhờ ông cha xây đắp nên nhân.
 Đình đa cự phú, kẻ hằng tâm, người hằng sản
 Phú quả viên thành, phúc vô cương vạn thọ.
 Vô cương, trong dân xã văn thắng, vô tiến.
 Kiều ky cao phú thạch giang,
 Lỗ kỳ bình nhân vật thịnh.
 Các hệ nhị bộ xuất hệ nhị,
 Vạn nhân ca Thuấn nhật, Nghiêu thiên.
 Ta chúc mừng Thánh đế vạn vạn niên.

(Bài này nguyên bằng chữ Nôm, ông Nguyễn Thọ Thuyết ghi lại).

Đến năm 1956, lũ lụt dâng to và mạnh cuốn trôi 11 nhịp, phải hai năm sau (1958),
 nhân dân xã Trung Thành mới tập trung làm lại cầu, để nhân dân tiện đường đi
 lại. Ngày 30/12 năm Mậu Thìn (1958) thì hoàn thành việc sửa cầu. Ông Nguyễn
 Thọ Thuyết, người dân xã này làm tiếp bài thơ *Nói lại nhịp cầu*, trong đó có đoạn
 nhắc lại công ơn đối với ông Nguyễn Văn Thuyết như sau:

Cụ Bá Thuyết người đề xướng đầu tiên

Chống gậy đi khắp hết mọi miền
Quyên góp để xây nên cầu đá
Mỗi nhịp cầu trên ba mươi tạ
Đặt mua, mời thợ trùm phường
Kén Phó Xa, Phó Đường thủ mực hai bên,
Trên năm lễ hoàn thành tất cả.
Lượng bia xong khánh thành rộn rã
Bài văn bia cụ Thái Văn chính đề xong
Còn để truyền lưu niệm mấy dòng
Cho ta thấy công lao ông cha ta còn đó
Tính đến nay đã gần thế kỷ
Khởi đầu nan các cụ trước đứng đầu.
Còn giờ đây chỉ mấy nhịp cầu,
Ta nói lại để thắm tình thắm nghĩa...

Ông Phan Thế Hữu, công tác ở Đại sứ quán, khi về quê vào dịp 2/9/1990, thăm lại cầu đá Quan Thành đã làm bài thơ “Qua cầu nhớ ai”, đoạn mở đầu như sau:

Còn người còn nước còn non,
Tuổi cao càng rõ ngọn nguồn nghĩ suy.
Bước lên cầu đá ta đi
Cầu 17 nhịp gối kè đôi bên
Nối liền các ngã đi về
Thắm tình đi lại thịnh bê làm ăn
70 năm dày dặn phong trần
Cầu vẫn một dạ quý ân trọng tình
Cụ Bá Thuyết ơn tác thành
Tự lòng thiên hạ mỗi manh nên đà
Phó Đường cùng với Phó Xa
Cùng ban thợ đá quê nhà ra tay
Khởi công Tân Dậu đưa tài,
Năm sau Nhâm Tuất ca bài hoàn công...

Cầu đá Quan Thành, duy nhất còn sót lại trên đất xứ Nghệ, xứng đáng được xếp hạng di tích để bảo vệ và vinh danh cùng quê hương, đất nước.

NGUYỄN TRỌNG TUẤT

Mây

Da trời xanh biếc
Chỉ là mây thôi
Nắng loang mặt trời
Mây thành ráng đỏ.

Vùi trong mưa gió
Mây hóa màu đen
Con mắt nhìn lên
Cầu vồng bảy sắc.

Nàng tiên trong sách
Xuống từ cung mây
Cánh diều dích dắc
Lên cùng mây bay...

LÊ HOÀNG

Nói chuyện cỏ

Cao cao ngất ngưỡng
Là cây cỏ lau
Chớ có lau bau
Chạm cây cỏ xước
Ổng cắm dưới nước
Là lũ cỏ năn
Gió thổi là lăn
Cỏ đông bãi biển
Cỏ hay gây chuyện
Là thứ cỏ may
Nấu chè không khay^(*)
Là bầu cỏ mật
Chẳng thể làm mứt
Là giống cỏ gừng
Vùi đen như sừng
Là củ cỏ gấu
Nhím xù lông đầu
Là gốc cỏ voi
Ba cạnh dễ coi
Là thân cỏ lác...

^(*) Khay: ngọt đậm



Nhạc sĩ Hồng Đăng

Nhạc sĩ **HỒNG ĐĂNG** một đời tài hoa

ĐẶNG THIÊN SƠN

■ Nhạc sĩ Hồng Đăng, tên thật là Phan Đăng Hồng
Sinh năm 1936 tại Yên Thành - Nghệ An nhưng sống hầu hết cuộc đời ở Hà Nội.
Ông mất ngày 21-3-2022, hưởng thọ 86 tuổi.
Ông thuộc thế hệ trưởng thành sau thời kỳ chống Pháp, Hồng Đăng là một trong những học viên của khóa học sáng tác đầu tiên tại Trường Âm nhạc Việt Nam cùng với lứa nhạc sĩ “vàng” của âm nhạc Việt Nam như: Hoàng Việt, Tô Ngọc Thanh, Huy Thục, Vĩnh Cát...
Nhạc sĩ Hồng Đăng được trao Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật đợt I năm 2001.
Ông được trao giải thưởng Bùi Xuân Phái - Vì tình yêu Hà Nội, năm 2021.

Trưa 26/3, tôi len lỏi trong dòng người đông đúc tìm cho mình một chỗ đứng trang nghiêm trong Nhà tang lễ Quốc gia để viếng cố nhạc sĩ Hồng Đăng, một nhạc sĩ lớn của dân tộc, một người con đã làm rạng danh quê hương xứ Nghệ, vừa từ biệt cõi đời, thông dong miền mây trắng ở tuổi 86.

Mở đầu lễ viếng, ca sĩ Minh Thu đã cất lên ca từ của bài “Biển hát chiều nay”, một trong những ca khúc nổi tiếng của Nhạc sĩ Hồng Đăng khiến mọi người nín lặng.

Tiếp đến, ca sĩ Mỹ Linh trình bày ca khúc “Hoa sữa”, một ca khúc đã khiến bao người mê đắm Hà Nội, ca khúc góp phần quan trọng nhất mang đến cho Nhạc sĩ Hồng Đăng giải thưởng Bùi Xuân Phái - Vì tình yêu Hà Nội.

Với gia tài đồ sộ hơn 700 ca khúc, hơn 70 ca khúc nhạc phim... để lại cho đời, nhạc sĩ Hồng Đăng đã trở thành một cái tên lớn trong nền âm nhạc nước nhà.

Tài hoa từ nhỏ

Khi nhạc sĩ Hồng Đăng còn sống, đây đó tôi có được may mắn nhìn thấy ông ở những sự kiện văn hóa lớn của đất nước, của Hội nhạc sĩ Việt Nam. Thế nhưng, chưa bao giờ tôi dám lại gần ông, bởi ông là một nghệ sĩ lớn. Mặc dù, trước đó tôi cũng đã được các bậc đàn anh kể về con người chân chất, hào sảng và quý trọng thể hệ trẻ làm văn nghệ như chúng tôi.

Thế nhưng, nghe tin ông tạ thế, tôi rất bàng hoàng và thấy mình cần phải vinh danh con người tài hoa sinh ra từ huyện lúa này bằng những câu từ bé mọn, trước là để chính mình tri ân ông, sau nữa là để nhiều người biết hơn đến ông và mảnh đất quê hương lam lũ nơi ông có những tháng năm ấu thơ ở đó.

Chính vì thế mà tôi tìm đến khu tập thể số 50B trên phố Châu Long để gặp bà Liên, em gái ruột nhạc sĩ Hồng Đăng, người gắn bó với nhạc sĩ từ nhỏ. Sau phút chia buồn với đại gia đình bà Liên, tôi đã được bà kể cho nghe về tuổi thơ của người anh trai đam mê ca hát, thích ngao du đó đây, được nhiều người yêu mến.

Trong căn hộ tập thể đã úa màu thời gian, Bà Liên chậm rãi kể về tuổi thơ của anh trai mình cho tôi nghe: “Anh Hồng (tên thật của nhạc sĩ Hồng Đăng) được sinh ra ở Yên Thành nhưng sau đó vào Hà Tĩnh ở cùng cha chúng tôi những năm đầu đời. Vì lúc ấy, cha của chúng tôi đang làm công chức ở Hà Tĩnh. Đến tuổi thiếu niên thì anh tôi trở về Yên Thành sinh sống cùng đại gia đình. Anh học trường Lê Doãn Nhã. Thời học sinh anh đã là một cây văn nghệ có tiếng của trường, của xã, được nhiều người yêu mến tài năng ca hát. Cứ mỗi lần trong xóm, trong thôn hay trường lớp có chương trình biểu diễn văn nghệ thể nào anh tôi cũng tham gia viết kịch bản, làm diễn viên. Những sáng tác từ thuở nhỏ ấy đã được bà con, bạn bè yêu thích.

Những lần bộ đội từ Bắc vào, hay từ Nam ra dừng chân tại Yên Thành, thế nào cũng có những chương trình văn nghệ. Lúc ấy, anh tôi được đại diện cho quê hương, cho địa phương hát tặng các chú bộ đội trên đường hành quân đánh giặc. Nhiều lần các cô chú trong đoàn văn công bộ đội động viên gia đình sau này nên hướng anh theo học các trường văn công, vì anh tôi có năng khiếu”.

Bà Liên còn kể cho tôi nghe về giai thoại, cổ nhạc sĩ Hồng Đăng đi bộ từ Nghệ An ra miền Bắc để tìm cha. Lúc ấy cụ Phan Đăng Tài, cha ông, được điều động ra công tác ở miền Bắc: “Anh tôi cùng với một người bạn, được mẹ tôi chuẩn bị cho ít muối vừng và lương thực khô thể là lên đường đi bộ ra Bắc để tìm gặp cha. Lúc ấy anh Hồng 15 tuổi, nhiệt huyết và hăng hái lắm. Lăn theo địa chỉ trên thư cuối cùng họ cũng gặp nhau. Anh tôi ở lại ngoài đó một thời gian. Rồi sau này, cả gia

đình tôi chuyển ra Hà Nội, anh Hồng theo học khoá đầu lớp Sáng tác của Trường Âm nhạc Việt Nam và theo đuổi nghề cho đến khi qua đời”.

Sinh ra trong một gia đình có truyền thống hiếu học ông nội của cố nhạc sĩ Hồng Đăng là cụ Phan Đăng Dư, một nhà nho nổi tiếng Yên Thành; bác ruột là chí sĩ Phan Đăng Lưu; cha của nhạc sĩ là cụ Phan Đăng Tài, từng là Phó Chủ tịch lâm thời đầu tiên của tỉnh Hà Tĩnh. Khi về Hà Nội, ông Phan Đăng Tài làm Trưởng phòng Tư liệu của báo Nhân Dân. Cụ Phan Đăng Tài biết chơi đàn nguyệt, yêu dân ca ví giặm, chính vì thế đã hun đúc nên một tài năng Phan Đăng Hồng ngay từ thuở ấu thơ.

Sống hết mình với âm nhạc

Phần lớn cuộc đời mình cố nhạc sĩ Hồng Đăng sống và gắn bó với Hà Nội. Ông từng chia sẻ: “Chỉ những ai yêu Hà Nội và từng đi dưới những hàng hoa sữa ở Phố cổ vào những đêm khuya và bình minh mới cảm nhận được hương vị thanh nhã của thành phố nghìn năm tuổi”. Từng sinh sống ở phố Xá Đàn, gắn bó với con phố Hạ Hối, đi qua về lại phố Châu Long, nơi mẹ ông ở đó. Rồi sau này về cuối đời ông chuyển ra Phúc Tân, trên đê Hồng Hà, quận Hoàn Kiếm, khá gần với chân cầu Chương Dương... Chính vì vậy mà nhạc sĩ đã được nếm trải, được sống sâu sát với Hà Nội ở nhiều nơi, nhiều thời khắc. Điều ấy giúp ông trong lúc thăng hoa đã viết lên những ca từ đi sâu vào lòng người. Nhiều bài hát của cố nhạc sĩ được cả triệu người yêu thích như *Biển hát chiều nay*, *Hoa sữa*, *Kỷ niệm thành phố tuổi thơ*, *Lênh đêngh*, *Kỷ ức đêm...*

Nhiều tên tuổi ca sĩ, nhạc sĩ đã nổi danh nhờ trình bày các ca khúc của cố nhạc sĩ Hồng Đăng. Trong đó ca sĩ Thanh Lam là một trong những người thể hiện thành công nhất ca khúc “Hoa sữa”. Sinh thời cố nhạc sĩ Hồng Đăng cũng đã viết hơn 70 ca khúc nhạc phim...

Kỷ niệm khiến nhiều người khâm phục và yêu mến ông, là lần ông phải bán nhà để tổ chức đêm nhạc cho riêng mình. Với đời sống vốn khó khăn, bấp bênh về tài chính, năm 2005 ông được một mạnh thường quân hứa tổ chức đêm nhạc, nhưng sau đó đã không thực hiện. Vì đã trót mời bạn bè, chuẩn bị tâm thế cho sự kiện nên ông đành phải bán đi căn nhà đang ở trung tâm thành phố để trả nợ cho 3 đêm nhạc ẩn tượng và hoành tráng tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

Dù vất vả khó khăn về tài chính, đường tình duyên cũng nhiều gập ghềnh sóng gió, ông trải qua ba đời vợ, nhưng ai ông cũng yêu thương và chu đáo mọi đường, vì vậy mà ông có được hậu phương vững chắc để chuyên tâm cho sáng tác. Với bạn bè, anh chị em đồng hương và thế hệ trẻ, nhạc sĩ Hồng Đăng luôn quan tâm, chân thành và hào sảng.

Lễ tang nhạc sĩ Hồng Đăng do Hội Nhạc sĩ Việt Nam tổ chức nghiêm trang, chu đáo tại Nhà tang lễ Quốc gia. Đông đảo bạn bè, bà con đồng hương, và những người yêu mến ông đã lặng lẽ đến viếng. Xin cúi đầu vĩnh biệt người nhạc sĩ tài hoa, vĩnh biệt người con đã góp phần làm rạng danh xứ Nghệ. Những gì ông để lại cho đời sẽ còn mãi với thời gian.

HỮU BẰNG SƠN

Thầy bói xem voi

(Theo truyện dân gian)

Ba gã thầy bói
Rủ nhau xem voi
Thầy bói nhất sờ vòi
Phán rằng: Voi giống đĩa
Thầy bói hai sờ đuôi
- Voi giống cây chổi xể!
Thầy bói ba sờ chân
Vỗ đùi cười đắc chí
- Voi giống cây cột đình!
...
- Đĩa
- Chổi xể
- Cột đình
(Ba thầy hăm hờ cái...)

Vĩ thanh

Ba thầy vẫn hăng tiết
Cãi vã nhau om sòm
Voi trốn vào vườn tượng
Rồi biến thành chó con(!)

KỶ NIỆM 40 NĂM NGÀY MẤT CỦA HOÀI THANH (1982-2022)

Hoài Thanh trước 1945: Con đường đi đến *Thi nhân Việt Nam*

PHONG LÊ

Hoài Thanh - người có một sự nghiệp phê bình văn học từ trước Cách mạng Tháng Tám 1945. Hơn thế, cùng với Thiều Sơn - tác giả *Phê bình và Cáo luận* (1933), Hoài Thanh còn là người khai mở nền phê bình văn học Việt Nam hiện đại.

Trong ngót mười lăm năm làm công việc phê bình, và cả lý luận (mặc dầu ông không ưa hai chữ lý luận, và cũng có lúc hiểu sai hoặc nói oan về nó; mặc dầu cũng cứ phải tham gia vào một cuộc tranh luận), ngoài các bài đăng trên nhiều báo, ông đã cho in hai cuốn sách. Hai cuốn sách trong hơn mười năm hoạt động, ở tuổi trong ngoài ba mươi kể cũng là đáng nói đối với hoạt động phê bình trong buổi đầu hình thành. Tức là ở vào thời kỳ phê bình tự khu biệt và tách biệt với hoạt động sáng tác để thành một bộ môn riêng với đối tượng, chức năng và đặc trưng của nó - hoạt động mà từ những năm hai mươi trở về trước còn chưa có tư cách độc lập, còn lẫn vào trong sáng tác, còn chưa có người chuyên trách. Hai cuốn sách - đó là một kết quả rất đáng kể, nhưng đáng kể hơn là số phận của nó. Một là cuốn *Văn chương và hành động* in năm 1936, nghiêng về lý luận (cổ nhiên là theo kiểu Hoài Thanh) bị chính quyền thực dân tịch thu; và thứ hai là *Thi nhân Việt Nam*, in năm 1942, nghiêng về phê bình, rồi trở thành mối bận khoăn suốt đời của ông.

Thuộc trong số những tiểu luận về văn chương và phê bình văn chương Hoài Thanh viết đầu tiên đăng trên báo là bài *Thơ mới* (*Tiểu thuyết thứ Bảy*, số 31; 29/12/1934)⁽¹⁾; vậy là mối quan tâm đến Thơ mới trở thành sự mở đầu sự nghiệp phê bình của Hoài Thanh - mối quan tâm có lịch sử dài ngót tám năm, tính từ tiểu luận *Thơ mới* đến hợp tuyển *Thi nhân Việt Nam*. Ở bài viết vào cuối năm 1934 này, Hoài Thanh đã nói đến những khởi động quan trọng rồi sẽ phát triển thành một phong trào thơ, một cuộc cách mạng trong thơ, một thời đại của thi ca. Ông đã đứng trên lập trường ủng hộ nó, rồi ca ngợi nó, dẫu Thơ mới lúc này còn đang trên đường hình thành giữa một biển thơ cũ, và cố nhiên số người phản đối nó hẳn là một lực lượng áp đảo. Ông viết: “Các ông trong làng thơ cũ thường hay có ác cảm với thơ mới, đó là lẽ tất nhiên. Họ lại còn nói xấu nữa”... “Mấy anh trẻ con không có Nho học, không biết niêm luật thơ ca là thế nào cũng muốn kiếm một chỗ ngồi giữa đình làng thơ, nên phải bày ra lối thơ mới. Điều này quả là một điều vu oan”⁽²⁾. Trong một buổi giao thời, giáp ranh cũ mới, khi cái mới chưa hiện ra sừng sững và ồ ạt như sẽ diễn ra vài năm sau, phải nói Hoài Thanh đã làm được việc tiên đoán đầy tài năng và dũng cảm.

Từ đây mối quan tâm của Hoài Thanh là tập trung vào công việc phê bình. Có lẽ những chuẩn bị cho *Thi nhân Việt Nam* trong 8 năm sau đã được bắt đầu từ đây, khi nghe ông và Hoài Chân nói, các ông “đã đọc một vạn bài thơ và trong số ấy có non một vạn bài dở”. Phải nói là, ở Hoài Thanh, người không muốn ai gọi là nhà phê bình lại làm chính cái việc không thể gọi gì khác ngoài phê bình. Người ngại lý luận, lại phải làm từ rất sớm công việc lý luận. Một bài viết cũng được đăng từ rất sớm của ông, ngay sau bài *Thơ mới* là bài *Tìm cái đẹp trong tự nhiên là nghệ thuật; tìm cái đẹp trong nghệ thuật là phê bình* (*Tiểu thuyết thứ Bảy*, số 35; 26/1/1935). Trong sự nghiệp viết của Hoài Thanh, bài này theo tôi nghĩ có giá trị một tuyên ngôn. Một tuyên ngôn không chỉ phù hợp với sự nghiệp viết của ông trước năm 1945 mà cũng có sức chi phối rất cơ bản sự nghiệp viết của ông sau năm 1945. Một tuyên ngôn rồi ông cũng có lúc tự điều chỉnh cho rộng rãi hơn, và cho thích hợp hơn với những chuyển biến và đòi hỏi của thời cuộc. Nhưng trong thực tiễn áp dụng vào nghề nghiệp lại thấy ông chẳng thay đổi bao nhiêu cái định hướng đã được khởi động và xác định từ lâu. Đó là, trong phê bình, gồm phê và bình, ông chỉ bình chứ không phê. “Bình thì còn được. Nhưng phê? Sao lại phê?”⁽³⁾. “Một đời làm văn cha chỉ tìm cái hay cái đẹp để bình. Đó là điều ham muốn của cha”⁽⁴⁾. Bình có nghĩa là khen. Và khen tức là sự đi tìm và xác định cái hay trong văn chương. Bởi, nói như ông, với văn chương, để được gọi là văn chương, cái hay mới là cái đáng giá, còn cái dở, cái nhảm thì “không tiêu biểu gì hết”⁽⁵⁾. Ở bài tiểu luận có ý nghĩa tuyên ngôn này Hoài Thanh đã viết cái điều rồi ông sẽ thực hiện và trung thành với nó trong suốt đời văn của mình: “Cái khó của nhà phê bình là vừa phải xem nhiều, biết nhiều để so sánh các tác phẩm với nhau. Vừa phải giữ tâm hồn trẻ trung, không thành kiến, không thiên vị, để nhận thấy mọi cái hay, cái đẹp, dẫu những cái hay, cái đẹp ấy trái với phép tắc, khuôn khổ xưa nay”⁽⁶⁾.

Bài *Tìm cái đẹp...*, Hoài Thanh viết vào tháng 1/1935, khi mới bước đầu vào nghề phê bình. Cuộc sống với bao là sôi nổi và chuyển động của nó, cùng những trải nghiệm riêng rồi sẽ cho ông thấy biết bao là phức tạp, là phiền muộn so với các ý tưởng và mong muốn. Có thể nói những áp lực của thời cuộc là khủng khiếp khiến sự cưỡng lại của cá nhân là không dễ, hoặc không thể được. Chẳng phải chờ lâu, một cuộc tranh luận đã kéo ông vào cuộc. Đó là cuộc tranh luận mà ông rồi bị đẩy vào một phía. Cuộc tranh luận buộc ông phải thành nhà lý luận, hơn thế, là chủ trương cho một chủ thuyết - chủ thuyết "Văn chương là văn chương", nó là sự triển khai chính cái lý thuyết mà ông đã nêu trong bài viết đầu năm 1935. Cái lý thuyết được chia thành hai vế, một cho nghệ thuật và một cho phê bình. Nhưng để gộp lại cho gọn - đó là lý thuyết về cái đẹp, mục tiêu của nghệ thuật và phê bình nghệ thuật là đi tìm cái đẹp. Và cố nhiên, theo logic phân tích của những người thuộc phái vị nhân sinh đương thời - đó là cốt lõi của quan niệm "Nghệ thuật vị nghệ thuật", đi ngược lại lợi ích của bình dân, cũng là đi ngược với tiến hóa của lịch sử.



Văn chương là văn chương - ấy là một quan niệm, hơn thế, một tuyên ngôn được Hoài Thanh nhắc nhở nhiều lần. Quan niệm ấy ở Hoài Thanh tiếp tục được triển khai trong cuộc tranh luận nghệ thuật diễn ra giữa ông với Hải Triều và Phan Văn Hùm ngay vào nửa sau năm 1935. Tức là nửa năm sau bài *Tìm cái đẹp...* Cũng cùng một tiêu đề: *Văn chương là văn chương*, ông dùng chung cho hai bài, bài trước là sự trình bày với Hải Triều trên *Tiểu thuyết thứ Bảy* số 62 (*Tràng An*, số 48, ngày 13/8/1935); bài sau là dẫn vào một cuộc tranh luận, với Hải Triều và Phan Văn Hùm trên *Tin văn* (*Tràng An*, số 62, ngày 1/10/1935). Ở cả hai bài, Hoài Thanh đã triển khai gần như toàn bộ những quan niệm cơ bản của mình về văn chương - nghệ thuật: "Văn chương muốn gì thì gì trước hết cũng phải là văn chương cái đã"... "Có điều chắc chắn là trong khi thưởng thức một tác phẩm của nghệ thuật, lẽ cố nhiên phải để nghệ thuật lên trên, lẽ cố nhiên phải chú ý đến cái đẹp trước khi chú ý đến những tính cách phụ, những hình thức tạm thời của nó".

Soi tìm cái đẹp như một giá trị thuần nhất và tối cao, Hoài Thanh đã tuyệt đối hóa và cô lập nó ra khỏi các giá trị khác: "Tùy theo sở thích của mình nhà văn muốn lấy tài liệu ở đâu cũng được, miễn là làm thế nào tạo nên cái đẹp, trao mỹ cảm cho người xem, thì thôi. Cho nên đôi khi vì tình cờ một tác phẩm văn nghệ có thể ảnh hưởng đến chính trị, tôn giáo, đạo đức, nhưng đó chỉ là sự tình cờ, và nói cho đúng ra, nếu xét về phương diện ấy, tác phẩm văn nghệ không còn giữ cái bản chất thuần túy của nó nữa".

Sự chia tách và tuyệt đối hóa này, để chỉ thu gom, nhìn nhận và xác nhận giá trị văn chương nơi một tác phẩm - đó chính là hệ quả của một cách nhìn, một quan niệm siêu hình ở Hoài Thanh. Bởi làm sao mà có sự chia tách đó, và làm sao mà chia tách được, khi văn chương vừa là sự phản ánh xã hội, và càng là tác phẩm hay thì sự phản ánh càng thực càng sâu; lại vừa là sản phẩm của một chủ thể

sáng tạo, cùng sống trong một cộng đồng xã hội. Và, ảnh hưởng của văn chương đối với xã hội, đâu có là một sự tình cờ, đâu người viết muốn đứng ra ngoài hoặc quay lưng với xã hội. Gắn trực tiếp với chính trị, luân lý, đạo đức, xã hội là một thái độ. Và xa rời nó, trốn tránh nó, không muốn dính dáng gì với nó, cũng là một thái độ. Con người - kể cả nhà văn sống trong xã hội phải chịu sự ràng buộc của xã hội - đó là lẽ tự nhiên, đâu muốn hay không. Cái quyết định luận này Hoài Thanh muốn không công nhận nó để giữ cho được sự độc lập tinh thần của nhà văn, để giữ cho được giá trị thiêng liêng của văn chương mà không phải đáp dính gì với các giá trị khác, quả là không dễ, và thật ra là không thể thực hiện được, ở bất cứ xã hội nào.

Nhưng đây là xã hội thuộc địa. Cái xã hội mà trong đời, Hoài Thanh phải đối mặt; và trong sự nghiệp phê bình, Hoài Thanh cũng từng nhiều lúc phải phôi bày bộ mặt thực với những tối tăm, ngang trái của nó. Như vậy, nỗi khổ của người lao động và sự sỉ nhục của một dân tộc mất nước cũng là đối tượng ông từng có lúc nói đến với một nỗi bất bình và xót xa, trong nhiều dịp. Hãy nghe ông viết trong bài *Cần phải hành động* - in trong cuốn *Văn chương và hành động*, nhà xuất bản Phương Đông ấn hành năm 1936, bị chính quyền thực dân tịch thu: “Chúng tôi không muốn dài dòng mô tả cái tủ nhục của dân mình, cảnh cùng khổ của người mình. Chúng tôi chẳng vui gì nhắc lại ở đây những điều đau lòng ấy. Và chẳng nhắc lại mà làm gì? Sự thực ở trước mắt bạn, ở xung quanh bạn - nếu không phải ở ngay trong mình bạn - sẽ thay lời cho chúng tôi”.

Không chỉ phôi bày thực trạng, Hoài Thanh còn kêu gọi con người không được quay lưng mà phải biết “nghĩa vụ làm dân, làm người”... “Làm một người dân Việt Nam ở thời bây giờ, trên vai ta mang nặng những trách nhiệm, không thể từ chối được”... “Trước tình thế như vậy vòng tay đứng nhìn là một tội ác. Nhất là với những người có học, nghĩa là những người đã chịu cái ơn nuôi dạy của xã hội”⁽⁷⁾.

Nhưng trong văn chương ông lại nghĩ khác. Ông muốn phân biệt văn chương với báo chí. Ông cho thấy sự nghiệp viết báo gồm nhiều bộ phận, trong đó văn chương chỉ là một bộ phận. Và ông muốn giao cho văn chương chỉ riêng mục tiêu đi tìm cái đẹp, tức là cái có ý nghĩa thiêng liêng, vượt lên mọi yêu cầu thời thượng để hướng tới các giá trị vĩnh cửu. Và như vậy con người trong văn chương như ông muốn, không phải là con người cụ thể mang khuôn mặt đạo đức trang nghiêm của nhà nho hoặc bộ quần áo rách rưới của người lao động. Con người đó phải được nâng lên Con Người viết hoa, con người Nhân loại: “Một người không ăn cắp bao giờ vẫn có thể thích nghe nhà văn kể chuyện một thằng ăn cắp, vì thằng ăn cắp khi đã đưa vào trong một tác phẩm nghệ thuật nó không còn là thằng ăn cắp nữa rồi. Nó là một người. Những sự đau khổ của nó thành ra sự đau khổ của Người (chữ Người viết hoa) và có tính vĩnh viễn”⁽⁸⁾.

Sự chia cắt một cách siêu hình các giá trị, để chỉ tôn thờ giá trị văn chương cho một tác phẩm văn chương - yêu cầu đó của Hoài Thanh quả là cực đoan, và không toàn diện. Quan niệm đó khách quan có thể là sự che chắn, bảo vệ cho

một chủ trương đưa văn chương (văn chương - chứ không phải sự nghiệp viết nói chung, theo cách hiểu của Hoài Thanh) thoát ly khỏi thực trạng xã hội. Đó chính là lý do để phái vị nhân sinh cuốn ông vào một cuộc tranh luận mà ông không muốn - một cuộc tranh luận với những biện luận và quy kết mà ông cảm thấy bị xúc phạm khi bị xô vào cái hố vị nghệ thuật; khi bị xem là đồng lõa với giai tầng phú hào; là quay lưng với các tầng lớp bình dân, vốn là đối tượng đang được quan tâm ở vị trí hàng đầu lúc này. Con người từ tốn và nhún nhường là Hoài Thanh bỗng có lúc phải nổi nóng lên trong một bài trả lời: *Chung quanh cuộc biện luận về nghệ thuật: Một lời vu cáo đê hèn* (Trăng An, số 80, ngày 3/12/1935):

“...Tôi chỉ tóm tắt một câu: Tôi không chủ trương thuyết “nghệ thuật vị nghệ thuật”.

Mà dẫu tôi chủ trương thuyết ấy nữa thì họ cũng thừa biết. Thế thì thử hỏi tôi đại gì đi bênh vực một giai cấp không phải là giai cấp tôi để mua lấy những lời oán trách của những người cùng với tôi một cảnh huống?

Hay là các nhà giàu sang ở xứ này đã xuất tiền ra thuê tôi bênh vực thuyết “nghệ thuật vị nghệ thuật”?

Những người biện luận cùng tôi họ cũng biết rằng không có thế. Nhưng giữa lúc tư trào thế giới xu hướng về bình dân, giữa lúc đối với dư luận chỉ mang tiếng giàu sang là mang đủ mọi tiếng xấu, họ cần phải tặng tôi lời vu khống ấy để tranh phần thắng lợi một cách dễ dàng⁽⁹⁾.

Ta còn nhớ, ngày đầu tiên vào Huế, Hoài Thanh đội nón lá, đi chân đất. Hai lần bị bắt và bị trục xuất ra khỏi Bắc Kỳ vì tham gia Tân Việt và viết báo tiến bộ. Sống bằng nghề chữa bông in và dạy học tư ở Huế.

Cả một đại gia đình ở quê, do ông phải đuổi học mà hết cả chỗ dựa... Ở tình cảnh ấy mà bị xếp vào phe ủng hộ tầng lớp phú hào, là thuộc “phe những người giàu, những người đi bóc lột”, thì ông sao mà chịu được!

Trong suốt quá trình tranh luận Hoài Thanh luôn luôn khẳng định ông không chủ trương “nghệ thuật vị nghệ thuật!”. Bởi theo ông có sự khác nhau rất xa giữa một quan niệm về văn chương: “Văn chương là văn chương”, và một chủ thuyết về nghệ thuật: “Nghệ thuật vị nghệ thuật” (L’art pour l’art). Ông là người hiểu Théophile de Gautier, tác gia lớn trong văn học Pháp thế kỷ XIX - người chủ trương phân biệt văn chương và văn có ích; và cố nhiên cũng hiểu cái bối cảnh tư bản chủ nghĩa cho sự ra đời chủ thuyết của Théophile de Gautier là khác với sinh hoạt văn chương ở một xã hội thuộc địa còn rất nhiều ràng buộc với chế độ phong kiến. Một xã hội còn chưa thoát ra khỏi quan niệm văn thơ chờ đạo và nói chí, cái xã hội cùng với nền văn chương của nó vừa mới chỉ được đánh động cho sự mất giá trong những câu thơ vừa trang nghiêm vừa cười cợt của Tản Đà.

Hoài Thanh muốn văn chương là văn chương, trên cách hiểu như vậy cũng có thể là để cho văn chương dứt khoát dứt ra khỏi “tính nguyên hợp” của nó đã tồn tại quá lâu trong mười thế kỷ văn học trung đại. Và đó chính là một bước tiến trước yêu cầu hiện đại hóa. Nhưng nếu điều này là có thể chấp nhận thì ở một phía

khác, cái quan niệm thiêng liêng hóa, thậm chí thần bí hóa các giá trị văn chương, gán cho văn chương một tác dụng hơn mọi tác dụng khác trong các hoạt động tinh thần của con người thì lại không ổn: “Ta nên nhớ rằng cầm bút chưa phải là viết văn. Văn là vật quý có đâu được nhiều thế. Một bài văn hay là một bông hoa. Làm sao người ta lại cứ ép bông hoa phải thành quả là nghĩa lý gì. Một tí hương man mác lúc canh trường, những màu xanh tươi rung rinh dưới ánh mặt trời khi ban sớm, khiến cho khách giang hồ quên những nỗi nhọc nhằn mà trong chốc lát hưởng những phút say sưa, như vậy chẳng đủ cho một đời hoa hay sao!” (*Văn chương là văn chương*, Trùng An, số 48)⁽¹⁰⁾. Và: “Nếu ở đời này có một điều nghiêm trọng vì luôn luôn đi bên cạnh những sự huyền bí bao trùm người ta và vũ trụ, điều ấy là văn chương” (*Ý nghĩa văn chương*; sách *Văn chương và hành động*)⁽¹¹⁾.

Siêu hình trong chia tách các giá trị, rồi cực đoan trong việc tôn thờ giá trị văn chương, đó là điểm yếu trong tranh luận học thuật ở Hoài Thanh vào giữa những năm 1930. Văn chương quả có giá trị rất bền vững, nếu đúng là văn chương đích thực. Nhưng giá trị đích thực đó cũng cần được mở rộng các biên độ theo sự phát triển của đời sống xã hội và sinh hoạt tinh thần của con người. Giữa thơ Nôm Nguyễn Trãi và *Truyện Kiều* có sự khác biệt giữa ba thế kỷ. Các tiêu chí văn chương đặt ra cho Rabelais thế kỷ XVI; Molière, Racine thế kỷ XVII; Voltaire thế kỷ XVIII và Lamartine, Victor Hugo thế kỷ XIX trong văn học Pháp là khác nhau. Đúng như Hoài Thanh nói, cảm nhận về cái đẹp và giá trị văn chương là một chuyện trừu tượng, không dễ đo đếm; sơ giản và thô thiển hóa tác dụng này, đó chính là điều Hoài Thanh không chấp nhận được trong những bài phê phán ông. Nhưng trừu tượng không phải là thần bí đến độ phải thấp huyệt hương tưng niệm, cũng không thể là bất khả tri...

Có điều oái oăm là người chủ trương “*Văn chương là văn chương*” lại đã cho ấn hành cuốn sách *Văn chương và hành động* vào năm 1936 khi cuộc đấu tranh tư tưởng đang diễn ra căng thẳng. Cuốn sách lập tức bị thu hồi ngay mà lý do chắc không thể không liên quan đến hai chữ *hành động*, cùng với các ý tưởng được phô bày trong bài *Cần phải hành động* như đã dẫn trên. Đòi nhìn thẳng vào những sự thật đau xót, tối tăm ở đời, rồi lại kêu gọi trách nhiệm công dân của con người, bộ máy thống trị sao có thể cho yên? Rồi lại còn xa xôi nói đến một trăm năm mất nước và kêu gọi “lòng tin” ở con người thì có nền chính trị chính thống nào khờ dại đến nỗi không cho cấm ngay: “Một trăm năm về trước, bởi ta quá tin ở ta, ở nền văn minh ta, không chịu đổi mới theo người, mới sa vào vòng hèn kém. Song ta cũng nên biết rằng có lòng tin ở mình, ngày xưa ta mới khai thác được non sông này và cái hèn kém của ta ngày nay chính là thiếu lòng tin vậy”. Đây chính là cơ sở cho ta hiểu con người công dân, con người trí thức Hoài Thanh. Trong cấu trúc tương đối chặt chẽ của cuốn sách, bài *Cần phải hành động* là sự kêu gọi lương tri và trách nhiệm công dân của con người, trước hết là những “người đã chịu cái ơn nuôi dạy của xã hội”. Nhưng còn con người với tư cách nhà văn thì Hoài Thanh lại không cho ghép vào đây. Bài *Nhà báo và nhà văn* đặt tiếp ngay sau bài *Cần phải hành động* đã triển khai sâu vào ý tưởng này: “Nhà văn sẽ nhằm vào xã hội hiện

thời, công kích những điều không hay, luôn luôn đi bên cạnh những người hèn yếu. Nhưng trong lúc làm công việc ấy, nhà văn không còn là nhà văn nữa vì làm phận sự một nhà báo (...). Nhà báo chỉ mong thay đổi một thời, nhà văn có cái hy vọng ảnh hưởng đến lòng người mãi mãi; nhà văn muốn trao mỹ cảm cho người xem, nhà báo nếu cũng có ước muốn ấy sẽ thành nhố nhăng rồ dại”⁽¹²⁾.

Một sự triển khai các quan niệm văn chương như trên không thể nói là không sai lầm, nhưng đó lại là một quan niệm rất nhất quán và được bảo lưu rất kiên trì trong sự nghiệp viết văn của Hoài Thanh trước năm 1945.



Sách *Văn chương và hành động*, năm 1936 bị chính quyền thực dân thu hồi, thế nhưng đến năm 1939, khi tạp chí *Tao đàn* của ông chủ Tân dân và chủ bút Lan Khai ra đời thì một số bài quan trọng nhất của cuốn sách đã được Hoài Thanh cho in, trong đó có các bài *Thành thực và tự do trong văn chương*, và *Thế nào là nội dung và hình thức một tác phẩm văn chương* (cùng in trong *Tao đàn*, số 6/1939),...

Đòi cho văn chương được tự do, xem tự do là yêu cầu cốt thiết của sáng tác - đó là câu chuyện Hoài Thanh quan tâm hàng đầu. Và cũng là câu chuyện có tính chất muôn đời trong lịch sử sáng tạo văn học - nghệ thuật.

“Bao giờ cũng vậy, hễ chính quyền can thiệp vào văn học là chỉ có hại cho văn học”⁽¹³⁾.

Chân lý này không đúng hoàn toàn. Nếu là một nền chính trị tiên tiến thì lại là động lực của tiến bộ.

Cố nhiên nếu quá chăm sóc thì lại thành cây trong chậu kiếng.

Đưa cách nhìn này vào xã hội phong kiến - thuộc địa thì thật đúng. Dẫu vậy, cũng lại có nghịch lý là ngay trong xã hội ấy vẫn có sự phát triển của văn chương - học thuật, và vẫn có tài năng, có thiên tài. Đó là do, theo tôi, có sự độc lập của sự phát triển tinh thần và sức cưỡng lại của các tài năng - như Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Khuyến, Tú Xương, Vũ Trọng Phụng, Nam Cao,...

Trở lại sự nhận xét của Hoài Thanh về văn chương trong xã hội phong kiến - và cố nhiên, với xã hội đương thời mà ông không thể trực diện nói đến: “Chế độ chuyên chế ở nước ta cũng không thoát được cái thông lệ ấy. Viết văn, ngâm thơ mà có thể khệp vào tội “yêu thư yêu ngôn” rồi bị tù bị chém, thì văn thơ cũng đến cạn nguồn. Sự chuyên chế về chính trị ở đây còn tệ hơn vì nó kèm theo nhiều thứ chuyên chế khác nữa, trong đó tai hại nhất là phép tắc làm văn, những phép tắc hẹp hòi và phiền phức làm sao!”⁽¹⁴⁾.

“Văn chương ta từ trước tới nay vì bó buộc quá đỗi nên luôn luôn đi bên cạnh sự giả dối, sự bịa đặt. Nhà văn chỉ lo viết thế nào cho đúng với lẽ phải của xã hội mà không cần đúng với sự thật tự nhiên. Văn chương thành ra một cách để dối mình và dối người”⁽¹⁵⁾.

Như vậy, với Hoài Thanh, tự do trong văn chương cũng có nghĩa là cho nhà văn được thành thực với mình.

Đó là sự tổng kết của Hoài Thanh về diện mạo chung của văn chương trung đại ở Việt Nam, và phương Đông nói chung. Những trói buộc khiến mất tự do và mất sự thành thực ấy vẫn còn tồn tại trong bước chuyển sang thời kỳ hiện đại - cho đến lúc này cũng chỉ chưa đầy ba mươi năm. Để phá vỡ và tháo gỡ các xiềng xích ấy cho người viết được tự do và cho văn chương bớt khô xác - đó chính là mục tiêu của yêu cầu hiện đại hóa, mà thành tựu khởi đầu và nhanh chóng vươn lên đỉnh cao sẽ được ghi nhận trong phong trào Thơ mới. Một phong trào chỉ giới hạn trong mười năm, và Hoài Thanh (cùng Hoài Chân) đã là người đầu tiên và duy nhất tổng kết nó, và tôn vinh công lao của nó trong *Thi nhân Việt Nam* - tác phẩm kết thúc chặng đầu trên hành trình nghề nghiệp của tác giả.



Về *Thi nhân Việt Nam*, cuốn sách đã được Hoài Thanh và Hoài Chân biên soạn trong mười năm (1932-1941), vào năm 1992, nhân năm mươi năm ra đời, và nhân mười năm ngày mất của Hoài Thanh, Viện Văn học phối hợp với Hội Nhà văn Việt Nam, Ủy ban Trung ương Liên hiệp Văn học - Nghệ thuật Việt Nam, báo *Văn nghệ*, Nhà xuất bản Văn học, Khoa Văn trường Đại học Sư phạm và Khoa Văn trường Đại học Tổng hợp Hà Nội đã tổ chức Hội thảo khoa học vào ngày 27-3-1992 tại địa chỉ 20 Lý Thái Tổ - Hà Nội. Số lớn các tham luận đều tập trung khẳng định giá trị tổng kết của *Thi nhân Việt Nam* gắn với sự phát triển của một phong trào thơ được hai tác giả khẳng định như “Một thời đại trong thi ca”.

Các tham luận trong Hội thảo này về sau được chọn tuyển và đưa in trong cuốn sách có tên *Hoài Thanh và “Thi nhân Việt Nam” 1932-1941*, Nhà xuất bản Hội Nhà văn ấn hành năm 1995.

Ở kết thúc này tôi muốn nói thêm đôi điều về đóng góp của Hoài Thanh trong bài tổng luận: *Một thời đại trong thi ca* đặt ở đầu hợp tuyển. Đó là một tổng kết vừa mới mẻ vừa súc tích về sự ra đời của một phong trào thơ phù hợp với tiến trình phát triển của thơ ca dân tộc trong một cuộc chuyển giao, một bước ngoặt lớn, từ trung đại sang hiện đại. Một tiến trình nằm trong bối cảnh các mối giao lưu với phương Tây và trên cơ sở sự nảy nở nhu cầu giải phóng cá nhân cùng với sự hình thành của cái “tôi” trong bối cảnh xã hội thuộc địa. Khát vọng được thành thực và nhu cầu tự do cho cảm xúc và sáng tạo của con người lần đầu được thực hiện trong cả một phong trào thơ với sự hiện diện của một thể hệ các nhà thơ trong thời gian dồn dập chỉ trên dưới mười năm. Gọi là một thời đại, bởi nó là một cuộc cách mạng, làm thay đổi triệt để diện mạo và khuôn hình cũ. “Tôi quyết rằng trong lịch sử thơ ca Việt Nam chưa bao giờ có một thời đại phong phú như thời đại này. Chưa bao giờ người ta thấy xuất hiện cùng một lần một hồn thơ rộng mở như Thế Lữ, mơ màng như Lưu Trọng Lư, hùng tráng như Huy Thông, trong sáng như Nguyễn Nhược Pháp, ảo não như Huy Cận, quê mùa như Nguyễn Bính, kỳ dị như Chế Lan Viên..., và thiết tha, rạo rực, băn khoăn như Xuân Diệu.

Từ người này sang người khác sự cách biệt rõ ràng. Cá tính con người bị kiềm chế trong bao nhiêu lâu bỗng được giải phóng. Sự giải phóng có thể tác hại ở chỗ khác. Ở đây nó chỉ làm giàu cho thi ca⁽¹⁶⁾.

Những khác nhau giữa các nhà thơ đưa tới sự xuất hiện các giọng điệu riêng, phong cách riêng, đó chính là căn cứ quan trọng làm nên diện mạo hiện đại của văn thơ. Là hệ quả của sự tự do và thành thực trong sáng tạo, hai yêu cầu mà Hoài Thanh từng xem là quan trọng nhất, hơn tám năm về trước, trong sách *Văn chương và hành động*. Quyết đoán của Hoài Thanh về sự phong phú hơn hẳn của thơ mới so với thơ cũ hẳn phải dành một ngoại lệ đặc biệt cho Nguyễn Du, nếu không sẽ là... liều. Nhưng Nguyễn Du là sản phẩm đơn độc của cả một thế kỷ, thậm chí của nhiều thế kỷ. Còn thơ mới - là cả một phong trào với bốn năm mươi tên tuổi chỉ trên dưới mười năm. Và chẳng, như Hoài Thanh đã rào đón: "Đừng lấy một người sánh với một người. Hãy sánh thời đại cùng thời đại".

Sau năm năm tính từ *Văn chương và hành động*, Hoài Thanh lại trở lại sự xác nhận giá trị của cái Chung, cái Nhân loại, cái Vĩnh cửu xuyên qua mọi nền thơ từ xưa đến nay - "từ Homère đến Kinh thi, đến ca dao Việt Nam", cái làm nên "một sức đồng cảm mãnh liệt và quảng đại" ... "ra đời giữa vui buồn của loài người", và "sẽ kết bạn với loài người cho đến ngày tận thế",...

Một cái Chung, dấu với sự khác nhau của hoàn cảnh. "Bởi tình hay cảnh đều hòa theo nhịp sống của thi nhân. Nhưng cứ đi sâu vào hồn một người ta sẽ gặp hồn nòi giống. Và đi sâu vào hồn một nòi giống ta sẽ gặp hồn chung của loài người. Còn gì riêng cho Nguyễn Du, cho người Việt Nam hơn *Truyện Kiều*? Nhưng *Truyện Kiều* cũng mãi mãi là chuyện tâm sự của con người không chia màu da, không chia thời đại"⁽¹⁷⁾.

Khẳng định vai trò của cái "tôi", thấy trong nhu cầu giải phóng cái "tôi" những nguyên cơ cho sự phát triển của cả một phong trào thơ, Hoài Thanh cũng đồng thời thấy mặt trái của nó, thấy những giới hạn chật hẹp của nó trong bối cảnh xã hội thuộc địa, khiến cho mọi tìm kiếm để giải phóng và giải thoát cho nó không đưa tới một bến bờ nào xa hơn một nỗi cô đơn và buồn sầu da diết: "Đời chúng ta đã nằm trong vòng chữ "tôi". Mất bề rộng ta tìm bề sâu. Nhưng càng đi sâu càng lạnh. Ta thoát lên tiên cùng Thế Lữ, ta phiêu du trong trường tình cùng Lưu Trọng Lư, ta điên cuồng với Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, ta đắm say cùng Xuân Diệu. Nhưng động tiên đã khép, tình yêu không bền, điên cuồng rồi tỉnh, say đắm vẫn bơ vơ. Ta ngơ ngẩn buồn trở về hồn ta cùng Huy Cận"⁽¹⁸⁾.

Cùng với cái cô đơn, cái buồn - sầu, ông còn thấy chỗ yếu chỗ thiếu của nó là "một lòng tin đầy đủ" - cái "lòng tin" đã một lần ông nêu trong bài *Cần phải hành động*.

Ông cũng không tránh gọi nó là "bi kịch".

Điều an ủi là bi kịch ấy của cả một thế hệ, đã được "gửi cả vào tiếng Việt. Họ yêu vô cùng thứ tiếng trong mấy mươi thế kỷ đã chia sẻ vui buồn với cha ông. Họ

dồn tình yêu quê hương trong tình yêu tiếng Việt. Tiếng Việt, họ nghĩ, là tấm lụa đã hứng vong hồn những thế hệ qua”⁽¹⁹⁾.

Nếu hiểu tình yêu tiếng nói dân tộc cũng là một biểu hiện của tình yêu nước trong hoàn cảnh mất nước, ta sẽ có thêm sự cảm thông và trân trọng những người làm thơ trong một phong trào thơ đã đưa tiếng Việt lên tầm một ngôn ngữ vừa có sức biểu đạt mọi trạng huống linh diệu và phong phú của con người, vừa vượt được cha ông mà cập được các bến bờ thời sự.

Một sự linh diệu, phong phú và hiện đại của ngôn ngữ văn chương chỉ trên dưới mười năm mà đạt được; và ta quen gọi đó là một sự phát triển “theo gia tốc lịch sử”.

-
1. Những bài phê bình và tranh luận văn học của Hoài Thanh trước năm 1945 đã được tập hợp, in trong *Bình luận văn chương*, do Nguyễn Ngọc Thiện và Từ Sơn tuyển soạn, Nxb. Giáo dục, 1998. Các trích dẫn trong bài đều rút từ sách này.
 2. *Bình luận văn chương*; Sđđ; tr.11.
 3. *Nhỏ to*; *Bạt Thi nhân Việt Nam*; Sđđ; tr.242.
 4. Từ Sơn; *Di bút và di cảo*; Nxb. Văn học; tập II; 1993, tr.200.
 5. *Nhỏ to*; Sđđ; tr.239.
 6. *Nhỏ to*; Sđđ; tr.14, 24, 26, 101.
 7. *Văn chương và hành động*; Sđđ; tr.101.
 8. *Văn chương là văn chương*; Sđđ; tr.25, 51.
 9. *Văn chương là văn chương*; Sđđ; tr.25, 51.
 10. Sđđ; tr.26.
 11. Sđđ; tr.95.
 12. Sđđ; tr.103-104.
 13. *Văn chương và hành động*; Sđđ; tr.109.
 14. *Văn chương và hành động*; Sđđ; tr.110, 111.
 15. *Văn chương và hành động*; Sđđ; tr.110, 111.
 16. *Thi nhân Việt Nam*; Sđđ; tr.211-212.
 17. *Thi nhân Việt Nam*; Sđđ; tr.223-224.
 18. *Thi nhân Việt Nam*; Sđđ; tr.234-235.
 19. *Thi nhân Việt Nam*; Sđđ; tr.234-235.

Phát triển văn học cho thiếu nhi: một vài suy ngẫm

NGUYỄN THỊ QUỲNH PHƯƠNG

■ “Văn học chính là nguồn dưỡng khí nuôi tâm hồn hướng thiện, lành mạnh, vị tha, giàu lòng nhân ái; đồng thời hun đúc ý chí, nghị lực vươn lên của con người, nhất là đối với thế hệ trẻ, thanh niên, thiếu niên, nhi đồng. Những gì chứa đựng trong tâm hồn của trẻ em Việt Nam hôm nay chính là bản thiết kế quan trọng cho chân dung những công dân Việt Nam trong tương lai”.

Đó là lời phát biểu của Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc tại Lễ phát động Cuộc vận động sáng tác văn học viết về đề tài thiếu nhi diễn ra tại Hà Nội vào ngày 09/01/2022. Phát biểu đó cho thấy sự quan tâm của người đứng đầu nhà nước đối với đời sống văn học trong nước, nhất là văn học dành cho thiếu nhi.

Khoảng những thập niên từ 50 đến 80 của thế kỷ XX, chúng ta đã từng có một nền văn học dành cho thiếu nhi phát triển khá rực rỡ với những tác phẩm gói đầu giường cho nhiều thế hệ người Việt yêu thích văn học, trong đó không ít tác phẩm được dịch ra tiếng nước ngoài như: “Dế mèn phiêu lưu ký” (Tô Hoài), “Đất rừng phương Nam” (Đoàn Giỏi), “Góc sân và khoảng trời” (Trần Đăng Khoa), “Búp sen xanh” (Sơn Tùng),... Tuy nhiên, trong gần 20 năm đầu tiên của thế kỷ XXI, chúng ta ít có tác phẩm văn học thiếu nhi gây tiếng vang với đời sống văn học. Mảng đề tài văn học thiếu nhi xuất hiện khá khiêm tốn bên cạnh những đề tài khác. Các đầu sách văn học thiếu nhi của các tác giả trẻ cũng không nhiều, ngoại trừ số ít cây bút quen thuộc như nhà văn Nguyễn Nhật Ánh...

Khá nhiều nguyên nhân dẫn đến thực trạng này.

Những tác giả nổi tiếng, tâm huyết với văn học thiếu nhi tuổi ngày càng cao, hơn nữa, nếu sáng tác thì ít nhiều không phù hợp với tư duy lứa tuổi hiện nay. Thực tiễn sáng tác cho thấy văn học đương đại nước ta chưa hình thành được đội ngũ nhà văn chuyên về văn học thiếu nhi. Sự thiếu vắng tác giả, tác phẩm văn học trong nước tất yếu dẫn đến tình trạng “mất mùa” của văn học thiếu nhi và dẫn đến sự lấn sân của truyện tranh ngoại nhập cũng như sự thống lĩnh của tác phẩm văn học dịch trên thị trường sách cho trẻ em.

Số nhà xuất bản chuyên làm sách cho thiếu nhi lại quá ít so với nhu cầu của độc giả nhỏ tuổi. Theo thống kê, cả nước ta hiện có 59 nhà xuất bản với gần 300 đơn vị tham gia vào hoạt động liên kết xuất bản nhưng chỉ có hai đơn vị là Nhà xuất bản Kim Đồng và Nhà xuất bản Trẻ là chuyên làm sách thiếu nhi. Để tồn tại, các nhà xuất bản phải đa dạng hóa đầu sách, khiến cho mảng sách dành cho thiếu nhi gần như bị lép vế trên thị trường sách nói chung. Sách văn học thiếu nhi trong nước xuất bản mỗi năm chỉ chiếm mức khiêm tốn là khoảng 20% số lượng sách thiếu nhi nói chung. Điều đó dẫn đến hệ quả là tại các nhà sách, quầy sách trong cả nước, tác phẩm văn học thiếu nhi, ngoài những tựa sách cũ của các nhà văn thuộc thế hệ vàng viết cho thiếu nhi, thị trường sách văn học thiếu nhi vô cùng ít tác phẩm mới, thỉnh thoảng có một số tác phẩm văn học viết cho thiếu nhi của những cây bút trẻ nhưng xuất hiện khá thưa vắng, thiếu sự lôi cuốn đối với độc giả nhỏ tuổi.

Nội dung của các tác phẩm văn học mới viết cho thiếu nhi thiếu tính hấp dẫn, chưa bắt kịp với tâm lý lứa tuổi của các em, một số tác giả lại quá đề cao tính giáo dục nên tác phẩm văn học trở nên cứng nhắc, giáo điều không thu hút được độc giả nhỏ tuổi.

Sáng tác văn học cho thiếu nhi còn mang tính thời vụ, phần lớn là theo phát động phong trào vào dịp chào mừng các ngày lễ tết thiếu nhi, tháng hành động vì trẻ em... Điều đó cũng là dễ hiểu khi các ấn phẩm, tạp chí văn nghệ thường chỉ in các sáng tác dành cho thiếu nhi vào những dịp này...

Thực trạng trên vừa là khoảng trống của văn học trong nước, vừa là sự thiệt thòi của độc giả nhí khi không được tiếp cận với văn học dành cho lứa tuổi mình, ở thời đại mình. Nói như độc giả Vũ Quỳnh Trang (Hà Nội): “Một nền văn học thiếu vắng các tác giả, tác phẩm viết cho thiếu nhi là một nền văn học phát triển thiếu cân bằng, chưa hài hòa, là thiệt thòi rất lớn cho bạn đọc nhỏ tuổi, những người sẽ trở thành chủ nhân tương lai của đất nước”. Để văn học thiếu nhi khẳng định được chỗ đứng và tầm quan trọng của nó như lời phát biểu của người đứng đầu nhà nước, cần phải có sự vào cuộc phối hợp chặt chẽ giữa nhiều cơ quan, ban, ngành: văn hóa, giáo dục, truyền thông, xuất bản, Hội Nhà văn,...

Trước hết, bên cạnh việc khuyến khích các nhà văn có thành tựu tiếp tục quan tâm đến mảng đề tài viết cho trẻ em, chúng ta cần xây dựng một đội ngũ nhà văn chuyên viết đề tài thiếu nhi, biết phát huy tối đa trí tưởng tượng, sự am hiểu đời sống, tâm tư, tình cảm của trẻ, có những trang viết phù hợp với thể hệ mới nhưng không làm mất đi tính nhân văn truyền thống, bản sắc văn hóa của dân tộc.

Ngoài việc chăm chút để có một lực lượng người viết đủ mạnh tham gia, cần

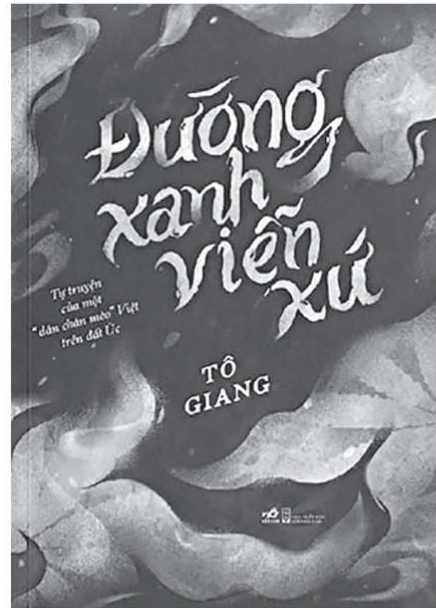
thiết hơn là phát hiện, bồi dưỡng những em nhỏ ngồi trên ghế nhà trường có khả năng sáng tác. Bởi các em chính là những người sẽ viết hay nhất về thế hệ mình.

Song song với giải pháp đó, nhà quản lý cũng cần tạo cơ chế để phát triển tài năng mẫn văn học thiếu nhi: có chính sách khuyến khích người viết bằng các giải thưởng và sự đãi ngộ tương xứng; có những hỗ trợ thích đáng, kịp thời để tác phẩm có chất lượng đến được với bạn đọc; mở các lớp bồi dưỡng hay trại sáng tác cho nhà văn quan tâm đến đề tài thiếu nhi là những cách làm quan trọng để thay đổi suy nghĩ của chính người cầm bút.

Bên cạnh đó, để vực dậy văn học thiếu nhi trong nước thì chính các nhà văn cũng cần sự nỗ lực vượt bậc để sáng tác những tác phẩm hay, hấp dẫn bạn đọc vì chất lượng chính là yếu tố quyết định sự tồn tại của tác phẩm văn học. Thực tế thời gian qua đã có các tác phẩm văn học viết cho thiếu nhi phù hợp với nhịp sống thời đại như sáng tác của nhà văn Nguyên Hương viết lại truyện cổ tích quen thuộc bằng tư duy mới, có thể thấy qua các tác phẩm “Voi chúa và hoàng tử nhỏ”, “Đứng một chân và há mồm ra”, “Nắng vàng, sáng trắng và mặt trời”; hay nhà văn Quế Hương với những sáng tác mang tâm tư của người trẻ hiện đại được dư luận đánh giá cao như “Gặp lại ấu thơ”, “Quán búp bê”...

Văn học thiếu nhi muốn phát huy vai trò của nó, nhất thiết không thể thiếu sự vào cuộc của ngành Giáo dục: đưa các tác phẩm mới, nhất là những tác phẩm đạt giải thưởng văn học, có giá trị về nội dung và nghệ thuật vào chương trình giáo dục phổ thông phù hợp với từng cấp học. Ở khía cạnh này, giáo viên ngữ văn sẽ là người đưa tác phẩm đến gần, tạo niềm hứng thú, sự say mê với văn học thiếu nhi nước nhà cho các em. Và tất yếu, trong định hướng văn hóa đọc, phụ huynh có một vai trò không nhỏ khi hướng dẫn lựa chọn các tác phẩm nhân văn từ văn học thiếu nhi cho con em mình. Cuối cùng, cần có sự bắt tay giữa nhà xuất bản và các trung tâm phát hành sách để mở rộng thị trường sách văn học cho thiếu nhi.

Trong thời công nghệ số, văn học đang phải nhường chỗ cho nhiều loại hình giải trí khác. Để văn học thiếu nhi có được chỗ đứng trong lòng độc giả, đòi hỏi phải có một cuộc thay đổi từ chính những người làm công tác chuyên môn và từ sự nỗ lực của đội ngũ nhà văn hiện nay. Từ trong bối cảnh đó, Hội Nhà văn đã có nhiều động thái vào cuộc để văn học thiếu nhi giành lại vị thế của nó. Hội đã xác định phương hướng nhiệm vụ trong nhiệm kỳ mới là: “Phải tạo ra những bước đi có tính quyết định cho dòng văn học thiếu nhi đa dạng, phong phú, hiện đại, đậm bản sắc văn hóa dân tộc để cùng xã hội tạo ra sản phẩm đặc biệt nhất, quan trọng nhất là con người Việt Nam” như phát biểu của Thường trực Ban Bí thư Võ Văn Thưởng tại Đại hội Hội Nhà văn Việt Nam lần thứ X. Cùng với đó năm 2021, tại Giải thưởng *Sách quốc gia*, sách thiếu nhi dự giải và đạt giải cao (trong số 24 giải, sách dành cho thiếu nhi đạt 01 giải A, 04 giải B, 02 giải C). Đáng chú ý, riêng sách văn học thiếu nhi đã “bội thu” khi giành các giải thưởng lớn nhất với các tác phẩm: “Chang hoang dã - Gấu” (Trang Nguyễn) giải A, “Lướt cùng Tí địa lý” (Xuân Đài, Uyên Trương) và “Chuyện của anh em nhà Mem và Kya” (Nguyễn Quang Thiều) giải B, cho chúng ta hi vọng một ngày không xa sẽ có một nền văn học phong phú cho trẻ em từ truyện đọc đến truyện tranh, sách điện tử...



Cuốn tự truyện đầu tiên về ảo mộng cần sa ở xứ người

VŨ TOÀN

Cuốn tự truyện “Đường xanh viễn xứ” 250 trang do Công ty Văn hóa và Truyền thông Nhã Nam liên kết Nxb Hội Nhà văn ấn hành tháng 8/2021 có sức lôi cuốn cả những người đọc khó tính. Ở đó, người đọc cảm nhận sự chân thật của mọi diễn biến từ hành tung, biến cố nguy nan đến tâm lý nhân vật trong từng nấc thang buồn, vui của kiếp “dân chăn mèo” (người trồng cần sa dùng những mưu mẹo nhằm che mắt cảnh sát để hành nghề).

Nhà báo Tô Giang tốt nghiệp Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn Hà Nội năm 2002. Năm 2013, lúc 35 tuổi anh làm đơn xin rời biên tập viên Đài Truyền hình Nghệ An, sang Úc du học tại Học viện Công nghệ Melbourne (MIT). Nhưng du học chỉ là cái cớ để anh đi trồng “cỏ” (cần sa) với ảo mộng làm giàu.

Thế giới ma mị

Tháng 9-2013, Tô Giang đặt chân đến vùng Melbourne, tiểu bang Victoria, Úc. Đầu tiên, anh đi bán cá trong các trung tâm thương mại; dọn vệ sinh, sửa sang nhà cửa cho người Việt để thâm nhập thế giới trồng “cỏ”. Sau 5 tháng, Tô Giang lọt vào mạng lưới trồng và mua bán cần sa trong và ngoài vùng Melbourne, trở thành “dân chăn mèo”.

Anh sợ nhất là cảnh sát ngầm nên phải sàng lọc nhiều người, nhiều mối quan hệ mới có thể hành nghề. Với bản tính của người làm báo, anh “chỉ mong gặp người chân thật giúp mình để có “cửa” làm ăn, kiếm tiền trả nợ ở Úc, ở quê rồi ôm lái về mở một doanh nghiệp truyền thông ở TP Vinh như mong ước thời làm báo. Tô Giang tin vào sự thánh thiện của con người cùng chung mộng làm giàu như mình nên dẫn thân, mặc dù tâm trạng khi lo âu, khi phấp phỏng, khi khát vọng kể cả từng giấc ngủ trong “ngôi nhà trồng cần sa”. Lần đầu tiên anh thành thợ cả nhảu dưới 20-30 bóng đèn 600W để thao tác các kĩ thuật trồng cần trong một căn nhà nhỏ. Anh biến dần bóng đèn thành sức nóng mặt trời của những cây cần. Cứ sáu tuần “gặt” một vụ. Vụ đầu “gặt” được 15-20.000 AUD (đô la Úc). Thấy anh làm “dân chân mèo” khá ổn nên “trùm” cần giao anh làm tại một trang trại lớn hơn cũng khép kín trong nhà. Lúc này, anh đã thành thạo kĩ năng từ ươm cây giống, thủy canh cây cần (điều khiển hệ thống tưới nước khép kín) và bắn bông (thay đổi chế độ đèn, điều chỉnh chế độ thức ăn bằng hóa chất nhập từ Mỹ, Hà Lan) để cây cần khi chuyển sang chu kì phát triển bông tích tụ nhiều hoạt chất Tetra Hydro Cannabino (THC). Đây là chất kích thích bộ não - hoạt chất chính của cần sa.

Trang trại mới rộng khoảng 200m². Hệ thống chiếu sáng là 100 bóng đèn 600W. Anh phải chịu áp lực sức nóng của 720.000W/ngày. Vụ “gặt” này và hơn 20 vụ tương tự về sau đều thắng lớn. Sau ăn chia với chủ, anh bỏ túi 30-40.000 AUD mỗi vụ. Tỷ lệ ăn chia tăng dần 40/60; 50/50 rồi 60/40 là những cái mốc báo hiệu “kỹ nghệ” trồng cần của anh đạt mức có thể “chơi lớn”, thành “trùm” cần trong thế giới ma mị này.

Ngôi nhà cần sa nào cũng có thể trở thành “kho báu”, thành “cổ máy” in tiền ở Úc nhưng “trùm” cần đều là “bóng ma đêm”, đều cuồng vọng đồng tiền, biến họ “dở người, dở quỳ”. Anh lại chiêm nghiệm, nghề sống trong bóng tối này “không quá gở, không đốn mạt thì không thể giàu được”. Cảnh tượng những đêm nằm ngủ gối đầu lên những tệp AUD, anh lại hình dung chuỗi công việc trồng cần xoay xung quanh trục đô la với những hứa hẹn đổi đời “nhưng phải gan lì, giống như ngồi ôm quả bom trong nhà, không biết khi nào nó nổ”. Ý nghĩa này khiến “trùm” cần căng thẳng đến mức “cắm đồng hồ đo điện vào dây thần kinh mới đo được độ căng thẳng như thế nào”. Nhất là sau một vụ anh bị toán cướp dí súng vào mang tai rồi “đứng tim” khi sắp xếp những cây cần vừa bắn bông nộp cho chúng. Mất vụ cần lớn, tiêu tan gần trăm ngàn AUD dồn anh sang thế “không phải chỉ kiếm tiền mà phải kiếm nhiều tiền”, nếu không mọi dự định sau khi dứt bỏ nghề làm báo đều tan vỡ. Để “chơi lớn”, anh phải tìm người “chạy” gia hạn visa bằng kết hôn giả. Kết hôn giả của anh không đơn thuần bởi anh đã có vợ và hai con. Người “chạy” vụ này nêu quy trình là anh sẽ li hôn với vợ thật để tái hôn với vợ giả, sau đó lại li hôn vợ giả để về với vợ thật khi muốn đưa vợ con sang Úc. Anh viết kiểu hôn sự này trong tự truyện: “Nghe có vẻ hại não với con đường lòng vòng trên danh nghĩa hạnh phúc”. Chi tiền vụ này xong, anh lao vào vụ cần tiếp theo. Vụ này anh hi vọng “gặt” thành công sẽ từ bỏ kiếp “dân chân

mèo” để về quê. Đêm dài lắm mộng. Thay vì không để “đếm” thời gian của một đêm dài, anh phê cần sa rồi phê cả coc (cocain) và gái đẹp. Chính vụ này do một “Bông hồng phương Đông” trong tự truyện chung vốn, chỉ hưởng 40%. Nhưng gần đến ngày “gặt”, khi anh vừa lái xe ra cửa thì bị cảnh sát Úc bắt. Anh phải chịu án 30 tháng tù giam tại nhà tù Futham.

Những tín hiệu từ cuốn sách

Đầu năm 2020, Tô Giang mãn hạn tù, liền bị nước sở tại trục xuất ngay về nước. “Ngày tôi trở về thật lạnh lẽ, khác xa với sự chào đón những lần trước. Không tiền, không mái ấm. Mẹ tôi nhìn tôi bằng ánh mắt vô hồn. Tôi tiến đến ôm lấy bà, nghẹn ngào. Trong vẻ thất thần, bà nói: “Con đã về rồi à””.

Chúng tôi nhắc lại câu viết thương cảm, hối hận này trong trang cuối của chương “Vĩ thanh”. Lại thay, gương mặt Tô Giang bỗng dăm chiêu, đậm nét khắc khổ. Anh cầm cuốn tự truyện, thốt lên: “Cuốn sách này sẽ giúp tôi nói được nhiều điều. Dân chăn mèo đọc sẽ có thêm bài học về cái nghề sống trong bóng tối. Những ai đang nuôi mộng làm giàu bằng nghề cần ở xứ người sẽ hiểu được một thế giới ma quỷ, xoay tít mù, điên đảo giữa con người hám tiền với đồng tiền tội lỗi. Nhưng, trước hết cuốn sách chính là “người” kéo tôi đứng dậy để sống tiếp”.

Chúng tôi vẫn muốn biết, vì sao cuốn sách được viết bằng chính những sai lầm, tui nhục và tội lỗi của chính tác giả kể cả chuyện đi tù... Đó là một sự “cả gan” trước dư luận. Tô Giang nói: “Nhưng tôi lại thấy mọi biến động của vụ việc lạ quá. Lạ bởi, khi mình trong cuộc thì không tài nào thoát ra nổi. Người ngoài cuộc hiện đang muốn đi theo con đường ảo mộng mà tôi đã mắc phải càng không hay biết. Đây là chuyện không dễ kể để thanh minh với mọi người, ngoài cuốn sách. Tôi thầm cảm ơn tất cả vì qua họ mà tôi có bài học”. Theo mạch ý nghĩ này, Tô Giang cho hay, ngay như một số bạn tù là người nước ngoài, bị bắt vì tội hacker trong marketing khi nghe anh kể chuyện này đều nói: “Chuyện của mày hay quá. Nên viết thành sách”.

Trong 30 tháng tù, Tô Giang đọc sách và học được nhiều từ những sai phạm, nỗi đau xót, sự thất bại của bạn tù. Hiểu thêm điều đó, anh thấy “mình phải có niềm kiêu hãnh của người đàn ông, biết chiến thắng thất bại để trở nên người tốt”. Đây chính là khi anh dám chấp nhận đối diện với sự thật chứ không giấu diếm để viết cuốn tự truyện này. “Phải lòi sự thật thất bại của mình ra ánh sáng thì mới sửa sai và trở thành người sống tốt được”, Tô Giang nói.

Khi Tô Giang sắp hoàn thành bản thảo cuốn sách thứ hai đã có nhiều tín hiệu vui từ các nhà văn, nhà báo và bạn đọc trong, ngoài nước bằng cuộc gọi điện, nhắn tin, chia sẻ trên facebook về sức hấp dẫn tích cực của cuốn sách.

Sau bài viết trên Blog Hồ Anh Thái, nhà văn Hồ Anh Thái đăng bài “Chuyện kể của ‘nhà nông’ cần sa” trên báo điện tử Đại biểu Nhân dân, trong bài có đoạn: “Tác giả kể chuyện một cách khách quan, lạnh lùng đối với bản thân mình. Vốn là một phóng viên chuyên nghiệp, anh biết cách kể chuyện chân thực... anh

TÁC PHẨM MỚI

không tự cho mình là người vô can mà thẳng thắn vạch ra tội lỗi của mình trong nghề vô nhân tính”. Báo Lao động cuối tuần đăng bài “Viết để sống tốt hơn” của nhà báo Minh Nguyệt. Báo Vietnamnet trích đăng ba chương tiêu biểu cùng bài viết “Đường hoàn lương của một cựu nhà báo Việt trồng cần sa ở Úc” của nhà báo Nguyễn Thảo.

Mới đây, TS. Lương Thanh Hải - một học giả của Trường Đại học quốc tế RMIT (Úc) đã dịch cuốn “Đường xanh viễn xứ” ra tiếng Anh, chuyển cho một số nhà xuất bản ở Mỹ, Úc. Một số độc giả người Úc gửi email, hỏi Tô Giang “Có bản Ebook không để đặt mua”. Một số du học sinh người Việt ở Úc, Singapore “Cảm ơn độ chân thật trong cuốn sách đã phơi bày mặt trái của đồng tiền tội lỗi khiến chúng tôi giật thót và hiểu sự huyền hoặc trước đây rằng, đồng tiền phi pháp”. Tin vui cứ đến mỗi ngày, từ Hà Nội, Quảng Trị, Nghệ An đến một bà cụ tình cờ đọc cuốn sách rồi dò điện thoại gọi ngay trong đêm cho Tô Giang để chia sẻ và cảm phục. “Mặc cảm vì thế biến mất, nhường chỗ cho sự tự tin trong cuộc sống hôm nay. Nếu cuốn “Đường xanh viễn xứ” tự thuật về những sai lầm, tội lỗi, cú vấp ngã đầu tiên trong đời thì cuốn thứ hai chính là sự đứng lên để chuộc lỗi lầm. Tôi muốn cuốn này trở thành một sự tạ lỗi với đời”, Tô Giang nói.

Và cuốn sách thứ hai này mang tên “Nếu không có ngày mai” của anh, cũng do Nhà xuất bản Nhã Nam phát hành vừa mới hoàn thành.

Tháng Tư, hoa loa kèn...

MAI NAM THẮNG

Tôi sinh ra và lớn lên trong một ngôi làng miền Trung gió Lào cát trắng. Tuổi thơ chúng tôi có hai nỗi ám ảnh: Sợ tàu bay Mỹ và đói bụng, lúc nào cũng thèm ăn. Lên tuổi chín, mười là chúng tôi đã phải lao động phụ giúp bố mẹ. Chuyện yêu hoa, trồng hoa, chơi hoa... là những khái niệm thật... xa hoa(!)

Mà ngày ấy quê tôi hầu như chỉ có hai loài hoa phổ biến là dâm bụt và dong riềng. Dâm bụt thì nhà nào cũng có vì đó là thứ cây làm bờ rào ngăn vườn rất dễ trồng. Loài cây này trổ hoa quanh năm, bất kể tháng Đông hay mùa Hạ. Dong riềng là thứ cây lương thực phụ nhưng phải phòng cơ tích cốc quanh năm, nên quanh năm vườn nhà nào cũng lấp ló những bông hoa đỏ rực như những búp lửa. Thế là mỗi khi cần đến một bó hoa, chỉ việc chạy ra vườn một loáng là có ngay. Đám cưới, hội nghị, tặng thầy cô ngày Hiến chương Nhà giáo, tiễn tân binh lên đường nhập ngũ... là rực rỡ những bó hoa dong riềng và dâm bụt. Rồi lễ truy điệu liệt sĩ, viếng đám ma người làng, đặt trên ban thờ tổ tiên ngày giỗ chạp... cũng là hoa dâm bụt, dong riềng...

Mãi đến những năm đầu thập niên 80 của thế kỷ trước, tôi mới quan tâm đến một loài hoa có cái tên rất lạ: Loa kèn! Ấy là hồi tôi mới ngoài hai mươi tuổi, làm nhân viên nhà văn hóa một sư đoàn bộ binh đóng ở Quảng Trị. Một lần tôi đọc được truyện ngắn *Có một đêm như thế* của Phạm Thị Minh Thư, giải Nhất cuộc thi truyện ngắn năm 1980-1981 của tạp chí *Văn nghệ quân đội*. Tác phẩm cuốn hút tôi bởi một lối viết mới mẻ, truyện lồng trong truyện rất hấp dẫn. Và bởi một mối tình thầm kín, hé nở trong một đêm chiến tranh ở ngoại thành Hà Nội, cũng là những tâm tư tình cảm của tuổi trẻ đất nước trong những năm tháng hào hùng mà bi tráng. Ám ảnh trong tôi là hình ảnh một bông hoa loa kèn còn sót lại trong khu vườn đêm, kín đáo tỏa hương bên đầm nước lặn tằm tằm cá, dưới vầng trăng đỏ ối trong một đêm Hè ngọt ngào sắp bão...

Là một chàng lính say mê văn học từ hồi phổ thông, tôi biết ngụ ý cái đêm ngọt ngào ấy là bối cảnh của đất nước trước một trận đánh lớn quyết định vận mệnh của dân tộc. Và bông hoa loa kèn bé nhỏ mảnh mai đang lặng lẽ tỏa hương chính là cô nữ sinh trong trắng bên chàng sinh viên sắp sửa ra trận. Nhưng ngoài sự tưởng tượng về một bông hoa trắng muốt, hình dáng như một cái loa kèn do chính tên gọi của nó gợi nên, thực tình lúc đó tôi chưa biết hoa loa kèn là loài hoa như thế nào.

Chủ nhiệm Nhà văn hóa Sư đoàn là một họa sĩ người Hà Nội, nói với tôi: “Hoa loa kèn chính là bông hoa trong bức tranh *Thiếu nữ bên hoa huệ* của danh họa Tô Ngọc Vân”. Thật thế ư? Bức tranh ấy thì tôi đã được xem và được đọc khá nhiều về nó trong sách báo. Đó là bức vẽ một thiếu nữ mặc áo dài trắng, đang nghiêng đầu một cách tự nhiên về phía lọ hoa cũng màu trắng, trông như những chiếc loa bé xíu. Hình dáng cô gái cùng những chi tiết và màu sắc xung quanh tạo thành một hình khối hài hòa giản dị, toát lên một nét buồn vương vấn, nhẹ nhàng. Bức tranh không gợi lên một chân dung nhân vật cụ thể, nó như một biểu tượng về sự trong sáng, trữ tình, gợi điều gì đó thanh cao, bình lặng, trinh trắng của người thiếu nữ...

Nhưng tại sao tên tác phẩm lại gọi là “Thiếu nữ bên hoa huệ”? Vẫn là anh họa sĩ Chủ nhiệm Nhà văn hóa Sư đoàn giải thích: “Loa kèn là tên gọi khác của hoa huệ. Cơ mà hoa huệ trong bức tranh ấy là *huệ tây*, còn gọi là hoa *bách hợp* hoặc chuông ngoại thì gọi là hoa *lys*, là loài hoa mới du nhập vào nước ta hồi đầu thế kỷ XX, rất được các gia đình quyền quý giàu sang và lớp thanh niên tân thời trọng vọng. Hoa *huệ ta* cũng cánh trắng nhị vàng nhưng là vàng ươm và mùi thơm đậm hơn, từ cành tới lá mang về “mộc” hơn. Ngoài việc để trang trí thưởng thức, thì hoa *huệ ta* còn dùng để thờ cúng. Hà Nội bốn mùa có nhiều loài hoa, nhưng tớ chỉ ấn tượng nhất là mùa hoa loa kèn tháng Tư và mùa hoa sữa tháng Mười. Vì sao ư? Phải là người Hà Nội hoặc sống ở Hà Nội nhiều năm mới cảm được và hiểu được!” ...

Nghe vậy thì biết vậy, tôi đâu ngờ dăm năm sau đó tôi được ra Hà Nội tu nghiệp rồi định cư làm công dân Thủ đô đến nay ngót nghét đã gần bốn chục năm. Trải nghiệm gần bốn chục mùa hoa loa kèn, tôi đã phần nào cảm và hiểu được cái điều anh họa sĩ Chủ nhiệm Nhà văn hóa Sư đoàn tâm sự. Không hiểu sao, cứ mỗi mùa hoa ấy, trong tâm trạng man mác, ngậm ngùi có phần trang nghiêm rất khó tả, tôi lại nhớ về những chi tiết, khung cảnh trong truyện ngắn *Có một đêm như thế* mà nhiều đoạn tôi đã nhập tâm thuộc lòng. Vâng cái đêm hôm ấy đã trôi qua dưới vầng trăng màu đỏ, dòng người đi sơ tán qua các cửa ô và mùi hương loa kèn e ấp, dịu dàng bên mặt đầm. Chàng sinh viên ấy đã mang theo cái dáng người thiếu nữ như một bông loa kèn đang vươn lên, để ra mặt trận. Và anh ấy đã không trở về, như bao đồng đội của anh đã không trở về, sau Mùa Xuân Đại Thắng 1975...

Tháng Tư, hoa loa kèn, chiến tranh, tình yêu, chờ đợi, hi sinh, chiến thắng... Tất cả cùng hòa trộn thành hoa. Bài thơ “Hoa loa kèn” tôi viết trong một dịp kỷ niệm Ngày chiến thắng 30-4, được đăng báo và được nhiều người đồng cảm. Nhà phê

bình văn học Đoàn Minh Tâm viết trên báo *Văn nghệ Công an* số ra ngày 1-12-2014: “Hoa loa kèn chỉ nở vào tháng Tư, tháng của cuộc hành quân thần tốc lịch sử, tháng của bản hùng ca bất tử và cũng là tháng của những mất mát, hy sinh. Vì vậy, dẫu có thể nào đi nữa, nhà thơ vẫn không thể không viết: *Mùa hoa dâng bản hùng ca náo nức/ Riêng những nốt trầm tê tái rung về hoa...* Sự mất mát, hy sinh to lớn là có thật. Cái bi hùng càng là hiển nhiên. Nhưng, vượt lên trên tất cả là hoa, là cái đẹp của người thiếu nữ như hoa buổi đầu hẹn ước: dịu dàng, trong trắng, tinh khôi...”.

Nhà thơ Phạm Đình Ân cũng nhận xét về bài thơ *Hoa loa kèn* của tôi: “Chỉ hai câu thơ: *Mùa hoa dâng bản hùng ca náo nức/ Riêng những nốt trầm tê tái rung về hoa...* tác giả đã cho thấy sự việc diễn ra nghịch lý biết nhường nào, buốt xốt đến bao nhiêu! Ngay cả việc “thấp hoa” cũng là nghịch lý khi khép lại bài thơ. Tuy nhiên, nỗi đau xốt của những số phận riêng lẻ nếu được đẩy đến tận cùng chẳng nữa, thì có thể sẽ giảm đi rất nhiều trước chiến thắng lẫy lừng đã cứu được cả một đất nước, cứu được cả một dân tộc. *Sau hương khói nụ cười nhói trắng* là như vậy!”.

Thực tình, tôi không còn nhớ khi viết bài thơ *Hoa loa kèn*, tôi có nghĩ được những điều như các anh đã viết trên đây. Nhưng chắc chắn rằng đó là cảm xúc chân thành và là những liên tưởng của tôi khi nói về Ngày chiến thắng 30-4. Những cảm xúc và liên tưởng ấy, nếu không được sống với những mùa hoa loa kèn Hà Thành, tôi không sao có được!

Hoa loa kèn

*Người nép bên hoa đã thành vĩnh cửu
Người chia tay hoa đã hóa vô danh
Hóa cánh rừng sốt rét tái xanh...
Hóa vàng trắng hạ tuần ôi đỏ!*

*Chỉ còn lại tháng Tư thiếu nữ
Trắng kiêu sa lộng lẫy Hà Thành
Trắng tinh khôi lời hẹn hò thứ nhất
Trắng dịu dàng năm cánh mỏng xinh...*

*Và tháng Tư hồi âm
Mùa hoa nâng những bước chân thần tốc
Mùa hoa dâng bản hùng ca náo nức
Riêng những nốt trầm tê tái rung về hoa.*

*Sớm mai này tháng Tư
Chị lặng lẽ thấp hoa
Sau hương khói nụ cười nhói trắng...*



Cửa Lò
điểm đến

Một ngõ nhỏ có nhiều di tích
với giếng làng và nhà thờ Linh quận công Nguyễn Trọng Đạt

Về Nghi Thủy

TRÌNH VĂN

Nghi Thủy là một phường của thị xã Cửa Lò có lịch sử hình thành từ hơn 500 năm trước. Cùng với tiến trình phát triển của Cửa Lò, Nghi Thủy cũng đang vươn lên mạnh mẽ. Bên cạnh không gian đô thị phồn hoa, Nghi Thủy còn ẩn chứa trong mình những lớp trầm tích văn hóa lâu đời, vốn làm nên sự phát triển bền vững của miền quê ven biển này.

Có thể nói, Cửa Lò nói chung, Nghi Thủy nói riêng là một đô thị trẻ, nhưng văn hóa Cửa Lò, văn hóa Nghi Thủy thì không còn trẻ nữa; bởi nơi đây có cả bề dày và chiều sâu của những địa tầng văn hóa, tín ngưỡng dân gian giàu bản sắc.

Vùng đất Cửa Lò do Thái úy, Quận công, Phò mã Nguyễn Sư Hồi (1444 - 1506) khai khẩn. Ông là con trưởng của khai quốc công thần, Thái sư Quận công Nguyễn Xí, danh tướng phò Lê Lợi từ Lam Sơn, lập nên triều Lê. Năm 1469,

Nguyễn Sư Hồi về trấn thủ vùng biển Nghệ An, khai hoang lập làng, xây dựng tuyến phòng thủ tại vùng biển trọng yếu này. Vua Lê Thánh Tông phong ông làm Trấn thủ Thập nhị hải môn (trấn thủ 12 cửa biển từ Sầm Sơn đến Cửa Tùng). Ông lập căn cứ ở Cửa Xá (nay là Cửa Lò) lập ra một làng mới. Nghi Thủy cũng nằm trong những biển thiên lịch sử ấy.

Ngày 29 tháng 8 năm 1994, Chính phủ ban hành Nghị định 113-CP về việc thành lập thị xã Cửa Lò thuộc tỉnh Nghệ An. Theo đó, phường Nghi Thủy cũng được thành lập trên cơ sở diện tích tự nhiên 94 héc-ta với 5.400 nhân khẩu.

Những địa tầng văn hóa

Chỉ là một vùng đất hẹp nằm ven biển Cửa Lò, đất và người Nghi Thủy luôn giữ trong nó và lưu truyền, bảo tồn qua các thế hệ thật nhiều giá trị văn hóa, tín ngưỡng dân gian đặc sắc. Trên tuyến đường du lịch dọc ngang toàn phường dài chỉ chừng vài cây số mà có tới 03 di tích lịch sử cấp tỉnh và quốc gia: đền Mai Bàng, đền Yên Lương, nhà thờ Nguyễn Trọng Đạt, với nhiều nghi lễ mang bản sắc riêng của ngư dân vùng biển như lễ cầu ngư, lễ cầu đình, lễ giỗ Thành hoàng làng, lễ phúc lộc ngoạt và còn có cả các giếng cổ...

Nhà thờ Nguyễn Trọng Đạt được xây dựng tại nơi ông cùng 3 bà vợ và các con sinh sống ở làng Yên Lương xưa nay là phường Nghi Thủy, mộ và đền thờ ông ở phường Nghi Hương (Cửa Lò) đều là di tích lịch sử quốc gia. Nguyễn Trọng Đạt là con trai thứ 10 của Thái sư Cương Quốc công Nguyễn Xí. Ông vốn là bậc kỳ tài trong thiên hạ, văn võ song toàn, có công với dân, với nước, được triều Lê sơ phong nhiều tước, hàm: “Tín đạt đại phu xuất thân, tán trị công thần, Bắc quân đô đốc lịch trung dinh thượng tướng quân Linh Quận Công Nguyễn Trọng Đạt”.

Năm 1471, ông cùng các anh trai theo vua Lê Thánh Tông đi đánh quân Chiêm Thành, do bị thương nặng nên trên đường trở về ông đã mất và được an táng tại Bàu Sen Kim Ổ (nay thuộc phường Nghi Hương) và được người dân nơi đây suy tôn là Thành hoàng làng. Còn nhà thờ ông thì được người con trai thứ hai xây dựng tại làng Yên Lương (phường Nghi Thủy).

Đền Mai Bàng thờ Chiêu Trưng Đại vương Lê Khôi, Chế Thắng phu nhân Nguyễn Thị Bích Châu, Thủy Tinh phu nhân, cùng 6 vị thủy tổ họ Trần, Lê, Võ, Nguyễn, Hoàng và họ Phạm đã có công khai cơ lập làng.

Theo “Lịch sử Đảng bộ phường Nghi Thủy (1930-2022)”: Lê Khôi, tên thật là Võ Mục, là con trai của Lê Từ, cháu ruột Lê Lợi, người làng Lam Sơn, huyện Thụy Nguyên, trấn Thanh Hoa (nay là xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa). Ông tham gia nghĩa quân Lam Sơn từ năm 1418 và lập được nhiều chiến công.

Năm 1446, khi đang làm Đốc trấn Nghệ An bảo vệ biên giới phía Nam Đại Việt, Lê Khôi cùng Lê Thận, Nguyễn Xí cầm quân đánh thành Đồ Bàn (Vương quốc

CỬA LÒ - ĐIỂM ĐẾN

Chăm Pa). Cuộc chiến thắng lợi, trên đường trở về, ông bị ốm nặng rồi mất ngày 3 tháng 5 âm lịch. Nhân dân mai táng ông ở núi Long Ngâm (Thạch Hà - Hà Tĩnh) và lập miếu thờ. Cư dân vùng Mai Bàng (có gốc từ làng Mai Phụ - Thạch Hà - Hà Tĩnh) sau khi di cư đến làng Mai Bàng thì lập bài vị để thờ tướng quân Lê Khôi và tôn ông làm Thành hoàng làng. Niên hiệu Hồng Đức thứ 18 (năm 1487), ông được Vua Lê Thánh Tông truy phong là Chiêu Trưng Đại vương.

Chế Thắng phu nhân Nguyễn Thị Bích Châu, người làng Bảo Lộc (huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định). Năm 1373, bà được vua Trần Duệ Tông tuyển làm cung phi, sau thăng làm quý phi. Năm 1377, bà theo vua Trần Duệ Tông đi đánh Chiêm Thành, lúc đến biển Kỳ La (Kỳ Anh, Hà Tĩnh) trời nổi phong ba, nhiều thuyền chở binh lính bị đánh chìm. Đêm đó, nhà vua nằm mơ thấy thường luồng đến đòi vua ban cho một người thiếp để làm vợ Giao Long. Vua hỏi ý các cung phi, ai nấy đều sợ hãi từ chối, chỉ riêng quý phi nhận lời. Sau khi quý phi tự nguyện gieo mình xuống biển, bỗng sóng yên, biển lặng, thuyền quan quân nhà Trần đi qua dễ dàng. Sau khi mất, bà được nhân dân tôn làm Phúc thần do nhiều lần hiển linh giúp dân. Bà được triều đình ban sắc “Chế Thắng phu nhân”.

Đền Mai Bàng lúc đầu chỉ là một cái miếu nhỏ, sau đó nhân dân tôn tạo dần và xin chân hương từ đền Sót (Thạch Hà - Hà Tĩnh) về thờ phụng. Trải qua những biến thiên lịch sử, đền còn lưu giữ được nhiều đồ tế khí cổ có giá trị như bàn thờ, hương án, long ngai, bài vị, đại tự, câu đối... Đặc biệt, đền còn lưu giữ 13 đạo sắc gốc quý giá, 75 hiện vật cổ.

Hàng năm, đền Mai Bàng diễn ra hai lễ trọng gồm lễ hội đầu năm vào ngày 12/2 (âm lịch), là ngày giỗ Chế Thắng phu nhân và lễ lập làng, lễ cầu ngư, cầu đinh. Ngày 3/5 (âm lịch) là ngày lễ Húy nhật chính kỳ (lễ giỗ) Đức thánh Chiêu Trưng Đại vương.

Năm 2016, di tích đền Mai Bàng được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ra quyết định công nhận là Di tích Lịch sử cấp Quốc gia.

Cách đền Mai Bàng không xa là đền Yên Lương. Đền được xây dựng từ thời hậu Lê (1630), đây là công trình kiến trúc tôn giáo, tín ngưỡng thờ Tứ vị Thánh nương, thần Cao Sơn, Cao Cốc. Ngày nay, đền còn phối thờ tượng Phật Quan Thế Âm Bồ Tát, tượng Tam Thế, Nam Tào - Bắc Đẩu, Ngự Ông, Đức thánh Sơn thần đảo Lan Châu.

Tài liệu “Lịch sử Đền Yên Lương” chép lại: Đền Yên Lương khởi nguồn là một cái miếu 1 gian, 2 hồi được dựng vào khoảng cuối thế kỷ XVII.

Tương truyền, vào những năm cuối thế kỷ XVII, cuộc sống của người dân Yên Lương gặp nhiều tai ương, bất ổn. Ngư dân đi biển gặp sóng to, gió lớn; mùa màng thất bát, đói kém, bệnh tật triền miên. Làng đã cử người ra đền Cờn (Quỳnh Phương, Quỳnh Lưu) rước chân hương Tứ vị Thánh nương về thờ. Từ đó cuộc sống dân làng trở nên bình an, làm ăn khấm khá.

Hiện đền còn lưu giữ 132 hiện vật, trong đó có 16 hiện vật cổ như long ngai bài vị, chuông đồng, hoành phi, câu đối, bộ xương cá Ông...

Hằng năm, đền Yên Lương có 2 kỳ lễ trọng là lễ Kỳ yên vào rằm tháng Hai (âm lịch) và lễ Phúc lục ngoạn vào các ngày 14, 15, 16 tháng 6 (âm lịch).

Làng Mai Bảng và Yên Lương còn là nơi lưu giữ được nhiều giếng cổ (4 giếng). Giếng làng được xây dựng từ bao giờ không ai biết, những bậc cao niên của làng cho biết, khi họ sinh ra đã thấy giếng làng. Ngày trước, giếng làng là nơi sinh hoạt chung của cộng đồng, giếng còn được xem là long mạch của làng. Theo huyền tích của làng, khi đào giếng xong, long mạch hướng về núi Gươm thì cuộc sống dân làng sẽ được bình an, con cháu học hành phát đạt. Giếng được đào sâu 5- 6 mét, xung quanh đáy giếng được vây bằng những hòn đá lớn nên nước giếng quanh năm mát mẻ, trời hạn hán bao nhiêu cũng không bao giờ cạn.

Đến nay, giếng làng không còn là nơi sinh hoạt chung của cộng đồng nữa mà đã là một chốn tâm linh. Bà con trong làng thường đến giếng làng lấy nước về dùng trong các dịp thờ cúng, hoặc đem về tắm rửa trong những ngày lễ trọng nhưng không còn được phép giặt giũ ở giếng làng. Đặc biệt, trong những dịp như xây mới nhà cửa, đóng mới thuyền hay mua lưới mới, người dân đem nước giếng làng về tẩy để uế cho thanh sạch. Giếng làng vẫn luôn được giữ gìn sạch sẽ, mỗi năm, làng phải làm lễ để chọn người nạo vét, dọn dẹp, nên dòng nước vẫn ngọt ngào, tươi mát quanh năm.

Giờ đây, giếng làng Yên Lương và làng Mai Bảng là những chứng tích lịch sử ghi dấu sự chuyển biến trong đời sống sinh hoạt cộng đồng và sự phát triển về văn minh vật chất của làng.

Danh thắng thiên nhiên tuyệt mỹ

Bờ biển Nghi Thủy không dài nhưng được thiên nhiên ban tặng cho một vùng non xanh nước biếc, sơn thủy hữu tình. Đảo Lan Châu được xem là “hòn ngọc” của biển Cửa Lò nằm sát ngay bờ biển. Người xưa gọi đảo Lan Châu là rú Cốc vì nhìn từ xa, đảo như một con cóc khổng lồ đang nhòai mình ra biển.

Xưa, những ngư dân vùng này khi đi biển về thì neo thuyền tại đảo Lan Châu để tránh sóng gió. Ngư dân được che chở bình yên nên họ lấy làm biết ơn vị thần giữ đảo. Người dân lập một ngôi miếu nhỏ trên đảo để thờ Sơn Thần Lan Châu, mong thần phù hộ bình an qua những cơn giông bão.

Đảo Lan Châu có một khung cảnh thiên nhiên kỳ thú, vừa thơ mộng vừa hùng vĩ. Khi thủy triều lên, Lan Châu được bao phủ bởi nước biển, khi thủy triều xuống, phía tây được nối với đất liền tạo thành bán đảo. Phía đông là những vách đá lô nhô trải dài ra biển. Trải qua sự bào mòn của gió sóng hàng ngàn năm, tạo hóa đã nhấn nạy tạo tác cho núi đá nơi này có những hình thù kỳ thú.

CỬA LÒ - ĐIỂM ĐẾN

Bình minh trên đảo Lan Châu thật rực rỡ, ánh hào quang phản chiếu mặt nước biển, hắt vào vách núi, những núi đá lô nhô khiến cho vùng non nước này trở nên lung linh huyền ảo. Trên đỉnh ngoại, giáp biển, ngọn hải đăng Lan Châu vẫn kiên nhẫn chờ đón những ngư dân từ phía biển đi về. Có lẽ, đây là mắt Sơn Thần vẫn dõi theo chở che cho những người con vùng biển đang hằng ngày neo mình giữa biển khơi.

Trên đỉnh giữa còn có lầu Nghinh Phong của vua Bảo Đại dựng lên để ngắm mây trời non nước. Quả đây là một vị trí đặc địa, từ lầu Nghinh Phong, ta có thể ngắm bình minh từ phía đảo Ngư, đảo Mắt và thu trọn Cửa Lò trong tầm mắt.

Làng nghề - từ truyền thống đến hiện đại

Có lẽ, nghề đi biển đánh bắt hải sản là nghề gắn bó với người dân Nghi Thủy ngay từ khi mới lập làng, bởi những người có công khai cơ lập làng đều là những người một đời gắn mình với biển.

Sau này, khi những ngư dân từ vùng Cửa Sốt (Hà Tĩnh) tìm đến đây định cư, lập nghiệp thì nghề đi biển Nghi Thủy không ngừng lớn mạnh. Đến nay, Nghi Thủy có gần 800 hộ tham gia các nghề khai thác, đánh bắt, nuôi trồng, chế biến hải sản. Phường có trên 139 tàu khai thác, đánh bắt hải sản, trong đó có 46 tàu đánh bắt xa bờ công suất từ 700 CV trở lên. Nghi Thủy được xếp vào hàng phường có nhiều tàu thuyền nhất thị xã. (1000 lao động đánh bắt hải sản, 30% còn lại làm nghề dịch vụ, du lịch... Hiện nay, phường có 139 tàu thuyền các loại, trong đó có 46 tàu lớn đánh bắt xa bờ.)

Nghề đi biển đã tạo việc làm cho gần 1.000 lao động trực tiếp đánh bắt thủy, hải sản, chưa kể hàng nghìn lao động khác trong các hoạt động dịch vụ, thương mại, hậu cần nghề biển.

Đi cùng với nghề khai thác, đánh bắt là nghề chế biến. Đây cũng là nghề truyền thống có từ lâu đời của Nghi Thủy. Xưa, người Nghi Thủy chủ yếu làm nước mắm và ruốc. Người ta đổ nước mắm, ruốc vào chum hoặc thùng gỗ, gọi là vưng, rồi đưa xuống thuyền đi trảy đến nhiều tỉnh thành trong nước, theo dọc bờ biển đến các lạch sông để giao thương.

Đến nay, bên cạnh ruốc, nước mắm, Nghi Thủy còn có các loại cá khô, mực khô, hải sản đông lạnh, hàng đóng hộp... vô cùng phong phú. Thị trường cũng được mở rộng ra cả Bắc, Trung, Nam bởi hải sản nơi đây có hương vị thơm ngon, được nhiều người ưa thích. Hiện nay, Nghi Thủy có khoảng 60 hộ dân tham gia vào làng nghề chế biến hải sản.

Để phát triển làng nghề theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, chính quyền địa phương đã cử người làng nghề đi học hỏi kinh nghiệm từ những làng nghề chế biến hải sản nổi tiếng ở Nha Trang, Đà Nẵng, Phú Yên... Áp dụng cách làm mới nhưng vẫn giữ được hương vị truyền thống của hải sản Nghi Thủy.

Người dân Nghi Thủy còn lập nên làng nướng cá. Có thể xem đây là nghề dịch vụ, hậu cần nghề cá. Nướng cá là nghề cũng lắm công phu và không kém phần vất vả. Ngay từ 4 - 5 giờ sáng, hàng trăm tiểu thương đã nô nức tụ tập tại bến cá Nghi Thủy. Những sản phẩm mặn mòi vị biển với hàng chục loại cá to nhỏ, tôm biển, tôm tít, cua, ghẹ, mực, sứa, ngao, sò, ốc... ngập tràn bến cá. Người nướng cá mua những lô cá còn tươi rói, rửa sạch, cá to thì cắt chéo từng miếng, cá nhỏ để nguyên, để cho ráo nước, người ta dùng chiếc tăm lấy những mạch máu đỏ trong thân cá ra rồi đem nướng trên than hoa. Để miếng cá thơm ngon và sạch đẹp, trước khi nướng, những người nướng cá sẽ quấn một lớp lá chuối tươi xung quanh thanh sắt. Những thanh sắt này được xếp làm sàn lên bếp than, người ta chỉ việc xếp cá lên và trở đều. Mùi cá nướng thơm lừng tỏa đi trong không gian làm những du khách mới đến nôn nao.

Nghi Thủy có trên 20 hộ gia đình chuyên làm nghề nướng cá, bình quân mỗi ngày các lò nướng tiêu thụ 5 - 6 tấn cá các loại, đưa đi các chợ trong tỉnh.

Về với Nghi Thủy - Cửa Lò là về với một miền văn hóa phong phú, đậm đà bản sắc của cư dân miền biển với văn hóa tâm linh, tín ngưỡng dân gian, những di tích lịch sử - văn hóa... Về với Nghi Thủy là về với những danh lam thắng cảnh kỳ thú mà ít nơi nào có được. Đô thị trẻ này như một cô gái miền duyên hải đang độ xuân thì dạt dào sức sống, đã bắt đầu điểm tô bằng những chất liệu hiện đại nhưng sâu thẳm trong mình vẫn là nét đẹp truyền thống Á Đông và tâm hồn mặn mà vị biển.



Đền Làng Hiếu - Ảnh Nguyễn Mai

Linh thiêng đền Làng Hiếu

LÂM THY

Cách thành phố Vinh nhộn nhịp khoảng 13 km về phía đông, nằm khiêm tốn trên con đường nhỏ, trong khu vực bãi biển Cửa Lò thơ mộng là ngôi đền hàng trăm năm tuổi. Khác với sự ồn ào, náo nhiệt ngoài kia, đền nằm yên bình, tĩnh lặng, khoác lên mình vẻ trầm mặc của thời gian. Dù khiêm tốn nhưng nó lại toát lên sự uy nghiêm đến kì lạ, để cho du khách ai đã từng một lần đặt chân đến, đều không thể lãng quên. Đó chính là đền Làng Hiếu.

Đền Làng Hiếu nằm trên địa bàn phường Nghi Hải, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An, được xây dựng vào thời Lê Trung Hưng (1533-1789), gồm 3 nhà thượng điện, trung điện, hạ điện. Bước qua cổng đền, cảm giác đầu tiên chính là sự bình yên đến lạ. Dường như tất cả mọi thứ trần tục đã được giữ lại sau cánh cổng. Hành trang du khách mang theo chỉ là lòng tôn kính, sự ngưỡng vọng và sự tò mò với thế giới thần linh.

Vào sâu bên trong, các vị thần, Phật lần lượt hiện ra trước mắt, gọi cho ta nhiều cung bậc cảm xúc khác nhau. Tôi ấn tượng về một pho tượng cổ đã bị xạm đen một vài chỗ. Thủ từ của đền cho biết, đây chính là thần Sát hải Đại vương Hoàng Tá Thốn - vị thần cai quản 12 cửa biển. Dù là nhân vật lịch sử có thật, được chính sử ghi chép nhưng lai lịch của thần cũng vô cùng thần bí. Chuyện kể rằng: một buổi sáng tinh mơ, Trương phu nhân ra sông gánh nước, bỗng thấy hai con trâu từ dưới nước lao lên và nhào vào húc nhau chí tử. Chúng lao đến chỗ bà, bà dùng đòn gánh đuổi, tự nhiên hai con trâu biến mất. Nhưng một cái lông trâu đã dính vào đầu đòn gánh rồi rơi xuống thùng nước. Bà uống phải, tức thì thấy trong người khác thường, từ đó mang thai. Ít lâu sau, bà sinh một bé trai khôi ngô, tuấn tú, đặt tên là Hoàng Tá Thốn. Lớn lên, Hoàng Tá Thốn có sức khỏe hơn người, vật giỏi, trai trong vùng không ai địch nổi, đặc biệt là có tài bơi lội, ngài đi lại dưới nước như trên đất bằng. Với tài năng như vậy, ngài đã có nhiều đóng góp cho công cuộc chống giặc Nguyên - Mông của Triều Trần vào thế kỉ thứ XIII.

Sau khi dẹp xong giặc ngoại xâm, đất nước trở lại thanh bình, Vua Trần giao cho ngài thống lĩnh các đạo thủy binh coi giữ 12 cửa biển (*từ Hải Phòng cho đến Hà Tĩnh*), bảo vệ vùng duyên hải. Vâng lệnh triều đình, Hoàng Tá Thốn cùng các con trai của mình xây dựng các vùng trạm, trại, căn cứ ở khắp vùng Nghệ Tĩnh để canh gác, bảo vệ vùng biển và lãnh thổ nước nhà. Ngài đã huấn luyện được đội quân thiện chiến, nhiều lần đánh tan bọn cướp biển giữ yên cuộc sống thanh bình cho nhân dân. Trong một lần đi tuần thú đường biển ở Thanh Hóa, đến cửa Trào (huyện Hoàng Hóa - tỉnh Thanh Hóa thì ngài hóa, nhằm ngày 15 tháng 3 năm 1339). Triều đình được tin, truy phong là Tô Đại Liêu Thiên Bồng Nguyên Soái Đại Tướng Quân.

Thần vốn được thờ ở một ngôi đền khác, nhưng chiến tranh đã tàn phá nơi cư ngụ của thần. Điều kì lạ là dù nhà cửa tan hoang, mọi thứ đổ nát nhưng tượng thần vẫn không hề hấn gì, chỉ ám chút khói đen của bom đạn. Dường như có một sức mạnh siêu nhiên nào đó đã bảo vệ pho tượng. Chính điều này càng khiến dân chúng tin rằng, thần thật sự có sức mạnh vô biên, đẩy lùi được cả hòn tên, mũi đạn của kẻ thù. Bởi vậy, nhân dân đã rước thần về đền Làng Hiếu để tiếp tục phụng sự, những mong thần dùng sức mạnh ấy che chở, bảo vệ cho dân làng.

Đối diện với pho tượng Sát Hải Đại vương Hoàng Tá Thốn là hệ thống tượng tam tòa Thánh Mẫu. Chính giữa nhà đặt bộ tượng Tam Thế Phật. Một điểm thu hút, tạo nên sự thích thú đối với du khách, đây đều là những pho tượng cổ rất sinh động, màu thời gian hiện rõ trên bề mặt tượng. Nhất là 3 pho tượng Tam Thế Phật bằng gỗ mít, được tạc trong tư thế ngồi trên đài sen, hai chân kiết già tọa thiền, đầu đội mũ cánh sen, mình mặc áo cà sa, với khuôn mặt từ bi, phúc hậu... tạo cho du khách cảm giác nhẹ nhàng, thư thái và tạm thời quên đi những mệt mỏi chốn hồng trần.

Bước tiếp vào thượng điện - nơi được coi là cung cấm, nơi thâm nghiêm nhất của đền, ta lại kính cẩn, nghiêng mình và không khỏi bồi hồi khi được nghe kể về những vị thần ngự trị ở khu vực này. Đây là hai vị thần chủ của đền.

CỬA LÒ - ĐIỂM ĐẾN

Vị thần thứ nhất là Bản cảnh Thành hoàng. Chuyện kể rằng: Vào năm Nhâm Dần niên hiệu Cảnh Hưng (1782), trấn Nghệ An bị dịch tả hoành hành, nặng nhất là vùng Vạn Lộc, Cửa Hội. Đây là vùng có mật độ dân số cao, thói quen sinh hoạt kém vệ sinh nên dịch bệnh phát triển mạnh. Khắp các xóm làng đâu đâu cũng có người chết vì bệnh dịch tả, thậm chí có những gia đình dịch tả giết chết không còn ai. Dân làng lập đàn trừ ôn hoàng dịch tễ, nhưng vẫn không có hiệu quả. Bỗng có một thầy lang đi qua và đã ra tay cứu chữa cho nhân dân trong vùng và các vùng lân cận. Dịch bệnh được đẩy lùi, sự sống hồi sinh. Lúc này người ta cũng không còn thấy thầy lang đâu nữa. Ông chữa bệnh cho dân bằng tất cả tấm lòng của một lương y, không hề lấy tiền của ai và cũng không để lại tên tuổi. Do đó, nhân dân trong làng không biết lai lịch, quê quán của ông. Có người nói ông họ Trương ở Diễn Kỷ (Diễn Châu), người thì nói ông họ Phạm ở Nghi Thiết, người lại cho rằng ông họ Hoàng ở Nghi Tân hay ông họ Nguyễn ở Nghi Hợp... Về sau, tưởng nhớ đến công ơn của ông, dân làng đã lập đền thờ. Phàm trong làng ai ốm đau, bệnh tật đến cầu đảo đều được linh ứng. Từ đó, thần được nhân dân tôn làm Thành hoàng của làng Hiếu Thọ. Tiếng tăm của thần vang đến tận triều đình, được triều đình ghi nhận bằng sắc phong. Hiện nay, tại di tích còn lưu giữ được hai đạo sắc phong năm Tự Đức thứ 6 (1853) và sắc phong năm Khải Định thứ 9 (1924).

Vị thần thứ hai là thần Cao Sơn Cao Các. Đây là vị thần được thờ rất phổ biến ở Nghệ An dù lai lịch của thần rất mơ hồ. Cho đến bây giờ, vị thần này là ai vẫn là một câu hỏi chưa có lời giải đáp. Tuy nhiên, chính vì sự mơ hồ ấy càng làm cho thần trở nên linh thiêng vời vợi, càng gọi nên sự tò mò của nhiều người. Với mong muốn được thần phù hộ, che chở cho dân làng ra khơi vào lộng được bình yên, đánh bắt được nhiều hải sản nên dân làng Hiếu Thọ đã tôn thần Cao Sơn Cao Các làm Bản xứ Đương cảnh Thành hoàng.

Ngoài ra, trong khu vực đền Làng Hiếu còn có khu mộ cá Ông rất độc đáo. Cá ông được chôn và được thờ ở rất nhiều địa phương trên địa bàn tỉnh Nghệ An và cả nước. Tuy nhiên, sự độc đáo ở đây là tất cả cá Ông bị chết ở biển vùng này từ nhiều đời nay đều được dân làng Hiếu chôn tập trung trong khu mộ. Đây là một trong những địa điểm chôn nhiều xác cá Ông nhất trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Tới đây, du khách sẽ được nghe về mỗi ngôi mộ là một câu chuyện cá Ông với tất cả sự thành kính, ngưỡng vọng của người dân làng Hiếu.

Đối với nhiều người, cá Ông hay cá Voi chỉ là một sinh vật bình thường, gây ấn tượng bởi sự to lớn. Với những người dân biển, đặc biệt là những người dân sống bằng nghề đánh cá, đi biển thì cá Ông như người cha, người mẹ che chở, bảo vệ, cứu giúp mỗi khi thuyền bè gặp nạn. Vì vậy, họ rất tôn sùng và suy tôn cá Ông với nhiều mỹ tự như: Ngư Ông, ông Nam Hải, ông Chộng, ông Lộng, ông Khơi, Nam Hải Đại tướng quân.

Tương truyền rằng: vùng Cửa Hội thường xuất hiện một cá Ông to như chiếc tàu. Nhiều lần biển động ghe thuyền đánh cá gặp nguy hiểm, ông thường đến cứu giúp. Cá Ông kê lưng đỡ thuyền lướt qua sóng gió hãi hùng và đã cứu vớt

được nhiều ngư dân gặp nạn. Khi “ngài” mất, xác trôi vào bờ, ngư dân phải dùng đến 30 đôi chiếu mới để đắp di hài mà không hết.

Theo tục lệ của dân đi biển thì ai phát hiện được cá Ông mắc cạn (tục gọi là “ông lụy”) thì có bốn phận chôn cất và để tang Ông như để tang chính cha mẹ mình. Người đầu tiên phát hiện ra xác cá Ông được gọi là trưởng nam và khi tổ chức tang lễ phải mặc trang phục như một người con trai trưởng tổ chức đám tang cho cha mẹ. Toàn bộ những nghi lễ liên quan đều phải được cả dân làng thực hiện. Nếu cá Ông nhỏ chết, người ta gọi là thai sẩy và gọi là thần cô, thần cậu để tỏ sự tôn kính.

Hàng năm, tại đền Làng Hiếu có nhiều kỳ lễ trọng nhưng quan trọng và quy mô nhất là lễ Cầu ngư ngày 15 tháng 3 âm lịch thu hút đông đảo nhân dân trong vùng, vùng phụ cận và du khách thập phương về dự.

Lễ Cầu ngư hay còn gọi là lễ Nghinh Ông, là dịp để dân làng thể hiện lòng tri ân đối với cá Ông và các vị thần linh, đồng thời cầu mong cho mưa thuận gió hòa, sóng yên biển lặng, xóm làng sung túc, người ra khơi bình yên trở về, đánh bắt được nhiều cá tôm.

Năm nay, tôi lại về làng Hiếu vừa khi được chứng kiến không khí rộn ràng, sôi động của lễ hội đền với nhiều chương trình đặc sắc: lễ tế và xin rước sắc, lễ Phụng nghinh tại bến thuyền Hà Dung, thả hoa đăng trên sông và nhiều trò chơi mang tính dân gian đặc sắc như thi nướng cá, thi rót nước mắm...

Trải qua hàng trăm năm tồn tại, đền Làng Hiếu ngày càng được nhiều người biết đến. Về với Cửa Lò, du khách ngoài việc đắm mình dưới làn nước trong xanh, cùng nhau nô đùa trên những bãi cát trắng mịn thì cũng đừng quên một lần ghé thăm đền, để cảm nhận được sự thư thái, bình yên và nét khác biệt mà ngôi đền mang lại. Trong tương lai, tôi tin rằng, đền Làng Hiếu sẽ trở thành một điểm nhấn du lịch tâm linh hấp dẫn, song hành cùng với bãi biển Cửa Lò, tạo nên sự bứt phá trong phát triển kinh tế, xã hội của thị xã.

Mắt ngọc làng chài

ĐÀO THÚY HOA

Bà Đậu Thị Dung đã 80 tuổi đời. Nhẩm tính, cũng đã 80 năm bà gắn bó với những chiếc giếng làng Mai Bàng, nơi bà được cất tiếng khóc oe oe chào đời và theo con sóng, cơn gió biển mặn mòi bà lớn lên. Ở đâu đó trong sâu thẳm ký ức, bà vẫn thấy một cô bé Dung nhỏ tí leo đèo chạy theo mẹ quảy gánh nước nặng trĩu từ giếng làng cách nhà chừng 1 cây số. Khi đã lớn khôn hơn, và nhất là khi bố hy sinh ở chiến trường Điện Biên Phủ, cô thanh nữ Đậu Thị Dung lại thay mẹ gánh những gánh nước về cho gia đình, có cả



Giếng được xây bằng những viên đá trái lấy từ đảo Ngự và mũi Rồng

những gánh nước thuê cho ngư dân trong làng để kiếm mớ cá, bát gạo cùng mẹ nuôi 3 em. “Gánh ào đi, cho choa kịp đi biển mồi!” Những tiếng thúc giục của chủ thuyền mong chờ gánh nước của con bé Dung đã trở thành một thứ âm thanh gần gũi và ấm áp với Dung. Những gánh nước của cô sẽ giúp các chủ thuyền giặt chài, giặt lưới, hay rửa mũi thuyền lấy may cho những chuyến ra khơi, cho tôm cá đầy khoang, thuyền nhanh cập bến. Những can nước lấy từ giếng đền để chủ thuyền làm nước cúng dâng thần biển mong chờ sự chở che của biển cả mệnh mông giữa trùng khơi sóng dữ. Cô bé thấy vui vui vì hình như cô đã làm được điều gì đó có ý nghĩa cho những người xóm giếng thân quý của mình.

Lạ vậy, đến khi lấy chồng, bà Dung lại được gắn bó với giếng làng nhiều hơn. Nhà chồng chỉ cách giếng vài ba trăm mét. Chồng bà cũng là người làng Mai Bàng, nay là khối Thành Công, phường Nghi Thủy, thị xã Cửa Lò. Nhà chồng gần con sông nhỏ (hồi đó người ta chưa làm cảng Cửa Lò nên con sông này chưa bị lấp), bà hay ra sông giặt giũ, nhưng đêm đêm đôi thùng gỗ vẫn theo bà ra giếng làng tải nước về nấu ăn, sinh hoạt. Theo nếp mẹ đẻ ngày trước, và cũng theo nếp gia đình nhà chồng, ngày tuần hàng tháng hay dịp đầu năm bà lại xin nước giếng đền Mai Bàng để dâng lên bàn thờ tổ tiên hoặc ra đền thắp hương. Cũng như mọi người dân làng Mai Bàng, và cả làng Yên Lương (hai làng tạo lập nên phường Nghi Thủy thời nay), bà Dung son sắt một niềm tin, những dòng nước được lấy lên từ lòng sâu giếng đền là những dòng nước trong mát nhất, thiêng liêng nhất, nguồn nước này dâng Thành hoàng làng, dâng tổ tiên sẽ được bề trên phù hộ.

Từ trên ngọn rú Đứng Đình nhìn về phía tây nam hoặc từ ngọn núi Hòn Cờ nhìn về phía tây làng Mai Bàng, ta sẽ thấy hai cái giếng làng (một giếng đền nằm cách đền Mai Bàng chừng 100m) và một giếng nước sinh hoạt (nằm cách giếng đền 100m) giống như hai con mắt thần nhìn về phía biển. Nếu đứng trên rú Gươm thuộc phường Nghi Tân nhìn về hướng đông lại thấy ở ngay giữa làng Yên Lương xưa hai cái giếng nước: Yên Đình và Yên Hội như hai con mắt thần của làng Yên Lương. Trải hàng trăm năm giông bão, đổi thay, chiến tranh giặc giã, người dân phường Nghi Thủy, thị xã Cửa Lò hôm nay vẫn lưu giữ vẹn tròn 4 cái giếng làng - 2 cặp mắt thần của 2 vị thành hoàng làng (làng Mai Bàng, làng Yên Lương) như người dân truyền tụng. Giếng có từ thuở nào, không ai biết. Nhưng một điều chắc chắn tuổi đời của nó đã là hàng trăm năm. Vùng đất Yên Lương, rồi vùng đất Mai Bàng đã được các bậc tiền nhân khai phá lập làng từ 400-500 năm trước. Những ngôi đền linh thiêng: Yên Lương, Mai Bàng sau đó cũng đã được dựng lên và tôn tạo qua các đời để phụng thờ thành hoàng làng và những người khai cơ lập ấp. Người dân tin rằng, giếng làng đã được khai sinh sau đó ít lâu, để nguồn mạch của làng được khai thông, để mắt thần được sáng tỏ mà canh giữ, mà chăm lo cho cuộc sống của nhân dân trong vùng. Mong nguồn nước được sạch và trong mát, người dân đã cất công giong thuyền ra đảo Ngư, ra mũi Rồng (lạch Rồng) chọn những viên đá tráy (tiếng địa phương - tức đá trái) tròn, to về ghép thành giếng. Đáy giếng sâu chừng 5-6m, miệng giếng có đường

CỬA LÒ - ĐIỂM ĐẾN

kính chừng 1,2 đến 1,8 m. Có một điều thật lạ, dù rất gần biển, nhưng nguồn nước giếng thật trong, ngọt và vô cùng dồi dào. Về sau này, trong dân đã có nhiều giếng đào, những năm hạn hán, hầu như các giếng đều bị cạn khô, nhưng cả 4 giếng làng chưa bao giờ cạn, con nước với, con nước lại đầy. Tưởng như thần giếng đã rất yêu thương nên quyết không để những người con Yên Lương, Mai Bảng bị khát khô nguồn nước ngọt.

Giếng đã được nhiều lần người dân tôn tạo. Hiện nay, trên thành giếng nước sinh hoạt của làng Mai Bảng và một giếng của làng Yên Lương có đề năm 1941 và 1936 - đó là một trong những lần tôn tạo giếng mà người dân hiện còn lưu lại được. Chiến tranh bom cày đạn xới vùng đất Nghi Thủy trong những năm chống Mỹ, một vài giếng nước phục vụ sinh hoạt bị tàn phá, hư hại, khiến cho giếng bị bỏ quên một thời gian dài. Gần đây người dân hai làng đã tự chỉnh trang lại giếng, xây bao bảo vệ, làm bàn thờ ở hai giếng của làng Mai Bảng. Giếng làng Yên Lương do nằm cạnh cây cổ thụ nên dân làng đã làm cả nắp đậy bằng lưới để lá cây không rụng xuống khiến nguồn nước bị ô nhiễm. Bác Phùng Bá Cúc tâm niệm, hễ nhà tôi ở gần giếng làng Mai Bảng nên được thần giếng chở che, phù trợ. Vậy nên việc đóng góp thêm ít tiền, ít xi măng để tu sửa giếng, hay gia đình tôi tự nhận với làng lo việc hương lễ ngày rằm, mùng Một hàng tháng, ngày lễ, Tết cho thần giếng là điều nên làm. Bà Cúc nhà tôi cũng chăm lo cho giếng làng lắm. Thường ngày bà quét dọn, một cái lá rơi cũng nhặt ngay, thấy xuất hiện tổ kiến là mua thuốc diệt. Từ hàng chục năm nay nhà tôi vẫn duy trì nề nếp: đêm mùng Một hàng tháng hay đêm Ba mươi, mùng Một Tết là cả nhà ra giếng tắm. Từ khi những đứa con tôi còn nhỏ, nếu trời lạnh quá thì tôi nấu một ít nước sôi mang ra pha với nước giếng cho tụi trẻ. Rồi bây giờ là những đứa cháu của tôi. Tắm nước giếng làng để cho thân thể sạch sẽ, cho bệnh tật tiêu tan,... Chúng tôi tin và giữ gìn niềm tin ấy bằng sinh hoạt này của gia đình.

Cũng chẳng hiểu tự bao giờ, trong dân làng Nghi Thủy đã tồn tại và tự ý thức thực hiện những điều kiêng cho giếng làng được sạch sẽ, linh thiêng. Phụ nữ đến tháng, hay trong 3 tháng 10 ngày sinh nở, những gia đình có tang... tuyệt nhiên không được ra giếng dền xin nước. Bà Dung bảo, ngay cả mỗi lần múc nước cũng phải cởi bỏ nón mũ. Bà cũng không lý giải được điều này nhưng từ bé đã thực hành trở thành nếp thường nhật rất tự nhiên nên bà không bao giờ phạm cả. Thần giếng đã thành một vị thần thiêng liêng trong đời sống tinh thần của người dân biển Nghi Thủy. Người ta biết ơn thần vì đã cho con người nơi đây không chỉ nguồn nước ngọt mà hơn thế, đó là sự chở che giúp cho cuộc sống ngày một ấm êm, no đủ. Đặc biệt, những gia đình ở gần giếng làng, mỗi khi thực hành những công việc liên quan đến mạch nước, để tránh việc có thể chạm long mạch của làng họ đều lên đền Mai Bảng xin bẻ trên, khi được phép mới về đào. Anh Hạ, nhà gần giếng Mai Bảng, nhớ rằng, bố mẹ anh đã từng làm như vậy khi tiến hành đào giếng của nhà. Anh chia sẻ: "Giếng làng tôi thiêng lắm". Tôi hiểu niềm thiêng ấy với người dân Mai Bảng, Yên Lương. Nó không chỉ là lời nói mà thực sự đã được biểu thị, từ xa xưa và cho đến ngày hôm nay bằng những điều

kiêng, những sự gìn giữ, những thực hành nghi lễ rất cụ thể và chín chu, thành kính. Những niềm tin ấy như hơi thở, như không khí, như dòng nước ngầm cứ lặng lẽ tồn tại, lặng lẽ sống trong đời sống bình dị của mỗi người dân nơi đây và được lưu truyền qua các thế hệ. Vậy nên, những người con gái của bà Dung, dù đã ở Đài Loan hơn mười năm nay, nhưng năm nào không về quê ăn Tết lại điện thoại nhờ mẹ: Mẹ ra giếng đền xin nước rồi vào đền làm lễ cầu yên, cầu tài lộc cho gia đình con mẹ nhé!

Đời sống ngày một đủ đầy, tiện nghi ngày một hiện đại, nguồn nước từ các giếng làng không còn dùng làm nước sinh hoạt hàng ngày, nhưng với người dân Nghi Thủy nó vẫn còn tròn vẹn tính thiêng. Tại các giếng đền, những gàu nước vẫn ngày ngày được kéo lên, để vào đền Mai Bảng, đền Yên Lương dâng lên các bậc thánh, thần; và vào từng nhà dân để dâng lên tiên tổ những ngày rằm, mùng Một hàng tháng; những dịp lễ Tết, sóc vọng; hay theo con nước biển đến với những con thuyền để ngư ông dâng cúng thần biển khơi. Những người bị bệnh, uống thuốc nam, thuốc bắc, lại về giếng làng lấy nước sắc thuốc. Những can nước ở các giếng sinh hoạt vẫn được người dân chở về để giặt chài, giặt lưới mong gột rửa những xui xẻo sau những chuyến xa khơi không may mắn, hay thau rửa thuyền, chài lưới khi ngư chủ bắt đầu sắm con tàu mới cho cuộc mưu sinh. Hàng năm, giếng lại được thau rửa để đảm bảo nguồn nước luôn trong lành. Các thành viên trong đội tự nguyện của làng sẽ thực hiện công việc này sau khi đã lên đền xin phép và được sự chấp thuận của thành hoàng làng.

Khi tôi tới thăm những chiếc giếng làng bình dị ở Nghi Thủy thì gặp một cậu thanh niên đang bê một can nặng 20 lít nước giếng làng Mai Bảng. Cậu bảo, đợt này thuyền ra khơi không suôn sẻ, thuận lợi, nên lấy ít nước về gột rửa tàu để xua đi điều gở, cho tàu sạch sẽ, đón điều lành, chắc sẽ có nhiều may mắn.

Những niềm tin thiện lành như thế có lẽ ít nhiều cũng làm cho đời sống tinh thần người dân miệt biển này trở nên phong phú hơn, họ tự tin hơn trước mệnh mông biển cả, trước bão tố trùng khơi. Trong rì rào tiếng biển Cửa Lò, tôi nghe như có cả tiếng thầm thì về những câu chuyện giếng làng Nghi Thủy, những đôi mắt thần của làng biển, thấy lòng ấm áp hơn. Tự hứa, khi nào đó sẽ lại về vùng đất này, để hiểu hơn những con người chân chất của miền đất biển, hiểu hơn đời sống tinh thần, những sinh hoạt văn hóa tâm linh rất riêng biệt của họ.

Ấn tượng về một làng chài

LÊ NHUNG

Trong vai một vị khách du lịch, tôi về thăm làng chài Nghi Thủy vào một ngày cuối tháng Ba. Đây là một trong những làng chài lớn và có tuổi đời hàng trăm năm của vùng biển Cửa Lò, nằm cách thành phố Vinh khoảng 20 km và cách trung tâm thị xã Cửa Lò 2 km. Làng chài bao gồm những ngư dân thuộc phường Nghi Thủy làm nghề đánh bắt hải sản đã được lưu truyền từ thời các ông tổ từ Hà Tĩnh ra vùng đất Mai Bàng, Yên Lương xưa (nay là phường Nghi Thủy, Cửa Lò) để khai ấp lập làng.

Làng chài đất chật người đông, nhà nhà san sát, mọi ngõ trong làng đều na ná nhau. Nếu không có người chỉ đường du khách khó tìm được lối ra. Địa điểm tôi tìm đến để khám phá đầu tiên là bến cá và chợ cá của làng chài. 6 giờ sáng, mặt trời còn chưa kịp lên, sương mù giăng đầy mặt nước. Vậy mà ở đây đã có một bầu không khí náo nhiệt, tấp nập, ồn ào khiến vị khách phương xa như tôi phải ngỡ ngàng. Trên bến, dưới thuyền người người tấp nập. Tiếng gọi nhau í ới, tiếng trao đổi râm ran. Từng đoàn thuyền nối đuôi nhau từ từ cập bến. Trên những chiếc thuyền chứa đầy hải sản, những ngư dân tập trung vận chuyển lên bờ. Trên bến, hàng trăm thương lái các nơi tụ về thu mua. Cảnh người mua, kẻ bán, người phân loại hàng hóa... diễn ra thật khẩn trương trong sự ồn ào, náo động. Hình như tất cả mọi người đã quen với những công việc đó nên ai nấy đều tay, đều chân thoăn thoắt làm việc của mình. Sự hân hoan ngời lên qua ánh mắt, nụ cười, qua giọng nói rền rĩ của con người miệt biển quen ăn sóng nói gió. Tôi như được hòa trong niềm vui của những ngư dân thu hái thành quả sau những chuyến lao động cật lực trên mênh mông sóng biển...



Ảnh: HỒ CHIẾN

Đọc được sự băn khoăn của tôi về việc hôm nay chợ rất ít cá, chủ yếu là tép, chú Võ Hồng Đức - bảo vệ chợ bến cá trò chuyện như chùng muốn giải thích: “Hôm nay, tàu lớn chỉ đi một cặp, còn lại hơn 20 cặp nữa đang nằm ở ngoài cảng”. Tìm hiểu tôi được biết, mấy tháng nay giá xăng dầu lên cao liên tục, các tàu lớn không thể ra khơi vì “hên” thì đủ vốn, “xui” là lỗ nặng. Vậy nên, chỉ có thuyền nhỏ đi lộng, đánh bắt gần bờ. Thế mới biết việc đi biển còn bao gian truân, khó nhọc khi không chỉ phụ thuộc vào thiên thời mà còn biết bao yếu tố nữa.

Nằm sát ngay bến cá là khu chợ cá làng chài. Với những ai đam mê hải sản thì đây quả là một địa điểm lí thú. Tất cả các mặt hàng hải sản tôm, cua, cá, mực... được trải khắp các gian hàng. Được thiên nhiên ưu đãi nên hải sản nơi đây rất đa dạng, tươi ngon. Khách tới chợ là dân địa phương, là thương lái thu mua hay là những vị khách du lịch thích khám phá làng chài. Từ một khu chợ nhỏ phục vụ ngư dân địa phương, chợ bến cá càng ngày càng thu hút nhiều khách thập phương tới thăm thú. Đi một vòng quanh chợ, tôi được thấy những ánh than hồng nhảy nhót từ bếp lửa của các bà, các chị đang nướng cá, nướng mực. Những con cá thu, cá lạng, cá trích... sau khi đưa lên bờ, sơ chế qua sẽ được đôi tay của những người phụ nữ khéo léo trải lên vỉ rồi bắc lên bếp than để nướng. Chỉ chốc lát thôi, mùi thơm mặm mòi vị biển sẽ đánh thức khứu giác của bất cứ ai khi về với chợ cá. Bạn sẽ khó kiềm chế một cảm giác thèm muốn được nếm những món hải sản đang bốc mùi thơm lừng, quyến rũ. Có rất nhiều loại cá được nướng nhưng nổi

tiếng nhất ở đây vẫn là món cá thu. Chế biến cá bằng cách nướng rất tiện lợi, có thể bảo quản được lâu mà vẫn giữ được hương vị tươi ngon nên nghề nướng cá ở đây ngày càng phát triển. Sau khi nướng, cá sẽ được bán cho dân địa phương và khách du lịch, được đưa đi tiêu thụ ở các chợ lân cận trong phường Nghi Thủy như chợ Hôm, hoặc đi xa hơn tới các địa phương khác. Có thể dễ dàng nhận thấy nghề đi biển ở làng chài này đã tạo công ăn việc làm cho rất nhiều người. Bên cạnh việc đánh bắt, theo đó là nghề bốc vác, vận chuyển, buôn bán, chế biến, kinh doanh, du lịch... Ông Võ Hồng Hải, Bí thư phường Nghi Thủy cho biết: “Toàn phường hiện có 70% bà con làm nghề đi biển với hơn 1000 lao động đánh bắt hải sản, 30% còn lại làm nghề dịch vụ, du lịch... Hiện nay, phường có 139 tàu thuyền các loại, trong đó có 46 tàu lớn đánh bắt xa bờ. Năm 2021, khai thác được 12.500 tấn hải sản, đạt 2/3 sản lượng khai thác hải sản của toàn thị xã Cửa Lò. Chính quyền địa phương đang khuyến khích bà con ngư dân chuyển đổi từ tàu nhỏ sang tàu lớn để nâng cao chất lượng đánh bắt”.

Phát huy địa thế sát biển, ngư dân làng chài hôm nay không chỉ đi biển theo nghề truyền thống của cha ông để lại từ hàng trăm năm nay mà dần phát triển thêm những nghề khác liên quan đến biển. Từ sản xuất cá khô, mực khô, tép khô hay làm mắm theo hình thức nhỏ lẻ, người dân hôm nay đã năng động, linh hoạt bắt nhịp thời cuộc để chuyển đổi nghề nghiệp và liên kết với nhau mà hình thành nên làng nghề không chỉ phục vụ dân địa phương mà còn kinh doanh, phục vụ khách du lịch.

Làng nghề Nghi Thủy được hình thành từ năm 2007, cho đến nay số người tham gia ngày một đông. Người dân đã hướng đến việc sản xuất đa dạng mặt hàng, trong đó có những mặt hàng đã khẳng định được thương hiệu và đạt chất lượng sản phẩm OCOP. Ấy vậy nên trong 10 sản phẩm OCOP mà thị xã Cửa Lò phần đầu đạt được, riêng Nghi Thủy đã ghi danh với 3 sản phẩm: nước mắm, mắm tôm, mắm tép.

Tôi ghé thăm gia đình chú Võ Hoàng Thạch, là tổ trưởng Hội nước mắm của làng nghề, cũng là chủ của cơ sở sản xuất nước mắm đạt chất lượng 3 sao của OCOP. Chú Thạch cho biết, làng nghề có 19 hộ sản xuất nước mắm. Bản thân chú và gia đình cũng đã làm nghề 18 năm nay. Theo chân chú ra tận nơi sản xuất mới thấy hết cái thú vị cũng như mới cảm nhận hết sự vất vả của cái nghề “giàu có” mùi đặc trưng này. Vừa tới sân phơi tôi đã có cảm giác như cả không gian đặc quánh mùi thơm nồng nồng mang vị ngọt mặn của nước mắm. Chú Thạch thông thả kể chuyện, làm ra giọt nước mắm truyền thống thật kỳ công vô cùng. Cá cơm ủ với muối qua sắn sóc đảo quấy, phơi phong từ một năm rưỡi đến 2 năm mới ra thành phẩm. Mắm tôm, mắm tép thì được làm từ muối cùng tép biển, tùy theo công thức mà cho ra thành phẩm khác nhau, thời gian từ 5 tháng đến 8 tháng, tùy loại. Trong suốt thời gian ủ, vào những ngày nắng nóng đều phải mở nắp thùng ra đảo đều, phơi cho nước mắm, mắm tôm, mắm tép đủ nắng để màu tươi, vị ngọt, mùi thơm. Làm nghề này như trông con mọn, luôn phải canh chừng. Canh thời tiết để kịp đập nắp mỗi khi trời sắp mưa. Khổ nhọc lắm. Chỉ sơ suất một chút để

vài giọt nước mưa rơi vào thùng cá/tép thì coi như vớt cả một quá trình chượp ừ. Nước mưa sẽ làm cho sản phẩm bị hôi. Cô Lan, vợ chú Thạch xởi lởi, nói chêm vào: “Nghề này vất vả lắm cháu, chẳng mấy khi được mặc bộ đồ cho đẹp”. Vậy là, cũng từng đó nguyên liệu, nhưng với từng loại cá của mỗi vùng biển, cùng với bàn tay khéo léo của ngư dân, thì mỗi vùng miền lại cho ra những thành phẩm khác nhau. Phải vậy chăng mà nước mắm làng chài Nghi Thủy có hương vị riêng không lẫn đi đâu được. Vậy mới biết để có những sản phẩm được chế biến từ hải sản thơm ngon mà chúng ta đang được thưởng thức trong mâm cơm hàng ngày, phía sau đó là bao sự dày công, là bao giọt mồ hôi của ngư dân làng biển. Trong đó, như cô Lan chia sẻ, những người phụ nữ vùng biển đã phải chịu nhiều thiệt thòi để có thể dâng tặng cuộc đời những sản phẩm ẩm thực quý giá này.

Tới đây mới thấy ngư dân làng nghề không chỉ là những người kinh doanh bán con tôm, con mực hay những lọ nước mắm... mà họ còn là những “đại sứ” du lịch đặc biệt khi giới thiệu về đời sống, văn hóa làng chài. Đi dọc các tuyến đường làng đầu đầu cũng thấy trước sân nhà, ngoài ngõ những chum vại làm mắm, ruốc. Ngoài ra còn có các sản phẩm hải sản được sấy khô như mực, tôm nõn, tép... bày bán khắp nơi. Vào thăm làng nghề để thấy hết sự khéo léo của đôi bàn tay và khối óc cùng sự cần cù, kì công của ngư dân đã biến những sản vật biển khơi thành những mặt hàng đa dạng, hấp dẫn. Khá nhiều người dân Nghi Thủy chạy xe điện cũng là hướng dẫn viên cho du khách về văn hóa, tín ngưỡng của quê hương mình.

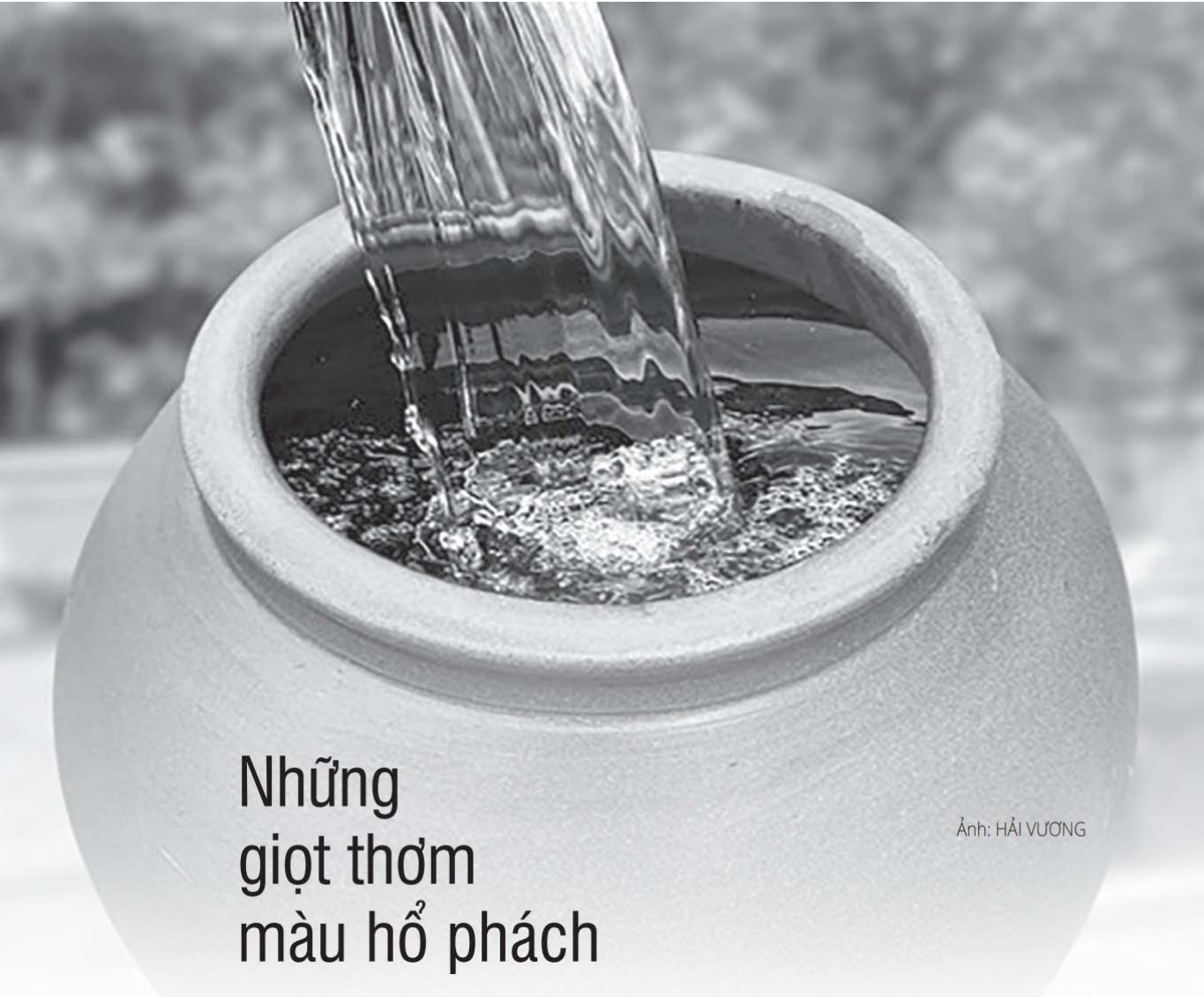
Cũng như ngư dân bao làng chài khác, người dân làng chài Nghi Thủy giản dị, mộc mạc, chứa chan tình làng nghĩa xóm, thứ tình cảm mà người ta chỉ có được khi vượt qua bao sóng gió biển cả và sóng gió của đời người. Ghé thăm một lò sấy tép khô trong làng chài Nghi Thủy, tôi gặp gia chủ là chú Nguyễn Cảnh Tuấn, một người đã từng có thâm niên đi biển, kể lại những kỉ niệm và sóng gió cuộc đời của một ngư dân làng chài. Chú Tuấn năm nay đã gần 60 tuổi nhưng mới nghỉ đi biển 5 năm nay. Chú nói như trải lòng: “Công việc đi biển vất vả, gian truân lắm. Cuộc đời chú đã rất nhiều lần đối diện với tử thần, nhưng chắc là chú may mắn nên mới có được ngày hôm nay”. Theo lời chú kể, từ lúc mới 17 tuổi, chú đã theo cha ra khơi đánh bắt cá. Suốt 40 năm bám biển, rất nhiều lần thuyền gặp bão lốc, nhưng có 2 lần nguy kịch và chú đã may mắn sống sót. Lần thứ nhất là năm đầu chú đi biển, tàu gặp cơn bão to. Thông tin liên lạc thời đó còn thô sơ lắm, chỉ dựa vào dự báo của đài nên không cập nhật được thường xuyên để kịp đi tránh. Lúc đó, có 40 người trên cặp tàu lớn, mặc dù đã ra sức chống chọi nhưng cuối cùng tàu vẫn bị đánh sập. Chỉ 7 người sống sót, trong đó có chú. Chiếc tàu nhỏ đi cùng với 7 ngư dân trên đó thì bị sóng biển đánh chìm mất tích. Nhắc lại hồi ức tang thương này, gương mặt xạm nắng, dạn dày sương gió biển khơi của chú như xạm hơn, trĩu nặng nỗi buồn. Hẳn là chú đang gửi lòng mình về nơi đâu đó, nơi mà những người bạn, những người đồng nghiệp xấu số của chú đã vĩnh viễn gửi thân.

Gian truân không dừng lại, cách đây 20 năm, một lần nữa chú Tuấn lại đứng giữa ranh giới của sự sống và cái chết khi tàu gặp phải cơn lốc lớn. Con lốc đến đột ngột, chú bị đánh bật rơi xuống biển, va vào mũi thuyền, hai chiếc sào tre dùng để bắt tép đã đâm thủng ruột chú. Bằng khả năng sinh tồn và kĩ năng của một ngư dân lâu năm, chú đã cố gắng bơi được trở lại thuyền, sau đó chú được đưa vào bờ và đưa đi bệnh viện cấp cứu. Lần đó, chú bị mất 2 lít máu, phải cắt và nối ruột. Mặc dù bị thương nặng là vậy mà chỉ mấy tháng sau đó, khi sức khỏe được hồi phục, chú lại lên tàu, ra khơi. Những tưởng sau mỗi lần gặp nạn như thế, con người sẽ chùn bước, sẽ bỏ nghề, nhưng không, những người ngư dân nơi đây vẫn bám biển, từ bao đời nay vẫn thế. Bởi một điều đơn giản như chú Tuấn nói “bỏ nghề là đói!”.

Đối với những người ngư dân miền biển này, đi biển tuy vất vả gian truân, nhiều hiểm nguy rình rập nhưng biển cũng nuôi sống cả đại gia đình họ, từ thế hệ này qua thế hệ khác. Biển đã cưu mang gia đình chú Tuấn, giúp chú nuôi 3 đứa con khôn lớn, trưởng thành. Chỉ khi không còn sức đi biển nữa chú mới nghỉ và gần bó với biển bằng nghề làm tép khô. Ngoài sân, cụ Thạch, mẹ chú Tuấn, năm nay đã gần 80, đang ngồi rải những mẻ tép tươi rói vừa được đánh bắt đêm qua lên tranh để sấy. Dù đã nhiều tuổi nhưng tôi thấy rất rõ sự nhanh nhẹn, hoạt bát và niềm vui của cụ khi được làm công việc này. Phải chăng đó là bản chất siêng năng vốn có của những người dân làng chài. Cô Lý, vợ chú Tuấn thì lúi cúi bẻ những chiếc tranh tép cho vào lò sấy, khuôn mặt tươi sáng bởi nụ cười lấp lánh những gọt mồ hôi đang chực rơi xuống tà áo.

Những câu chuyện về sự chờ đợi mỗi mòn của những người mẹ, người vợ, người con khi thuyền của ông, của cha, của chồng họ gặp phải giông bão biển khơi không hiếm gặp ở làng chài Nghi Thủy. Biển cho người dân làng chài cuộc sống ấm no, nhưng cũng thách thức họ trong những chuyến ra khơi. Cũng chính vì vậy mà trước sân nhà của mỗi gia đình ngư dân nơi đây thường có chiếc bàn thờ nhỏ. Mỗi chuyến ra khơi họ lại có nén nhang thỉnh cầu trời phật cho mưa thuận gió hòa, cho được mùa tôm cá. Người dân làng chài ngoài việc thờ ông bà tổ tiên còn thờ Thành hoàng làng, các vị nhân thần có công khai phá đất đai, lập làng. Do vậy, ở đây có nhiều hoạt động lễ hội mang đậm dấu ấn văn hóa vùng biển như lễ hội cầu ngư (12/2 âm lịch), lễ giỗ Chiêu Trưng vương Lê Khôi (3/5 âm lịch), lễ lục ngoạt... Tất cả các lễ hội đều gắn liền với tập tục, tín ngưỡng của ngư dân làng chài Nghi Thủy.

Đời người ngư dân còn nhiều vất vả nhưng vẫn luôn ngập tràn niềm tin và hy vọng vào tương lai. Chính vì vậy khi về làng chài, tôi luôn bắt gặp những nụ cười của ngư dân, từ cô bán cá bán tôm, từ người lựa cá thuê, hay những người phụ nữ nướng cá bên bếp than hồng, những ngư ông mang khuôn mặt cháy nắng... Chia tay làng chài khi chợ đã vắng, tàu thuyền nổi đuôi nằm chờ ở bến để lại chuẩn bị căng buồm cho những chuyến ra khơi khác, tôi vẫn mong muốn một ngày nào đó quay lại với làng chài để tiếp tục khám phá những điều thú vị nơi đây.



Những giọt thơm màu hổ phách

Ảnh: HẢI VƯƠNG

TRẦN HỮU VINH

Tôi sinh ra và lớn lên ở một miền quê ven biển, quê tôi cũng có sản phẩm nước mắm Vạn Phần nổi tiếng. Thế nên, chuyến đi về Nghi Hải - Cửa Lò lần này khiến tôi tò mò muốn khám phá xem con người và phương pháp làm nước mắm nơi đây có gì giống và khác quê tôi.

Tôi đã không thất vọng khi được tiếp xúc với những con người đầy nhiệt huyết và đam mê, những người đã gắn bó và ngày đêm trăn trở với nghề để tạo nên những giọt nước mắm thơm ngon, có hương vị riêng, những giọt long lanh màu hổ phách, hàng ngày tí tách chảy ra từ đầu nỏ.

Chúng tôi tìm đến làng nghề chế biến nước mắm Hải Giang 1, phường Nghi Hải, thị xã Cửa Lò. Được biết, nghề làm nước mắm ở Hải Giang 1 đã có từ hàng trăm năm trước. Từ xa xưa, người dân nơi đây đã làm nước mắm để phục vụ cuộc sống sinh hoạt của mỗi gia đình và đem bán trong làng ngoài xã.

Trong câu chuyện với anh Trương Như Dương, Chủ tịch Hội Nông dân phường Nghi Hải, chúng tôi được biết: Làng nghề chế biến nước mắm Hải Giang 1, nay là Hợp tác xã (HTX) Chế biến nước mắm Hải Giang 1, được bác Hoàng Đức Thương, sinh năm 1950, vận động thành lập năm 2010. Đến năm 2013, nước mắm Hải Giang 1 đã được Cục Sở hữu trí tuệ (thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ) cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu độc quyền; năm 2018, đạt sản phẩm nông nghiệp nông thôn tiêu biểu của tỉnh Nghệ An; tháng 1 năm 2021, sản phẩm nước mắm làng nghề Hải Giang 1 đạt tiêu chuẩn OCOP 3 sao, dành cho sản phẩm tiêu biểu nông nghiệp nông thôn Bắc Trung Bộ. Hiện nay HTX Chế biến nước mắm Hải Giang 1 có 84 hộ sản xuất kinh doanh với quy mô khác nhau.

Anh Trương Như Dương đưa chúng tôi đến thăm cơ sở sản xuất nước mắm của gia đình bác Hoàng Đức Thương - Chủ nhiệm HTX, Trưởng Ban Quản lý làng nghề. Bác Thương đi vắng, tiếp chúng tôi là bác bà Nguyễn Thị Biên.

Chúng tôi bước vào một khuôn viên rộng rãi, cây cối xanh tươi, bên trái là khu trưng bày sản phẩm, bên phải là nhà ở của gia đình, phía trước là sân phơi chượp sản phẩm ngoài trời, toàn bộ khuôn viên rộng gần 3.000 m².

Dù bận bịu công việc, vừa quản lý sản xuất kinh doanh, vừa giữ cháu, bà Biên vẫn vui vẻ kể chuyện làng nghề: “Tôi và ông nhà lớn lên trong những gia đình có truyền thống làm nước mắm. Chúng tôi đã trải qua những thời kỳ khác nhau của nước mắm Nghi Hải. Thời trước, bố mẹ tôi và các cụ làm nước mắm quậy, nghĩa là người ta trộn cá và muối xong thì đổ vào chum, vại sành để chượp. Hàng ngày khuấy lên cho cá chín đều, cá nát ra cho nước mắm thành phẩm, bao giờ nước trên cá dưới, mùi thơm nổi lên là được. Sau khi thu được nước mắm, người ta lại lấy ra lọc cho trong vì cá mắm bị khuấy lên nên nước mắm rất đục.

Quy trình lọc cũng cầu kỳ, công phu vô cùng. Người ta đổ cát vào bồn lọc rồi phủ lên vài lớp vải màn, sau đó đổ nước mắm lên lọc. Cát dùng lọc nước mắm là cát sông, đem vào bồn rửa nhiều lần, khuấy đảo để lấy hết rác và đất ra, sao cho nước trong vắt trong veo như nước suối thì mới dùng để lọc nước mắm.

Giờ đây, cách chế biến đã thay đổi. Dân Nghi Hải không làm nước mắm quậy nữa mà làm bằng cách ép vôi, lọc trực tiếp từ cá ra, cách này cho nước mắm trong hơn, đẹp hơn, bớt đi khâu lọc lâu công và vất vả. Đặc biệt, hiện nay cơ sở sản xuất của chúng tôi lại trở về với cách ủ chượp bằng chum sành được lưu truyền từ xa xưa”.

Bà Biên dẫn chúng tôi ra thăm khu chum sành ủ chượp. Có gần 100 cái chum sành, dung tích mỗi cái ước khoảng 200 lít. Bà Biên cho biết, đây là số chum được chương trình OCOP hỗ trợ 50% kinh phí. Ngoài ra, nhiều khâu sản xuất khác, từ khâu trộn nguyên liệu, ủ chượp, đều được thực hiện bằng máy móc do chương trình OCOP hỗ trợ như máy sấy chai lọ ở nhiệt độ cao để diệt nấm mốc, vi khuẩn, vừa làm cho chai nước mắm sạch vừa giúp bảo quản lâu hơn; máy chiết xuất để loại bớt tạp chất, giúp cho nước mắm trong và đẹp hơn; máy rót nước mắm ra chai; máy đóng bao bì nhãn hiệu. Làm bằng máy giúp tiến độ

nhanh hơn, chất lượng cao, giảm nhân công làm việc, đặc biệt là đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

Anh Trương Như Dương cho biết, bà Biên là một người đam mê với nghiệp, chính bà là người gây dựng cơ sở chế biến nước mắm của gia đình từ buổi ban đầu, khi bác ông đang ở bộ đội. Bà thường chú ý tìm hiểu đến từng chi tiết trong sản xuất chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Bà tâm sự: “Có lẽ trời phú cho tôi đức tính tỉ mỉ, rất hợp với nghề làm nước mắm. Từ mười năm trước, nhìn thấy đứa cháu cầm một chai dầu ô liu, mẫu mã đẹp, dung tích vừa vặn, tôi tự hỏi, tại sao mình không dùng kiểu mẫu này để đóng nước mắm. Bẵng đi một thời gian dài, đến khi cơ sở sản xuất kinh doanh của gia đình đã phát triển, không biết từ đâu, chai dầu ô liu đó lại xuất hiện, thế là tôi bàn với ông nhà sử dụng kiểu dáng này, đồng thời cải tiến thêm cho phù hợp. Chai nước mắm có nắp ngoài, nút trong gồm 2 vòng, một vòng to, một vòng nhỏ so le, để khi rót nước mắm không vẩy ra miệng chai hay lem ra ngoài”.

Trong khu trưng bày sản phẩm, bên cạnh những chai loại 750ml, 1000ml và to hơn, lại có cả những lọ rất nhỏ. Thấy tôi tò mò trước những lọ nước mắm “tí hon” bà Biên nói như giải thích: Đây cũng là sáng kiến của tôi, gọi là nước mắm tiện lợi. Lọ nước mắm chỉ 60ml rất tiện cho khách du lịch mang theo sử dụng ở bất cứ đâu. Nhờ cách làm sáng tạo này mà sản phẩm nước mắm của gia đình đến được với không chỉ gian bếp mỗi nhà mà còn có trong mỗi túi hành lý của du khách”.

Bà Biên trả lời: “Di du lịch ở đâu, tôi cũng để ý đến sản phẩm thủy hải sản của các vùng miền trong cả nước, đặc biệt là từ Huế trở vào, sản phẩm của họ rất đa dạng, phong phú, đáp ứng mọi nhu cầu của du khách. Sản phẩm thủy hải sản của Cửa Lò mình còn đơn điệu quá. Sắp tới, xưởng chúng tôi sẽ đem vào sản xuất tôm chua, cá trồng chua, nước mắm ruốc... Phải đa dạng hóa sản phẩm mới phát triển được. Hiện nay tôi đang sản xuất thử nghiệm và cho kết quả tốt”.

Say sưa với câu chuyện nghề, bà Biên tiếp tục nói về sự khác nhau của nước mắm ruốc và nước mắm cá: “Các cụ xưa đã làm nước mắm ruốc. Loại nước mắm này rất hợp để nấu, mùi thơm đượm, vị đậm đà, nhất là dùng kho thịt cá, hoặc nấu canh. Ngày xưa, các cụ đem tép ruốc về phơi cho se lại, đem vắt hoặc giã rồi trộn muối chượp, quy trình sau đó cũng như làm nước mắm cá. Nay thì có thể xay bằng máy”.

Tôi tò mò, vân vi mấy cái lọ nhỏ như hộp sữa chua, màu nâu xám, đặc như kem được đặt trên kệ trưng bày. Hóa ra đây cũng là một sản phẩm mới do bác Biên nghĩ ra. “Nó được gọi là nước mắm kem, sản phẩm đang trong giai đoạn thử nghiệm. Nước mắm kem sẽ là điểm nhấn độc đáo của xưởng chúng tôi đây”. Quả thực, tôi chưa bao giờ nghe chứ đừng nói là nhìn thấy nước mắm kem. Đúng là một khi chúng ta đam mê, trăn trở với nghề và không ngừng tư duy trong quá trình lao động, ta sẽ tìm thấy những kết quả lý thú và hữu ích. Cơ duyên làm nước mắm kem của nhà bà Biên cũng thật đặc biệt như vậy. Những năm 80, 90 của thế kỷ XX, mong muốn con nhỏ được ăn nước mắm mà không ảnh hưởng



Bà Nguyễn Thị Biên bên những chum nước mắm của gia đình - Ảnh: HỮU VINH

đến đường ruột, bà Biên đã lấy nước mắm ngon, bỏ vào nồi đất đun nhỏ lửa cho nước mắm cô lại, rồi bỏ vào lọ dùng dần. Giờ đây, muốn xưởng phát triển thì phải có những sản phẩm độc đáo, bà đã nghĩ phải đem nước mắm kem này vào sản xuất. Quy trình làm nước mắm kem cũng mất nhiều thời gian. Sau khi chiết xuất được nước mắm ngon thì đưa ra phơi nắng, sao cho nước mắm cô lại còn khoảng 70% mới cho vào nồi đất, đun nhỏ lửa, bao giờ sệt lại như kem là có thể bỏ vào lọ dùng dần. Bà Biên mở một lọ, lấy ra bát một thìa cà phê “kem” nước mắm, rót vào một ít nước sôi để nguội, lấy thìa khuấy đều cho mọi người nếm thử. Kem từ từ tan ta, hòa vào nước sôi, màu nâu cánh gián dần hiện ra thay cho màu xám của kem, nếm thử thấy vị ngọt, hương thơm, rất ngon. Bà Biên cho biết, ngoài lợi đường ruột, nước mắm kem còn có tác dụng bảo quản được lâu, nhỏ gọn vì một lọ 50 ml có thể pha với 500ml nước. Mặt khác, người pha có thể tùy chọn theo khẩu vị mặn nhạt của mình, không như nước mắm chai độ mặn luôn cố định. Nước mắm kem, khi đã pha, nặn thêm chút chanh nữa thật tuyệt hảo.

Anh Trương Như Dương là người địa phương mà đến giờ mới biết đến sản phẩm này, anh tỏ ra ngạc nhiên và thích thú. Anh Dương hào hứng xin cụ hai lọ đem về báo cáo với Đảng ủy phường để đưa vào chương trình, kế hoạch phát triển sản phẩm làng nghề của địa phương.

Chúng tôi lại đến cơ sở sản xuất nước mắm Kim Võ của gia đình anh Hoàng Văn Võ, chị Lê Thị Kim. Đây là một trong những cơ sở sản xuất nước mắm truyền thống lớn nhất của Nghi Hải với gần trăm bể chượp, chứa khoảng 25 tấn cá nguyên liệu, mỗi năm sản xuất khoảng 40 nghìn lít nước mắm.

Để có được những giọt nước mắm thơm ngon, chị Kim cho biết: “Người làm nước mắm phải cẩn thận từ khâu chọn nguyên liệu. Nguyên liệu chính sản xuất nước mắm từ xưa là cá cơm, thu, nục nhưng ngày nay, người ta chỉ làm nước mắm bằng cá cơm do số lượng lớn, giá thành rẻ mà hương vị vẫn thơm ngon, giàu chất đạm. Cá được chọn là cá của vùng biển Nghệ An như Quỳnh Lưu, Diễn Châu, Cửa Lò. Những con cá còn tươi rói mới từ biển về, da cá sáng, không sổ bụng, không dập đầu, cá không được để lâu, không qua ướp lạnh.

Cá được đưa vào bể chượp theo tỉ lệ 1 muối, 5 cá, bên trên đập bằng vỉ tre rồi dần đá lên, hàng ngày phải đảo náo để nguyên liệu được tiếp xúc đều với ánh nắng mặt trời. Khoảng một, vài ngày thì nước cốt chảy ra bể, người làm nước mắm bơm lên thùng chượp. Cứ như thế, thời gian đảo náo, ủ chượp kéo dài từ 15 đến 18 tháng thì được nước mắm ngon. Bên trên rải những lát dứa (quả thơm) chín, để khử mùi, tạo hương thơm, vị ngọt dịu tự nhiên cho nước mắm. Muối dùng làm nước mắm cũng phải là muối sạch, được để trong mát khoảng 1 năm cho dịu bớt vị mặn gắt”.

Nói đến nước mắm Hải Giang 1 phải nói đến nước mắm hạ thổ. Người ta đem nước mắm cốt đổ vào chai thủy tinh rồi đem chôn trong lòng đất, thời gian chôn từ 1 năm trở lên. Giọt nước mắm hạ thổ sánh hơn, vị ngọt dịu, đậm đà, hương thơm, khi rót ra, dòng nước mắm có màu nâu trong như hổ phách. Đây là loại nước mắm quý được nhiều người ưa thích, là niềm tự hào của làng nghề. Dân biển thường uống ngụm nước mắm hạ thổ trước khi lặn để cơ thể không bị lạnh hoặc ngâm nước mắm này để giảm đau họng, đau răng.

Bí quyết để nước mắm Hải Giang 1 thơm ngon, khác biệt, cả chị Kim và bà Biên đều khẳng định: thứ nhất là chất lượng nguyên liệu, thứ hai là phải phơi được dưới ánh nắng mặt trời. Phơi dưới nắng mặt trời thường làm bốc hơi, gây hao hụt nên ở nhiều nơi người ta thường phơi chượp trong mát hoặc khi nắng to thì đập lại. Nhưng với Hải Giang 1, trời nắng to càng cho nước mắm ngon hơn.

Mỗi năm, làng nghề chế biến nước mắm Hải Giang 1 sản xuất khoảng 1 triệu lít nước mắm, tổng doanh thu hàng năm ước đạt gần 30 tỷ đồng, thu nhập bình quân đạt 7,5 triệu đồng/ người/ tháng; tạo công ăn việc làm cho hàng trăm lao động.

Thiên nhiên đã ban tặng cho vùng quê này những sản vật quý từ biển, nhưng cũng phải nhờ đến bàn tay, khối óc của những con người say sưa lao động, luôn tìm tòi, sáng tạo như bà Biên, bác Thương, chị Kim, anh Võ... và hàng ngàn con người, trải bao nhiêu thế hệ nơi đây, mới kết tinh nên những giọt nước mắm long lanh như thế. Tôi gọi đây là những giọt thơm màu hổ phách.



Âu Dương Giang Hà

Thơ Âu Dương Giang Hà

THÚY HẠNH (dịch)

■ Âu Dương Giang Hà sinh năm 1956, tên thật là Giang Hà, người Lô Châu, Trung Quốc. Ông bắt đầu sáng tác từ năm 1979. Từ năm 1985 trở đi, tên tuổi của ông xuất hiện nhiều trên các ấn phẩm thơ tại đại lục như *Tạp chí Thơ*, *Thơ chữ Hán hiện đại*, *Thơ thường nhật...*, thu hút mạnh mẽ sự chú ý của công chúng. Âu Dương Giang Hà được xem như một nhà thơ, nhà phê bình thơ tiên phong bậc nhất của Trung Quốc đương đại. Các tác phẩm tiêu biểu của ông bao gồm: *Ai đi ai ở* (1997), *Âu Dương Giang Hà thi tuyển* (1997), *Nước mắt của sự vật* (2008) và tập tiểu luận *Đứng trên phương diện hư cấu* (2001).

Bình hoa, ánh trăng

Chiếc bình hoa bị đoạt khỏi bàn tay, nhưng không ngăn cản nổi mùa Hè.
Nó nghĩ rằng có thể thâm nhập vào thân thể anh, từ những điểm khuyết thiếu
của cơ thể,
nhưng anh chưa bao giờ đi đến bất cứ đâu, xa khỏi ánh trăng kia.
Nếu tình yêu dưới ánh trăng là một điều bất hạnh.
Chúng ta đã từng có chưa, một tình yêu như vậy, của ngày hôm qua?

Mặt trăng là sự tái sinh tao nhã của linh hồn.
Khi nó phát sáng, giống như có rất nhiều bông hoa nở từ đầu những ngón chân người chết.
Anh đã thấy những bông hoa đó, những bông hoa gần như linh hồn của những người phụ nữ nịt eo, nhưng không thể gọi ra tên của họ.
Chiếc bình chứa linh cảm, chúng làm cho mặt trăng trong ảo giác đang nở ra dưới nước.
Nơi đó, những đóa hoa như một trận lửa càn quét.

Chiếc bình nghiêng đổ, làm rơi ra phần bên trong của cơ thể, và xương trắng hóa thành tiếng nhạc.
Một khúc ca bất tận, đêm tối đã ùa về.
Đây chỉ là một đêm trong rất nhiều đêm hao thừa,
nỗi bất an của linh hồn trên vai dật dờ.
Khi đã già, anh miên man nghĩ về những quán cà phê buồn
nơi nước mắt hòa lẫn với khung cảnh trên cửa kính,
và rồi vỡ tan trong một âm thanh không thể nào nghe được.
Cũng chẳng còn nữa, vầng trăng mà anh và em từng sống,
Những bình hoa mà chúng ta dùng cả hai tay để chạm vào đều rơi xuống.
Hãy nói cho anh hay, liệu còn điều gì là nguyên vẹn?

花瓶，月亮

花瓶从手上拿掉时，并没有妨碍夏日。
它以为能从我的缺少进入更多的身体，
但除了月亮，哪儿我也没去过。
在月光下相爱就是不幸。
我们曾有过如此相爱的昨天吗？
月亮是对亡灵的优雅重获。
它闪耀时，好像有许多花儿踮起了足尖。
我看见了这些花朵，这些近乎亡灵的
束腰者，但叫不出它们的名字。
花瓶表达了直觉，
它让错视中的月亮开在水底。
那儿，花朵像一场大火横扫过来。

体内的花瓶倾倒，白骨化为音乐。
一曲未终，黑夜已经来临。

这只是许多个盈缺之夜的一夜，
灵魂的不安在肩头飘动。
当我老了，沉溺于对伤心咖啡馆的怀想
泪水和有玻璃的风景混在一起，
在听不见的声音里碎了又碎。
我们曾经居住的月亮无一幸存，
我们双手触摸的花瓶全都掉落。
告诉我，还有什么完好如初的？

Lọ mực

Mùa Đông xa xôi trên mặt giấy nhấp nhô,
Trận cuồng phong làm rung chuyển mái nhà giấy
Để lộ ra phần đầu của ngòi bút hút đầy mực.

Nếu nắp của cây bút máy bị vặn chặt,
Chỉ có thể viết bằng cây bút chì đã gọt.
Một con muỗi chân dài bay vèo trong gió vào một ngày mùa Đông
Tôi nhìn thấy đêm đen thăm thẳm rơi trên tuyết,
Giữa mực đen và cục tẩy
Là một trang giấy trắng.

Cái nắp bút bị vặn chặt kia, ai đã mở nó ra?
Ai đã dùng cây bút bơm mực để viết lại
Những ngày tháng tôi đã dùng cây bút chì để viết?

Phủ lên, mãi mãi phủ lên
Những bước chân trong đời tôi bị phủ lấp bởi các nhà ga và sân bay
Những gương mặt đẹp để lướt qua vai bị một vải từ cổ định
Che phủ.
Mùa Đông xa xôi mà chân thực trên trái đất
Bị phủ lên bởi hai trăm hai mươi mùa Đông nhân tạo
Những cánh đồng xanh mướt bị che phủ bởi một mái nhà xám mờ mịt.

Và khi thư phòng cô độc của tôi rơi xuống trang giấy
Bị một dãy nhà tập thể giống như những giọt mực đen rỏ xuống che phủ
Lọ mực đen nghiêng nghiêng đó là ai?

墨水瓶

纸脸起伏的遥远冬天，
狂风掀动纸的屋顶，
露出笔尖上吸满墨水的脑袋。

如果钢笔拧紧了笔盖，
就只好用削过的铅笔书写。
一个长腿蚊的冬天以风的姿势快速移动
我看见落到雪地上的深深黑夜，
以及墨水和橡皮之间的
一张白纸。

已经拧紧的笔盖，谁把它拧开了？
已经用铅笔写过一遍的日子，
谁用吸墨水的笔重新写了一遍？

覆盖，永无休止的覆盖。
我一生中的散步被车站和机场覆盖。
擦肩而过的美丽面孔被几个固定的词
覆盖。
大地上真实而遥远的冬天
被人造的二百二十伏的冬天覆盖。
绿色的田野被灰蒙蒙的一片屋顶覆盖。

而当我孤独的书房落到纸上，
被墨水一样滴落下来的集体宿舍覆盖，
谁是那倾斜的墨水瓶？

Mặt trời lặn

Bóng chiều ló ra khỏi cổ họng,
như một viên kẹo ngậm trong miệng.
Nước bọt in dấu xung quanh, ngọt ngào, ngây ngất,
Vòng tròn đồng tâm của vạn vật, vòng tròn chìm đắm, vòng tròn nụ hôn
Một giọt mực là đủ xóa nhòa nó.
Như có một bàn tay đen che đôi mắt tôi.

Ôi ngọn lửa mệt mỏi, ngọn lửa chưa thành, ngọn lửa ẩn mình.
Tất cả điều này như đều không thật.
Tôi đã nhìn thấy tia sáng cuối cùng, vẻ đẹp của sự biến dạng.

Mặt trời lặn gợi nhắc nhiều lần đến ấn tượng ban đầu của tôi.

VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

Nó phản chiếu nỗi sợ phập phồng trong các động từ,
Như một cơn gió lớn thổi qua mái nhà,
Rồi yếu dần đi giữa các tán cây.
Tôi đi thẳng vào hoàng hôn từ những từ nguyên,
Và bị chóng mặt suốt đời vì một vầng sáng ngẫu nhiên.

Mặt trời là một khuôn mặt vô tác dụng bị kẹp giữa hai chân,
giữ lại mãi mãi thân xác trầm luân.
Nhưng ngoại trừ ngày tận thế, không còn gì được lưu lại.
Ngoại trừ dòng máu đỏ, không thứ gì chuyển màu đen
Ngoại trừ những bộ xương trắng, không có ai từng là mỹ nhân
Một nụ hôn khiến thân tôi lạnh cóng.
Thế giới đang sụp đổ, và mặt trời lặn là điều hiển nhiên.

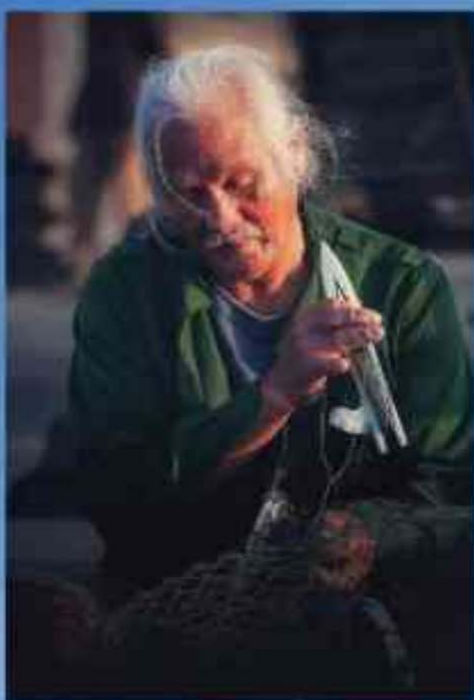
落日

落日自咽喉涌出，
如一枚糖果含在口中。
这甜蜜、销魂、唾液周围的迹象，
万物的同心之圆、沉没之圆、吻之圆
一滴墨水就足以将它涂掉。
有如漆黑之手遮我双目。

哦疲倦的火、未遂的火、隐身的火，
这一切几乎是假的。
我看见毁灭之美的最后闪耀。

落日重重指涉我早年的印象。
它所反映的恐惧起伏在动词中，
像抬级而上的大风刮过屋顶，
以微弱的姿态披散于众树。
我从词根直接走进落日，
他曾站在我的身体里，
为一束偶尔的光晕眩了一生。

落日是两腿间虚设的容颜，
是对沉沦之躯的无边挽留。
但除了末日，没有什么能够留住。
除了那些热血，没有什么正在变黑
除了那些白骨，没有谁曾经是美人
一个吻使我浑身冰凉。
世界在下坠，落日高不可问。



Lão ngư - Ảnh: DUY SƠN



Lão nông - Ảnh: QUỐC DÂN



Nội vè tháng Ba - Ảnh: TUẤN ANH



Trên dòng sông quê - Ảnh: QUỐC DÂN



Đường về - Ảnh: NGUYỄN ĐẠO



Làng rau Bắc Hải, Quỳnh Lương
Ảnh: NHẬT THANH



Net vè mưa mặng - Ảnh: HỒ CHIẾN



Nơi địa đầu xứ Nghệ - Ảnh: DUY SƠN



Hoa biển - Ảnh: THANH YÊN



Rừng sương - Ảnh: QUANG DŨNG



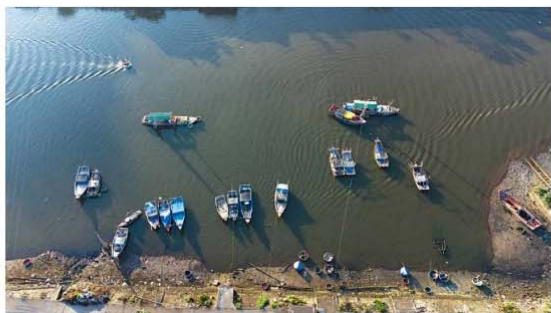
Pháo hoa đêm hội - Ảnh: TRÔNG SÁCH



Hang Mũi Trâu - Ảnh: NHẬT THANH



Tập nập BẾN CÁ...



Bến cá và chợ Bến cá chính là nơi diễn ra những hoạt động thường nhật tiêu biểu nhất của cư dân làng chài Nghi Thủy (Cửa Lò). Đây cũng là nơi hút du khách với thú trải nghiệm và mua sắm. Đến cũng biển, không thể không mang theo một thức quà của biển khơi...

Chùm ảnh của HỒ CHIẾN, HẢI VƯƠNG





Rực rỡ sắc hoa trên cát

*Đến đến, Cửa Lò không chỉ hấp dẫn
du khách thập phương với bãi biển
phẳng, cát mịn và làn nước xanh trong,
mà còn gây ấn tượng đặc biệt bởi một*

*loài hoa nở trên cát tuyệt đẹp. Loài hoa đó mang tên cúc biển, mọc tự nhiên
dưới rừng phi lao dọc bãi biển. UBND thị xã Cửa Lò hiện đã cho triển
khai xây dựng và thực hiện đề án “Bảo tồn, phát triển và quảng bá hoa cúc
biển” giai đoạn 2022 - 2025 với mục tiêu xây dựng hoa cúc biển trở thành loài
hoa đặc trưng và là một trong những biểu tượng của du lịch Cửa Lò.*

Chùm ảnh: Võ Khánh





Tiếng chuông chiều

Tranh Sơn Dầu

của họa sỹ **Đậu Quang Toàn**

Họa sỹ Đậu Quang Toàn tốt nghiệp Đại học Sân khấu Điện Ảnh Hà Nội - chuyên ngành Thiết kế Mỹ thuật Sân khấu, Điện ảnh, là hội viên Hội Mỹ thuật Việt Nam và hội viên Hội Liên hiệp VHNT Nghệ An. Ông đã đoạt một số giải thưởng về Mỹ thuật (năm 2010, 2015: Đoạt giải Hồ Xuân Hương do tỉnh Nghệ An trao tặng; 1 giải vàng cho đoàn nghệ thuật Quân khu 4, một số giải tại các hội diễn chuyên nghiệp toàn quốc...). Năm 2008 ông nhận Huy chương "Vì sự nghiệp văn hóa" của Bộ Văn hóa trao tặng.



Ô quan chường



Mùa Thu Hà Nội



Miền ven đô



Phong cảnh



Chiều phố

Các em

Vẽ



Gia đình mèo - NGỌC DIỆP



Cô gái trồng sen - HÀ NHƯ



Tĩnh vật - NGỌC DIỆP



Máy cày - TRƯỜNG HƯNG



Em học thêu - TRƯỜNG HƯNG



Vào bếp cùng mẹ - HÀ NHƯ



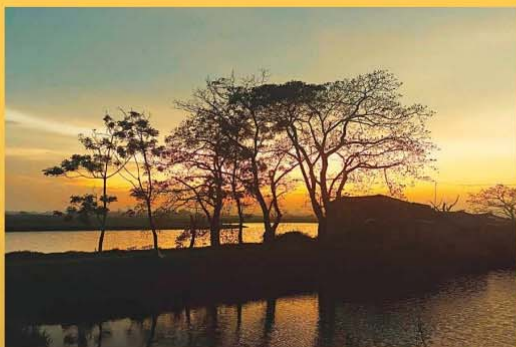
Trên dòng Lam Giang - Ảnh: DUY SƠN

Chiều quê êm ả

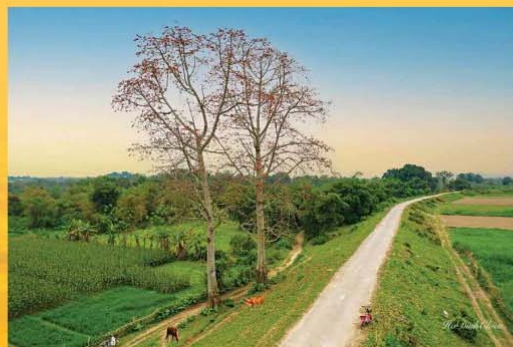
Sông sông quê, một bãi biển hay con đê làng... tất thảy đều bình yên và thân thương quá đối qua những góc nhìn của các nhiếp ảnh gia xứ Nghệ. Cùng ngắm chiều quê hương tĩnh lặng qua các khoảnh khắc dưới đây.



Chiều trên bãi ngao Quỳnh Thuận - Ảnh: NHẬT THANH



Chiều ngoại ô phố Vinh - Ảnh: HÀ AN



Chiều ven đê - Ảnh: HỒ ĐÌNH CHIẾN



Đê làng Hưng Nguyên - Ảnh: HÀ AN

Về bản

Miền Tây Nghệ - nơi luôn giục những bước chân khám phá. Hãy cùng về với thiên nhiên bao la khoáng đạt, những nét văn hóa đặc sắc, về với tấm tình dung dị mộc mạc của người vùng cao qua chùm ảnh của các nhiếp ảnh gia sau chuyến thực tế tại miền Tây Nghệ An.



Bên suối - Ảnh: PHAN TẮT LÀNH



Sơn nữ 2 - Ảnh: CAO ĐÔNG



Thị trấn Mường Xén, Kỳ Sơn - Ảnh: NHẬT THANH



Ruộng vùng cao - Ảnh: TRỌNG SÁCH



Ngày vui ở bản - Ảnh: PHAN TẮT LÀNH



Bên cọn nước - Ảnh: NHẬT THANH